

DẠY DẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh-Tây Ninh

CAO ĐÀI KỶ YẾU

(Quyển 1)



Khai Tâm Quách Minh Chương

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh-Tây Ninh



Đức Hộ Pháp Ban Phép Lành

CAO ĐÀI KỶ YẾU

QUYỂN 1

Khai Tâm Quách Minh Chương

Tài liệu lưu hành nội bộ (2022)



Tòa Thánh Tây Ninh

LỜI DẪN NHẬP

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời năm 1926 theo các tiên tri của các nền tôn giáo cổ xưa, cũng như thiên thư tiền định của Ngọc Hư Cung. Nền đạo Cao Đài khai mở để quy hợp toàn thể tín ngưỡng tâm lý loại người, hiệp Ngũ Chi, qui Tam Giáo thành một cội duy nhất, mở ra một con đường mới để chúng sanh tu học, trở về với Đức Chí Tôn.

Đạo Trời sớm mở tại nước Nam, ấy là một yết sáng chiếu soi từ Thiên Cung để lập một cơ ân xá, cứu rỗi chúng sanh tại quả địa cầu 68 này. Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế cho biết hạ ngươn kẻ mẫn, cơ sần lộc sắp đến, khổ nạn nhơn loại chập chùng. Đức Chí Tôn vì đức háo sanh, không nỡ nhìn con cái Người dần dần đi vào nơi hắc ám, nên Đức Ngài mở nền Đạo để cứu vớt sanh linh, dụng huyền diệu tiên bút mà lập giáo, dạy đạo lý.

Đã ngoài một năm, Đức Chí Tôn dụng cơ bút đến với con cái mà giảng triết lý đạo đức, hầu giúp chúng sanh tầm chơn, lánh giả. Đức Ngài dùng quốc âm, văn từ bình dị, chẳng cầu kỳ, hoa mỹ, không ả ý, hết dạ khuyên nhủ chúng sanh nương mình nơi Đại Đạo mà tu học.

Những bài Thánh cơ của Đức Chí Tôn cùng các Đấng Thiêng Liêng được Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trích lược những bài cơ bản và cho phép xuất

bản đề phổ thông giáo lý Đại Đạo, được gọi là **Thánh Ngôn Hiệp Tuyển**, gồm quyền một và quyền hai.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển là lời châu, tiếng ngọc. Mỗi từ, mỗi câu hàm chứa những triết lý từ thông dụng cho tới nghĩa lý siêu việt, tùy vào khế cơ của mỗi người. Dầu văn tự bình dị nhưng đã truyền tải cả nền giáo Pháp Đại Đạo Tam Kỳ. Vì vậy, người môn đệ Cao Đài quý trọng hai quyển sách ấy như một bữa bồi, hầu tiếp cận văn minh triết lý Đại Đạo và nương mình tu sửa thân tâm, dụng pháp môn Tân Pháp vào đời sống. Trong phần “Lời Tựa” của Hội Thánh trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, có đề rằng:

“Vây xin chư Đạo-Hữu, chư Thiện-Nam, Tín-Nữ, hết lòng trân-trọng, vì là lời châu ngọc của Phật-Trời. Con nhàn rãnh, nên lưu tâm đọc đến trước là rõ thông mới Đạo nhiệm màu sau để trau dồi đức hạnh của mình.

Nhà nào có Thánh-Ngôn là nhà đó treo được ngọn đèn thiêng-liêng tỏ rạng vậy”.

Thánh Ngôn là một cẩm nang vô giá trong cửa Đại Đạo vì Thánh Giáo đều xúc tích, ngắn gọn và hàm chứa đạo lý mà Đức Chí Tôn, các Đấng Thiêng Liêng giảng truyền để làm ngọn đuốc soi đường cho chúng sanh tu hành. Chúng ta nên nhìn nhận rằng, Thánh Ngôn ra đời trong nhiều giai đoạn và do các đàn cơ khác nhau, nhưng Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ tích lược lại những bài trọng yếu, có tính liên đới cả loài người mai sau. Dầu bài

Thánh Giáo ấy dạy riêng cho cá nhân hoặc giai đoạn ấy, lời Thánh Giáo vẫn có thể dung nạp vào từng thời kỳ.

Nhận thấy tính yếu lý của Thánh Kinh, nên chúng tôi xin phép soạn tập sách nhỏ gọi là “**Cao Đài Kỳ Yếu**”. *Mỗi tiểu mục tương ứng với một bài Thánh Giáo*, truyền tải nội dung cốt lõi mà Đức Chí Tôn và các Đấng ban giảng, chúng tôi lại thêm những bình giảng và mở rộng vấn đề cho tập sách mang tính phong phú. Chúng tôi không có ý giảng Thánh Ngôn, chỉ coi là một tập sách thể hiện sự chiêm nghiệm cá nhân về Thánh lý đã un đúc các chư Thiên Mạng, lập nền Đại Đạo Tam Kỳ cho chúng sanh chung hưởng.

Quyển sách “**Cao Đài Kỳ Yếu**” tưởng cũng là việc làm quá sức trong khi nền Chánh Pháp Cao Đài quá vô biên, vô tận, vì đạo pháp vốn vô biên.

Quyển sách được viết trong tinh thần cố gắng, diễn theo thiên ý hạn hẹp, nên chắc chắn còn nhiều vấn đề chưa được hoàn toàn đầy đủ. Rất mong được quý vị cao minh, tiền nhân chỉ dẫn những chỗ khiếm khuyết, để chỉnh sửa sách cho vẹn toàn hơn.

Tây Ninh, ngày mừng 15 tháng 10 năm Tân Sửu-2022

Kỷ niệm ngày Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Khai Tâm Quách Minh Chương

1. MƯỜI HAI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN CỦA ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Chiếu theo bài thứ nhất trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, Đức Chí Tôn đã điễm danh mười hai môn đệ Cao Đài đầu tiên trong đàn cơ đêm Noel năm 1925.

Những năm đầu thế kỷ 20, phong trào cầu cơ chấp bút trở nên thịnh hành trong việc xin thuốc Tiên trị bệnh hay các mục đích khác tại Việt Nam. Cầu cơ là một trong những phương pháp thông công giữa con người về thế giới vô hình. Cơ bản, trên thế giới có ba loại là cơ bút, huyền cơ và chấp bút mà các nước khác đã thường xuyên sử dụng trước đó.

Đức Ngô Minh Chiêu là người đầu tiên trong Đạo Cao Đài có thử xin thuốc trị bệnh cho thân mẫu Ngài tại một số đàn cơ. Từ đó, Đức Ngài có “mối quan hệ” gần gũi với cơ bút. Sau đó, Đức Ngài được Đức Thượng Đế mặc khải huyền diệu thiêng liêng thấy một con mắt chói lòa xuất hiện. Đó là **Thiên Nhãn** mà Đạo Cao Đài sau này thành tướng, thờ phụng. Đức Ngô Minh Chiêu đã trở thành môn đệ Cao Đài đầu tiên, ba năm trường chay, làm trò của Đức Cao Đài Tiên Ông và Ngài vẽ Thiên Nhãn thờ phụng và vào nếp sống ẩn tu.

Mặt khác vào năm 1924 một nhóm khác gồm tam vị Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang bắt đầu nhóm với nhau để tổ chức xây bàn, vì các Ngài tò mò và muốn khám phá thế giới vô vi. Từ những khó

khăn tiên khởi, các Ngài không làm nản lòng mà tiếp tục cho đến khi thành tựu. Lúc đầu, có các vị vô hình đến giáng ban thi, thơ để trao đổi hàn huyên. Sau, có các Đấng Tiên Cô trong hàng Cửu Vị Tiên Nương đến cho thi phú chứa mùi đạo đức.

Việc xây bàn rất mất thời gian và khó sử dụng vì “bàn” có ba chân và tiếng gõ của chân bàn sẽ ráp thành các mẫu tự, ráp thành từ, sau đó mới thành câu. Đến lúc sau, tam Vị được lệnh Đấng Thiêng Liêng nên mới chuyển qua cơ bút.

Là những tao nhân, mặc sĩ nên tam Vị rất say xua trong việc đối âm với các Đấng ở thế giới bên kia. Dần dần, việc cầu cơ trở nên thuần thục và gần gũi với các Đấng Cửu Vị Tiên Nương. Có một Đấng tự xưng là A, Ẫ, Ầ tâm sự, dạy dỗ tam Vị và đưa ra yêu cầu:

“Muốn cho Bàn Đạo đến thường, xin chư vị nạp lấy mấy lời yêu cầu của Bàn Đạo như sau đây: Một là, đừng kiếm và biết Bàn Đạo là ai. Hai là, đừng hỏi Quốc sự. Ba là, đừng hỏi đến Thiên cơ”.

Trong các Đấng Thiêng Liêng, không ngoài ai khác là Đấng A, Ẫ, Ầ làm tam Vị cùng các bạn đồng thuyền lấy làm thắc mắc hơn hết. Vì chấp nhận yêu cầu trên đưa ra trên, Đấng A, Ẫ, Ầ thường xuyên giáng cơ khuyên nhủ, dạy đạo lý thường hằng. Đến khi cơ Trời đã chín mùi, Đấng A, Ẫ, Ầ tiết lộ chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài bấy lâu để gom hợp và chuẩn bị giao nhiệm vụ cho các vị, hầu khai nền Đại

Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho chúng sanh. Đức Hộ Pháp giảng:

“Đoạt đặng đức tin phi thường ấy, năm Ất Sửu tức nhiên năm một ngàn chín trăm hai mươi lăm (1925), Đức Chí Tôn đến với chúng ta, nhưng Ngài đến với một tình bạn mà thôi, đến với một danh hiệu, giờ phút này Bản Đạo không dám nói. Ngài đến cũng làm bạn Thượng Phẩm và Hộ Pháp. Tháng 12 năm ấy, Ngài dùng cơ bút huyền diệu của Ngài, Ngài dạy vọng Thiên Bàn cầu Đạo (điều mà chúng ta không thể tưởng tượng đây là một cử chỉ) ai cũng lấy làm lạ, nhiều người muốn tầm Đạo phải để một dấu hỏi, hỏi tại sao buổi ấy Thượng Phẩm và Hộ Pháp có một đức tin vững vàng nghe theo lời Ngài vọng Thiên Bàn cầu Đạo. Điều mà chúng ta không thể tưởng tượng, đây là một cử chỉ chung chớ không phải cá nhân Thượng Phẩm hay Hộ Pháp mà lời huấn giáo của Ngài cốt yếu để cho toàn thể nhơn loại nơi mặt địa cầu này nhưt hơn hết là nòi giống Việt Nam chúng ta” [Thuyết Đạo của ĐHP, Bí Pháp, bài 13].

Đêm Noel năm 1925, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế tuyên ngôn Đức Ngài là Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Đức Cao Đài đến giáo đạo tại Nam Phương. Để kỷ niệm 12 môn đệ Cao Đài đầu tiên, Đức Chí Tôn cho bài thi thất ngôn tứ tuyệt.

“**CHIÊU KỲ TRUNG** độ dẫn **HOÀI** sanh,
BẢN đạo khai **SANG QUÍ GIẢNG** thành;

HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh.
HUỖN MINH MÂN *đạo thủ đài danh*”.
[TNHT, Q1, bài 1]

Các chữ in hoa và đậm là tên của 12 môn đệ mà Đức Chí Tôn ban để làm kỷ niệm, khắc ghi cột mốc nền đạo Cao Đài khai mở. Theo thứ tự, đó là Ngô Văn Chiêu, Vương Quan Kỳ, Lê Văn Trung, Nguyễn Văn Hoài, Đoàn Văn Bản, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý, Lê Văn Giảng, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư.

Đức Chí Tôn cũng cho biết rằng các môn đệ cũng nên vui mừng vì cũng chính ngày này là ngày mà Đức Thượng Đế xuống trần mở đạo cho sắc dân Châu Âu, tức là đạo Thiên Chúa Giáo. Đức Chí Tôn tuyên bố sẽ cho thấy nhiều điều huyền bí hơn để các môn đồ có đủ niềm tin mà thi thố phận sự trong nền Chánh Giáo Đức Chí Tôn mở.

Đức Ngô Minh Chiêu được thiên phong phẩm Giáo Tông, Đức Phạm Công Tắc thiên phong làm Hộ Pháp, Đức Cao Quỳnh Cư thiên phong làm Thượng Phẩm, Đức Cao Hoài Sang phong làm Thượng Sanh. Đức Lê Văn Trung thọ phẩm Đầu Sư, sau lại ân phong lên Quyền Giáo Tông.

Như vậy, bài thánh thi trên đã ghi vào sử sách, tạc bia sử **mười hai vị môn đồ Cao Đài đầu tiên**, được khai ngộ và tin vào quyền năng của Đức Thượng Đế để sau này gánh vác phận sự phổ độ trong sứ mạng Đại Đạo

Tam Kỳ. Các chữ ghi tên trong bài thi ấy chỉ mang tính chất ý nghĩa anh em trong nền đạo, không phải là thứ phẩm cao thấp, nên người đọc không nên chú trọng vào vị thứ trước sau.

2. TÂM QUAN TRỌNG CỦA THỦ CƠ VÀ CHẤP BÚT

Chiếu theo bài thứ hai trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyền một giáng ngày 03 tháng giêng năm 1926, Đức Chí Tôn dạy phải giữ chơn thân trong sạch, trường chay, lập đàn cơ nghiêm trang, tránh thất lễ mà gây tội. Đức Chí Tôn lại dạy về việc thủ cơ và chấp bút.

Thủ cơ và **chấp bút** rất quan trọng đối với đạo Cao Đài vì duy chỉ có hai hình thức này mà hình thành nên nền đạo Trời, quy tụ nhiều tầng lớp trí thức nhân sĩ và những bậc tu chơn bên Phật Giáo trong Ngũ Chi. Cơ bút rất cần thiết cho con người để học hỏi nhiều huyền nhiệm từ những lời dạy đạo lý của các Đấng. Tuy nhiên, cái tai hại của nó cũng rất đáng kể, có thể tạo đạo, cũng có thể hủy đạo nếu không có sự minh, trí tùng theo giáo luật cơ bút quy định của đạo Cao Đài.

Cơ bút là dụng cụ rất đơn giản, gồm cái giỏ nhỏ đan bằng tre hay mây, phủ lớp giấy bên ngoài và bọc vải vàng, một cái cán bằng gỗ xuyên qua giỏ, đầu cán chạm hình chim loan, dưới chim loan có một gấn cây bút. Trong đạo Cao Đài, phân làm hai loại: Tiểu Ngọc Cơ

hay Ngọc Cơ để phò cơ cho Thần, Thánh, Tiên, Phật; Đại Ngọc Cơ dùng để cầu Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Cầu cơ hay **chấp bút** là cầu nguyện các Đấng vô hình giảng đàn để ban thi văn, giảng dạy một điều chi. Muốn cầu hỏi hoặc theo lệnh Thiêng Liêng, phải lập một đàn cơ, có một vị có đủ đạo đức chủ đàn cầu nguyện trước khi thi hành, đồng tử phò cơ hay thủ cơ hoặc chấp bút của Hiệp Thiên Đài, một vị hầu bút để đọc những chữ do cơ viết ra, một vị gọi là điển ký, chép lại bài. Để thực hiện hai phương pháp trên, đòi hỏi đồng tử phải giữ lòng hư tĩnh, thần an tịnh để Chơn Thần xuất ra nhận lời truyền dạy.

“Thủ cơ hay là chấp bút phải để cho thân, tâm, tịnh mới xuất Chơn-Thần ra khỏi phách, đặng đến hầu Thầy nghe dạy” [TNHT Q.1 bài 2].

Trước khi thực hiện đàn, phải tắm gội sạch sẽ, tinh khiết, xông hương khử trược, tâm trí giữ thanh tịnh, chẳng động việc phàm trần. Những người phò cơ hay chấp bút đòi hỏi phải trường chay để có linh hồn tinh tấn hầu có thể tiếp diễn với các Đấng Thiêng Liêng, đó là những người trung gian làm tương soái cho Thiêng Liêng truyền dạy đạo lý.

“Phải có một chơn-linh tinh tấn mới mau nhiệm huyền diệu; phải trường trai mới đặng linh-hồn tinh tấn; phải tập tánh chí Thánh, Tiên, Phật mới phò cơ dạy đạo cả chúng sanh. Kẻ phò cơ chấp bút cũng như Tướng-

Soái của Thầy để truyền Đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường. Còn việc truyền thần lấy điển quang, thì ai ai cũng có điển trong mình, nó tiếp điển ngoài rồi thần của nó viết ra, có khi trúng, có khi trật. Vậy khi nào chấp cơ phải đợi lệnh Thầy rồi sẽ thi hành” [TNHT Q.1 bài 2].

Đồng tử là người thủ cơ hay chấp bút, chơn thần tiếp diện quyền năng hư linh và tác động vào sự chơn thật trọn lành của Thánh Giáo. Nếu đàn cơ không tinh khiết, trọn lành, xáo động hay chơn thần không đủ khả năng thì có khi trở thành **phạm cơ** hoặc **tà cơ** quấy nhiễu.

Dù chấp bút hay cầu cơ cũng đòi hỏi một **đồng tử** có một chơn thần trong sạch, tinh tấn mới có thể dùng làm phương tiện cho các Đấng truyền dạy. Vì vậy, chơn thần của đồng tử là yếu tố căn bản, quan trọng nhất trong việc cầu cơ hay chấp bút. Đối với đồng tử, chia làm hai loại là đồng tử mê và đồng tử tỉnh.

Đồng tử tỉnh là hình thức chấp bút hay cầu cơ mà chơn thần của đồng tử trọn xuất ra khỏi thể xác, tiếp điển dạy của các Đấng Thiêng Liêng. Các Đấng truyền dạy xong thì chơn thần của đồng tử tự viết ra mà thành bài cơ. Trong trường này, chơn thần của đồng tử đóng vai trò rất quan trọng vì lời dạy có trúng thánh ý hay không, phụ tùy vào chơn thần ấy. Thánh huấn ấy là sự kết hợp giữa điển ý của Thiêng Liêng và cách diễn đạt của đồng tử. Một phần do điển Thiêng Liêng, một phần

do điển của đồng tử. Nên, “phần” thuộc đồng tử là việc chi phối, tác động đến bài Thánh Giáo.

*“Còn chấp bút, khi Thầy đến thì làm cho **Thần con bất định một lát**, cho Thần xuất ra nghe Thầy dạy, còn tay con tuân theo mà viết, ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhưt, mới thấu đáo Càn-Khôn, tinh thông vạn vật đặng” [TNHT Q.1 bài 2].*

Đồng tử mê là chọn thần xuất ra khỏi thể xác hoàn toàn, sự điều động tay viết ra lời dạy hoàn toàn điều do Thánh ý của các Đấng Thiêng Liêng. Tuy nhiên theo Thánh Giáo dạy của Đức Chí Tôn thì Chọn Thần của đồng tử vẫn được dạy viết ra chữ để viết thành bài cơ.

*“Nhu **chấp cơ mà mê**, thì Chọn-Thần ra trọn vẹn khỏi xác. Thầy mới dạy nó viết chữ chi đó, nó đồ theo; Thầy nói tên chữ, xác nó cầm cơ viết ra ngoài, nói tên chữ trật, nó nghe đặng không chịu: Thầy buộc viết lại và rầy kẻ đọc trật ấy” [TNHT Q.1 bài 2].*

Lịch sử phát triển của đạo Cao Đài gắn liền với cơ bút. Cho nên, cơ bút đóng vai trò khá hệ trọng trong tiến trình hình thành kiện toàn một nền tôn giáo với đầy đủ giáo pháp, đủ khả năng dìu độ con người về năng lực cứu rỗi hữu hình và đời sống tâm linh. Cơ bút đưa dẫn những Thiên Sứ khai mở mỗi Đạo Trời.

“Nhớ lại, từ khi Đức Chí-Tôn chọn Bàn-Đạo làm Hộ-Pháp; dạy Bàn-Đạo phò-loan và chấp bút, đặc biệt hơn hết là chấp bút, vì nhờ chấp bút, mà Bàn-Đạo được

Đức Chí-Tôn dạy cách Tham-Thiền, khi biết Tham-Thiền rồi mới Nhập-Tịnh, nhưng Nhập-Tịnh không phải dễ, chỉ sai một tí, sót một chút là có thể hỏng cả cuộc đời, Nhập-Tịnh mà không tới thì bị hôn trầm tức là ngủ gục, còn Nhập-Tịnh mà quá mức thì phải điên đi mà chớ; Nhập-Tịnh mà đúng rồi, còn phải nhờ các Đấng Thiêng-Liêng mở Huệ-Quang-Khiếu nữa, mới xuất hồn ra được” [CĐTLHS, bài 1].

Khi các Chi Phái bắt đầu hình thành là lúc mà Tà cơ xen lẫn Tiên Cơ, quấy rối nền Đạo. Đời thì nghiên cứu, nhắm vào trung tâm điểm, tức nhược điểm của Đạo để tiêu diệt Đạo bằng cách làm manh mún hình thể, còn Tà cơ thì giả làm Phật Tiên thử thách, giáng cơ khắp nơi để dụ lòng tà của con người. Cái hay của cơ bút giúp con người tinh thông cơ mầu nhiệm nhờ vào việc thông công với các Đấng vô hình cao siêu nơi cõi thiêng liêng hằng sống. Còn cái hại, tức mặt trái của cơ bút là ma quỷ giả làm Tiên, Phật mà dẫn con người vào nơi thẳm, rừng sâu, vào con đường của bàn môn, tả đạo.

Con người thấy cái huyền diệu biến xuất trong cơ bút, thấy văn hay, ý giỏi, luận đạo cao siêu nên ngỡ rằng đó là Tiên Cơ, nào dè ma quỷ còn tinh thông như Phật Tiên, dụng cái cao siêu huyền nhiệm vô vi mà dụ con người. Cái nguy hại hơn là con người không dễ có phương định được Tiên Cơ và Tà Cơ.

Để ngăn ngừa cái nguy hại xảy ra, Đức Chí Tôn quyết định cấm cơ bút kể từ ngày tháng 06 năm 1927. Nghĩa là các đàn cơ phổ độ bị dừng tất cả, duy chỉ có

Hội Thánh Toà Thánh Tây Ninh mới có quyền cầu cơ mà thôi và đàn cơ phải được thiết đàn tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh. Ấy thế, sự phòng bị của Đức Chí Tôn vẫn không ngăn tà tâm ướm vào các đàn cơ rải rác khắp nơi, làm cho Thánh Thể trở nên manh mún vì tà quyền và lòng dục vọng, vô minh của con người.

Vì tính chất thủ cơ hay chấp bút là việc trọng hệ trong nền Đạo Cao Đài, nên để thực hiện cơ bút, phải đảm bảo những nguyên tắc quan trọng như sau:

Thứ nhất, đồng tử tức là người thủ cơ hay chấp bút phải có chơn thần trong sạch, trường chay giữ giới, xông hương, khử trừc trước khi tham dự đàn cơ, để có thể tiếp diễn trọn vẹn các luồng điện Thiêng Liêng truyền dạy.

Thứ hai, đàn cơ phải thanh tịnh, tinh khiết, nghiêm trang, tránh sự lộn xộn, xô xao, e mất thanh nghiêm mà thất lễ, các Đấng không giáng hoặc làm ảnh hưởng để chơn thần của đồng tử phò loạn, làm cho Thánh Giáo không trọn lành như lời giáo huấn mà các Đấng muốn truyền dạy.

Thứ ba, chi chi phải có quyền Bát Quái Đài mới được phép cầu cơ hoặc tuân thủ theo quy định của cơ quan đồng tử từ Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nên, luật của Hội Thánh đã hình thành bốn cặp cơ quan trọng. Chính về sự hệ trọng và tính cấp bách mở đạo, truyền đạo, phong thánh, nên các Chức Sắc được chỉ định rất quan trọng. Đức Chí Tôn đã lập qua 04 cặp

ơ: Cơ Lập Đạo, Cơ Lập Pháp, Cơ Phổ Độ và Cơ Phong Thánh. Đức Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Cao Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư giữ vai trò đặc biệt trong hai cơ Lập Đạo và cơ Phong Thánh. Từ khi cơ bút cảm nhật, cơ bút chỉ được thực hiện do các đồng tử Hiệp Thiên Đài và cầu cơ tại Cung Đạo.

3. ĐỨC CHÍ TÔN GÔM LƯƠNG SANH VÀ KHỞI SỰ DẠY ĐẠO

Chiếu theo bài thứ ba trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một giáng ngày 20 tháng 02 năm 1926, Đức Chí Tôn trọng tâm nêu rằng Đức Ngài gồm lương sanh, quy hiệp các nhánh đạo, do Ngài làm chủ và bắt đầu Đức Chí Tôn khởi sự dạy đạo.

*“Bửu tòa thơ-thới nở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà,
Chung hiệp ráng vun nên Đạo-Đức,
Bền lòng son sắt đến cùng Ta”*

Phải chăng câu thi đầu tiên cho biết rằng nguồn đạo sắp được Đức Chí Tôn khai mở để các “nhánh” qui hiệp về một cội! Đức Chí Tôn khuyên lơn các môn đồ phải rán tô sửa đạo đức, chí thành, un đức tinh thần, giữ lòng son sắc để sau được hưởng ân huệ thiêng liêng, rửa mạch sần, được hội hiệp cùng Đức Ngài.

Khoảng trên dưới 25 ngày, kể từ ngày Đức Đức Chí Tôn giáng ban thi, điểm danh mười hai vị môn đệ

Cao Đài đầu tiên, thì Đức Ngài bắt đầu khởi sự dạy đạo cho các chư Thiên Mạng nói riêng và chúng sanh nói chung.

Đức Chí Tôn cho biết nguồn Đạo cao siêu, chẳng dễ chi tìm, phép quyền Càn Khôn diệu vợi. Đức Ngài tiên báo sẽ ban ơn, chan hồng ân ban rải khắp năm châu. Nếu ai muốn thoát cảnh trần khổ thì theo nguồn đạo, rửa mạch sâu để thành chánh quả.

Đức Chí Tôn xuống thế tá danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát để giáo đạo Nam Phương, Đức Ngài xưng “Thầy”, gọi chúng sanh là “các con”. Điều này đã thấy tình thương vô tận trong ơn cứu rỗi của Đức Thượng Đế, thấy tình gần gũi, thân thiết, đượm nồng cái chí thiết, mối liên hệ giữa Trời và Người.

“Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu.

Thầy vui muốn cho các con thuận hòa cùng nhau hoàì, ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy, phải làm cho nhau đặng thể lực, đừng ganh gổ nghe! Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn, ngày sau sẽ rõ thấu ý muốn của Thầy”.

“**Cái nhánh**” mà Đức Chí Tôn chưa nói rõ ấy chính là nền Tam Giáo và Ngũ Chi cổ kim đã do mạng lệnh của Đức Ngài truyền xuống thế để phổ độ trong Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ. Nay, vì sự thất pháp, hết giá trị cứu rỗi theo Thiên Luật, Đức Ngài dự

báo trước là nên Đại Đạo sắp khai mở do chính Đức Ngài làm chủ.

Cái lễ trọng hậu, ân kính lớn lao nhất đối với Đức Chí Tôn không phải là lễ bái, nhang đèn nghi ngút, vì lễ chỉ là một phần biểu hiện sự tôn kính đối với Ngài. Trọng lễ là sự thuận hòa của anh em, tình đoàn kết, tương thân, mật thiết trong cốt nhục để bảo trọng sự sống cho nhau. Có thương yêu, có hòa thuận cùng nhau mới có thể lo **cơ quan cứu thế của Đức Chí Tôn**.

“Đạo Thầy là các con” nghĩa là cơ quan tận độ của Ngài thị hiện xuống thế thông qua Thánh Thể của Đức Chí Tôn, tức là Hội Thánh. Mỗi phần tử phải giữ gìn luật pháp, lại phải thương yêu nhau để chung lo nên Đại Đạo. Hội Thánh chính là các môn đệ của Ngài gồm hợp, gieo hạt thánh cốc trong mỗi người để thực hành cơ quan cứu khổ. Toàn thể môn đệ Cao Đài chính là cơ thể của Đức Ngài, phải hùng dũng trong đạo đức, tinh thần, trong tình yêu thương vô tận để lo sứ mạng mới trong kỳ Đức Ngài gieo mỗi đạo Trời.

Chính vì vậy, Đức Chí Tôn nhủ khuyên bằng bài Thánh Thi:

*“Vào vòng huynh đệ khá thương nhau,
Một đức trời hơn một phẩm cao.
Quyết chí Thiên-Đường mau bước tới,
Phải nhiều máu thịt mới đồng bào”*

Đức Chí Tôn muốn dạy dỗ, un đúc con cái Ngài phải đi trong tình huynh đệ, lấy đức phục nhân, phải

sống tương quan như máu thịt thì cửa Cực Lạc sẽ tới nơi. Ngài lại cấm không được dị nghị người thấp hơn, kẻ thiệt phận, tội cho đàn em út, nhỏ hèn, chi chi cũng hằng biết có Thầy trong ấy mà hành sự. Chỉ khi biết không còn hồ nghi, phân cách ta-người thì xem như anh em một nhà. Hễ cùng một Đạo tức cùng một Đấng Cha chung, là Đức Chí Tôn thì phải dụng nghĩa nhân, đạo đức, xây dựng môi hòa ái mà thi hành thiệt phận.

“Thầy dặn các con một điều; nhưt nhưt đều đợi lệnh thầy chẳng nên lấy tư riêng mà phán đoán chi hết. Phận sự trách-nhậm các con, Thầy đã định trước, song giờ ngày chưa đến; phải tuân theo lời Thầy, nghe!”

Đạo do Đức Chí Tôn làm chủ, có các Đấng nơi Bát Quái Đài ngự trị, cầm quyền, xoay chuyển mỗi đạo cùng Đức Chí Tôn, nên Đức Ngài dặn phải đợi lệnh Thầy, chẳng nên lấy cái phạm ý mà phán đoán, chi chi đều đã có sự sắp xếp của Thầy nhưng vì chưa tới lúc nên Thầy vẫn chưa hiển lộ mọi việc.

“Từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo cho..... Trên Bạch-Ngọc-Kinh có đủ Nam và Nữ; các con chớ lầm tưởng là phân biệt. Có các đấng Nữ-Tiên, Nữ-Phật còn lớn quyền thế hơn Nam nhiều”.

Tuyên ngôn ấy thể hiện mốc đầu tiên Đức Chí Tôn sẽ khởi sự dạy đạo, không chỉ riêng cho cá nhân mà là lời vàng, tiếng ngọc dành cho nhơn sanh, hậu tấn noi theo mà học theo giáo pháp mới.

Từ sự giáo hóa và gồm nhất các vị Thiên Mạng để làm Thánh Thể cho Đức Chí Tôn, mới hình thành nên Hội Thánh Đại Đạo sau này, làm môi giới để truyền ngôn, bố hóa cho sanh chúng. Đức Chí Tôn đã bố hóa những tâm lý, lời đạo đức để Hội Thánh có thể thực hiện nhiệm vụ phổ độ, độ mọi người từ nam chí bắc, từ trong ra ngoài, bất phân người nước nào nếu ai có tâm cầu học đạo.

Gồm lương sanh, quy tụ hàng lãnh đạo Giáo Hội Cao Đài và phú thác trách nhiệm phổ thông nền Chơn Giáo Cao Đài để làm “phương tiện”, làm Trời-Người đồng trị, làm thánh hóa đời sống của chư Chức Sắc. Ấy là một sự tương thông có một không hai trong lịch sử tôn giáo của nhơn loại. Đức Chí Tôn ban rải thánh ân vào lòng và việc phổ độ của các đại Chức Sắc. Đức Chí Tôn khẳng định:

“Lời Đạo-Đức trong miệng con nói ra, ấy là lời của Thầy bố-hóa tâm trí con đặng đi truyền Đạo... Thầy nói một lần từ đây nhớ lấy: dầu cho đá, sắt, cây cỏ mà nghe đến Thánh-Ngôn nơi Thầy mà con nói ra, cũng hoan nghinh, hưởng lựa là người, con nhớ và an lòng”.

Đó là lời thánh truyền bằng cách mượn bàn tay con người để làm ngôn sứ cho Thầy, dầu đất đá, sắt, cây cỏ còn hiểu đặng, cho thấy rằng cơ hồng dương dạy đạo cho chúng sanh và phổ độ là một cơ ân xá, tận độ loài người.

Ngoài sự thương yêu, bảo bọc, cậy nhờ những Thánh tâm làm “sứ giả” để thực hiện đại nghiệp Đại Đạo, Đức Chí Tôn còn cho biết Thiên-Địa vốn vô tư, người hữu duyên thì hưởng ân hồng của Thầy, còn kẻ vô phần thì phải sa vào vòng tội tở của tà thần, tinh quái. Ấy là những người đã vô phước, chẳng biết luật nhân quả, thiên lý tuần hoàn mà phạm đến oai linh Thiên Đình. Chẳng vì ý Đại Từ Phụ là Đức Chí Tôn mà khinh dễ, lờn oai để phải vi phạm luật Trời, sa vào vòng tội lỗi.

Trước khi dạy chúng sanh, Thầy buộc chính mình phải thanh sạch, đạo đức, xứng đáng làm người dạy đời. Cái công giáo hóa thiên hạ rất đổi cao trọng, quý giá. Vì đời là những đứa con yêu dấu của Thầy nhưng vì tội lỗi, không đạo, nên Thầy sờ cậy các Thiên Mạng giáo hóa dùm Thầy. Biết đời trọng thì gắng công dạy dỗ nên hiền lương. Một điểm linh quang tức là một phần sống của Đức Chí Tôn mà Ngài hằng yêu dấu, ấp ủ. Rồi nay, Thầy qui hiệp lại một nhà, cậy Thánh Thể giáo hóa, phổ độ cho ra hiền, nhập vào trường thánh đức của Thầy.

4. CÁCH LẠY VÀ CƠ SIÊU PHẠM NHẬP THÁNH

Chiếu theo bài thứ tư trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 25 tháng 02 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy cách hành lễ và cho biết Đức Chí Tôn giáng trần qua cơ bút để cho chúng sanh nhập vào cơ siêu phạm nhập thánh, đặng Tinh-Khí-Thần hiệp nhất.

“Trung vô giữa bái lễ cho Thầy coi... Con làm lễ trúng, song mỗi gặt, con nhớ niệm câu chú của Thầy: “*Nam-Mô Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát*”.

Lạy là biểu hiện sự cung kính Trời-Đất, các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Các tôn giáo xưa kia có cách lạy khác nhau và phương pháp ấy đều mang ý nghĩa bí nhiệm của giáo pháp, phù hợp với mỗi thời kỳ Thiên khai. Chơn truyền của Đạo Cao Đài định các hình thể và nghi thức cúng lễ là Thể Pháp của Đạo, chẳng thể nào thiếu trong nền **Tân Pháp**. Có Thể Pháp được bày ra trước mắt để con người nương tựa, dần dần kiếm hiểu nhiệm lý cao sâu tức là Bí Pháp. Sự phổ bày chơn tượng của Thể Pháp do bàn tay Đức Chí Tôn, nó hẳn có giá trị đối với cơ hoàng dương Chánh Pháp Đại Đạo.

Cúng lạy là tỏ vẻ cung kính quy ngưỡng đối với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng nơi vô hình. Như cổ luật, Đạo Cao Đài vẫn khẳng định dụng tâm kính lễ các Đấng hầu gần thiên điển các Đấng mà chơn thân được trong trẻo, xóa dần những vô minh tà mị, để có thể nhìn rõ pháp giới của Đạo Cao Đài phổ bày mà thi hành cho trúng. Không phải cúng lạy để mua cầu, chác lợi, tráo đổi, ra điều kiện với các Đấng, ấy là làm tượng rất lớn trong bí pháp cúng lạy của Đạo Cao Đài.

Lễ bái khác là để tỏ lòng tôn kính người hay vật mà mình khâm phục. Khi vị thầy giáo bước vào phòng, ta đứng dậy. Khi gặp người đáng tôn kính, ta xá chào. Khi nghe quốc thiều trỗi lên, ta nghiêm chỉnh đứng chào. Đó là những cử chỉ tôn kính và lễ bái để tỏ lòng

cảm phục và kính mộ của ta đối với một người hay một vật nào.

Đó là loại lễ bái của người môn đệ Cao Đài. Trước một bửu điện với khói nhang nghi thức nhắc nhở chúng ta nỗ lực phát triển tình thương và an định nội tâm. Hương trầm nhắc ta mùi hương thâm diệu của giới đức, ngọn đèn tượng trưng ánh sáng của trí tuệ, và những cành hoa sớm nở tối tàn khơi dậy nơi ta ý niệm về đặc tướng vô thường của vạn pháp. Khi lễ lạy, ta bày tỏ lòng tri ân đối với Đức Chí Tôn, vì Ngài đã ban truyền cho ta những lời dạy vô cùng hữu ích và mỗi Đại Đạo.

Đức Chí Tôn lần đầu tiên dạy Ngài Đầu Sư Lê Văn Trung cách hành lễ và câu chú niệm hồng danh của Đức Chí Tôn khởi có từ đó. Đức Chí Tôn còn dạy dâng Tam Bửu tức là Tinh, Khí, Thần của con người lên Đức Ngài, được tượng trưng bằng ba cúng phẩm. Hoa tượng trưng cho Tinh, là xác thân, là đệ nhất xác thân của con người để làm “tôi tớ” cho Thầy. Dâng rượu là Chơn Thần, tức là Khí, là đệ nhị xác thân. Dâng trà là Thần, tức là linh hồn của con người, là đệ tam xác thân.

Đạo Cao Đài càng phân rõ cách lạy. Lạy người sống hai lạy để tượng cho nguồn cội lưỡng hiệp Âm-Dương, tức là nguồn cội của Đạo. Lạy vong phàm phải bốn lạy nghĩa là hai lạy thuộc phần sống, hai lạy để kính Thiên và Địa. Lạy Thần, Thánh thì ba lạy để tượng cho các Đấng đứng vào hạng thứ ba của Trời và cũng là Tinh-Khí-Thần. Lạy Tiên và Phật phải chín lạy vì tượng cho Cửu Thiên Khai Hóa. Lạy Đức Chí Tôn phải 12 lạy,

thì Đức Chí Tôn không cho biết, đó là huyền vi bí mật mà con người không hiểu thấu nên Ngài không thổ lộ.

“Lạy là gì? Là tỏ ra bề ngoài, lễ kính trong lòng. Chắp hai tay lại là tại sao? Tả là Nhứt, hữu là Nguyệt, vị chi Âm-Dương; Âm-Dương hiệp nhứt phát khởi Càn-Khôn, sanh sanh hóa hóa. Tức là Đạo”.

Cơ biến chuyển, vận hành sanh hóa ra càn khôn vạn vật là Đạo. Cơ sanh hóa phải từ Âm-Dương lưỡng hiệp, nên hai tay chắp lại tượng cho lý lưỡng hiệp để phát khởi sự biến sinh của càn khôn. Ấy là Đạo.

Điều cần yếu của con người là quy Phật, tụng Pháp, phụng sự Tăng, nhập vào trường thánh đức của Đức Chí Tôn theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền. Cung kính tứ thời nhật tụng, để tâm trọn vẹn nơi Giáo Điều, Triết lý để thuận hành tu tập, thực hiện “ngũ nguyện Đại Đạo” cho thiết hiện. Như thế ấy, sự lạy mới có giá trị đích thực và lễ dâng hiến quý báu lên Đức Chí Linh.

Ngoài ra, nghi thức Đại Đạo còn có “dâng Tam Bửu” tức là Tinh-Khí-Thần hay đệ nhứt xác thân-đệ nhị xác thân-đệ tam xác thân, thể xác-chơn thân-chơn linh. Lấy sắc hoa tươi thắm, tượng cho Tinh. Lấy sự mạnh mẽ của rượu tượng cho Khí. Lấy chất vị ngọt ngào sáng sủa, tinh khiết của trà tượng cho Thần.

Người Cao Đài nguyện thực hiện nghi thức ấy để dâng lên quyền năng Bát Quái Đài, nguyện rằng “Tam thể xác thân này của Thầy Mẹ đào tạo, xin dâng hình

hài, trí não và linh hồn cho Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu tùy nghi sử dụng”. Đây là một bí pháp trong nghi thức cúng lạy của Đại Đạo. Ngày giờ nào, ba thể ấy do quyền trọn định của hai Đấng Chí Linh, tức là ngày đó con người vô tội. Muốn vậy, người Cao Đài phải giữ thể xác tinh anh, không tái phạm tội tình, từng khuôn viên luật pháp của nền Đạo mà tu thân, lập đức. Thường ngày phải cúng, định tâm, định trí, định thần để minh quang, đốt ngọn đuốc huệ quang soi sáng Cao Đài trong nguồn thánh ân vô tận.

“Hôm nay chúng ta luận một việc cần phải luận cùng nhau, nếu chúng ta tin chắc chắn rằng: Đức Phật Mẫu là Mẹ sanh chúng ta, ta phải để đức tin nơi Người, theo ý Bản Đạo tưởng cái gì thuộc về xác thịt này đều do Phật Mẫu đào tạo cả, Đức Đại Từ Phụ duy làm cha của chơn linh chúng ta mà thôi, như cha mẹ phàm này Ông cha duy nhất điểm chơn linh, còn huyết khí do nơi bà mẹ đào tạo mà có...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 23].

Cho nên nghi thức cúng lạy của Đạo Cao Đài đặt nặng tính chất quan trọng của Tinh-Khí-Thần đối với người Cao Đài trong chơn luật thăng tiến, hội hiệp với Đức Chí Tôn. Nguyên làm con tế vật để thi hành mạng lệnh làm cho Đại Đạo hồng khai, phổ độ chúng sanh, cầu cho thiên hạ thái bình, thanh trị, an ninh, hạnh phúc, hát câu quốc thới dân an, âu ca lạc nghiệp vì nương theo Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh trong nền Đại Đạo.

Đức Chí Tôn lại dạy thờ Thiên Nhân để biểu trưng cho cơ siêu phàm nhập thánh mà Ngài ban cho loài người, bằng có thờ Thiên Nhân tức là thờ Thần. Thờ Thiên Nhân tức là thờ Đấng tối cao, toàn giác đang ban bạc khắp nơi, đang dõi về sự tiến hóa của vạn linh trong càn khôn.

Con mắt có hào quang chiếu diệu là Thiên Nhân, là mắt của Đấng Thượng Đế. Hai nguồn “lưỡng quang” đã ngự trị, chủ tể lập nghi hóa dục, định vị cả pháp giới biến tướng trong bầu càn khôn vũ trụ này. Ánh sáng từ đôi mắt, mắt lại biểu thị cho Tâm, “Quang” là Thần chúa tể, tức là “Thiên”, tức là Đấng Thượng Đế hằng ngự trị muôn loài và đó chính là Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát trong cửa Đại Đạo này.

Đối với sự thờ phụng Thiên Nhân, ngoài tôn kính nguồn cội vạn linh, chúng ta còn thấy thêm nguyên lý, “tiểu Quang” là “tiểu Thần” hiện hữu trong mỗi sanh linh. Cho nên thờ Đấng tối cao, bản lai của vạn hữu mà còn lại thờ cái **linh tánh** của mỗi con người. Mỗi tiểu linh quang là một phần, đóng góp vào sự hiện hữu trong toàn thể vũ trụ càn khôn.

“Thần là khiếm khuyết của cơ màu-nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập “Tam-kỳ Phổ-độ” này duy Thầy cho Thần hiệp Tinh-khí đặng đủ “Tam Bửu” là cơ màu-nhiệm siêu phàm nhập Thánh”.

Cơ màu nhiệm đắc quả do nơi Thiên Thơ. Vì thiếu Thần do đạo bị bế, hay nói cách khác đạo bị bế mà Thần

không đạt đặng cơ quan bí yếu đặc đạo siêu phàm nhập thánh, chẳng hiệp đặng Tinh-Khí-Thần để hườn nhất. Lập giáo kỳ này, cốt Đức Chí Tôn cho uyên nguyên, cho phép đặng ba thể hiệp nhau.

“Các con nhớ nói vì có nào thờ con mắt Thầy cho chư Đạo Hữu nghe. Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên Phật từ ngày bị bẻ Đạo, thì luật lệ hồi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên-Đình mỗi phen đánh tâng “Thần” không cho hiệp cùng “Tinh-khí””.

Các phẩm vị Thiêng Liêng vốn như thể, vẫn theo cổ luật nhưng người phạm chẳng đặng luyện tam bửu. Nên cơ đặc đạo vốn không thể thành tựu dù hữu công tu luyện. Chẳng ai qua khỏi luật Thiên Điều. Tại thế, các tôn giáo vẫn nương vào giáo pháp cổ xưa mà tu hành, nhưng lời thị huấn đã cho chúng ta biết được trạng thái vô hình khi thoát xác, tức là kết quả tu luyện, hành trình tu tiến của toàn nhơn loại.

“Thầy đến đặng hườn nguyên Chơn-Thần cho các con đặng đặc Đạo. Các con hiểu “Thần cư tại Nhãn”. Bố trí cho chư Đạo-Hữu con hiểu rõ. Nguồn-cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó. Thầy khuyên con mỗi phen nói Đạo hằng nhớ đến danh Thầy”.

Vì lẽ ấy, Thánh Giáo Đức Chí Tôn giảng trên đã cho chúng ta thấy sự khiếm của “**thần**” từ ngày đạo bị bẻ, tu nhiều nhưng thành ít, “thần” bị đánh tâng mỗi khi hiệp cùng Chơn Thần, nên ngày nay Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn ân xá, lập thờ Thiên Nhãn mỗi nhà để

hưởng hồng ân, thánh uy ấy cũng là biểu thị cái lý thiên thơ cho hiệp Tinh-Khí-Thần trong thời kỳ này.

Từ một Nhất Nguyên, Đức Chí Tôn phân tánh ra vạn loại. Để trở về hiệp cùng Đức Thượng Đế, con người phải đốt cháy “ánh sáng trí huệ” trong tâm mãi mãi, để ngưng thần, tụ khí, hiệp với nguyên lý thăng hoa để tự tánh bùng sáng. Cho nên Thiên Nhân vừa là thờ Bản Nguyên của Đạo, vừa biểu thị tính lý pháp chơn thần của mỗi cá thể, phải làm sao hiệp hòa cùng Chơn Thần của Đấng Chí Linh. Ấy là **cơ siêu phạm nhập thánh** mà Đức Chí Tôn đã đặt tại mặt thế cho con người tu chứng đắc đạo trong thời kỳ ân xá.

5. CHÁNH-TÀ VÀ ĐẠO ĐỨC

Chiếu theo bài thứ năm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 13 tháng 03 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy cơ chánh, cơ tà và giữ gìn lòng đạo đức đến ngày giờ hội hiệp cùng Thầy.

Bất kỳ điều chi cũng đều có hai trạng thái đối nghịch vì nó là nguyên lý hình thành sự vật, hiện tượng, làm rõ nét, để chúng ta biết rằng nó đang tồn tại sinh động theo bản chất của nó. Sáng tối, ngày đêm, đục trong, tốt xấu, thiện ác, trên dưới, trong ngoài, âm dương...Cái này là nền tảng, biểu hiệu để con người nhận biết cái kia. Cũng vậy, hễ có **chánh** thì có **tà**. Tà mị là phương thuốc làm thanh lọc, tô vẽ lên cái chánh vì

chỉ khi có cái tà mị hiện diện thì chúng ta mới biết cái chánh tồn tại một cách đẹp đẽ.

Tại cõi hữu hình, quý mị lại thị hiện qua các đàn cơ mà lập bàn môn tả đạo, chuyển hiệp Tam Thập Lục Động đổi danh thành Tam Thập Lục Thiên để giả danh hiệu Phật, Tiên mà lừa gạt nhơn sanh. Ngoài hình thái tạo bàn môn qua cơ bút, quý mị còn mang thân người mà rù quỵén, cám dỗ con người sa vào vòng tăm tối, xa mỗi đạo chơn mà lọt điếm thánh tâm, lìa thuyền giác, tìm tới bến mê.

“Các con đủ hiểu rằng: Phạm muôn việc chi cũng có thiệt và cũng có dối; nếu không có thiệt thì làm sao biết đặng dối; còn không có dối, làm sao phân-biệt cho có thiệt... Cười...”

Có chánh thì đương nhiên có tà. Tà chánh xen lẫn nhau. Người tu hành chơn chánh thì phải khổ hạnh, chịu lấm gian truân và cơ thử thách của đời để tô điếm địa vị chơn chánh, ấy mới xứng đáng môn đệ của Đức Chí Tôn. Tà cũng coi như cơ thử thách, khảo đạo theo luật tự nhiên.

Đức Thượng Đế mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là mở một trường thi công quả cho chúng sanh lập công, tu học. Chẳng phải công quả không mà có thể đạt phẩm vị Thiêng Liêng dễ dàng. Hễ có trường thi công quả tức nhiên có cơ **khảo đảo** hay khảo thí hoặc thử thách. Có câu “đạo khai tà khởi”. Ấy là phép công bình Thiên Đạo của Trời Đất.

“Thầy nói cho các con hiểu rằng: muốn xứng đáng làm Môn-đệ Thầy là khổ hạnh lắm.

Chẳng phải ghét mà Đức Chí Tôn hành hạ, chẳng vì thương mà cho mùi ngon ngọt, dỗ dành dâng đưa vào địa vị thiêng liêng. Hễ càng thương bao nhiêu, muốn xứng đáng làm môn đệ Cao Đài thì càng phải bị hành bấy nhiêu. Tu phải khổ hạnh, chịu nét nâu sòng, bôn ba, khắc khổ, bao nhiêu trách nhiệm trước nhơn loại và nhiều cơ thử khảoặng mới xứng vào địa vị Thiên Phẩm.

“Hễ càng thương bao nhiêu thì Thầy lại càng hành bấy nhiêu. Như đáng làm môn-đệ Thầy thì Bạch-Ngọc-Kinh mới chịu rước, còn ngã thì cửa Địa-Ngục lại mời. Thương thương ghét ghét, ai thấu đáo vậy ôi!”

Địa vị **Hóa Nhân** ngoài phải chịu trả những nghiệp quả đã vay tạo thì phải lập công lao xứng đáng và chịu đựng những cơ thử thách mới đoạt thủ địa vị Thiên Liêng. Các bậc **Nguyên Nhân** muốn trở về cựu vị cũng phải chịu những khảo đảo theo phép công bình thiêng liêng mới trở về cựu ngôi hoặc cao thăng thiên vị.

Khảo đảo là sự thử thách đối với bậc chân tu, là những cám dỗ, cạm bẫy lập ra để đánh giá phẩm hạnh người tu. Người có thể vượt qua những trở ngại, những gian lao, những hiểm nguy bao quanh ngặn chặn bước đường tu hành thì có thể hoàn toàn mà đắc phẩm vị nơi cõi Thiên Liêng Hằng Sống. Nhược bằng không vượt

qua được những chông gai, kém hạnh, thiếu nhẫn nhục thì phải xa vào bầy trên con đường tu hành.

Cơ khảo thí là một bài toán, một thử thách như đem danh, lợi, quyền, tiền tài, sắc, dục, cao lương mỹ vị, phú quý danh hoa để dụ dỗ người tu. Người nào kém về mặt nào, tức có bầy nhử giăng, hầu đánh giá trình độ tu học, phẩm giá đạo hạnh của người ấy. Như thế ấy, người tu hành ngoài làm lành, lánh dữ, lập công cho viên mãn, còn phải chịu những khảo đảo theo luật thiêng liêng mới xứng đáng đứng vào địa vị cao trọng nơi cõi Thiên. Theo đoạn trích thánh giáo trên, duy có “**bộ áo thiếc giáp đạo đức**” có thể gìn giữ con người đối phó những khảo nghiệp mà thôi, thìn lòng đến tận con đường mình.

Trong cửa đạo Cao Đài, ngoài những tính chất phổ dụng của các loại khảo làm cho người sa ngã, thối chí siêu lòng, bỏ dở công phu tu tập, còn có một loại khảo đặc biệt. Đó là cơ bút mạo nhận Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng cao trọng làm cho người tín đồ ham mê huyền bí thiêng liêng mà tin theo. Nếu chẳng minh trí, tuân theo luật cơ bút của Đại Đạo, có thể chuốc lấy những hậu quả khôn lường. Cơ bút có **tiên cơ** và **tà cơ**.

*“Đương nhiên là mãn Hạ ngươn Tam chuyển, lên Thượng ngươn Tứ chuyển vì chuyển tiến nên loài người phải chịu **khảo đảo** dặng vào trường thi hầu thoát khỏi mặt địa cầu này để đến thế giới cao trọng hơn, còn rui rớt thì ở lại địa cầu này mà làm Thần thông hơn do hai*

sắc da vàng và trắng hiệp lại xuất hiện” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 24].

Về hình thức, chia làm hai loại khảo là **thuận khảo** và **ngịch khảo**. Người nếu chẳng vì tánh đức đại hùng, đại lực thì khó chi mong thắngặng những cơn khảo đảo choặng. Cơ đạo phải có phép thử an bày giáng xuống thể thử tâm thật, tâm giả, thử tánh đức đại hùng, đại lực của bậc chân tu hầu chọn những bậc Hiền Tài.

Chẳng một phẩm vị thiêng liêng nào mà không phải trải qua những khảo nghiệp để thành đạo trên con đường tu chứng. Kiếp người nếu chẳng có những gian truân, khảo khổ, mài luyện thì chẳng hề nào phát ra tánh đức rực rỡ. Anh hùng hào kiệt thì lắm, có thể chiến thắng người lỗi lạc nhưng chiến thắng bản thân lại vô cùng khó khăn nên Phật, Tiên thì không mấy ai đoạt thủ ngôi vị.

Thuận khảo là loại khảo đáp ứng sở vọng phàm trần của con người, hầu đi xa chánh đạo, đi ngược dòng tấn hóa, làm con người mê mờ trong tử, sắc, tài, khí như là một khí cụ cơ bản của cuộc sống, càng ngày quên đi con đường chánh đạo. Ví như cầu danh, đợc danh và cái danh càng thăng tiến để cuốn vào vòng xoáy của bản ngã, không còn có thời gian để chú tâm vào việc tu đạo, làm dở dang mọi việc của người tu hành. **Ngịch khảo** là những thứ làm chướng ngại trên con đường tu tiến làm người tu chán nản, thoái chí buông xuôi.

Do vậy, người tu phải có tánh chất đại hùng, đại lực, ý chí vững mạnh, kiên tâm, thấy các thứ là hư ảo, có thể buộc ràng ngoại cảnh, không thể để ngoại cảnh trói cột, chi phối đời sống thân, tâm, ý. Dầu là thuận cảnh hay nghịch cảnh, đủ tâm chí, thành tâm, thành ý, dùng lý trí để nhận rõ mọi thứ vô thường và tạm cảnh để vượt qua mọi ngõ giãng. Con người có thể dễ dàng nhận ra nghịch khảo, nhưng **thuận khảo là một điều đáng sợ nhất**, dễ làm người ta mê man để rồi trầm luân, thoái lui.

Ngọc chẳng giữa mài thì chẳng bao giờ sáng, đá chẳng đục thì chưa hề trở thành tuyệt tác, vàng phải thử lửa mới biết vàng thật, vàng thật mới đáng giá. Có đạo tức có ma, đạo và ma vẫn sóng đôi nhau để lọc thanh những người đậu rớt. Ma khảo là con đường chắc chắn phải đi qua đối với người tu. Hễ người căn cơ cao, **nguyện lực càng dày thì khảo đảo càng nặng**. Còn người có căn cơ thấp, một lớp khảo có thể cáo thối đường chơn tu, ví như băng tuyết rơi xuống, cỏ cây liền chết, chỉ có tùng bách mới xanh mà thôi.

Con người đã vùi dập trong muôn vàn kiếp sanh, đào độn và tạo biết bao nhiêu oan khiên. Một lần khảo đến, nếu vượt qua thì oan khiên nghiệp chướng giảm một lớp, cho đến khi sạch oan báo, tiền nghiệp. Nhờ sự khảo thí ấy, mới thánh nhân hiện hiện, nhập vào trường thiêng liêng. Nên phàm người thường nói rằng ma khảo là một thứ khảng định đối với bậc tu hành chơn chánh, chân tâm.

Vì chân tâm nên ma đến khảo thí, còn người chẳng có tâm tu thì ma chẳng thèm đến khảo làm chi. Vì thế, đối diện với bất cứ hình thức khảo nào, bậc chân tu hằng giữ chánh tâm, nhẫn nại, dụng tuệ trí mà vượt qua những cám dỗ của phạm bầy hằng trước mắt.

Đại Đạo mở ra để cứu vớt sinh linh, nhưng chẳng phải Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ban phép để đưa con người về nước hằng sống thiêng liêng. Ngược lại, con người là những sĩ tử đang dấn thân vào trường thi thánh đức nên phải gặp những cảnh khổ đau, thuận khảo, nghịch khảo trăm bề. Người chân tu thì hiển lộ tâm bồ đề, giữ mọi kiên định. Nếu chẳng có những cái khảo thì tâm chí tu hành của con người càng chìm đắm, sa xuống. Người đi vào chơn đạo sẽ **phục sinh trong thánh chất của Đức Thượng Đế**, dầu có bao nhiêu sự thử thách thuận nghịch thì người chân tu vẫn cho thấy sự khế cơ rõ ràng, thúc đẩy hành trình tu tấn cho đến trạng thái viên đôn.

“Chung quanh các con, dầu xa dầu gần, Thầy đã thả một lũ hồ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp mà chúng nó chẳng hề thấyặng là đạo đức của các con. Ấy vậy, ráng gìn giữ bộ thiết giáp ấy hoài cho đến ngày các con hội hiệp cùng Thầy. Nghe và ráng tuân theo” [TNHT].

Có **Chánh** tức là nền chơn giáo, đưa đường dẫn khách nâu sông thoát bến mê, về bến giác. Có **tà** để làm trường khảo thí cho những sĩ tử thi. Nếu phải sa cơ, thất

thế, thua cuộc, thì đành chịu rút trước cơ khảo thí. Nếu có chí hùng dũng, vượt qua mọi cám dỗ của tà thì được làm môn đệ Cao Đài đáng giá của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn đã ban cho loài người một “**vũ khí**” mang thánh chất, ấy là đạo đức của con người, có thể xông pha trận mạc, là những “chiến binh” cảm tử, có thể chết vì đạo đức, nhân nghĩa. Chính **đạo đức** có thể làm cho con người “**chết một cách bất tử**” hầu có thể hội hiệp cùng Đức Chí Tôn.

6. “ĐẠO” CHÍNH LÀ ĐỨC CHÍ TÔN VÀ CƠ HOÀNG DƯƠNG PHỔ ĐỘ

Chiếu theo bài thứ sáu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyên quyển một, giáng ngày 07 tháng 04 năm 1926 tại chùa Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chí Tôn dạy rằng các cơ hoàng dương chánh pháp cổ xưa chính là do nơi Ngài.

*“Nhiên-Đặng Cổ-Phật thị ngã
Thích-Ca Mâu-Ni, thị ngã,
Thái-Thượng Nguơn-Thỉ thị ngã,
Kim viết Cao-Đài”.*

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế là nguồn cội của càn khôn, vạn vật, là Đấng tự hữu, hằng hữu, có tấm lòng đại bi, đại ái, luôn hằng giữ, nuôi nâng sinh linh, thúc giục các đấng chơn hồn tấn hóa không cùng tận, cho đến khi viên giác. Các thời kỳ phổ độ trước đây ra đời là sự cứu vớt, độ rỗi của Đức Chí Tôn mà có các

Đấng Giáo Chủ hạ phàm để làm chủ mỗi đạo, dìu dẫn loài người tầm đạo.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là vị Phật quá khứ làm giáo chủ Phật Đạo trong nhứt kỳ phổ độ. Đức Thích Ca Mâu Ni là Đấng Thế Tôn giáng lâm, chấn hưng nền Phật Đạo trong nhị kỳ phổ độ. Đức Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn hay là Đức Nguyên Thủy Thiên Tôn là giáo chủ Tiên Giáo cũng trong nhị kỳ. Ấy là những nguồn đạo mà chính mình Đức Chí Tôn dùng pháp thân **hóa thân** ra các Đấng ấy để truyền đạo cứu thế. Ngày nay, Đức Chí Tôn giáng phàm qua cơ bút, giáo đạo Nam Phương, xưng là Đức Cao Đài.

Nhứt Kỳ Phổ Độ có ba ngươn hội, Thượng Ngươn, Trung Ngươn và Hạ Ngươn. Đức Chí Tôn là Cha của linh hồn vạn linh, chủ cả Phật-Pháp-Tăng và chư Thần, Thánh, Tiên Phật, nên không khi nào tình thương ấy mất đi. Ngược lại, Đức Chí Tôn không ngồi yên tọa vị, tìm đủ mọi phương pháp thức tỉnh chúng sanh để tu hành, trở về hội hiệp cùng Đức Ngài.

Các Đấng Giáo Chủ trong Tam Giáo và Ngũ Chi luôn luôn thay mặt Đức Ngài xuống thế mở đạo, cứu vớt chúng sanh, hay nói cách khác ấy là quyền năng của Đức Chí Tôn ứng biến để đưa con người khỏi những tội lỗi, lánh vòng tội tở của vô minh, đưa con người thoát tứ khổ mà hội diện cùng Đức Chí Tôn.

Đoạn thánh giáo ấy đã lột tả toàn diện cả cơ quan cứu độ của Đức Chí Tôn tự thưở xa xưa cho đến ngày

hôm nay bằng phương pháp mới là lập nên giáo pháp tân kỳ. Mặt khác, có thể hiểu rằng Đức Chí Tôn là Đức Đức Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn, là khởi sự của Đạo Pháp, nên trong mọi sự hiện hữu mẫu nhiệm dấu phàm trần, dấu cảnh Thiên đều do một gương linh Đức Chí Tôn biến hóa ra muôn hình vạn trạng. Ấy là Đạo vô vi mà người môn đồ Cao Đài đã thấm nhuần nghĩa lý ấy và tin trọn vẹn tuyệt đối.

7. CƠ QUI NGUYÊN VÀ TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Chiếu theo bài thứ bảy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 08 tháng 04 năm 1926, Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni tuyên ngôn quy nguyên vào nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Đức Chí Tôn dạy về cơ phổ độ.

*“Thích-Ca Mâu-Ni Phật,
Chuyển Phật-Đạo
Chuyển Phật-Giáo,*

Chuyển Phật-Tăng quy nguyên Đại-Đạo, tri hồ chư chúng sanh! Khánh hỉ! Khánh hỉ! Hội đấng Tam-kỳ Phổ-độ; chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đại hỉ phát đại tiếu. Ngã vô lự tam đồ chi khổ. Khả tòng giáo Ngọc Đế Viết Cao-Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Thánh Giáo Đức Phật Thích Ca giáng cơ cho biết rằng: “Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn chuyển Phật Đạo,

chuyên Phật Pháp, chuyên Phật Tăng quy nguyên nên Đại Đạo. Chư chúng sanh biết chăng?

Vui mừng thay! Vui mừng thay! Gặp được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: chư Thần, Thánh, Tiên, Phật quá vui mừng nên phát ra tiếng cười lớn.

Ta không còn lo lắng về ba con đường luân hồi khổ sở của chúng sanh. Khá mừng theo lời dạy của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Đấng Cao Đài Đại Bô Tát Ma Ha Tát”.

Đó là một bài thánh giáo có giá trị rất lớn đối với nhân loại ngày nay, bởi lẽ giáo pháp Đại Đạo sẽ là một hồng ân của Đức Chí Tôn. Trong khi đó, các giáo pháp cổ kim đã ngoài hai ngàn năm, ít nhiều **cổ luật** có đã sai biệt so với nguồn gốc nguyên thủy của cổ pháp. Do đó, Đức Thích Ca mới tuyên ngôn chuyên Phật-Pháp-Tăng để quy hiệp nên Đại Đạo. Đây là lời khẳng định, lời khuyến cáo, một sự tuyên ngôn cho toàn chúng sanh rõ biết.

Đức Ngài còn cho biết **tân pháp** ra đời làm cho cả chư Thiêng Liêng vui mừng mà phát ra tiếng cười. Khi tịch diệt nhập Niết Bàn và trở về vô vi cảnh để điều hành trong cơ quan của Đức Chí Tôn, Đức Thích Ca vẫn lo lắng cho chúng sanh chịu khổ não, ưu tư về con đường tu tâm và chính ngày nay, Đức Ngài đã hoàn toàn không còn lo lắng chúng sanh phải rơi vào vòng luân hồi. Đức Thích Ca nhấn khuyến hãy từng mạng lịnh của Đức Cao Đài Thượng Đế.

“Tam-kỳ Phổ-độ là gì?
Là Phổ-độ lần thứ ba,
Sao gọi là Phổ-độ?
Phổ-độ nghĩa là gì?
Phổ là bày ra.
Độ là gì
Là cứu chúng sanh...”

Chúng sanh là toàn cả Nhơn-loại, chớ không phải lựa chọn một phần người như các con tính rỗi. Muốn trọn hai chữ Phổ-độ phải làm thế nào? Thầy hỏi? Phải bày bửu-pháp chớ không đặng dấu nữa. Các con phải luyện cho thành, nội trong tháng năm này về theo Trung đặng đi truyền Đạo”.

Đức Chí Tôn giảng rõ về các khái niệm “phổ độ”, “chúng sanh” và buộc phải bày bửu pháp ra cho toàn thể loài người. Thực vậy, Đạo Cao Đài đã qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, hệ thống hóa toàn tín ngưỡng cho nhân loại làm thành một cội. Đó là cơ phổ độ trong thời tam kỳ. Đức Chí Tôn đến thế gian và bày bửu pháp giới tận độ cho chúng sanh đắc đạo.

Về “**Tam Kỳ**”, thời gian vũ trụ hình thành theo thuyết Cao Đài chia lịch trình tấn hóa nhân loại theo con số 3 của Trời Đất, tức Thượng-Trung-Hạ. Nhất Kỳ gồm 12.000 năm có Thượng Nguơn, Trung Nguơn, Hạ Nguơn. Nhị Kỳ biến dịch cũng y vậy. Nhơn loại hiện sống trong Hạ Nguơn tức là đã trải qua 36.000 năm, chuẩn bị đống Hạ Nguơn Tam Chuyển để bước sang Thượng Nguơn Tứ Chuyển. Tinh thần Nhơn loại luôn

luôn phát triển bằng cách học những bài học khổ đau để tấn hóa đến chí linh, chí thiện.

Tuy nhiên, vô minh và phàm ngã vẫn thường thắng thế nên các vị Giáo Chủ thường giáng trần lập giáo để truyền bá giáo pháp tân tiến phù hợp với sắc dân, tinh thần tiến hóa của từng văn hóa vùng miền. Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ có giáo chủ của Tam Giáo ra đời để dìu độ nhơn sanh đi trên đường tấn hóa thánh thiện để trở về hòa hợp cùng đại thể bản nguyên.

Nhơn loại đang bước trên bánh xe tấn hóa của Hạ Nguơn Tam Kỳ, Đức Thượng Đế tiếp tục mở đạo cứu vớt nhơn loại bằng cơ ân xá, phổ độ. Học thuyết Tam Giáo vẫn làm căn bản của giáo lý Cao Đài, kết hợp những giáo điều, tân luật truyền dạy qua cơ bút do các Đấng Thiêng Liêng cao trọng giáng điển.

Trong Cao Đài, chúng ta sẽ không thấy hiện thân bằng xương thịt của Tam Vị giáo chủ mà duy thấy sự sùng lạy Tam Vị Giáo Chủ Tam Giáo: Đức Thích Ca tượng cho Phật Giáo, Đức Lão Tử tượng cho Tiên Đạo, Đức Khổng Thánh tượng cho Thánh Đạo. Chúng ta vẫn phải chấp nhận tín lý đạo pháp của vũ trụ rằng các vị Giáo Chủ không liệt kê vào Kỳ nào hay Nguơn Hội nào mà là hiện thân của Thượng Đế, thực hiện sứ mạng truyền giáo đạo Trời, giúp nhơn sanh tấn hóa tìm nguồn cội linh thiêng vốn có, giục tấn không ngừng trên đường thiêng liêng hằng sống bất tận.

“**Phổ Độ**” nghĩa là bày ra để độ rồi. Học thuyết Cao Đài mang tính “Đại Đạo” cả về hình thức ngoại dung lẫn tương quan nội dung. Về ngoại dung, chủ xướng “Tam Giáo quy nguyên” và “Ngũ Chi phục nhứt”, tức là tư tưởng đại đồng huynh đệ, hướng đến một đời sống xã hội trên ý thức viên mãn, nội lý nhất nguyên, đồng tính chất trên tín ngưỡng giáo điều.

Về nội dung, Cao Đài Đại Đạo là cơ “phổ độ” của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, bày Đạo Pháp vô vi, chấp nhận các quy luật thuộc về Pháp mà con người đã, đang mang ý thức tín ngưỡng mà các tôn giáo trước đây đã gieo vào loài người suốt tiến trình tấn hóa. Nói một cách dễ hiểu, giáo pháp của Cao Đài là một giọt từ bi rửa oan khiên, tiền nghiệp của con người, bửu pháp bày ra để chúng sanh thấy cái Một bất diệt đang nuôi sống cả mạch sống càn khôn trong từng sát na.

8. CUỘC THIÊN PHONG ĐẦU TIÊN

Chiều theo bài thứ tám trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 22 và 23 tháng 04 năm 1926, Đức Chí Tôn tổ chức cuộc Thiên Phong đầu tiên trong cửa Đạo Cao Đài và dạy cách sắp xếp, cũng như huấn thị một số điều quan trọng trong nghi lễ.

*“Ba con nghe dạy cuộc sắp **Thiên-Phong**:*

Các con có vui không?

Đạo phát triển một ngày là một ngày hại Nhơn-sanh. Thầy nôn nóng nhưng mà Thiên-cơ chẳng nghịch đặng, nên phổ-thông trặc-trở”.

Từ ngàn xưa, chúng ta chưa từng nghe “công khai” hai từ “**thiên phong**” từ ơn giáng truyền của Trời cho người phàm, có chăng là những bậc chân tu cao thâm, các Đấng Giáo Chủ thọ truyền pháp môn tâm pháp, có thể kết thông với năng lực Thiêng Liêng mà được “Thiên Phong”. Và những hoạt động Thiên Phong ấy rất ư hiếm hoi và có lẽ hậu nhân cũng chẳng ai biết, mãi mãi trong vòng im bặt.

Ngày nay, Đức Chí Tôn xuống thế gian và thực hiện việc Thiên Phong cho chư Chưc Sắc. Ấy phải chăng là huyền diệu và có một không hai, một sự hiếm hoi tự cổ chí kim, và là một cơ đại ân xá, đem giáo pháp tận độ xuống trần bày ra trước mắt cho loài người?

Như vậy, Đạo Cao Đài chính thức được Đức Chí Tôn thực hiện đầu tiên việc Thiên Phong ngày 22 và 23 tháng 04 năm 1926. Việc hỏi chư Thiên mạng “có vui không” cũng thể hiện sự khát vọng của loài người về nguồn đạo Trời mà từ thử vắng bóng các Đấng Giáo Chủ, ánh đạo quang trở nên mờ nhạt, dần dần vụt hướng đến trạng thái tắt lịm, làm cho nhơn loại trông mong một ân huệ Thiêng Liêng.

Con người đều có bốn thánh linh diệu, nên chưa bao giờ sợi dây liên kết thân ái với nguồn gốc vũ trụ lại đứt, có chăng là vì dòng thời gian luân chuyển, cơ Trời

an định và loài người cũng cần những ân đức bí nhiệm diệu huyền thiêng liêng, làm đốt cháy huê tâm mới có thể làm nhân loại không quên lối về, làm lu mờ ngọn tâm đăng.

Đức Chí Tôn là Chúa của càn khôn cũng chẳng an vị tọa ngôi, Đức Ngài luôn luôn lo cho sự tấn hóa tâm linh loài người, nôn nóng cứu vớt sinh linh đắm chìm trong tội lỗi, sa vào bần mê, không phương thoát cõi vô minh trở về bến giác. Nhưng Thiên-Địa vốn vô tư, luật thiên đình chẳng hề dời đổi. Đức Chí Tôn cũng phải theo luật công bình thiên đạo mà có thể bồng âm. Nay, đến thời kỳ quy hiệp, đạo mới Đạo Trời, Đức Ngài thân lâm xuống trần, Thiên phong và mở nền chơn giáo cho nhân loại. Tình thương yêu của Đức Chí Tôn vô hạn, Ngài cho biết nếu đạo phát triển một ngày thì hại hơn sanh một ngày. Đến thời kỳ giáo hóa, thì Ngài gom toàn thể lương sanh lại làm một, tạo Thánh Thể duy nhất.

Toàn buổi lễ Thiên Phong đều do sự chỉ định của Đức Chí Tôn. Sự hiện diện gồm Ngài Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch, là những Chức Sắc cao cấp ban sơ để Đức Chí Tôn sắp đặt cuộc Thiên Phong. Trong đàn cơ này, Ngài Trung được Thiên Phong vào phẩm Thượng Đầu Sư, Ngài Lịch được thọ thiên ân là Ngọc Đầu Sư. Ngài Phạm Công Tắc có một nghi tiết riêng biệt vào phẩm Hộ Pháp. Đức Chí Tôn căn dặn tất cả phải diệt hết phàm tâm, chẳng chi như dầu nhỏ để ngày Thiên Phong cho trọn.

Đức Chí Tôn cho sắp đặt một ghé Giáo Tông, ba ghé Đầu Sư. Áo của Giáo Tông thì để ngay ghé. Trên thờ Thiên Nhân. Ngài Cao Quỳnh Cư chấp bút bằng nhang để Thầy giảng mà trấn thần các bộ thiên phục. Nhị vị Đầu Sư phải đến bữa điện Thầy lạy 12 lạy, sau lại đến ghé Giáo Tông lạy 2 lạy. Tiếp sau lên ghé ngò. Sau khi Đức Chí Tôn triệu Hộ Pháp đến thì nhị vị Đầu Sư đến bàn Ngũ Lô là bàn trước Thiên Nhân mà thệ:

“Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên Ân là Thượng Trung Nhứt và Lê Văn Lịch tự Thiên Ân là Ngọc Lịch Nguyệt, thê Hoàng Thiên, Hậu Thổ, trước Bửu Pháp Ngũ Lô rằng làm trọn Thiên Đạo mà dìm dốt cả mấy em chúng tôi đều là môn đệ của Cao Đài Ngọc Đế; nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tả đạo; như ngày sau hữu tội thì thê có Ngũ Lô tru diệt”.

Lại đến bàn Hộ Pháp có bùa “Giáng Ma Xử”, cũng thệ như trên nhưng câu sau đổi thành:

“Như ngày sau phạm Thiên-Điều, thê có Hộ-Pháp đọa Tam-đồ bất năng thoát tục”.

Như vậy, chư Chức Sắc Cửu Trùng Đài đã cam kết là môn đệ của Đức Chí Tôn, nhứt nhứt tuân mạng lệnh Thiêng Liêng, làm tròn phận sự Thiên Đạo để dìm dốt sanh chúng trên con đường lập pháp, phổ độ chúng sanh. Nếu có tội, phải chịu sự tru diệt của Ngũ Lô và chịu đọa trong ba vòng sinh hóa.

Chư tín đồ đến các Ngai lạy hai lạy và thệ trước bàn Ngũ Lô và bàn Hộ Pháp nguyện làm môn đệ, chịu phép Thiên tru, Địa lục.

“Tên gì?..... Họ gì?..... Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao- Đài Ngọc-Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư Môn-đệ, gìn luật lệ Cao-Đài, như sau có lòng hai thì Thiên-tru, Địa-lục”.

Đôi với trường hợp của Ngài Phạm Công Tắc, ấy không phải là trường hợp Thiên Phong thọ phẩm. Một trường hợp dị thường hơn hết trong nền Đại Đạo, Đức Chí Tôn bảo:

“Cư, nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó) biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường đội nón...Cười...”

Đáng lẽ nó phải sấm khôi, giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo, Thầy không biểu. Bắt nó đứng trên, ngó mặt ngay ngôi Giáo-Tông, lấy chín tấc vải điều đắp mặt nó lại.

Lịch, con viết một lá phù (Giáng-Ma-Xử) đưa cho nó cầm”.

“Khôi, giáp” ấy là bộ đại phục của Đức Hộ Pháp mà sau này Ngài bận khi châu lễ Đức Chí Tôn. Đức Hộ Pháp có hai bửu pháp là cây Giáng Ma Xử và cây Kim Tiên. Do thời buổi phiêu thai, nhân sự chưa đầy đủ để kiện toàn bộ máy chính trị Cao Đài, đạo lại nghèo. Nên

Ngài Phạm Công Tắc cầm miếng giấy được ghi “Giáng Ma Xử” theo lệnh của Đức Chí Tôn.

“Cả hết thầy Môn-Đệ phân làm ba ban, đều quy xuống biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ-Lôi đặng Thầy triệu nó đến rồi mới tới trước mặt Tắc đặng Thầy trực xuất chơn-thần nó ra: nhớ biểu Hậu. Đức xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ”.

Như vậy, đối với Ngài Phạm Công Tắc, chúng ta coi đó là lễ **thiên phong** mang tính đặc sắc và huyền bí. Đức Chí Tôn cho Hộ Pháp **giáng thể** vào Phạm Công Tắc. Đây là trường hợp **ngự thể** duy nhất trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, và không có nghi tiết lạ nào trong thánh huấn này.

Đối với hiện tượng Thiên Phong Hộ Pháp, đã là người tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, chúng ta hoàn toàn có một niềm tin tuyệt đối vào nghi thức phong phẩm Phạm Hộ Pháp. Đề từ đây, Đức Ngài Phạm Hộ Pháp thực hiện mạng lệnh thiêng liêng, một chức trách cao trọng lập pháp tân kỳ, giảng thuyết chơn lý giải thoát tối thượng của Đức Chí Tôn.

Đối với những học giả, hiện tượng này sẽ là một tiêu điểm gây tò mò về sự huyền vi, màu nhiệm, một ý nghĩa siêu nhiên mà người ta sẽ đi tìm hiểu tận cùng lý lẽ và biến diễn của cõi giới vô hình.

Đối với những người cùng thời Đức Phạm Hộ Pháp, có những sự đố kỵ nhất định vì vị thế Hộ Pháp quá

cao, lại trao cho Ngài Phạm Công Tắc trong khi Ngài chỉ 37 tuổi. Từ tính chất đó, dòng lịch sử Đại Đạo cũng vì đó mà biến thiên, dao động, biến chất, thay đổi nhân sinh từ sự đổ ky và phàm tâm lẫn lộn.

9. NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO CỦA ĐỨC CHÍ TÔN

Chiếu theo bài thứ chín trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyên quyển một, giáng ngày 24 tháng 04 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy rằng Thầy đã từng lập ra Ngũ Chi Đại Đạo và lý do để quy hiệp toàn tín ngưỡng loài người.

“Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ chi Đại-Đạo là: Nhơn-đạo, Thần-đạo, Thánh-đạo, Tiên-đạo, Phật-đạo”.

Đức Thượng Đế vốn đã lập ra Tam Giáo và Ngũ Chi trong lịch sử tu tiến để nhơn loại nương tựa những nguồn giáo pháp ấy mà tu hành. Tùy sở hành, căn cơ, duyên ngộ, trình độ tinh tấn, khả năng phù hợp với hình thức nào thì nương tinh thần trong Ngũ Chi.

Xem ra hai thời kỳ trước đây, đã được Đức Chí Tôn đã sử dụng trước đó với những phương pháp cứu thế tùy theo phong hóa từng, sắc dân và sự tân bộ tâm linh mà phổ bày giáo pháp. Tuy nhiên, sự truyền giáo bị giới hạn trọng phạm vi vì văn minh nhân loại chưa được giao thông rộng rãi với nhau.

“Còn nay thì nhơn-loại đã hiệp đồng. Càn-Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều đạo ấy mà nhơn-loại nghịch lẫn nhau: nên Thầy mới nhứt định quy nguyên

phục nhứt. Lại nữa, trước Thầy lại giao Chánh- Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh-Giáo mà làm ra cuộc Phàm-Giáo. Thầy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân-loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chón A-Tỳ”.

Sự văn minh tương thông giữa các quốc gia đã rộng mở và làm cho chủ nghĩa tôn giáo có thể cọ xát với nhau, tạo thành những rạn nứt, phân chia, hơn thua, chống đối lẫn nhau, lập ra trường công kích. Một điểm nữa vì chánh giáo mở ra nhưng do “tay phàm” sử dụng làm cho mỗi chơn đạo dần dần mờ nhạt, trở thành phàm giáo. Nên Thầy hằng đau đớn, xót xa khi nhìn loại mãi trăm luân nơi biển khổ trót mười ngàn năm. Do đó đến thời kỳ nhân loại được hưởng mùi đạo, Đức Chí Tôn đến chính mình Ngài, làm chủ mỗi đạo mà quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, gom về một mối.

Đối với địa hạt “Tam Giáo quy nguyên” và “Ngũ Chi phục nhứt”, chúng ta đã tiếp cận với triết lý hết sức nổi bật vì đó là tính chất hiệp nhứt và tinh thần hòa hữn trong các giáo pháp nơi cửa Cao Đài. Người ngoại giáo khó có thể chấp nhận tín lý này. Tuy nhiên, giáo pháp tân kỳ Đại Đạo mà Đức Chí Tôn tạo dựng kỳ thực nó đã bao hàm vạn tượng để con người không còn có những khái niệm nhị nguyên, phân chia mà trực thẳng vào con đường Đại Đạo, dung hòa miên viễn với cùng một trạng thái triết lý duy hợp của Đức Chí Tôn.

“Đạo Cao Đài là một tôn giáo do Lương tâm vi bản, lấy cả triết lý toàn cầu đặng làm căn bản hầu làm

trung gian cho các **tư tưởng hiệp đồng** đặng dìu dắt
nhơn sanh hồi thiện” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Triết lý toàn cầu mà Đức Hộ Pháp muốn nói là những cánh cửa từ thế gian hữu hình tiếp diễn vào thế giới vô vi, hiệp hòa cùng bản lai. Mọi sách lược và phương pháp phô diễn mang tính chất hữu thần có một hình thái phù hợp với từng giai đoạn tiến hóa của nhân sinh dù thô sơ hay phức tạp, miễn hoạt động tâm linh đưa các dòng suối chảy về bể đại dương mệnh mông, tức là trở về tự tánh vĩnh sanh của Đức Thượng Đế. Lương Tâm là một ánh linh quang diệu chiếu trong mọi thời gian và không gian khi đủ điều kiện. Cho nên, Đại Đạo là một “hiện tượng” bao hàm triết lý hoàn vũ, như một hiện hữu căn bản vốn có sẵn trong lòng mỗi người trên khắp hoàn cầu, hướng đến một sự hiệp đồng, đưa dẫn nhơn sanh hướng thiện.

Đức Chí Tôn vì tình thương chúng sanh mà tùy phương nâng đỡ tâm linh con người. Đó là sự chịu đựng, là cách thức cứu rỗi xưa nay của Người. Nhưng ngày nay vì “cần khôn dĩ tận thức”, những phát triển về trí thức tinh thần con người càng phát triển, các chủ thuyết không thể bị đóng băng trong khuôn khổ cổ xưa. Khi con người “tận thức”, những sự cọ xát về hình thái và tư tưởng sẽ mang lại một hiện tượng mang tính “đi biệt” do sự nhận thức bằng phạm nhãn.

Tự thân các nền tôn giáo đã gánh vác một giá trị tâm linh duy lý, cùng một đích điểm để quay về tự tánh, tu sửa thân tâm để đón nhận một nguồn linh khí thiêng

liêng giải thoát khỏi biển trần khổ. Tuy nhiên, những triết lý tự thân đã khép kín trong khuôn viên. Đức Chí Tôn đến để “quy hiệp”, làm cho con người gạt bỏ những khoảng cách vốn do tự thân con người tạo ra. Đức Ngài phổ bày chánh pháp một cách rõ ràng, từ hạ thừa sơ đẳng cho đến trung thừa và thượng thừa viên đốn đạo pháp.

Con đường Đại Đạo là con đường đã hàm chứa mọi chủ thuyết của Tam Giáo-Ngũ Chi. Chẳng phải bằng một tấm “sớ cầu đạo” tức thì con người vào Đại Đạo mà mọi người đã từng đi trên những căn nguyên của Đạo. Đức Chí Tôn đến để hóa giải sự “nhị nguyên” hình thành từ tâm thức con người. Người Cao Đài chấp nhận mọi khuôn phép tu thân của các giáo pháp như một hệ thức cần và đủ trong phương pháp tu thân theo tinh thần Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, do chính Đức Thượng Đế xuống khai nhíp mọi tinh lực thành một con “đường lớn” với những ân xá, điển lành, sự độ rỗi để con cái Người có thể bước trên con thuyền Đại Đạo bơi về với Đức Chí Tôn.

Trên bình diện khác, nếu mọi liên kết Tam Giáo-Ngũ Chi được hình thành, thì ý thức hệ của tín đồ Cao Đài phải hiểu “Nho, Thích, Đạo” mang tính tượng trưng bởi vì “vạn giáo nhất lý”, cùng biểu thị con đường trở về với Đại Thế. Ngôn ngữ thế gian và những liệt kê cơ bản của Nhị Kỳ và Nhất Kỳ chỉ mang tính ước lệ trong hình thức và mô phỏng. Người Cao Đài phải hiểu tất cả những nhíp cầu làm tương thông trong con đường trở về

Bản Thể là một trong những phương pháp tồn tại trong hai chữ “vạn lý”.

Theo phương thức phụng thờ của Đạo Cao Đài, Tam vị Giáo Chủ, Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Không Tử tượng cho Tam Giáo, đã thể hiện tính chất “Tam Giáo Quy Nguyên”, mang giá trị cứu rỗi đồng đẳng. Có thể, người ta sẽ phản bác về việc đồng hóa này vì con người vốn luôn luôn tìm những hình thái, mặt thị hiện để xếp loại, phân chia, đánh giá sự hơn thua dựa trên ý thức hệ nhị nguyên. Thực tế, mọi tôn giáo trên hoàn cầu đều đem giá trị độ rỗi, giáo pháp để con người trở về coi Thiên Thai, Thiên Đàng, Niết Bàn. Cõi giới đó chỉ có một, không có hai, có khác chẳng chỉ do ngôn ngữ biểu tả của mỗi giáo pháp.

Hình thức phổ độ của Đức Chí Tôn đưa xuống thế dẫu có xưng Giáo Chủ tôn giáo hay không, miễn đạt được cứu cánh độ rỗi, đưa chúng sanh về bờ bỉ ngạn, giải thoát khỏi nhơn quả luân hồi, hiệp hội cùng Đức Chí Tôn, đều được xem là một giáo pháp cứu rỗi hữu hiệu, đạt đến giá trị cốt lõi của Đạo. Tôn giáo với một triết lý quy tụ hàng giáo phẩm nhiều, không có nghĩa là đó là đạo cao, mang tính độc tôn và chỉ có giá trị duy nhất đối với Đức Chí Tôn. Đứng trước chân lý đạo Trời, chỉ có con đường giải thoát mà thôi, chẳng hề có sự cách biệt khác nhau. Chân lý Đạo Trời là một đại dương vô thủy, vô chung, mênh mông, Tam Giáo và Ngũ Chi cũng chỉ là những con sông lớn-nhỏ chảy về bể cả mà thôi.

Đạo hản chứa trong lòng mỗi con người vì Đức Thượng Đế đã ban cho một chơn linh diệu tánh để tiến trình khai ngộ tâm thức trải dài trên dòng thời gian và nó vượt lên trên mọi cái “sở” của tôn giáo hữu hình, tùy vào cảnh ngộ, môi trường nhưng làm sao để **hoạt nhiên đại ngộ** đi đến đích điểm.

Theo chiều dọc của nghi thức thờ phụng, chúng ta thấy nghi thức Ngũ Chi là 07 cái Ngai tượng cho Nhơn Đạo. Đức Khương Thượng tượng cho Thần Đạo. Đức Chúa Jesus tượng cho Thánh Đạo. Đức Lý Thái Bạch tượng cho Tiên Đạo. Đức Thích Ca tượng cho Phật Đạo. Nên mọi hình thức có thể biến dịch, ví dụ Nhơn Đạo được tượng bằng 07 cái Ngai thờ tại Tòa Thánh và chạy xuyên về đến Nhứt Nguyên là Quả Càn Khôn có Thái Cực Thiên Nhân, thì dòng vận hà vãn của Ngũ Chi Đại Đạo và đó vốn chỉ là tượng lý mà thôi.

Vì vậy Đạo Cao Đài đã đến và quy hiệp các hệ tín ngưỡng, những con đường giải thoát mang tính chất riêng, thành một nền Đại Đạo. Người Cao Đài là những người phải thực thi làm sao giải quyết những phương án để tối ưu hóa con đường tiến hóa đến vô cùng tận. “Nội tâm” và “biểu hiện” của hiện tượng hoàn toàn rất khác xa nhau vì biểu hiện chỉ là màu sắc thị hiện qua cái nhìn và nhận thức, trong khi nội tâm là chính là dòng suối vô tận trong trẻo có thể hòa nhịp cùng với đại dương mệnh môn không bến bờ.

Ánh sáng của Thái Cực Thiên Nhân vẫn bao trùm cả càn khôn và mọi con đường đi cho con cái Đức Chí

Tôn giựt tẩn, thẳng bước đến con đường thiêng liêng hằng sống. Bí pháp siêu phàm nhập thánh của con người là quyền năng điển lực của mỗi người, không chịu thúc phược bởi những hình trạng biểu hiệu bên ngoài nào thuộc thế gian tính, dầu đó là quyền lực nào đó cao rộng đi nữa cũng không trói buộc được tâm thức, miễn chơn thần hội tụ mọi phép tiếp diện với ánh Linh Quang thì thủ cơ đoạt pháp.

“Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập Chánh Thể, có lớn nhỏ đặng dễ thế cho các con dìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo”.

Con người bình đẳng trước luật công bình thiêng liêng, nên tất cả là anh em của nhau, đối đãi như anh em một nhà, cùng một Đấng Cha chung, cùng dìu nhau đến nơi bồng đảo. Tuy nhiên, chi chi cũng phải có lễ hòa và trật tự nên Đức Chí Tôn buộc lập Chánh Thể để điều hành nền Đạo. Chánh Thể là Hội Thánh, thay mặt Đức Chí Tôn tại thế để thực hiện cơ phổ độ.

Hội Thánh là một **chánh thể** của đạo, được quy định từ hàng Giáo Hữu đồ lên hoặc các phẩm tương đương, làm Thánh Thể của Đức Chí Tôn, tức là hình hài xác thịt của Đức Thượng Đế. Một Chức Sắc Thiên Phong là một phần tử của Thánh Thể, nên phải làm sao vừa làm hình ảnh tượng trưng sống động, vừa làm Cha, vừa làm Thầy cho nhơn sanh. Vai trò và trách nhiệm là Cha, làm Thầy là một trọng trách rất lớn lao, phải xứng

đáng, mẫu mực, tinh thần cao trọng, đủ quyền năng giáo hóa theo địa vị của Hội Thánh mà Đức Chí Tôn phú thác.

Đức Chí Tôn dùng huyền diệu Tiên cơ mà giảng trần, giáo đạo, lập nền chơn giáo, rồi toan gửi gắm nơi Hội Thánh một **Quyền** hạn ngang bằng Đức Ngài. Nhưng Đức Ngài buộc Hội Thánh phải thi hành **Luật**. Nói rõ ra, đó Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh, tức là hai mặt như in, song hành để bảo tồn nền chơn giáo, vừa để bảo toàn con cái Ngài, tức là Hội Thánh thi thố trong nhiệm vụ thiêng liêng.

“Nếu nói từ nay Đức Chí Tôn đến tạo dựng Thánh Thể của Ngài thì thật sự là Pháp Chánh, nhưng chỉ có tạo Thánh Thể của Ngài ở dưới thế này mà thôi, chớ quyền công chánh của Ngài là đã đào tạo Thánh Thể thiêng liêng của Ngài, còn về mặt luật là do Hội Thánh lập thành chớ không phải Ngài định luật.

Ấy vậy, nếu chúng ta nói Tân Luật là phạm, thì quả thật nó là phạm, còn Thiên Luật của Chí Tôn là thương yêu mới là Thánh mà thôi. Hỏi vậy, chớ Bản Đạo nói đây có quá lời chăng?” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 36].

Đức Hộ Pháp còn cho hay rằng nếu toàn Thánh Thể Đức Chí Tôn nếu biết, thì nắm quyền luật thiên nhiên ấy. Đến khi nào thiên hạ yêu thương nhau nồng nàn, giờ ấy Quyền Đạo sẽ là quyền tối thượng nơi mặt thế này.

Vì quyền của Hội Thánh là quyền thiêng liêng của Đức Chí Tôn trao nơi tay, nên tất cả chư tín đồ dĩ chí cho đến Chức Sắc cao cấp cũng phải tùng mạng lệnh Hội Thánh Đại Đạo. Do Hội Thánh là quyền thiêng liêng, nên đạo Cao Đài là một nền tôn giáo mang tính chất lạ nhất từ xưa tới nay trong lịch sử tôn giáo của nhơn Loại. Chính vì thế, ai có tư tưởng và hành động nhằm phân chia, sẽ bị **luật Thiên Điều tiêu diệt**, của Phong Đô rộng mở đón rước.

Lịch sử đạo Cao Đài cũng đã ghi nhận rất nhiều trường hợp các phần tử Thiên Phong nằm trong Hội Thánh nhưng đối đầu với Hội Thánh. Những bài học đó rất quý báu cho toàn thể chúng ta chiêm nghiệm về giá trị Hội Thánh Đại Đạo và Thiên Luật nằm trong Hội Thánh.

Đạo Cao Đài đến thế gian này do quyền năng của Đức Chí Tôn ngự trị, Chánh Pháp không giao cho người phạm mà Đức Ngài lập đại nghiệp thiêng liêng Đại Đạo bằng cách đưa hình ảnh và quyền năng vào Hội Thánh.

Cơ cấu của Hội Thánh được chia làm ba quyền năng Bát Quái Đài và hai Hội Thánh hữu hình là Hiệp Thiên Đài và Hội Thánh Cửu Trùng Đài, theo quy luật “Tinh-Khí-Thần”.

Thánh Giáo khẳng định rằng đức hạnh của môn đồ Cao Đài là điều kiện quan trọng. Ai đạo hạnh cao thì được ngồi địa vị cao do Thầy ban thưởng, ai khuấy phá

làm rối loạn nền đạo thì Thầy đuổi khỏi, lại còn bị luật Thiên Điều hành trị.

10. CUỘC THIÊN PHONG LẦN THỨ HAI

Chiếu theo bài thứ mười trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng đêm ngày 25 rạng 26 tháng 04 năm 1926, Đức Chí Tôn Thiên phong cho một số vị.

Ngài Trương Hữu Đức và Nguyễn Trung Hậu đồng được Thiên phong là Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ. Sau này, các Ngài được đưa vào vai trò rõ ràng trong chánh thể của Đại Đạo trong sứ mạng của Thập Nhị Thời Quân. Ngài Trương Hữu Đức là Hiến Pháp. Ngài Nguyễn Trung Hậu là Bảo Pháp. Ngoài tam vị lãnh đạo Hội Thánh Hiệp Thiên Đài tối cao, có Thập Nhị Thời Quân để phụ tá cho ba Chi, được phân đều. Mỗi Chi có bốn phẩm.

Chi Pháp có Khai Pháp, Hiến Pháp, Tiếp Pháp, Bảo Pháp. Chi Đạo có Khai Đạo, Hiến Đạo, Tiếp Đạo, Bảo Đạo. Chi Thế có Khai Thế, Hiến Thế, Tiếp Thế, Bảo Thế. Tổng thể là 12 vị, dưới quyền của chương quản chi Pháp, Đạo, Thế. Các chơn-linh đầu nguyên-nhân hay là Hóa nhân, hễ chịu hữu-sanh thì đều nơi tay Thập Nhị Thời Quân mà siêu đọa, cũng như Thần, Thánh, Tiên, Phật nhờ Thập nhị Thời thần mà thăng giáng. Thập Nhị Thời Quân tức là Thập nhị thời Thần tại thế.

Ngày Cao Quỳnh Cư được phong phẩm Tá Cơ Tiên Hạo Đạo Sĩ. Sau này khi có chánh thể, Ngài là chương quản chi Đạo. Từ ngày Đức Chí Tôn đến dạy đạo, nhiệm luyện mùi thanh tao, Ngài một lòng trọn tín ngưỡng và phụng vụ đạo nghiệp cho đến hơi tàn, sức mỏi, và trở gót triều Thiên, phụng sự cho nền đạo trên dưới ba năm trường với đầy thử thách, gian truân, khổ nạn. Đức Ngài là một yếu nhân trong cửa Đạo hiếm gặp. Khi quy Tiên, Đức Ngài nói với Đức Hộ Pháp rất xúc động, làm toàn đạo phải bù ngùi nhưng câu ấy đã lưu truyền vạn đại:

“Nay Qua về châu Đức Chí Tôn, em ở lại hiệp với Chức Sắc chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự. Anh dẫu có nhắm mắt thì sự mất cũng như còn.”

Ngài Phạm Công Tắc được thọ phong vào phẩm Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ. Như vậy, Đức Ngài được hai lần Đức Chí Tôn điểm đạo. Lần một là trường hợp “ngự thể” của Hộ Pháp vào chơn thân, lần hai là phong vị. Trong chánh thể Đại Đạo, Đức Ngài là chương quản chi Pháp, kiêm luôn chương quản Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Đến năm 1934 khi Đức Quyền Giáo Tông đăng tiên, Đức Ngài được Hội Thánh đồng biểu quyết cũng như Đức Lý Giáo Tông vô vi giao quyền Giáo Tông hữu hình. Kể từ năm ấy, Đức Hộ Pháp đảm nhiệm vai trò chương quản cả lưỡng đài nên Đức Ngài là Đấng Thượng Tôn Quản Thế, là bậc Giáo Chủ hữu hình của nền Đại Đạo.

Chiếu theo Pháp Chánh Truyền, vai trò hiện hữu của Đức Phạm Hộ Pháp rất tối trọng vì không khi nào Đạo tồn tại mà không có Hiệp Thiên Đài. Hiệp Thiên Đài nắm cơ chuyển hóa mà độ rỗi nhơn sanh. Nhơn sanh có thể đổi đời, chớ Hiệp Thiên Đài phải trường tồn vì vai trò của cơ quan này làm nên sự tương đắc vô vi và hữu hình. Nội lung Đức Ngài buộc dây Tam Sắc tượng trưng cho chuông quản Tam Giáo.

Ngài Vương Quang Kỳ thọ thiên ân là Giáo Sư phái Thượng, bằng đạo tước hiệu là Tiên Sắc Lang Quân Nhân Thuyết Đạo.

“Ngày 14-11-Bính Dần (dl:18-12-1926) thì Đức Lý giảng dạy:

“Thượng-Kỳ-Thanh bị sứt chức làm Giáo Hữu. Như không tuân lệnh xuất ngoại”.

Đến ngày 18-11-Bính Dần (dl: 22-12-1926), Đức Lý dạy:

“Thượng-Trung-Nhật, Hiền-hữu viết thơ cho mấy Thánh-Thất lục tỉnh nói Thượng-Kỳ Thanh bị trục xuất ra khỏi hàng Môn-đệ chẳng quyền-hành truyền Đạo nữa. Như nó chẳng tin nghe lời bị phạt Tả đạo bằng môn thì chịu, nghe à! Đã lập pháp mà nó muốn làm chi thì làm như buổi trước vậy hoài, thì bị phạm Thiên-điều tránh sao cho khỏi tội. Hộ-Pháp Hiền-hữu khá an lòng.

Qua ngày 28-11-Bính Dần (dl: 1-1-1927) thì Đức Lý giảng dạy:

“Thượng-Trung-Nhứt, Hiền-hữu từ đây coi Thượng Kỳ-Thanh như một Môn-Đệ vậy thôi, chứ chức Giáo-Hữu cũng cất luôn nữa. Thầy để lời xin tha mà pháp-luật đã phạm tha sao cho được” [Tài liệu sưu khảo].

Kể từ sự kiện ấy, Ngài tách ra khỏi Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh và lập chi phái Cầu Kho, gọi là Hội Thánh Cầu Kho. Chúng ta cũng nên điểm lại sự kiện này mà làm bài học cho đoàn hậu sinh. Đức Hộ Pháp thuyết giảng về Con Đường Thiêng Hằng Sống:

“Bần Đạo may duyên đặng thấy hình trạng ấy, chúng ta không thể gì định hành-tàng người này hay, người kia dở, người này nên, người kia hư, nhiều điều ta ngó thấy trong cảnh này khác hẳn với khuôn luật vô hình, chúng ta chẳng thể nào đoán trước được. Bần-Đạo thấy người Bạn nhờ ơn Thiêng-Liêng của Đức Chí-Tôn, ơn riêng ban cho người Bạn ấy. Người ấy có Người chí thân là một Đấng cầm quyền trọng hệ trên Hư-Linh tức là Diêu Trì-CungThất-Nương. Bần-Đạo nói rõ, Người ấy là Vương Quan-Kỳ chủ ruột của Thất-Nương vậy. Người mở Đạo mà chẳng biết Đạo là gì hết. Đi theo một tư-tưởng của nền Chánh-giáo do Đức Chí-Tôn, định quyết tư-tưởng của Người ấy và cả hành-tàng, nếu chúng ta thấy ta sẽ lên án là Tả-Đạo Bàng-Môn chắc hẳn vậy.

Lạ thay! Khi Bàn-Đạo quay lại dòm thấy nhiều Bạn rơi xuống Bích-Hải khóc lóc, còn người đó bạn Thiên Phục giống hình đội mũ Giáo-Sư, lại áo tốt vắt vai, mũ cầm nơi tay, bạn quần cụt ở trần đi ngật-ngờ, ngật ngưỡng cười một mình không biết cười cái gì, đi ngang qua Bát Quái-Đài như không vậy.

Ấy các bạn đủ biết, dấu hành tàng của người bề hữu-vi thấy trái hẳn nên chơn-giáo Đức Chí-Tôn mà trọn tâm tín-ngưỡng Ngài, ta đoán không đặng, người thọ Thiên-Phục áo mũ dầu không thể gì mặc vô được, duy cầm nơi tay đi ngang vô Bát-Quái-Đài không quyền-lực nào ngăn cản được”.

Ngài Đoàn Văn Bản được phong là Tiên Đạo Công Thần Thuyết Đạo Sư. Đức Chí Tôn ban thánh thi cho Ngài:

*“Thương thay trung tín một lòng thành,
Chẳng kể quan mà chẳng kể danh.
Thiệt thời bấy phận không con nôi,
Thấy rứa lòng Ta cũng chẳng đành”*

Theo Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, Ngài muốn lập đàn cơ thì Đức Cao Đài trả lời ngụ ý, cho ai nấy hưởng. Bài thánh thi của Đức Chí Tôn như sau:

*“Bút nở mùa hoa đã có chùng,
Chẳng như củi mục hốt mà bùng.
Gắng công ắt đặng công mà chớ,
Buồn bực rồi sau mới có mừng”*

Riêng Ngài Lê Văn Trung đã thọ thiên ân là Thượng Đâu Sư và Lê Văn Lịch đã thọ phong là Ngọc Đâu Sư trước đó. Đức Chí Tôn không có nêu chi thêm mà nhắc rằng cứ giữ phẩm ấy mà hành đạo và cần tuân lệnh của Đức Chí Tôn và dặn Ngài Cao Quỳnh Cư thi hành lệnh Thiên Phong trên.

11. PHẬT GIẢ VÔ NGÔN

Chiếu theo bài thứ mười một trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 30 tháng 05 năm 1926, đàn cơ tại Cần Giuộc, Đức Chí Tôn dạy khẳng định Đức Ngài đến giáng truyền mỗi đạo mới để loài người chẳng thể chối hay ngụy cố rằng “Phật giả vô ngôn”.

“Từ trước Ta giáng sanh lập Phật-Giáo gần sáu ngàn năm thì Phật-đạo chánh truyền gần thay đổi. Ta hằng nghe chúng sanh nói Phật giả vô ngôn. Nay nhưt định lấy huyền diệu mà giáo-đạo, chớ không giáng sanh nữa, đặng chuyển Phật-Giáo lại cho hoàn toàn”.

Lời thánh truyền trên cho biết chánh truyền của nền Phật Đạo đã gần thay đổi. Loài người ngụy biện rằng “Phật giả vô ngôn” nên không thể biết bí pháp chơn truyền tu chứng. Do vậy, Đức Chí Tôn quyết đến thế gian qua diệu huyền tiên bút dạy đạo, không giáng sanh để làm cho Phật Giáo được chấn chỉnh hoàn bị.

Vì trong những lời truyền xưa nay, nói rằng Đạo Cao Đài là **Phật Giáo chấn hưng** hay Nho Tông chuyển thế. Không những thế, nền đạo có đủ Tam Giáo, có Ngũ Chi Đại Đạo với đầy đủ triết lý và nhiều con đường tu tập cho sanh chúng. Ấy là một đại ân huệ của Đức Chí Tôn ban rải trong thời mạt pháp.

“Dường này, từ đây chư chúng sanh chẳng tu bị đọa A-Tỳ, thì hết lời nói rằng: “Phật-Tông vô giáo”, mà chối tội nữa”.

Đạo Phật ra đời do Đức Phật Thích Ca làm giáo chủ, khai mở con đường giải thoát cho chúng sanh. Tuy nhiên, một dữ kiện quan trọng mà chúng ta quan tâm việc truyền tâm ấn cho các đại đệ tử có căn cơ cao. Đức Thích Ca đứng trước đại hội, giơ đóa hoa lên. Mọi người không ai hiểu, trở nên ngờ ngác, duy chỉ Ngài Ma-Ha Ca-Diếp thấu huyền cơ nên mỉm cười.

Đức Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ qua Trung Hoa truyền đạo, gặp Lương Vũ Đế là một ông vua nổi tiếng là mộ đạo, xây chùa, trợ giúp tăng ni rất nhiều. Nhận thấy nhà vua ngờ ngẩn chẳng hiểu gì sâu sắc về giáo pháp, Bồ Đề Đạt Ma vào động thiếu thất bên chùa Thiếu Lâm, ngồi nhìn vách động cầm khẩu chín năm, cho đến khi Ngài Huệ Khả xin làm đệ tử.

Thiền sư Vô Ngôn Thông từ Quảng Châu vào tháng Chín mùa thu năm Canh Tý, Đường Nguyên Hòa thứ 15 [năm 820], sang An Nam, đến ở tại chùa Kiến Sơ

trên núi Tiên Du, thuộc hương Phù Đổng, huyện Tiên Du, Giao Châu [nay thuộc tỉnh Bắc Ninh].

Hằng ngày, ngoài việc cơm cháo, suốt ngày chỉ ngồi quay mặt vào vách, không nói một lời, vui trong thiên định; suốt mấy năm mà người ngoài không biết, chỉ có trụ trì chùa là sư Lập Đức, thấu rõ huyền cơ nên lòng càng tôn kính, hết lòng hầu hạ, âm thầm học hỏi nên hiểu rõ yếu chỉ của Thiền tông. Vì thế, Thiền sư Vô Ngôn Thông cho đổi pháp danh của Lập Đức thành Cảm Thành.

Ngày 12 tháng Giêng năm Bính Ngọ, niên hiệu Bảo Lịch thứ hai, đời Nhà Đường [năm 826], tại chùa Kiến Sơ, Thiền sư Vô Ngôn Thông không bệnh, tắm rửa, thay y phục, gọi Cảm Thành đến dạy kệ thi xong rồi viên tịch:

*“Tất cả các pháp đều từ tâm sinh,
Tâm không chỗ sinh, pháp không chỗ trụ.
Nếu đạt tâm địa làm mà không vướng mắc,
Không gặp người thiện căn, cần thận chớ nói”.*

Sở dĩ Phật Giáo “vô ngôn” vì nếu vị truyền pháp càng nói nhiều thì có lẽ đệ tử sẽ càng rối rắm. Nếu im lặng, trò chẳng có chi để bám trụ, và tự do chiêm nghiệm cho đến khi ngộ ra lý pháp. Chúng ta thường bắt gặp những công án thiền mà người thầy đường đưa ra để trò không còn tâm trí xao động, tập trung vào mật giáo uyên áo, hoàn toàn tĩnh lặng trong tâm thức, giác ngộ, thấy được mọi thứ ở mọi tầng mức sâu thẳm nhất của trí

huệ, ấy là trí Bát Nhã. Đường như con đường của Phật Tông hướng môn đồ đến trạng thái tĩnh hư, khám phá tâm linh để “minh tâm kiến tánh” hơn là nói nhiều, giảng luận nhiều.

Đức Chí Tôn đã đến bằng ngọn Tiên bút để thống nhất toàn thể các thể thức tín ngưỡng, bày pháp môn cứu chúng sanh. Đây là cơ ân xá, tận độ của Đức Thượng Đế. Nếu loài người chẳng chịu tu hành, ra công làm lành, lánh dữ, tu đạo theo triết lý Đại Đạo thì chịu lăn trôi trong luân hồi, chẳng còn chối “Phật giả vô ngôn” nữa.

“Ta nói cho chúng sanh biết rằng: Gặp Tam-kỳ Phổ-độ này mà không tu, thì không còn trông mong siêu rỗi”.

Nền Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một cơ đại ân xá cho chúng sanh hồi đầu hướng thiện, nhìn nhận tội lỗi, sám hối ăn năn, lập công bồi đức để giải quả tiền khiên, lo phổ độ để đi vào trường thi công quả của Đức Chí Tôn mới mong lánh chốn luân hồi, găm ghé vào ngôi vị Thiêng Liêng. Bằng không, chẳng con đường nào khác như lời Đức Chí Tôn tuyên ngôn.

12. THÁNH TÂM CỦA BẠC NGUYÊN NHÂN

Chiếu theo bài thứ mười hai trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 31 tháng 05 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy về thánh tâm của bậc nguyên

nhân. Dầu có khôn khở, đa truân ở cõi hồng trần thì chất ấy vẫn còn giữ.

“Thánh-tâm dầu phải chịu khổ trần đi nữa, thì chất nó cũng vẫn còn. Các con khác hơn kẻ phàm là duy tại bấy nhiêu đó mà thôi”.

Đức Chí Tôn ám chỉ “Thánh Tâm” là những bậc Nguyên Nhân giáng trần lo phận sự thiêng liêng, gánh vác sứ mạng cao trọng trong nền Đại Đạo Tam Kỳ để thực hiện cơ phổ độ chúng sanh.

Có hai hạng người là Hóa Nhân và Nguyên Nhân. Hóa Nhân là những người tấn hóa theo luật trật tự rồi tu hành, hầu đoạt quả thiêng liêng vị. Nguyên Nhân là người ở thế gian nhưng vì một sứ mạng nào đó, hay bị đọa trần, hoặc giáng phàm để tu tiếp để nâng cao thiên vị. Do vậy, bậc Nguyên Nhân vốn đã có căn tánh và ngôi vị nên hằng vẫn giữ thánh tâm, dầu có chịu lắm chông gai, khổ nhọc bụi trần thì vẫn không quên cố hướng hay địa vị của mình, tức là cõi Thiên Thai.

Hạng phàm nhân có thể nhất thời tu học, đáng thân khoác áo nâu sòng, chịu vùi trong tục khổ nhưng có khi phải chịu khảo đảo thì thối bước, chùn chân, ngã lòng, bỏ chí.

“Kẻ phàm dầu ly hương thuở ấu-xuân đi nữa, lòng hằng hoài vọng. Chí Thánh dầu bị đọa trần, lòng hãy còn nhớ hoài nơi Tiên-Cảnh”.

Thật vậy, bậc nguyên căn dầu xuống thế theo hình thức nào, dầu theo thiên mạng, dầu học hỏi, dầu du ngoạn, dầu đọa trần thì căn tánh vẫn đánh thức chơn tâm, giục thúc về ngôi xưa, vị cũ, chẳng bao giờ quên lạc cảnh thiên thai mà bị vùi lấp trong chốn trần lao khổ ải.

“Nếu chẳng vậy, ai có dám ra ứng thuận hạ thế cứu đời? Con chỉ tu mà đắc đạo. Phải ngó đến hằng ức, thiên vạn kẻ non-sanh chưa đặng khỏi luân hồi, để lòng từ bi độ rỗi kẻ tội nghiệp”.

Với câu đầu, đã cho chúng ta biết hai điều yếu trọng. Thứ nhất, thế gian là một lao ngục, chứa đầy những tội lỗi, chất chứa vô minh, dục vọng, tham lam và vô vàn những điều khác mà khi mang thân xác người, sẽ phải chịu những khối lực phạm ngã lôi kéo. Thứ hai, Đạo khai tức có các bậc Nguyên Nhân, những chân mạng theo lệnh hoặc sự tình nguyện hạ trần để gánh vác trách nhiệm phổ độ chơn giáo. Nếu các bậc nguyên căn hạ trần mà bị vòng lôi kéo ái dục, danh-lợi-quyền theo luật thiên nhiên dễ dàng thì chẳng có một Đấng Phật, Tiên nào dám tình nguyện giáng lâm.

*“Cái yêu ái và hiếu hạnh ấy phải là phi thường do tâm linh điều khiển, phải thương yêu non sanh và vật loại hơn mình và coi đồng thể, đồng sanh với mình. Phải tạo dựng cố thủ **Thánh tâm** cho nên Chí Thánh, và đạt cho đủ ba ngàn công quả thì sẽ đi đến, lướt đặng và vững vàng thắng muôn điều trở ngại”* [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 05].

“Con chỉ tu mà đắc đạo” ấy là lời dạy các bậc Thiên Sứ, bậc Nguyên Nhân lâm phạm, thay Đức Chí Tôn lập giáo và phổ độ chánh đạo. Phạm con người cũng vậy, muôn đắc đạo, duy chỉ có con đường tu, nhuộm áo nâu sòng, nhập trường thánh đức của Thầy Chí Tôn mà tô công lập vị, phải giữ thân tâm thuần tịnh, tinh khôi, tránh mê đắm danh-lợi-tình, giữ lòng chân thành, gìn luật lệ Cao Đài, thiện lương, Tam Lập, khép mình vào lòng của Đức Chí Tôn mới mong được ánh minh quang soi chiếu.

Đoạn thánh giáo trên còn nói về thảm trạng loài người vốn chìm đắm trong vòng tứ khổ luân hồi, vay vay-trả trả, oan oan tương báo. Nên các bậc thiên mạng phải đoái thương, từ bi độ rỗi chúng sanh, không thì rất tội.

Trời mở **đạo** ấy là một nhánh dương làm phục sinh lại để biết địa vị loài người đang ở đâu, biết giá trị của Đức Chí Tôn giáng trần làm gì, biết quý trọng nguồn ánh sáng đạo pháp mà bỏ cái giả, tầm cái chơn thật, biết nghe lời các chơn mạng đang thay Đức Chí Tôn thi hành thiên phận phổ độ, biết sám hối, ăn năn, biết nương mình học hỏi triết lý đạo, chí thành, chí chơn, hồi đầu hướng thiện. Nếu đã là môn đệ Cao Đài, phải dụng hết thánh tâm tô công lập đức, vệt lối công gai mà tu thân lập đức.

Lời nhắn khuyên của Đức Chí Tôn đâu không phải là lời kêu gọi trực tiếp như sanh đang đắm chìm trong biển mê, nhưng đó là lời gián tiếp, như khuyên

toàn sanh chúng, biết hồi đầu, biết trần cảnh là khổ nên lăn trôi trong vòng hắc ám, khổ ải vô biên, chẳng hưởng được đạo vị. Ngày nay, Đạo khai thì biết ơn cứu độ mà thức tỉnh, vui lòng tu niệm hưởng ân thiên.

13. THẤT KỲ TRUYỀN

Chiếu theo bài thứ mười ba trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 05 tháng 06 năm 1926, thiết đàn cơ tại Cần Giuộc, Đức Chí Tôn nói Đức Ngài chính là Đức Thích Ca và tuyên ngôn rằng tình trạng thất kỳ truyền.

Thất kỳ truyền nghĩa là trạng thái mất chơn truyền, sai lạc với chánh pháp, không còn giữ pháp môn nguyên thủy ban đầu. Chánh pháp nguyên thủy, chân chính là phương pháp tu hành để chúng sanh giác ngộ, có khả năng đưa người tu trở về tự tánh, lánh hồng trần, đến nơi bông đảo.

“Thích-Ca Như-Lai thị Ngã, dục cứu chúng sanh, tá danh Cao-Đài Đại-Bồ-Tát. Nhữ tri hồ?”.

Đoạn này đã mô tả như bài số 06, nghĩa là Đức Chí Tôn nói chính là các Đấng Giáo Chủ. “Đức Thích Ca chính là Ta, mong muốn cứu độ chúng sanh, lấy danh là Cao Đài Đại Bồ Tát. Các người có biết chăng?”. Đức Chí Tôn là Đấng Sáng Thế và là duy nhất tồn tại sao Khí Hư Vô. Cho nên “chơn thân” của Ngài có thể hóa thân, thiên biến vạn hóa trong càn khôn.

“Thích-Ca Như-Lai

Kim viết: Cao-Đài Tiên-Ông Đại Bồ-Tát

Chư-Son nghe dạy:

*Vốn từ Lục-Tổ thì **Phật Giáo đã bị bế lại**, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành; Chánh Pháp bị nơi Thần-Tử làm cho ra mắt Chánh Giáo, lập riêng pháp-luật buộc mỗi Đạo-Thiên”.*

Theo tôn chỉ của Phật Giáo từ khi sau khi Đức Phật Thích Ca tịch diệt, nhập Niết Bàn thì ai thọ tâm ấn, nhận áo và bình bát vu khất thực của Đức Phật, tức là người đó đã đốn ngộ, nhận lãnh trách nhiệm làm Tổ, tiếp tục hóa độ chúng sanh. Đức Bồ Đề Đạt Ma là vị Tổ thứ 28 sang sang Trung Hoa để truyền đạo. Đức Ngài được xem là vị Tổ thứ nhất tại Trung Hoa rồi truyền sang Nhị Tổ Huệ Khả, sang Tam Tổ Tăng Xán, đến Tứ Tổ Đạo Tín, Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn và cuối cùng là Lục Tổ Huệ Năng.

Đến giai đoạn của Ngài Lục Tổ thì không còn truyền y-bát chánh thống, nghĩa là không có Tổ thứ bảy. Tuyên ngôn của Đức Thích Ca thì sau sự tịch diệt của Lục Tổ, **đạo đã bị bế lại**, chúng sanh tu hăng hà, nhưng có công tu luyện nhưng chẳng đắc đạo. Đó là hiện tượng **“thất kỳ truyền”** của đạo giáo.

*“Thiên hạ ai cũng phải nhìn nhận, ai cũng biết rõ rằng các Tôn giáo ngày nay, đã làm lạc, đã **thất chơn truyền**, tinh thần hơn chùng đương tìm kiếm một mãnh lực tinh thần nào chan chứa tâm đức có thể làm cho*

mình thỏa mãn, ngày giờ này họ đương tiềm tàng, họ vẫn còn thiếu, vẫn còn khao khát, họ đói kém tinh thần, họ còn đói kém tín ngưỡng” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2 bài 43].

Ra công tu tập, luyện tâm, tu tánh, mong thoát trần nhưng chẳng thành bởi vì nền tôn giáo nơi mặt thế gian đã thất chơn truyền, đó chẳng phải lỗi lầm mà là tình trạng lạc lối do Chánh Giáo đã bị bẻ lại. Chơn truyền là một giáo pháp quan trọng, cốt lõi của nền tôn giáo. Nếu chánh pháp sai lạc, biến tướng, thì trở nên thất kỳ truyền, thất pháp, thất sách, không hề đưa chúng sanh trở về bờ giác ngộ.

“Họ thật tâm tu mà họ không vào được là tại nền Tôn-Giáo nơi mặt thế gian này **thất chơn-truyền**, rồi họ vì nghe, vì tin mà theo. Theo, họ cũng đến Cực-Lạc được, duy có một điều là họ không hưởng thiệt cảnh, họ hưởng giả cảnh mà thôi. Họ phải ở ngoại-ô Cực-Lạc một thời gian đặng họ biết, họ đào luyện tinh-thần họ, họ không có tội tình gì hết, họ chỉ đi lạc lối mà thôi, nên họ hưởng không phải thiệt cảnh nơi Cực-Lạc Thế-Giới hay Niết-Bàn. Họ chỉ ở đó ẩn thân tu luyện một thời gian năm bảy trăm năm, rồi đầu kiếp lại tu nữa. Nếu tái kiếp lại tu nữa, chừng đó mới tìm-tàng thấu đáo chơn-truyền, mới được nhập vào thiệt cảnh” [CĐTLHS, bài 32].

Đức Phật Thích Ca giảng phạm gian, mở nền Phật Tông cũng vì lãnh trách nhiệm thiên mạng, cầm quyền cứu rỗi loài người. Thiên thơ Trời Đất luôn luôn theo

quy luật. Dầu “Thiên-Địa vạn vật đồng nhất thể” nhưng những điều bí yếu, bí trọng không hẳn được phép tiết lộ. Các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật luôn luôn từ bi, thương xót chúng sanh. Đức Thích Ca cũng vì thiên luật mà phải “cam đê vậ”.

*“Ta vì luật lệnh Thiên mạng đã ra, cho nên **cam đê vậ**, làm cho Phật-Tông thất chánh có gần ba ngàn năm nay”.*

Dầu thấy xót xa, bi ai, thương lụy chúng sanh rơi vào thất chơn truyền, nhưng Ngài phải cam lòng đê vậ. Nên các tông đồ tu vô số, chánh quả không đạt, hữu công lại không đắc quả. Ấy cùng vì hiện tượng “thất chơn truyền” của giáo pháp cổ xưa. Nay đến thời kỳ khai mới Chơn Truyền mới, Đức Ngài mới tiết lộ sự thất pháp ấy cho chư tăng nghe hiểu.

“Vì Tam-kỳ Phổ-độ, Thiên-địa hoằng khai; nơi “Tây phương Cực-lạc” và “Ngọc-Hư-Cung” mật chiếu đã truyền siêu rồi chúng sanh. Trong Phật-Tông-Nguyên-Lý đã cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi; tại Tăng Đồ không kiểm chơn lý mà hiểu”.

Tây Phương Cực Lạc và Ngọc Hư Cung đã mật truyền nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Các vị Giáo Chủ và nhiều nơi theo mật truyền cũng đã cho biết sự ra đời của mới đạo này. Chính Phật Tông Nguyên Lý cũng đàm sấm truyền nhưng chư tăng không kiểm hiểu, cứ bám theo cổ luật, diễn theo cái tướng sắc và sai lệch ấy mà tu. Vốn chịu nầu sòng, khổ hạnh, tu thân luyện tánh, mài

thân, mài chí mà chưa hề đến nơi địa vị xứng đáng với cái công truân chuyên học luyện.

“Lắm kẻ đã chịu khổ hạnh hành Đạo... Ôi! Thương thay! Công có công mà thưởng chưa hề có thưởng, vì vậy mà Ta rất đau lòng”.

Đó là một thảm trạng đau lòng của các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình khi nhìn thấy chúng sanh. Thiên địa tuần hoàn, đến lúc khai mạch truy nguyên, cứu chúng sanh, thức tỉnh bằng nền giáo pháp mới, Ngài đến cứu cả chúng sanh đương hồi khổ hạnh, cũng vì các bậc Nguyên Nhân còn bị đọa trần, chưa đoạt thủ cự vị.

“Ta đến chẳng phải cứu mình chừ Tăng mà thôi; vì trong thế hiếm bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật, phải đọa hồng trần, Ta đương lo cứu vớt”.

Nguyên Nhân, Hóa Nhân, Quỷ Nhân chung lộn ở chôn phàm gian. Từ ngày đọa bị bẻ, 92 ức Nguyên Nhân không phương trở về đầu lăm công tu luyện. Cố nhiên cũng vì mê luyện, tội tình lắm nên không thể chi tự mình giải thoát trở về thiên vị.

“Bần Đạo dám nói rằng trong Càn Khôn này, số Hóa nhân còn có ít hơn là Nguyên nhân bị đọa trần, chịu luân hồi chuyển kiếp đặng đền tội nhiều phen, chỉ vì quỵn luyến phàm chất, không đủ can đảm thú tội trước Đức Chí Tôn và chừ Thần, Thánh, Tiên, Phật. Nếu không muốn đợi để thú tội với Đức Chí Tôn thì hiện giờ vì biết mình có tội đến thú tội với chừ Đại Thiên Phong Hiệp Thiên Đài cầm quyền Pháp Chánh đó đi, rồi quyết

chắc đã đền xong tội phạm ắt cửa Thiêng Liêng cũng khó định nghiêm hình, vì có cố nhiên là một án chỉ có một hình.

Ngày giờ nào nhơn sanh chưa có can đảm thú tội của họ, thì cửa Hư Linh vẫn còn chối họ mãi mãi” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Án hình của loài người cũng vậy, không riêng các bậc Nguyên Nhân, đó là **sự mê lầm**, không biết xưng tội, chịu hình luật thiên lý, chẳng biết thẹn lòng, tự cao, tự đại, ngã mạng, cứ hiểu mình luôn đứng trong mọi hình thái, để phải chuốc nhận những “bản án” khắc nghiệt của thiên luật.

“Chư tăng, chư chúng-sanh hữu căn, hữu kiếp, đặng gặp kỳ Phổ-độ này là lần chót; phải rán sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trong giả luật. Chư-Son đắc Đạo cùng chẳng là do nơi mình hành Đạo. Phép hành Đạo Phật-Giáo, dường như ra sái hết, tương tự như gần biến “Tả-Đạo-Bàn-Môn”. Kỳ truyền đã thất”.

Người hữu duyên là người gặp được nền Đạo, ngộ giáo lý, tòng giáo pháp để tu hành. Vì cổ luật đã bị con người tác động, dịch chuyển đến đổi gần như thành tả đạo bàn môn, phép tu dường như sái hết chơn truyền nguyên thủy, nên người gặp ngay thời kỳ đạo khai thì rất đáng hữu duyên, có hồng phước. Ôn phổ độ kỳ này là cuộc đại ân xá cho toàn thể chúng sanh. Nếu trễ chuyển đồ, không biết khi nào mới có cơ duyên gặp được cuộc ân xá này.

Các tôn giáo hiện hữu xưa này, nhờ có Thể Pháp đạo làm tương diện, hướng dẫn con người biết hướng về tâm pháp. Nhưng dầu sự cao siêu, vĩ đại của văn minh tôn giáo đến đâu, nếu không có Bí Pháp thì nền tôn giáo ấy hẳn là bàn môn tả đạo. Nhờ có Bí Pháp, các giáo pháp có thể đưa con người định tánh, tu hành, giải thoát hồng trần. Nhưng ngày tháng qua đi, Bí Pháp bị người làm phàm hóa, trở nên thất bí truyền mà đưa loài người vào giả cuộc, mộng tưởng, ôm cổ luật đã bị chính con người làm hư méo, nên cơ bí pháp giải thoát hãy còn xa vời. Đó là hiện tượng “thất kỳ truyền” mà Đức Chí Tôn và Đức Thích Ca tuyên ngôn cho loài người hay.

Đức Chí Tôn vì lòng đại bi, đại ái, khai ân xá, mở Đại Đạo Tam Kỳ hầu cứu khổ các bậc Nguyên Nhân còn đọa trần, và siêu độ toàn thể chúng sanh. Ấy là mở một con đường hằng sống cho loài người, một Chánh Pháp mới để kiềm thúc, bảo trọng con cái Người.

“Chư-Son chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào; cứ ôm luật Thần-Tú thì đương mong mỏi về Tây-Phương mà cửa Tây-Phương vẫn cứ bị đóng, thì cơ thành chánh quả do nơi nào mà biết chắc vậy. Ta đã đến với huyền diệu này, thì từ đây Ta cũng cho Chư-Tăng dùng huyền diệu này mà học hỏi; ngày sau thì đừng đổ tội rằng vì thất học mà thất kỳ truyền, Chư-Tăng từ đây chẳng đặng nói Phật giả vô ngôn nữa”.

Người nương cửa từ bi chỉ mong mỏi về cửa Tây Phương Cực Lạc, được hằng sống, thoát khỏi luân hồi, thong dong cõi thọ. Nhưng luật của Ngài Thần Tú mãi

mãi làm cho cửa Cực Lạc vẫn khép chặt. “*Chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào*” chính là vì:

Thứ nhất, thất kỳ truyền của nền tôn giáo xưa. Thứ hai, Đạo Cao Đài cho biết nguyên nhân là Ngọc Hư Cung bác luật, Lô Âm Tự phá cổ. Đây là hai cơ quan tối trọng để điều hành cơ quan càn khôn vũ trụ. Vì thế ấy, hữu công tu hành, nhưng chẳng đoạt pháp, trở về thiêng liêng cảnh.

Ngày nay, Đạo Cao Đài sáng lập do huyền diệu cơ bút nên toàn thể loài người có thể tiến tu, học hỏi giáo pháp, nương vào Tân Pháp Cao Đài để bắt nhịp với cơ quan điều hành pháp giới của càn khôn, chẳng thể đổ lỗi do “Phật giả vô ngôn”.

14. SỰ SAI DỊCH CỦA CÁC THÁNH TÔNG ĐỒ

Chiếu theo bài thứ mười bốn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giảng ngày 08 tháng 06 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy đạo cho hai người Pháp, nói về sự thất kỳ truyền của Thiên Chúa Giáo.

“Hỡi này dân-tộc có diễm phúc: Thầy sẽ làm thỏa mãn tánh hiếu-kỳ của con. Là loài người, các con có biết tự đâu các con đến chằng?”

Con người vốn mang sự hiếu kỳ giữa vạn vật vũ trụ bao la. Tính hiếu kỳ và học hỏi là điều rất nên đề nâng mình đến có tuệ giác, biết đặt cơ quan nhiệm mầu tạo đốn, rồi sửa mình đi đến cảnh mỹ lệ, vinh quang

bằng cuộc đời công hiến và phụng sự cho nhân loại. Tinh thần hiếu kỳ và học hỏi, cũng như những ước nguyện toan tính thiện lành sẽ giúp con người đạt được nhiều sở vọng.

“Trong vạn-vật hiện hữu trên quả địa-cầu này, các con là kẻ được ban ân huệ nhiều hơn cả. Thầy đem các con đến tận Thầy, bằng cả tinh thần lẫn trí-huệ. Các con có đủ bằng chứng để tự biết mình do sự thắng phạm-vị thiêng-liêng”.

Nước Pháp được ảnh hưởng bởi Thiên Chúa Giáo rất lớn. Nhà Thờ Đức Bà Reims là nhờ thờ lớn nhất Pháp quốc bởi sự kỳ vĩ và kiến trúc độc đáo. Ba khung cửa vào có 28 bức tượng là hiện thân của vua Judah và Do Thái. Cửa vòm bên trái có mặt tiền hướng Tây là cửa của Đức Mẹ Đồng Trinh và quang cảnh đấng quang của Đức Mẹ. Cửa giữa chia làm ba tầng, tầng trên cùng là cảnh khải hoàn của Đức Chúa Kito khi phục sinh, tầng giữa là cảnh phán xét cuối cùng, tầng dưới là cảnh miêu tả cái xấu và cái thiện của loài người.

Đức Chí Tôn gọi Pháp quốc là nước có diễm phúc vì được thọ hưởng nền văn minh tôn giáo đặc sắc. Có lẽ nhờ đức tin, lòng chí thành của dân tộc mà Đức Chí Tôn nói như thế. Sự hiếu kỳ của hai người Pháp về nền đạo, về Đức Đấng Cao Cả, nên đàn cơ đã đặc ân riêng giảng cho hai người này. Đức Chí Tôn hứa sẽ đem đến tận Ngài bằng cả tinh thần và trí huệ. Chính nhờ ân điển của Đấng Tối Cao làm cho người đủ trí huệ mà thấy địa vị nhờ sự thắng phạm qua hồng ân của Đức Chúa Trời.

Bằng sự mở rộng, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển chỉ dạy cho đoàn thể, cá nhân, cách lập luật, thi hành khai nền Đại Đạo Tam Kỳ và Chánh Thể mới, bí pháp giải thoát cho nền đạo Cao Đài, chúng ta vẫn hiểu rằng, những lời thánh huấn ấy không những có giá trị đối đối với cá nhân được điểm danh mà đối với toàn loài người.

“Thầy đem các con đến tận Thầy”, chúng sanh được khai cơ tận độ, cứu tuyền diệt vong. Đạo khai do Đấng Cao Cả hướng dẫn, đến tận loài người để truyền bá đạo màu, bày giáo pháp cứu cánh để Đức Chí Tôn đem con cái Người đến tận nơi hằng sanh, là trở về với Đức Ngài. Nhưng chơn căn đã hữu duyên, có cự vị nếu nhập trường Cao Đài, phụng sự một lòng theo tân pháp, cũng sẽ được ân sủng thăng phẩm thiêng liêng vị.

“Chúa cứu thế đã đến với các con. Người đã phải chịu đổ máu Thánh để chuộc tội cho loài người”.

Theo Đạo Cao Đài, Giáo Chủ Thánh Giáo Gia Tô là một trong Tam Thế Chí Tôn giáng trần lập giáo. Đó là Đấng Christa, là một vị Phật Bảo Tồn nên có lòng thương yêu nhơn loại nồng nàn, sâu sắc. Do trong thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, con người đã bội phản Đệ Nhứt Hòa Ước nên mang trọng tội, phạm luật Thiên Điều, gọi là “tội tổ tông” với Đấng Thượng Đế. Đấng Tam Thế Phật Christa mới giáng hạ, tình nguyện gánh tội cho nhân loại và đại diện ký Đệ Nhị Hòa Ước với Đức Chí Tôn hầu dìu dẫn chúng sanh tu hành, trở về với Đức Chí Tôn.

Đức Ngài giáng phạm lập nên nền Thánh Giáo Gia Kito hay là Thiên Chúa Giáo, một trong Ngũ Chi Đại Đạo nên Đức Ngài được gọi là Gia Tô **Giáo Chủ** hầu chuộc tội cho loài người. Hình ảnh Đức Chúa Kito chính là hình ảnh của Đức Chí Tôn, hạ mình, chịu nhục, khổ để gánh vác cả muôn vàn tội lỗi của chúng sanh.

Đức Ngài xuống trần để **Cứu Thế** toàn thể nhân loại, đem xác Thánh hy sinh, chịu đổ máu để chuộc tội cho nhân loại, thân xác của Ngài tình nguyện chịu đóng đinh trên Thập Tự Giá để làm con tế vật cho Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn không bảo Đức Chúa Kito phải làm vậy nhưng Chúa Kito làm vậy vì tình thương đối với nhân loại nồng nàn. Đức Hộ Pháp giảng rằng xác thánh ấy đồng thể với Tam Bửu mà Đức Kito dâng lên Đức Chí Tôn. Vì tình thương vô biên, sự hạ mình cao cả, cả thánh thể nhuộm đầy máu để cứu nhân loại nên Đức Kito là một Đấng Cứu Thế.

Đức Jesus đến và không những giúp con người tái lập lại tình trạng ban đầu mà còn mở ra cho nhân loại một viễn cảnh mới. Giáo lý Hội Thánh Công Giáo đã coi công trình cứu chuộc của Đức Kito là một “ân sủng” và xếp vào đề tài luân lý nền tảng của Đạo.

Đối với nội dung cơ bản của công trình cứu chuộc của Đấng Kito, sự giáng lâm của Đấng Jesus là một việc làm giúp cho con người hưởng được những ân sủng thiêng liêng và tất nhiên con người đến được với Đức Chí Tôn không qua bản thân cá nhân mà do trung gian Đức Kito, tức là sự hướng dẫn của Đức Jesus giúp con

người nhận ra, đó là một sự hỗ trợ thánh linh, kết nối sợi dây tương thông với Đức Chí Tôn và củng cố lại quan hệ bền vững, đưa con người đến một tình trạng “nghĩa tử” trong lòng Đức Chí Tôn

“Trong 2000 năm vắng mặt Người, các con đã làm gì hữu ích? Các con truyền-bá đạo Người, nhưng chính các con cũng không hiểu chi cả. Các con lại làm sai-lạc bản-chất tôn-chỉ của nền Thánh-giáo. Nhân-loại phải chịu đau khổ vì sự biến thể của các Thánh Tông-Đồ”.

Đệ Nhất Thiên-Nhân Hòa ước bị phá vỡ, Đức Chúa Kito đã lâm phạm, thay loài người ký Đệ Nhị Thiên-Nhân Hòa Ước. Đức Chúa Jesus đã đến dùng máu thánh để chuộc tội “nguyên tổ” và tội “truyền thụ” của loài người, làm con tế vật cho Đức Chúa Trời. Từ trật tự hữu tội, mất sự liên kết với Đức Chí Tôn, Đức Chúa Kito đã làm loài người phục sinh, tạo mối liên kết thánh linh với Đức Chúa Cha, đưa loài người sống dậy bằng cả thánh chất để trở về nước hằng sống. Đó là những ân huệ lớn lao mà loài người từng hưởng, nói riêng là Pháp Quốc cũng từng hưởng.

Trong hai ngàn năm qua, loài người đã làm gì để đáp lại ân nghĩa của Đức Chúa Trời và Đức Chúa Kito, hay chính nhân loại chưa hiểu và làm sai lệch mối chơn truyền Thánh Giáo Gia Tô?

Mười hai vị Thánh Tông Đồ đã chối chúa. Đệ Nhất Tông Đồ chối Chúa đến ba lần, mới nhận lại. Việc

chối Chúa là một sự đau khổ tột cùng, đó là chối Đức Chúa Trời, chối bỏ hồng ân của Đức Chúa Cha, xa lìa ân thánh của Đức Chúa Kito mà làm loài người phải chịu đau khổ. Duy có chiếc ngai quý giá nhất ấy là ngai của Đức Peter.

“Chiếc ngai quý-báu nhứt trên thế gian này hiện là chiếc ngai của vị đệ nhứt cao-đồ của Người”.

Con người là một “sinh vật” thượng đẳng, có cấu trúc linh diệu, đứng vào hạng Tam Tài, tức là Thiên-Địa-Nhân. Nhưng dẫu sao vẫn phải đối diện với quy luật sinh tạo, học những bài đau khổ và tội lỗi. Nếu rơi vào vòng tội lỗi, biết xưng tội, biết sám hối ăn năn, chuộc lỗi lầm là điều quý báu. Chỉ khi loài người tự thức được điều đó mới mong lập công xóa tội tiền khiên đã gây ra, tiếp tục hành trình tấn hóa hầu hưởng được những vinh diệu trên con đường hồi nguyên.

Đệ Nhứt Tông Đồ đã biết nhận lỗi, chuộc lỗi lầm mình, làm một Tông Đồ duy nhất cho Đức Chúa Kito, truyền giảng chơn ngôn Thánh Giáo Gia Tô. Nên hiển nhiên, ngai ấy quý giá hơn cả trong nền Thiên Chúa Giáo.

“Giáo-lý ấy đáng lẽ phải đem lại hòa bình và tương-ái cho loài người, nhưng trái lại nó gây mầm chia rẽ và chiến tranh”.

Đức Jesus đến và không những giúp con người tái lập lại tình trạng ban đầu mà còn mở ra cho nhân loại một viễn cảnh mới. Giáo lý Hội Thánh Công Giáo đã coi

.....

công trình cứu chuộc của Đức Kito là một “ân sủng” và xếp vào đề tài luân lý nền tảng của Đạo. Đối với nội dung cơ bản của công trình cứu chuộc của Đấng Kito, sự giảng lâm của Đấng Jesus là một việc làm giúp cho con người hưởng được những ân sủng thiêng liêng và tất nhiên con người đến được với Đức Chúa Trời không qua bản thân cá nhân mà do trung gian Đức Kito, tức là sự hướng dẫn của Đức Jesus giúp con người nhận ra, đó là một sự hỗ trợ thánh linh, kết nối sợi dây tương thông với Đức Chúa Trời và củng cố lại quan hệ bền vững, đưa con người đến một tình trạng “nghĩa tử” trong lòng Đức Thiên Chúa.

Mỗi người có thể nhờ phép rửa tội mà nhập vào “**thân thể của Đức Kito**”. Khi đó, thân thể chúng ta là một cung điện thánh linh thiêng liêng để cho Đức Thiên Chúa ngự trị và điều này đã chấp nhận ơn cứu chuộc của Đấng Kito một cách hoàn toàn.

Khi Đức Chúa Kito bỏ xác, giáo lý ấy chẳng thể đem lại hòa bình, an lạc, gieo sowing thương yêu nhau mà ngược lại đã tạo ra mầm móng chia rẽ, phân ly, giục loạn, gây nên những thảm trạng đau thương hơn.

“Bởi thế, nên nay chính Thầy phải đến để đem lại cho các con nền hoà bình đã từng hứa hẹn”.

Giáo lý của Thánh Giáo Gia Tô cao cả, lẽ ra có thể dung hợp tâm lý nhơn sanh đi đến trạng thái yên tịnh, hưởng hạnh phúc nhờ lời giáo huấn của Đức Chúa Trời qua thân thể của Đức Chúa Kito, nhưng loài người

chôi bỏ, truyền sai chơn truyền cứu cánh mà ngược lại, làm cho mầm loạn lạc, tương tranh, những rạn nứt, chia rẽ sâu sắc hơn. Chẳng hưởng được trật tự an ninh, không được ân sủng, lại còn làm lệch mỗi chơn truyền. Con đường trở về nước hằng sống hãy còn xa thẳm.

Sự sai lạc ấy đã làm cho hiện tượng thất kỳ truyền như Phật Tông. Bởi lẽ đó, Đức Chí Tôn đến để đem nền hòa bình chân thật đã từng hứa cùng nhơn loại. Đó là chánh giáo Tam Kỳ, là đạo Cao Đài.

“Rồi đây Chúa cứu-thế sẽ trở xuống sau”.

Đức Kito giảng lâm để gieo ân hồng và tái xây dựng vị thế con người khi loài người phạm thiên luật. Cho nên, Đức Thiên Chúa tiềm ẩn trong thân của Đức Chúa Kito, vì vậy con người có thể thấy được những phẩm cách và tính siêu nhiên của Đức Thiên Chúa qua Đấng Kito hiện hữu, hành động, phán dạy, con người dễ dàng cảm nhận sự hiện hữu của Đấng Thiên Chúa đầu cho Đức Chúa vẫn vô hình và siêu nhiên.

“Thầy già từ các con. Các con sẽ còn học-hỏi nhiều việc khác nữa với mấy vị Môn-đồ của Thầy”.

Đức Chúa Kito sẽ trở lại và dìu dẫn nhơn loại. Chúng ta thấy gì qua câu nói của Đức Chí Tôn? Phải chăng là Đức Hộ Pháp, Đấng Tam Thế Chí Tôn Christna đã từ cầm quyền “nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo” và nay giảng sanh làm Đấng Thiên Tôn Hộ Pháp trong cửa Cao Đài!

Hai người Pháp sẽ được học hỏi nhiều điều từ các môn đồ của Đức Chí Tôn. Sự hiểu kỳ của nhơn loại vẫn luôn mãi tuông chảy. Đức Chí Tôn đã làm thỏa mãn sự tọc mạch của hai người Pháp. Chắc chắn rằng, Đức Chí Tôn cũng sẽ làm thỏa mãn mọi sự thắc mắc những ai muốn cầu đạo, cầu sự siêu sanh, giải thoát, cầu chơn lý siêu việt từ Đấng Cao Cả. Loài người cũng sẽ được học hỏi từ các Cao Đồ của Đức Chí Tôn khi giáo pháp đã rơi vào trạng thái **thất kỳ truyền**.

15. NGHI TIẾT SẮP LỄ-NHẠC ĐẠI ĐẠO

Chiếu theo bài thứ mười lăm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 27 tháng 06 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy nghi tiết sắp lễ cúng tế điện rất chi tiết.

“Nhơn, con phải khởi sự kể từ ngày nay cho tới ngày Ngọc-Đàn Vĩnh-Nguyên-Tự tập nhạc đủ lại hết. Như nhập lễ thì đừng đánh trống Bác-Nhã, mà đánh Ngọc-Hoàng-Sám, nghĩa là mỗi hồi mười hai tiếng, đổ xuống đủ 12 hồi, ba lần như vậy. Bạch-Ngọc-Chung cũng dọn ấy”.

Trống Lôi Âm-Chuông Bạch Ngọc được đặt trên hai lầu của Hiệp Thiên Đài, tức là cơ quan năm Pháp. Chuông và Trống biểu thị Âm-Dương, trống tượng cho tiếng nổ khai Thiên là Dương đặt bên Âm. Tiếng vang là Chuông, tượng cho ngôi Âm được đặt bên Dương. Lý Đạo “trung dương hữu âm, trung âm hữu dương” lột tả

sự vận hành pháp giới điển lực đào độn của Âm Dương mới sanh ra càn khôn vạn vật.

Lần đầu tiên, Đức Chí Tôn bảo các môn đệ tập sự nhạc, lễ. Đức Ngài còn chỉ chi tiết khởi bài nào, đánh trống thế nào đối với Trống Lôi Âm, Chuông Bạch Ngọc. Trống và nhạc phải đờn bảy bài cho đủ. Hiến lễ thì lễ sĩ phải đi chữ “tâm”.

“Mấy đứa con là: Nghĩa, Hậu, Tràng, Cư, Tắc, Sang đều mặc đồ trắng, hầu theo thứ lớp như vậy:

Nghĩa, Đức đứng xướng ngoài, là tại bàn thờ Hộ-Pháp, rồi Hậu, Tràng đứng cặp kế đó; kế ba con, sau rút hết; Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái”.

Cách sắp đặt này là giai đoạn đầu và chưa lập Tân Luật và Pháp Chánh Truyền. Sau này, khi có hai bộ luật ấy và các cuộc thiên phong tiếp theo sau, chúng ta đổi chiếu lại và thấy rằng các vị được điểm tên và bận áo trắng trên hầu hết là chức sắc thuộc Hiệp Thiên Đài. Đó là Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Tiếp Pháp Trương Văn Tràng, Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Sanh Cao Hoài Sang.

Trong đó, nổi bật là tam Vị Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, phải đứng sau hết. Điều đó phải được hiểu tính từ bàn thờ Đức Chí Tôn trở ra. Đó là ba tướng soái lớn của nền đạo, thuộc chương quản cơ quan Hiệp Thiên Đài. Sự sắp đặt vị trí ấy như một sự “loan báo” về ba “người chủ” của ba chi Pháp, Đạo,

Thế. Chi Pháp ở giữa là Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Chi Đạo bên phải là Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư. Chi Thế bên trái là Thượng Sanh Cao Hoài Sang.

“Bản đứng dậy, Thầy vẽ đi chữ Tâm là sao, rồi Thầy mới dạy tiếp đặng.

(Phét trước máy dấu ngón chơn mặt, dơ lên, phét qua một cái, đặng làm cái chấm... Đứng hai chơn cho ngang nhau... Con phét đi, đứng thụt lại).

Cư, con đi cho nó coi con. Các con coi thầy đi đây nè. Hiếu, lấy nước con. Con đi thế nào thành hai chữ Tâm lộn ngược như vậy. Cư đi trúng, đi lại nữa con. Cư giới con, phải vậy, như con muốn cho ra bộ lịch sự, thì khi chấm gót, con nhún bộ xuống một chút”.

Chúng tôi xin phụ chú thêm rằng bài thánh giáo này Đức Chí Tôn dùng chữ “Lễ Sanh” để chỉ người đi lễ. Nhưng sau này, Đức Lý Giáo Tông có giáng cơ đặt danh từ khác là “Lễ Sĩ” để phân biệt rõ phẩm Chức Sắc Lễ Sĩ, khác với Lễ Sanh Cửu Trùng.

Theo lời dạy, như vậy gồm 04 cặp tức là 08 nhân viên lễ sĩ. Một cặp hầu nội nghi, một cặp hầu ngoại nghi, và hai cặp hiến lễ. Tam bửu đã chuẩn bị sẵn đặt trên bàn gần bàn ngoại nghi. Khi xướng lễ, thì tuần tự theo bửu mà hiến lễ lên.

Ở đây, chúng ta cần bàn đến hai yếu tố quan trọng. Một là tầm quan trọng của nhạc lễ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà ngay những thời điểm khởi sự, Đức

Chí Tôn đã nhanh chóng chỉ dạy căn kẽ từng li, từng tí để lễ nhạc được trọn vẹn. Thứ hai, lễ phải “nhún” và “bựa” theo hình chữ “**tâm**” để hiển lễ.

Nhạc và Lễ đều có cái chủ đích chung là sửa đổi tâm tánh con người cho ngay chánh, bồi dưỡng tình cảm cho thuần hậu. Nhưng mỗi bên có cách thức riêng biệt. Lễ cốt ở sự **cung kính** để giữ cho trật tự phân minh, Nhạc cốt ở sự **điều hòa** khiến cho tâm tánh được tao nhã. Do đó, Lễ và Nhạc cần phải phối hợp với nhau thì mới thành tựu mục đích tốt đẹp.

Nếu có Lễ mà không có Nhạc, tức là có Kính mà không có Hòa, thì như quân ở với nhau có sự phân biệt thái quá, nên chia rẽ xa cách. Nếu có Nhạc mà không có Lễ, tức là có Hòa mà không có Kính, thì thành ra dễ dãi khinh lờn. Cho nên, cung kính và điều hòa là thể thức, thể pháp Đại Đạo, lại hướng môn đồ hiểu đến bí pháp Đại Đạo thông qua hình thức.

Đối với nghi thức cúng lạy, phải có **nhạc và lễ**. Nhạc tượng trưng cho sự phục sinh Bát Hồn để dâng hiến cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, còn biểu thị sự **điều hòa** mới đảm bảo đi trong khuôn viên thiên lý mà trường tồn, tấn hóa. Lễ là trật tự ngôi thứ. Nếu thiếu nhạc-lễ là thiếu hòa và trật tự. Con người là hình ảnh của Chí Linh vì cơ Càn-Khôn hữu hạp mà biến tướng vạn linh. Vạn Linh phải nương Chí Linh mà hườn Tánh nên con người cũng phải có đặc tánh “**trật tự và điều hòa**” như Càn-Khôn, vừa là lễ hiến cho các Đấng Thiêng

Liêng, vừa nhắc nhở lòng mình trong đời sống thường hằng.

“Nhạc” tượng hình thái hài hòa của vạn vật trong trời đất bốn bề phương. “Lễ” tượng cho trật tự trên dưới. Vì sự hài hòa mà cây cỏ, vật loại sanh sanh hóa hóa. Vì do trật tự khuôn nếp mà vật loại trong vũ trụ được được thích nghi trong mọi hoàn cảnh.

Theo nền tảng thuyết Nho Giáo của Đức Khổng Tử lập ra, “nhạc-lễ” được xem là căn cội, vốn đi đôi, một chủ thuyết an bang trị thế mà người theo phải hết lòng “khắc kỷ phục lễ” và thâm nhuần, tuân thủ ý nghĩa “nhạc giả thiên địa chi hòa giả” (nghĩa là “nhạc là sự điều hòa của trời đất”). Lễ và nhạc làm sự tương thích trật tự và điều hòa nhân sinh hướng lộ, trở về tự tánh thiên nhiên. Với Đạo Cao Đài, lấy nhạc lễ định hồn căn bản của Đạo vì Đức Hộ Pháp đã bình giảng rằng Đạo Cao Đài là nền Nho Tông chuyển thế. Nhạc lễ được thực hiện trong nếp sống tôn giáo một cách nghiêm nhặt về thể thức với nội hàm vốn thâm sâu để phục chế lại tinh thần nhạc lễ cổ xưa. Theo đó, lễ nhạc trong cửa Đại Đạo đã mặc nhiên mang giá trị đặc biệt trong nền quốc đạo để định thẳng chuẩn mực thuần phong cho cả sự nghiệp nhơn phong trong tương lai của hoàn vũ, theo lệnh thánh truyền phán của Đức Chí Tôn “Nam phong thử nhựt biến nhơn phong”.

Về ngữ nghĩa, lễ-nhạc đơn thuần là hình thái của âm nhạc và lễ nghi, tức là biểu cảm của tâm hồn con người theo dòng thời gian, định tính chất hướng nội,

thường lãm, tao nhã, là tiếng nói con người qua nhạc cụ, qua hình thái lễ để phản ánh chân thật đời sống của người với người, của người với thiên nhiên. Điều đó phản ánh lên nét nhạc và lễ của thể thường nhân sinh.

Với tôn giáo học, nhạc lễ không còn sinh tồn ở mang tầm mức của thụ hưởng mà là cảnh giới nội tâm, truyền tả lý học đạo mâu hầu hàm dưỡng ý chí nguyện cầu, mang sự sống tâm linh. Do đó, tôn giáo tính mang lễ nhạc vào trong khuôn luật của giáo điều để quân bình và tiết chế cho ra trật tự và tính đều hòa trong nhân sinh và bản tâm của cá thể, của chúng sanh với Đấng Sáng Thế Vũ Trụ. Vì vậy, nhạc lễ đã thực thụ là phép tắc, bình trị sự loạn thường, đưa con người sống với ân sủng của Thượng Đế trong các thánh ca và đàn lễ, nghiên mình phụng lễ, đón nhận thánh linh từ sâu thẳm của thể giới tâm linh.

“Nhạc giả thiên địa chi hòa dã; lễ giả, thiên địa chi tự dã. Hòa, cố bách vật giai hóa; tự, cố quần vật giai biệt” [Nhạc là cái điều hòa của trời đất. Lễ là cái trật tự của trời đất. Hải hòa, nên trăm vật đều thay đổi; Trật tự, nên vạn vật đều khác biệt] (trích Lễ ký).

Nội tại của lễ nhạc hàm chứa sức sống và yếu ý trời đất. Sự hài hòa của nhạc mà vẫn không tạo sự hỗn loạn chính là công năng sở hàng của nó. Lễ mang tính trang trọng, cung kính, giữ quân bình trật tự; đó là chức năng bình đẳng. Cộng đồng xã hội vốn vẫn là những hàm thức phức tạp không đồng thể nhưng nhờ vào hòa mà có thể dung hòa tồn tại, trường dưỡng cho nhau. Nhờ

lễ, vạn vật bất phân đi theo hàng lớp hẳn trở nên uân chuân, đầm ấm. Cho nên, lễ nhạc là phương pháp đưa con người đến thế giới đại đồng, một nghĩa lý siêu việt trong chơn pháp Đạo Cao Đài. Chính từ yếu lý căn bản do lễ nhạc là phần hội tụ yếu lý cơ sáng thể, cũng là nguyên nhân tạo nên đời Thượng Ngươn Thánh Đức; nên Đạo Cao Đài đã lấy hình thể Nho Tông, dụng nhạc lễ của Khổng Đạo hòa với phong hóa Nam Việt để làm tiêu biểu theo thánh ý các Đấng.

Nhạc lễ ngoài ngoài dung là thứ tiêu dao thường ngoạn, ngoài cái lễ dâng cho Chí Linh, lại còn là phương pháp làm con người ý thức, tuân thủ các quy phạm, phép tắc xã hội, sự hòa hữn của Thiên tính, trật tự của Đất đai làm nền móng để tu dưỡng đạo đức, kỷ cương nhơn luân. Lễ giúp con người ý thức được tôn ti trật tự mà khỏi phạm đến các thiên điều, đi ngoài lẽ lối bàng môn. Nhạc lại giúp con người đến cảnh giới điều hòa tâm tánh, hạnh đức công phu, tĩnh lặng, an nhiên, hòa mình cùng vạn vật.

Nhạc Lễ Cao Đài được Đức Thượng Sanh chỉ dẫn sau lại được sự tiếp quản của Tiếp Lễ Nhạc Quân để củng cố vai trò quan trọng trong nền đạo dưới sự dìu dắt dẫn giảng nghĩa lý của Đức Hộ Pháp. Rốt lại, nhạc lễ là mầm sống thể cho bát hồn vạn chuyên cùng đánh lễ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, lại là những nét căn bản để con người khắc kỷ tu chơn, hòa hữn trong các phép tắc tu sửa thân tâm cho ra mỹ miều, hợp với thánh tâm Đức Chí Tôn phú ban.

Về lễ sĩ đi chữ “**Tâm**”, cốt Đức Chí Tôn nhân mạnh **chơn thể** của con người. Mỗi người đều có một cái tâm, người biết có tâm chớ không thấy đặng nó. Tâm là một điểm linh quang của Đức Chí Tôn ban cho, nên huyền diệu, bất biến, bất tiêu, bất diệt. Mỗi tôn giáo có một danh từ khác nhau để chỉ cái thể ấy. Các nền tôn giáo xưa nay đều hướng con người đến chữ tâm để tu sửa, giựt tiến, đi trên con đường cứu cánh, giải cảnh khổ của trần gian, hầu lướt qua bờ giác.

Chữ Tâm được viết là 心. Khi lễ sĩ hiến lễ, phải đi như chữ trên mà Đức Chí Tôn dạy trong thánh giáo. Sách Minh Tâm Bửu Giám có viết để diễn đạt chữ tâm:

*“Tam điểm như tinh tượng,
Hoành câu tợ nguyệt tà.
Phi mao từng thử đắ,
Tổ Phật dã do tha”.*

Tạm diễn nghĩa như sau, “ba chấm như ba ngôi sao, móc câu như ánh trăng nghiêng, mang thân trâu ngựa lông sừng do tâm này, thành Phật cũng từ đó”. Bài thơ mang tính ví von nhưng đã diễn tả được cấu trúc chữ tâm và tác dụng của tâm. Tâm là trái tim, là tấm lòng, là tánh.

Nếu định nghĩa từ Phạm Ngữ, Tâm là “tích hợp” theo kinh Hoa Nghiêm, tức là tư duy. Một cách tổng quát, con người có kinh nghiệm hay nhận thức được tích lũy. Những gì suy nghĩ và hành động sẽ tích tụ từ khi sinh ra đến chết. Kinh Phật vốn nói “bất sanh, bất diệt,

bất tăng, bất giảm”. Vì vậy, thế giới cũng không tăng, không giảm, chỉ là hình thức biến đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác theo một quy luật sinh biến, tuần hoàn. Cho nên, tâm sẽ mang theo thiện nghiệp hay ác nghiệp, đưa con người vào vòng nợ quý, súc sinh hay lên Niết Bàn đều do tâm con người.

“Con Trung, con phải giữ y như nghi tiết mà hành lễ”.

Chi chi Đức Chí Tôn dạy đều cần yếu trong giáo pháp Ngài lập. Mỗi sự, mỗi việc chỉ dẫn là một điều quan trọng, cần được bảo tồn theo đúng lời giảng dạy, không được tự ý sửa chữa theo phàm ý, phàm tâm mà kéo mang tội trước Thiên Điều. Nên Đức Chí Tôn căn dặn Ngài Đầu Sư Lê Văn Trung phải giữ y theo ấy mà hành sự.

Dẫu là Thể Pháp Đại Đạo, Đức Chí Tôn không cho phép bất cứ ai phá vỡ nó vì nó tượng Bí Pháp. Người đạo Cao Đài nhìn vào Thể Pháp của Đạo mà giữ gìn thánh chất, không để cho phàm ý len lõi vào khối thánh tâm mà lỡ Đồi, mất Đạo. Cửa Đại Đạo là con thuyền từ của Đức Chí Tôn rước người trọn tâm chí thánh, đó là một giọt lành dương tưới lửa lòng. Nếu chẳng phải phân phàm, lọc thánh trong thân, chẳng giữ linh tâm sáng suốt giữ đạo mầu, tô điểm đạo vàng mà mê muội, lọt điểm thánh tâm thì rơi vào con đường u tối. Đây là một Thể Pháp đạo đáng lưu tâm mà người môn đồ Cao Đài nên giữ nơi tâm, nhắc nhở để nương

nơi khôi thánh tâm, bảo thủ chơn truyền Đại Đạo, tuân thủ Luật Pháp Đạo, hằng giữ lời Thầy là Đức Chí Tôn giảng huấn để khỏi uổng một kiếp ngộ Cao Đài.

Hòa tiết của Nhạc Lễ mang ý nghĩa phục sinh Bát Hồn trong càn khôn dâng hiến lên Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu. Đó là tinh thần Nhạc Lễ trọng hệ mà môn sinh Cao Đài đang thực hiện và nghiệm ra bí pháp của Đức Chí Tôn đặt để trong cửa Đạo Cao Đài. Đức Hộ Pháp cho biết Đạo Cao Đài là nền đạo qui pháp toàn thể cái sống trong Bát Hồn để đánh lễ nhằm trả lại cái sống nguyên thủy do hai khối quyền năng chí linh biến tạo ra; thực hiện Lễ Nhạc Cao Đài là dâng lễ cho Đức Đại Từ Bi, là phục sinh bát hồn trong chơn pháp. Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“Đạo Cao Đài là nền Đạo qui pháp cả cái sống của Bát Hồn...Toàn Đạo nên trọn tâm xét hiểu nhiệm màu Đạo lý ấy mà lần lần đạt cho được Chơn pháp của Chí Tôn” [Thuyết Đạo Q.3].

Đức Chí Tôn muốn khởi sự dạy nhạc lễ để đạo Cao Đài phát triển dần dần lập Chánh Thể kiện toàn, để thực hiện cơ phổ độ theo sứ mạng của nền đạo. Tuy nhiên, một điều quan trọng mà ta thấy nghi lễ là Thể Pháp Đại Đạo nhưng hàm chứa Bí Pháp Đại Đạo một cách rõ ràng minh bạch. Chúng ta thấy con đường Đức Chí Tôn lập giáo có từng bậc, từng thời điểm để hoàn toàn lập nên Chơn Tướng nền Cao Đài rộng lớn.

16. TRƯỜNG CÔNG ĐỨC CỦA ĐỨC CHÍ TÔN

Chiếu theo bài thứ mười sáu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 05 tháng 07 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy Đức Ngài lập trường công đức cho nhân sanh, chẳng chịu đến trường này thì chẳng thể đi nơi đâu mà đoạt thủ địa vị thiêng liêng.

Công đức là công phu và đức hạnh, tức là chỉ những việc làm có tính cách giúp đời, giúp người mà không cần cầu danh lợi. Công việc phước đức kết quả của những việc làm thiện. Những việc như bố thí, lễ Phật, tụng kinh, ủng hộ những người tu hành chân chính là những việc tạo ra công đức. Làm công quả tức là tạo ra công đức, âm chất để có thể tiến trên Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

“Người ở dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả”.

Của cải vật chất là thứ người ta ham muốn và muốn trở nên sung túc, an nhàn, trước phải lo làm lưng mới tạo ra tiền tài, sự nghiệp, lưu lại cho con cháu. Nhưng của cải ấy chưa chắc đã dễ tìm kiếm. Còn muốn trở nên đạt ngôi vị thiêng liêng, buộc con người phải có đủ **công quả**. Lập Đại Đạo, Đức Chí Tôn đã ban ân huệ cho chúng sanh, tu nhất kiếp, ngộ nhất thời, tạo một trường thi công quả cho loài người để có thể đoạt địa vị thiên cung.

Công quả là những ý niệm, hành động giúp người, giúp đạo, phụng sự nhơn sanh bao gồm mọi phương diện, dầu nhỏ, dầu lớn, đem lại kết quả tốt đẹp. Đó là thiện nghiệp, gieo nhân lành cho người tu. Tất nhiên, công quả ấy phải từ chánh tâm, tự nguyện, tự giác, xuất phát từ nhận ra đạo lý mới thi hành công quả, chớ không phải việc làm cưỡng cầu, ép buộc.

Làm công quả là thực hiện lòng từ bi trong nội thể, làm cho phát triển không ngừng và mãi mãi, để cho sáng, rộng và đến vô tận, hòa hợp với khối thương yêu vô tận của Đức Chí Tôn. Các Đấng Thiêng Liêng tu hành đạt quả vị cũng vì có công với chúng sanh nên mới đắc vị.

Con người vốn do khối phàm vô minh chất chứa nên đã từng gieo biết bao nhiêu nghiệp ác, nghiệp chông nghiệp làm phải trôi theo dòng sinh tử luân hồi, gánh biết bao nhiêu khổ nạn. Nên công quả là phép làm giảm và tiêu trừ nghiệp quả, cân công bình thiên đạo mới tương công chiết tội. Phải sạch nghiệp đã tạo, rồi phải thi hành con đường phụng sự để tạo ra phước đức, của cải thiêng liêng mà gấm ghé ngôi vị thiêng liêng. Nếu chỉ loay hoay trong của cải vật chất thế gian, con đường hằng sống chỉ là những bọt biển, hoài vọng vô ích.

“Thầy đến độ rồi các con là lập thành một trường công đức cho các con nên đạo”.

Đạo cùng chẳng do nơi công quả phở độ. Nên Đức Chí Tôn lập trường thi thố, tạo mọi điều kiện để

nhơn sanh tu tập, lập công trong trường thi công đức ấy. Thất đạo cũng do nơi thiếu công quả, nên đạo cũng do nơi trường ấy.

“Vây đắc Đạo cùng chẳng là nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Thầy nói cho con nghe. K... ôi! Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình, thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ”.

Sự muốn hay không muốn của là do con người chủ định đời sống đạo đức mình. Đức Chí Tôn đã đến với loài người, lập trường công đức để con người thi thố. Nếu tinh thức vào trường của Đức Chí Tôn, tức nhiên phải thi hành phận sự lập công, phổ độ chúng sanh để **“nên đạo”**. Nên đạo cùng chẳng là tại ngôi trường này mà thôi. Khoác chiếc áo nâu sòng, phải chịu cực khổ, lam lũ, giác nhi giác tha, sống vì mục đích xã hội nhơn quần, sống vì những lý tưởng cao đẹp, đem hạnh phúc, ấm no cho người. Ấy phải vì lòng bác ái từ bi mới có thể xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, thi hành thiệt phận mình trong trường thánh đức ấy.

Đức Chí Tôn nói làm cho con người nên đạo, tức nhiên là Đức Ngài đem một phao cứu sinh, làm phương thuốc phục sinh trong thánh đức của Ngài. Muốn vậy, con người phải ra sức lập công cho mình, sống vì hạnh phúc của người khác, quý mạng sống của người hơn mạng sống của mình, làm tất cả bằng tâm hồn cao thượng để dâng mạng sống của mình làm con tế vật cho Đức Chí Tôn, thì Ngài mới làm cho môn đồ trở nên **“nên đạo”**, tức là đoạt đạo.

Đại Đạo là một tôn giáo quy tín ngưỡng thống nhất toàn mặt địa cầu này, làm cho loài người không còn dị biệt màu sắc. Chính vì sự thất kỳ truyền của các tôn giáo cổ xưa, làm cho con người không thể trở về nơi hằng sống. Đến thời kỳ ân xá, Đức Chí Tôn đã rưới giọt ma ha, cho con người duy lập công quả mà tác thành ngôi vị thiêng liêng. Nếu chẳng thức tỉnh đến trường của Đức Chí Tôn nhập học, thì thô thì chẳng nơi nào có thể đi đâu mà tìm con đường tu đắc đạo.

Cũng nên minh định vấn đề rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là do Đức Chí Tôn khai mở, có Tòa Thánh Tổ Đình tại huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ban sơ, Đức Chí Tôn cùng các Đấng Thiêng Liêng quy tụ các chơn mạng cùng nhau lập giáo. Sau đó, Tân Luật tác thành, dâng lên Đức Chí Tôn và Đức Lý phê chuẩn, nên trở thành một bộ Thiên Luật đầu tiên. Bên cạnh đó, Pháp Chánh Truyền là bộ Thiên Luật do Đức Chí Tôn và Đức Lý ban hành để nền đạo Cao Đài nương giáo pháp ấy hành sự theo toàn Thánh Ý thiêng liêng.

Đạo lập ra do các môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn lập Thánh Thể là Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là một Thánh Thể duy nhất, gồm hợp toàn thể lương sanh, chơn căn, Phật cốt để làm bàn tay Thánh Thể Đức Chí Tôn lập đạo và truyền đạo. Chớ không phải Đức Chí Tôn lập hai, ba Thánh Thể hoặc hơn nữa để phổ độ.

Căn cứ Luật Pháp Đại Đạo, ba con đường về với Đức Chí Tôn là con đường Cửu Thiên Khai, tức là con

đường của Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Con đường thứ hai là con đường theo Hội Thánh Phước Thiện, tức là Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng. Con đường thứ ba là con đường tu chơn, tu tịnh. Ba con đường đều trở về với Đức Chí Tôn như nhau, chỉ sớm hay muộn mà thôi. Không con đường nào hơn con đường nào. Mọi môn đệ Đức Cao Đài đều có thể đoạt thủ địa vị thiêng liêng, đều là như nhau và phải **phụng sự công quả**, tức là đi trên **trường công đức của Đức Chí Tôn**.

Con đường thứ ba là con đường tu nhanh, tu tắt, không phân biệt tuổi tác, già trẻ, ai cũng có thể đi trên con đường ấy để xuất chơn thân trở về diện kiến Đức Chí Tôn, tức là đắc quả. Tuy nhiên, con đường đó là con đường mà Đạo Cao Đài định rất rõ. Thứ nhất, phải có đủ **công quả**. Thứ hai, phải thực hiện Phương Luyện Kỳ của Đức Hộ Pháp truyền dạy. Thứ ba, có chơn sự truyền dạy.

Nếu thiếu một trong ba điều ấy thì việc tu luyện cũng trở nên vô ích. Ngược lại, có thể trở nên viển vong, làm hình tướng cho tà quái xung nhập. Bởi lẽ đó, Đức Chí Tôn mới lập trường công đức cho loài người, tu hành, đoạt pháp. Ấy chẳng phải là một ân huệ lớn lao lắm sao! Nếu công thành, quả mãn, có thể tiếp diễn tới con đường thứ ba thì càng tốt. Như vậy, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh dĩ nhiên có phép tu tịnh. Chúng ta thấy, trong luật đạo cũng đã định điều khoản về khoa tu tịnh.

Đạo của Đức Chí Tôn mở ra duy chỉ có một Hội Thánh, một Thánh Thể, một người cội, chứa Thể Pháp và Bí Pháp tu đơn. Đức Ngài chưa có bài Thánh Giáo nào dạy Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh duy chỉ thực hiện cơ phổ độ và Bí Pháp tu đơn lại phải đi nơi khác thọ truyền phép tu đơn.

“K.... con ôi! - Cửa Bạch-Ngọc-Kinh ít kẻ, chớ chón A-Tỳ vốn nhiều người. Con liệu mà hành đạo. Thầy thương con chừng nào, ngày sau con càng ăn-năn tiếc chừng nấy”.

Cửa Bạch Ngọc Kinh là nơi hội ngộ, chơn hồn trở về tự tánh, bản căn, là quê xưa chón cũ, là nơi tách bước ra đi từ một điệu tánh Đại Hồn. Trở về nơi ấy tức là hằng sống, chẳng phải như những nơi khác, như chón quả địa cầu 68 này, phải thọ bao nhiêu khổ tai, vùi lấp trong biển mê, bụi trần càng bao phủ **hạt minh châu** quý giá.

Cảnh thiêng liêng tự tại thì ít, còn nơi khổ não chát chòng thì lắm người. Cũng bởi tại không tu mà ra nên có sự. Giữa bụi hồng, ít có ai theo đạo. Giữa những người theo đạo, ít có người học đạo. Giữa những người học đạo, ít người học chân đạo. Giữa những người học chân đạo, ít có người hiểu đạo. Giữa những người hiểu chân đạo, ít có người sống với chân đạo. Giữa những người sống với chân đạo, ít có người đi đến nơi cuối cùng của ánh sáng chân đạo. Vì thế ấy, chón thánh thời an nhàn cực lạc Niết Bàn thì ít người. Chón a tỳ thì lắm kẻ.

Đã bước chân vào cửa đạo của Đức Chí Tôn, phải cân phân, xét nét con đường tu thân, lập đức, gìn luật lệ Cao Đài cho lắm. Tình thương của Đức Thượng Đế vốn như nhau, chẳng thương ai hơn ai. Ngài là Đấng Đại Từ Bi, muốn con cái Người thoát chôn lao tù, nhưng thiên điều chẳng thể bỏ qua luật công bình. Nếu chẳng liệu phương, vi phạm luật đạo, làm ảnh hưởng đến nền chơn giáo thì cửa A Tỳ rộng mở.

Đức Chí Tôn là chơn lý, là luật công bằng của tạo hóa, chẳng vì thương mà đem đến nơi hằng sanh, chẳng vì ghét mà hành phạt. Nên sự thương của Ngài là cơ ân xá, cứu khổ, để một cây cờ cứu rỗi tại mặt thế. Ai khôn thì nương hồn, dựa phước chiêu hồn của Ngài mà tòng luật pháp, trọn phận để trở nên môn đệ yêu dấu của Ngài.

Đức Chí Tôn nói e sau con người thấy tình thương của Ngài mà tiếc nuối. Đức Ngài đã dụng tánh đại bi mà lập trường công đức cho chúng sanh. Nếu lơ là, khinh thường, chẳng hiểu hình luật và nguồn thương yêu của Người đã đặt trong ấy, khi thoát xác mới hiểu ra lẽ Ngài nói là chơn thật, thì lúc ấy rất muộn màng.

“Thầy đã hiểu lòng con ăn năn sám hối, nên Thầy đã tha tội trước cho con rồi”.

Kinh Sám Hối Cao Đài có câu:

*“Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc làm sám hối tội căn”*

Đã vào vai tuồng của máy tạo, phải tấn hóa từ cảnh thấp đến cao, học những bài học khổ đau, phải thấm nhuần mà tu tâm, sửa tánh. Nếu đã lỡ làm gây tội lỗi, phải biết sám hối tội tình gây ra. Có ăn năn mới tu dưỡng, lập công trừ nghiệp quá mà thanh thoi, rồi tu dưỡng lên mãi nữa, mới mong thanh lạc miền thiên thai. Nhược bằng không, mê man trong chuỗi tội lỗi, chẳng biết luân hồi vay trả thì mãi mãi trong kiếp luân hồi. Biết ăn năn tội lỗi thì Đức Chí Tôn và Tòa An thiên liêng xét xem, giảm tội, có thể tha thứ. Có câu rằng:

*“Ăn năn sám hối tội tình,
Xét câu minh thệ gửi mình cõi thăng”.*

Đức Chí Tôn đã mở **trường công đức** cho loài người. Chúng ta phải lấy thức ngộ ấy là một trường cho nhơn loại đáo đầu trong thời mạt pháp. Nếu đã tỉnh ngộ, nhập vào trường Đại Đạo, thọ một lời **minh thệ** thì một lòng tu tỉnh, ăn năn hối ngộ tội tình, quyết chí nạp mình làm tay chân của Đức Chí Tôn, một mực giữ nơi con đường công quả mà Đức Ngài đã mở và ban ơn cho nhơn loại. Ngọc Hư Cung và Lô Âm đã phá cỗ, bác luật, duy Tân Luật mới là con đường cho loài người chung hợp trong cơ cứu khổ của Đấng Chúa Tể.

17. ĐỨC CHÍ TÔN DẠY TRẦN PHÁP NGÀY KHAİ ĐẠO

Chiếu theo bài thứ mười bảy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 15 tháng 07 năm

1926, Đức Chí Tôn dạy sắp xếp cách trần pháp ngày Khai Đạo tại chùa Gò Kén.

“*Cư, Tắc, con phải đem bốn đĩa nhỏ theo, rồi kiếm thêm tám đĩa nữa, chia ra mỗi hướng là ba đĩa, con để: An... Đông. Bích...Tây. Tri...Nam. Hoàng...Bắc.*

Biểu chúng nó cầm mỗi đĩa một cây cờ nhỏ, phải làm thế này: Xanh, Đỏ, Trắng, Vàng, Đen, mỗi hướng ba cây. Trung ương ba đĩa bày cầm. Như làm cờ vải chẳng kịp, thì mua giấy màu; bề dài cờ: chín tấc tây, bề ngang ba tấc tây, cắt xéo xuống... Nghe và tuân theo.

Khi sắp đặt rồi, Cư, con sắp bút bằng nhang cho thầy trần. Con biểu Vân, khi trần rồi, nó ở trong cho tới mãn lễ; nếu bước ra ngoài, về đền đi mà chớ. Biểu sắp nhỏ đại tịnh; Tắc nghe, con phải ngó chừng chúng nó luôn luôn. Biểu Lịch phát cờ cho sắp nhỏ, vì nó phải có đọc câu chú”.

Đàn cơ này được thiết ngày 15 tháng 07 năm 1926, Đức Chí Tôn giảng để dạy cuộc sắp đặt cho lễ Khai Đạo tại chùa Gò Kén. Tức là Đức Ngài dạy trước khoảng bốn tháng. Đức Ngài dạy chi tiết cách sắp đặt trong việc trần pháp.

Chùa Gò Kén tọa lạc trên quốc lộ 22B, thuộc thị xã Tây Ninh, hướng từ về Sài Gòn khoảng 5 km. Ngôi chùa có ba gian, dài có 6 gian. Kiến trúc ngôi chùa Phật này theo dáng Tây Phương. Chính giữa và trên trên thờ hình Đức A-di-đà, Đức Quan Âm và Đức Thích Ca. Bên dưới có Đức Ca điếp, A-nan. Hai bên vách thờ Thập Bát

La Hán, Đạt Ma Tổ Sư, Địa Tạng Vương Bồ Tát và bày rõ cảnh thập điện. Bàn thờ chính giữa chùa có tượng Tiêu Diện Đại Sĩ đứng nhìn ra, đối diện là Hộ Pháp Già Lam. Bàn Thờ trước Già Lam có tượng đức Ngọc Hoàng ngồi giữa, Nam Tào, Bắc Đẩu hai bên.

Vì sự cấp bách của nền đạo Cao Đài, đạo mở trẻ một ngày thì hại hơn sanh một ngày. Đạo Cao Đài thời phôi thai chưa có chi ngoài đức tin mãnh liệt nơi Đức Chí Tôn. Nên để tổ chức ngày Khai Đạo nhằm ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần [1926], đạo mượn tạm chùa Gò Kén để tổ chức đại lễ. Nhờ mối quan hệ của Ông Nguyễn Ngọc Thơ, sau thọ phong là Thái Đầu Sư và Bà Lâm Hương Thanh, sau thọ phong là Đầu Sư; vì thế bốn tự và đồng đạo nơi ấy hiến chùa để làm Thánh Thất, tổ chức đại lễ.

Nơi ấy do sư trụ trì là hòa thượng Như Nhãn. Ngài sau được Đức Chí Tôn thiên phong Thái Chương Pháp. Sau ngày khai đạo, do sự cố trấn pháp không theo ý Đức Chí Tôn mà xảy ra tà ma quấy nhiễu, làm cho buổi lễ không trọn nghiêm trang. Có ấy mà lắm môn đồ đã sa vào tay chúa quỷ vì cơ khảo. Nhất là Hòa Thượng Như Nhãn và chư thiện nam tín nữ vì thế mà đòi chùa lại.

“Đến ngày Khai Đạo 14-10 Bính Dần, Chức Sắc và tín đồ trong 20 Tỉnh về hầu Đàn và ngoài Đờn thiên hạ đi coi tập nập, đều dùng đồ chay cả, vì từ Chùa Gò Kén (Từ Lâm Tự) ra chợ Tây Ninh cách xa bảy cây số ngàn thì thế nào còn ăn mặn được. Ngày Khai Đại Đạo

Tam Kỳ Phổ Độ tại Tây Ninh là ngày 14–10 Bính Dần (18–11–1926), cả thầy Chức Sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài đều về Chùa Gò Kén, tôi cũng theo về một lượt để làm công quả...” “Buổi Khai Đạo tại Chùa Gò Kén thật là một kỳ Đại Hội. Ban đêm hễ cúng thời Tý rồi, thì cầu cơ, nhập môn kéo dài đến 2–3 giờ sáng...”

“Buổi Khai Đạo chưa có đồng nhi, nên tôi phải làm đồng nhi (Bà Hương Hiếu) đọc kinh cúng tứ thời và đọc kinh cầu cơ, đêm nào như đêm nầy suốt cả ba tháng trường. Thời buổi ấy đâu cũng gom về Chùa Gò Kén để nhập môn, đêm thì 90, đêm thì 150 vị thật con cái Chí Tôn qui về tập nập. Tôi vâng sắc Lịnh Thầy bảo về Tây Ninh cho Đức Cao Thượng Phẩm lo Đạo, tôi về Chùa Gò Kén Tây Ninh nhằm ngày Khai Đạo. Quý anh lớn về tôi đi chung một đoàn xe, tôi về tới Chùa Từ Lâm Tự đúng 5 giờ chiều ngày 14–10 Bính Dần (18–11–1926)”
[Trích Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Nguyên có, Đức Chí Tôn Ngài Ngọc Lịch Nguyễn đọc câu chú và phát cờ trấn bốn góc, nhưng Ngài lại quên trấn một góc và phát cờ nhầm mà xảy ra hiện tượng ta quái xung nhập vào ông Lê Thế Vĩnh xung là Tề Thiên Đại Thánh và một người nữ là Dương Thanh Chi, xung là Quan Âm Bồ Tát, cùng nắm tay nhảy múa trước buổi lễ nghiêm trang.

Một sự thử thách từ pháp trấn thiếu sót là biến cố quan trọng để tác động vào các yếu tố như sau: Một, đó là cơ thử thách thiêng liêng để xem lòng tín ngưỡng như thế nào, đánh giá tà chánh tại nơi đâu, nếu đủ trí huệ

đánh giá thực hư thì vẫn giữ lòng tin, nếu chẳng biết biên phân tà-chánh mà chỉ nhìn vào vấn đề từ một phương diện thì thói chí ngã lòng. Thứ hai, những giới trí thức sẽ chăm chú vào trường công kích, hễ càng chăm chú thì sẽ thấy những giá trị huyền diệu sau này của đạo Cao Đài. Phương diện thứ hai này có thể làm một tiền đề cho sự phát triển vượt bậc, bền vững của Đạo trong tương lai.

Cái hại và cái lợi của việc “thử” do bàn tay thiêng liêng ấy thế mà trong vòng chỉ khoảng ba tháng, số tín đồ nhập môn vào đạo đến con số ức. Chúng ta thử đặt câu hỏi rằng “Đáng cầm quyền tối cao cả càn khôn lẽ nào không kèm thúc nổi quỷ vương mà để cho lộng hành trong ngày trọng đại của Đạo?”. Phải chăng là có một huyền cơ nào đã an bày trước trong cơ quan điều hành Đại Đạo?

Chúng ta thấy chi chi cũng phải tuân mạng lệnh thiêng liêng, chẳng nên sơ thất. Mọi biến diễn cũng do lòng người, có khi do Thiên khảo mà con người phải dùng cách vật trí tri để hiểu rõ máy tạo đoan. Đó là phép đo lường của luật Thiêng Liêng mà cũng phản ánh lòng người, đo lường đặng tác dạ chí chơn chí thành nơi cửa Đạo hay không.

18. NỮ PHÁI TRONG CAO ĐÀI

Chiếu theo bài thứ mười tám trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 17 tháng 07 năm

1926, Đức Chí Tôn dạy về phái nữ, có bao nhiêu nam, thì có bấy nhiêu nữ.

“Đường-thị! Thầy giao phe nữ cho con lập thành. Chẳng phải vì đờn bà mà sớm nổi cơn, chiều trả cháo hoài.

Phần các con truyền đạo kỳ Phổ-độ này cũng lắm nặng nề; bao nhiêu Nam tức bao nhiêu Nữ; Nam biết thành Tiên Phật, chớ Nữ lại không sao? Thầy đã nói Bạch-Ngọc-Kinh có cả Nam và Nữ, mà phần nhiều Nữ lấn quyền thế hơn Nam nhiều”.

Chiều theo lịch sử nhân loại, nữ phái vốn thường bị thấp kém về quyền uy, phận thế trong xã hội, lại bị khép vào khuôn Tam Tông Tứ Đức, bị rào cản gia giáo “khuê môn bất xuất” nên phải thường chịu ít học và được ông bà, cha mẹ định gả theo sự sắp đặt. Trên chiều hướng tổng quan ấy, ít có người phụ nữ được vươn mình, phát huy tài năng, sở trí của mình để phụng sự. Hiển nhiên, sách sử cũng ghi chép những nữ anh hào có công với giống nòi dân tộc bằng những mưu lược và tài trí vẹn toàn. Ngay nay, sự bình quyền giữa Nữ và Nam đã được khôi phục uyên nguyên chăng?

Theo văn hóa Đông Phương hay gần gũi hơn theo phương diện nét gia giáo cổ tục phong hóa Việt, lễ luật đem đến hai trạng thái “phóng túng” và “thành nhân”. Chính vì chịu lòn dưới lễ phận, phụ nữ chỉ thuần lo thiên chức người mẹ, tảo tần chăm nom, quản giáo con cái, người phụ nữ ít có cơ hội giao tế ngoài xã hội, không

tiếp cận các luồng văn minh đông tây cổ kim; lẽ đó sẽ làm người phụ nữ trở nên phóng túng, khô khan, bé nhỏ. Nét “cần cỏi” cũng có lẽ hình thành nên nhân cách cứng cỏi, mạnh mẽ, phi thường hơn trong mọi biến cố cuộc đời. Hơn thế nữa, lễ luật đó cũng “đào tạo” nên những người phụ nữ đảm đang, người phụ nữ của gia đình, người phụ nữ của lễ giáo vì chính việc ít tiếp xúc các luồng văn minh Á Âu xâm nhập lan tràn, cho nên người phụ nữ trở nên “thành nhân” hơn.

Thực tiễn xã hội cho ta thấy, văn minh nhân loại đã đi đến cùng cực, dường như vén màn bí mật tạo đoan. Nên văn hóa Tây Âu du nhập ảnh hưởng không ít cũng là lẽ thường tình, làm xáo trộn tính “chất nhân bản Á Đông”. Vật chất đè nén tinh thần, tự do đem đến một trạng thái không phương kiểm soát. Tình huống đó buộc các nhà lãnh đạo tinh thần phải lên tiếng, kêu gọi và chân hưng, dịch chuyển và kiểm soát lại sự băng hoại đạo đức nước nhà.

Ngoài ra, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng trong muôn vàn lượn sóng tân tiến làm đảo lộn nhân văn, khi phụ nữ được cởi bỏ rào chắn của phóng túng, phụ nữ càng trở nên mạnh mẽ hơn, tô son điểm phấn cho giá trị phái nữ càng sâu rộng hơn qua những thành tựu đạt được để cống hiến cho nhân loại một giá trị đẹp hằng lưu sách sử.

Xét về mặt tôn giáo học và sự bình quyền, chúng ta có lẽ dành sự tĩnh lặng hơn để nghiệm lại những nét

cốt yếu về phái nữ trong định thuyết Cao Đài đã để lại.
Phật Giáo có câu:

“Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”

Đạo Cao Đài với nhân sinh quan rõ rệt, đã minh chứng luật đối đãi Âm-Dương [Nam-Nữ] giữ gìn cơ sanh hóa, cũng như định tính chất Tam Thể Xác Thân [Thể xác hữu hình, chơn thân, chơn linh] trong lịch trình sanh hóa, trường dưỡng trở về con đường phản bôn. Vậy thì nữ cũng như nam, vẫn bình đẳng trước cán cân công bình Thiên Đạo.

Về hữu hình lẫn vô vi, nam nữ đều là con cái Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, có quyền định phẩm mình trước cán cân công bình vô vi, thọ hưởng những đặc ân của cơ nhiệm màu thiên thơ.

Tuy nhiên, chúng ta cùng xét lại Pháp Chánh Truyền của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn muốn trút phế phái nữ trong hàng Thánh Thể. Song, vì lòng độ lượng của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Đức Quan Âm, phái nữ cũng được đưa vào Pháp Chánh Truyền, trong cả Hội Thánh Cửu Trùng, Hội Thánh Hiệp Thiên, Hội Thánh Phước Thiện.

“Vậy con phải tuân lệnh Thầy mà lập thành Nữ phái. Nghe và tuân, Thầy hằng ở bên con, lo chung cùng con; con chớ ngại.

H... Thầy giao Nữ-Phái cho con rộng quyền dạy dỗ làm chủ, chờ Thầy thấu đến mà giao cho con, trách nhiệm con Thầy sẽ chia bớt với”.

Từ đoạn Thánh Giáo trên, Đức Chí Tôn đã chuẩn bị khai tịch đạo cho Nữ Phái. Nam nữ cũng đồng con. Nơi Bạch Ngọc Kinh có những Đấng Nữ lẫn cả quyền các Đấng Nam.

Buổi đạo con non nớt, giáo điều chưa đủ, triết lý Đại Đạo chưa thấm nhuần, nên Đức Chí Tôn un đúc, khuyến dạy các chư Thiên Mạng nữ phái để gom góp, tác thành Chức Sắc nữ phái. Ngài hứa luôn bên cạnh để dạy dỗ. Bằng sự mâu nhiệm của Đấng Chúa Tể càn khôn, đạo không lâu đã thấu nhận nam nữ nhập môn, gầy dựng một Chánh Thể cường thịnh, mạnh mẽ để làm môi giới cho quyền năng Đại Đạo lan tỏa bằng sức sống mãnh liệt. Phái nữ tuy Giáo Phẩm không cân xứng với nam phái, nhưng cũng biết bao nhiêu gương phụng sự Đại Đạo để làm gương cho nền đạo mai sau.

19. THỌ TRUYỀN BỬU PHÁP VÀ TRAI GIỚI

Chiếu theo bài thứ mười chín trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 17 tháng 07 năm 1926, đàn cơ tại Càn Giuộc, Đức Chí Tôn dạy ai trai giới mười ngày đồ lên thì được thọ truyền bửu pháp.

“Kể nào trai giới đặng mười ngày đồ lên, thọ bửu-pháp đặng. Chư Môn-đệ phải trai giới”.

Điều thứ 13 trong chương ba của Tân Luật có quy định rằng “Trong hàng Hạ thừa, ai giữ trai kỳ 10 ngày sắp lên được thọ truyền **bửu pháp**, vào Tịnh Thất có người chỉ luyện đạo”. Theo cách ấy, bửu pháp là điều bí nhiệm, là công thức tu luyện để môn đệ thọ pháp tu đơn, luyện đạo, tu chứng. Bửu pháp chính là bí pháp luyện Tinh-Khí-Thần hiệp nhứt. Do bí pháp là điều mật nhiệm, chỉ được truyền cho những ai có đủ điều kiện đạo hạnh cao sâu, tức là phương pháp “**khẩu thọ tâm truyền**”, chẳng phải hình thức truyền bằng sách vở.

Việc thọ truyền bửu pháp phải được thực hiện tại các tịnh thất quy định của Hội Thánh, có tịnh chủ theo dõi, trông nom, hướng dẫn, có chơn sư truyền dạy phương pháp tu luyện nghiêm ngặt.

Cần thân truyền **bí pháp** là một vấn đề đặc sắc trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và là một đề tài rất khó để truyền tải nội hàm đúng nghĩa mà Đức Hộ Pháp đã thực hiện khi còn sinh tiền.

Bí pháp là những điều huyền bí, mật nhiệm, những quy luật vô hình tác động đến sự thăng tiến của các chơn căn trên con đường thiêng liêng hằng sống, tức là những định luật bất dịch trong càn khôn vũ trụ. Bí pháp là các phương pháp hay cơ quan luyện đạo, chứa đựng huyền diệu nhằm thúc đẩy tiến trình tu tập của môn đồ, hầu giải thoát chúng sanh thoát vòng sinh tử luân hồi, đạt được phẩm vị thiêng liêng như Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Danh từ cũng đã nói lên tính chất bí ẩn, và không được truyền thụ công khai ra ngoài từ thầy sang trò. Thầy chỉ tâm ấn cho những đệ tử có đủ duyên đạo, đủ hạnh đức và có sự tiến hóa chơn thần ở một mức độ cần thiết tối thiểu để lãnh ngộ bí pháp tịnh luyện công phu thiêng liêng. Đây gọi là tâm pháp bí truyền hay khẩu thọ tâm truyền.

Để hưởng được bửu pháp khẩu thọ tâm truyền, chơn sư truyền dạy trong tịnh thất, buộc môn đồ Cao Đài **phải giữ chay lạt mười ngày đổ lên**. Vì sao Đại Đạo buộc bày pháp giới tận độ nhưng phải “khẩu thọ tâm truyền”?

Bửu pháp hay bí pháp vốn đã nói lên yếu lý quan trọng của Trời-Đất, là thứ quý giá nhất của đời người, là phương pháp để chúng sanh đoạt vị thiêng liêng, là ân huệ của Đức Chí Tôn ban, là một bí pháp giải thoát khỏi kiếp hồng trần. Đức Chí Tôn mở đạo, tức là Đức Ngài ban bí pháp, cho thọ truyền bửu pháp để chúng sanh đoạt vị. Tuy nhiên, bí pháp ấy không phải là “của dễ” mà ai sử dụng cũngặng khi chưa hội đủ các yếu tố để làm môn đệ thọ bí pháp tu đơn.

Xét trên tinh chất nguyên lý, bí pháp tu luyện là một việc hết sức khó khăn, phải thiên định, chuyển hóa tạo ra **thánh thai**, xuất chơn thần khi còn sống trở về với Đức Chí Tôn. Cho nên bửu pháp ấy không phải là “vật phẩm” có thể trao cho bất cứ người nào, bởi lẽ phép liên thông ấy có biết bao nhiêu biết cố xảy ra, hậu quả khôn

lường khi thi hành trật phép. Đức Hộ Pháp giảng rõ trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống:

“Nhập-Tĩnh không phải dễ, chỉ sai một tí, sót một chút là có thể hỏng cả cuộc đời, Nhập-Tĩnh mà không tới thì bị hôn trầm tức là ngủ gục, còn Nhập-Tĩnh mà quá mức thì phải điên đi mà chớ; Nhập-Tĩnh mà đúng rồi, còn phải nhờ các Đấng Thiêng-Liêng mở Huệ-Quang-Khiếu nữa, mới xuất hồn ra được. Con đường mà Chơn-Thần xuất ra rồi về với Đức Chí-Tôn là con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống đó vậy. Chính Bản-Đạo được Đức Chí-Tôn mở Huệ-Quang-Khiếu nên mới được về hội kiến cùng Đức Chí-Tôn và đã học hỏi được nơi Đức Chí-Tôn nhiều điều bí-yếu bí-trọng”. [Đức Hộ Pháp].

Bí Pháp ấy phải tham thiên, rồi nhập tịnh, nếu chỉ một chút sai, có thể làm hư cả đời người, có thể trở nên điên khờ do không biết cách. Khi nhập định đúng, phải nhờ các Đấng khai mở huyền quang khiếu, mới có thể xuất thần ra đặng. Do đó, tính chất bí truyền của bửu pháp phải luôn luôn có sự tham dự của chơn sư truyền dạy, không phải là công khai hóa như nhiều người lầm tưởng.

Dẫu sao theo Thánh Giáo của Đức Chí Tôn, chúng ta tin rằng nếu giữ trai giới mười ngày đổ lên, không gây tội quả, tu hành nghiêm chính thì ắt các Đấng Thiêng Liêng luôn hộ trì và hưởng được ơn tận độ, thọ bửu pháp của Đức Chí Tôn ban.

Tuy nhiên, chúng ta đã thấy rằng Đức Hộ Pháp là Đấng Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn, Đức Ngài đã chuẩn bị hành trang cho con cái Đức Chí Tôn trước khi bước vào con đường “thọ truyền bửu pháp”, đó là Mười Hai Bài Tập Khí Công Đạo Dẫn, Phương Luyện Kỹ, thực hiện đủ Tam Lập và buộc toàn thể phải siêng năng cúng kiếng thường hằng. Điều đó thể hiện sự khó khăn của bí pháp chơn truyền. Nội phương luyện kỹ, con người sống cả đời người chưa chắc đã giữ được trọn vẹn theo lời minh dạy. Trước khi đặng vào cửa tu chơn, phải được Đức Hộ Pháp cân thân, đánh giá mức độ đủ điều kiện thọ pháp trong các cung tịnh hay không.

“Chẳng phải Thầy còn buộc theo cựu luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên, Phật đặng”.

Đức Chí Tôn đã cho Hội Thánh lập luật mới, gọi là Tân Luật, một bộ luật mới tân thời theo sự tấn hóa của loài người và phù hợp với cơ Trời để tu hành, chẳng còn dùng cựu luật vì vốn cựu luật đã thất kỳ truyền. Song, những tinh hoa của Tam Giáo và Ngũ Chi là những điều luật có liên quan mật thiết đối với sự tiến hóa nhơn loại, đó là thiên lý lưu hành, trường lưu vạn vật. Nếu chẳng giữ trai giới thì chẳng khác sát sanh, hại mạng, không phát triển lòng từ bi trắc ẩn đến vô cùng tận. Thân người khi tiếp thu đồ mặn, trực chất bao phủ thì không thể nào bước trên con đường Tân Pháp mà thọ **bửu pháp** quý giá của Đại Đạo.

“Thầy cắt nghĩa: Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân: Một phàm gọi là corporel. Còn một thiêng liêng gọi là spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra, nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng”.

Đệ Nhị Xác Thân là Chơn Thần, có tương liên mật thiết với đệ nhất, gắn kết với thể xác để giáo hóa đệ nhất xác thân, tức là xác thịt đi đúng theo khuôn luật tạo đoan. Người tu mà đắc quả, đệ nhị xác thân ấy màu nhiệm, biến hóa, đi mây về gió và cũng vì chơn thần trong sạch, luyện được phép đặc nhất. Các bậc đắc đạo ấy cũng vì nhờ thể xác mà tu luyện cho đệ nhị xác thân có thể trở nên linh diệu như thế. Muốn vậy, đệ nhất xác thân phải trong sạch, vô tội, không bị trọng trược. Nếu tiếp vật thực măn đầy, không thể chi luyện đạo cho được.

“Cái xác vô hình huyền diệu thiêng-liêng ấy do nơi Tinh-Khí- Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí. Khi nơi xác phàm xuất ra, thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập. Còn khi đắc đạo mà có Tinh-Khí, không có Thần, thì không thể nhập mà hằng sống đặng”.

Xác thân thiêng liêng ấy mới có thể đến diện kiến Đức Chí Tôn. Phàm, “tinh” phải trong, “khí” phải nhẹ, “thần” phải an. Ba thể hiệp một mới đặng nhẹ hơn không khí mà du xuất càn khôn. Lời Đức Chí Tôn dạy dầu có tu đắc chứng mà Tinh-Khí không hiệp được Thần vì trược chất nặng nề, không hiệp cùng Thần được thì sự

hằng sống cũng chẳng thể đạt được. Do vậy, buộc chúng ta phải tinh tấn, vô nhiễm hồng trần, thanh nhẹ, không bị bụi trần dính luyến, nên phải ăn chay.

“Còn có Thần không có Tinh-Khí thì khó hườn đặng Nhị-xác-Thân. Vậy ba món ấy phải hiệp mới đặng.

Nó vẫn là chất tức hiệp với không-khí Tiên-Thiên, mà trong khí Tiên-Thiên thì hằng có điển quang. Cái chơn-thân buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ hơn không khí ra khỏi ngoài Càn-Khôn đặng”.

Luyện Tam Bửu là việc vận dụng phép đào luyện cho vận chuyên, tinh hóa khí, khí hòa thần, thần hườn hư, hư hườn vô để tiếp điển với Tiên Thiên Khí. Nếu duy chỉ có Thần mà không có Tinh-Khí thì chẳng thể tạo ra xác thân thiêng liêng đặng.

Khí Tiên Thiên là khí bốn nguyên của Vô Cực, là bản nguyên của Đạo, có khí ấy mới tạo dựng càn khôn vạn vật. Để tam thể xác thân hườn một, buộc con người phải giữ cho chơn thân trong sạch, nhẹ nhàng. Người tu cần phải ăn chay trước tiên để giữ sự thanh nhẹ, không trọng trước mới có thể đi vào con đường tâm pháp luyện đạo. Cần biết rằng, ăn chay chỉ là một trong những điều kiện để hội đủ trước khi dặng thân vào pháp môn thọ bửu pháp tu đơn.

“Nó phải có bốn nguyên Chí-Thánh, Chí-Tiên, Chí-Phật mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng. Phải có một thân phàm tinh-khiết mới xuất Chơn-Thân tinh khiết.

Nếu như các con còn ăn mặn luyện Đạo rồi có ấn chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng”.

Bước vào con đường thượng thừa tu tịnh phải đủ căn cơ, đủ các tiêu chí mà Hội Thánh Đại Đạo quy định. Sự tấn hóa của chơn thần cũng tùy theo khế cơ mà đào luyện, không phải thọ pháp môn có thể đạt đến Phật vị. Có thể hiểu rằng, Hội Thánh và Đức Hộ Pháp chỉ đưa ra quy định, còn mỗi người sẽ có một hành sự khác nhau. Duy chỉ đánh giá bằng việc cân thần mới xác thực và biết đặng đủ khả năng đi vào con đường tâm pháp hay không.

Chơn thần theo thể xác để dưỡng thể xác, điều độ thân phàm. Nếu đệ nhứt xác thân bị thúc phược trong luyện ái, phạm nhiễm thì chính chơn thần phải nhận lấy mọi kết quả. Vì vậy, để có chơn thần thanh khiết, thể xác phải tuân thủ những định luật nhất nhất mới có thể đào luyện, nuôi dưỡng chơn thần tinh anh. Nếu chẳng ăn chay, luyện đạo thì không thể hườn với thần mà trọn con đường tu tiến.

“Nhu rũi bị hườn, thì đến khi đắc Đạo, cái trước khí ấy vẫn còn, mà trước khí thì lại là vật chất tiếp diễn (bon conducteur d’électricité) thì chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt. Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thể mà làm một bậc Nhân Tiên, thì kiếp đọa trần cũng còn chưa mãn.

Vì vậy Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện Đạo”.

Đức Chí Tôn giả định nếu cuộc tu luyện hườn, tức đắc đạo mà vẫn còn trọc chất trong chơn thần thì khi tiếp diễn với Khí Tiên Thiên, “hồn thiên” ấy chẳng thể hằng sống vì không thể nhẹ hơn không khí mà trở về cõi thiêng liêng, bởi lẽ nó phản khác, không hòa hợp với Tiên Thiên Khí để trường lưu. Dầu chưa qua không khí nhưng bị sét đánh, tiêu diệt. Vì thế, người luyện đạo buộc phải trường chay mới có thể đủ điều kiện. Nếu không, kéo uổng công tu luyện mà kiếp mẫn trần chưa rồi.

20. SỰ CHẾT VÀ LỄ HẰNG SỐNG

Chiếu theo bài thứ hai mươi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 22 tháng 07 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy về sự chết và lễ hằng sống, có liên quan đến “đạo”.

“Sự chết, thường thế gian gọi chết là hết, là vì dốt không biết Đạo nên tưởng lầm”.

Trường thế gian chứa màu ảm đạm, chết chóc. Con người cũng vì vô minh, không nhận ra chân lý cuộc đời nên mãi đua xô trong hình vật, lấy của cải vật chất làm nền tảng cho sự sống. Bảo trọng sự sống bằng thứ của cải vinh hoa, trong sự chia ly, thù hận, cứ thế trường khổ hận càng chất chồng, nghiệp chồng nghiệp. Cho nên đối với những người ấy hằng sợ chết, mà chẳng hiểu sự chết là chi, luôn cho cái chết là tận cùng của mọi sự, cứ

thế đua nhau say sưa trong thú vật chất, dục vọng, tham lam, ích kỷ.

Chính vì sự lầm tưởng ấy mà có những trường huyệt lệ. Dụng hết tinh thần, năng lực để chiếm hữu, đạt được những dục vọng, dụng tham-sân-si để mưu cầu sự sống. Ấy chính vì không biết đạo Trời-Đất mà lầm tưởng chết là hết. Cũng vì cái lầm ấy mà đưa con người trong bển khô, biển mê, lăn tròn trong sinh sinh-tử tử, đọa chôn a tỳ, ngụp lặn trong bể mê mãi mãi, không hưởng được mùi đạo. Con người không thấu hiểu, con người là loài vật tối linh mà Đức Chí Tôn đã ban cho một điểm Linh. Đức Hộ Pháp thuyết giảng:

“Về mặt Đạo thì chúng ta phải để tâm suy xét cho tận cùng, hiểu cho thấu đáo phận sự con người tức nhiên là phận sự của nhơn loại ở nơi mặt địa cầu này đã làm sao? Và chẳng con người là một vật ở trong vạn vật cùng tạo đòan, vì có nào Đức Chí Tôn lại giáng linh trong một con vật?

*Tức nhiên Ngài có chủ định cho nó làm, mới cho quyền hành vô đối như thế lẽ dĩ nhiên con người khôn hơn vạn vật, đã đành khôn thì làm chúa của sự đại, tức nhiên Đức Chí Tôn muốn cho loài người làm chúa của vạn vật. Chúng ta không cần kiếm hiểu hay xét đoán, việc làm chúa để làm gì đó? Phận sự đối vạn vật thế nào? Mình đã xuất hiện trong khuôn luật của tạo đòan, tức nhiên mình thọ ân tạo hóa của Chí Tôn ban cho mình một tánh linh, cốt yếu để cho mình đảm nhiệm phần **bảo vệ cơ quan tạo đòan của Ngài**, tức nhiên để*

dàng bảo thủ luật tạo đoan chớ không phải để tiêu diệt luật tạo đoan” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 36].

Con người đã thọ ân của Đấng Hóa Công ban cho một **tánh linh** để bảo thủ sự sống, bảo thủ luật tạo đoan trong thiên lý, tức là khuôn luật của càn khôn, tịnh tiến lên, học hỏi điều bảo trọng chính mình cùng vạn linh. Nên việc hiểu lẽ chết sống là “sứ mạng” chính yếu của loài người.

“Khấp trong nhân loại trong mặt Địa-Cầu này, phần đông vì kính thờ Tà- quái mà Tà-quái vốn chứa sự chết thì tức nhiên chúng nó ở trong vòng sự chết là phải tiêu diệt, thì biết bao giờ biết đặng sự hằng sống là gì... Cười... Nếu Thầy không đến kịp, thì các con cũng vẫn bị trong vòng sự chết”.

Thánh Thi Đức Chí Tôn có cho hay “lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà”. Tà-chánh là hai mặt để thúc đẩy con người tu tiến, chớ không phải để tiêu diệt loài người. Tà hướng đến sự mê muội, dẫn dắt con người đến cảnh tà ma tinh quái, dối trá, xảo ngược, phi đạo lý. Chánh hướng con người đi trên con đường thánh đức để giựt tiến đến cảnh hằng sống, trở về với Đức Chí Tôn. Có tà mới phân chánh, định được lẽ chánh chơn. Khuôn luật của trời đất là tấn hóa mãi, không phải là thụt lùi. Bằng cớ, Đức Hộ Pháp có giảng:

“Bản Đạo có thuyết khi trái địa cầu này đã thoát qua, chính mình Đức Di Lặc Vương Phật thời kỳ này cầm quyền Càn Khôn Võ Trụ chỉ là một “dã nhơn” mà

thôi. Còn Đức Phật Thích Ca là người quê dốt. Trong ba đại chuyển mà Đức Thích Ca, Đức Di Lặc lập vị mình một cách vinh hiển oai quyền như thế, mặt địa cầu này cốt yếu Đức Chí Tôn giáng để làm một trường học tạo cấp bằng cho nhà Phật” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 36].

Nên khuôn luật của Đức Chí Tôn là để con người học hỏi, tân hóa. Nếu chỉ kính thờ tà quái, con người mãi mãi phụng thờ sự chết, làm tội tở cho thần chết, chẳng bao giờ đạt đến sự hằng sống.

Hôm nay, Đức Chí Tôn đến để làm cho loài người tỉnh thức, thấy cái chết và sự hằng sống bằng việc mở một tôn giáo quy lương sanh, dạy đạo lý. Nếu Đức Chí Tôn không đem ánh sáng quang minh thì con người cũng sẽ lẫn quẩn trong vòng “sự chết” mà thôi, tức là cuộn trong vòng tròn luân hồi, sinh tử, tôn sùng tà quyền, vinh danh cái chết mà sống.

“Tà mị cũng như một hạt lúa bị hãm mà thúi, thì thế nào mọc đặng mà sanh bông trở trái”.

Muốn có mùa màng xanh tươi, lúa đầy bồ thì hạt giống kia phải được gieo cấy, sanh hoa kết trái mãi mãi. Nếu theo tà mị thì hạt giống ấy chẳng khác nào những hạt giống hư. Hạt giống ấy chính là hạt giống Bồ Đề mà Đức Chí Tôn ví von theo cách ấy. Tâm chính là Bồ Đề, là tiểu hồn của Đức Chí Tôn ban cho. Muốn cho sanh hoa, đơm trái thì phải theo chánh đạo, tu thân, lập đức để

bồ đề tâm mãi tươi xanh, có thể phát triển đến cảnh giới hằng sông, sinh sôi nảy nở ra mãi.

“Còn bậc chơn tu tử như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái, mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng-liêng các con sanh hoá chơn-thần; chơn-thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài. Ấy là Đạo”.

Đức Chí Tôn cũng từ lẽ Đạo ấy mà tác tạo thành càn khôn vạn vật. Một Chơn Thần Đức Chí Tôn hóa sanh ra chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và vạn vật. Có vạn vật mới sinh biến, nương đạo quyền mà bông trái kết thành ngôi vị thiêng liêng. Nên có một Đức Chí Tôn duy nhất, nhưng bao nhiêu hóa thân của Người mệnh mông vô số kể. Còn người cũng nương ánh đạo ấy mà làm hành tàng như Đức Ngài.

Để được vậy, con người trước nhất phải tu, xa lánh con đường tà môn, nương chánh giáo tu hành, đoạt đạo, rồi mới học theo hành tàng của Đức Chí Tôn để bông trái thiêng liêng sanh sôi nảy nở dần dần theo lời dạy của Đức Ngài. Ấy là đạo vô vi mà Đức Chí Tôn truyền giảng.

“Bởi vậy một chơn-thần Thầy mà sanh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn-loại trong Càn-Khôn Thế Giới; nên chi các con là Thầy, Thầy là các con”.

Từ một chữ “đạo” duy thể mà tạo thành guồng máy âm dương, cả cơ quan hữu tướng và vô vi do một Chơn Thần duy nhất biến tướng. Không có sự chi ngoài Đức Chí Tôn, chính Ngài hiện hữu trong mọi sự hữu-vô. Cả chúng sanh vô lượng chính là bản thể của Đức Chí Tôn nên “Thầy là các con”. Muôn hình vạn tượng chính là Đạo, Đạo là Đức Chí Tôn. Cơ thể sự sống của Đức Ngài chính ở nơi con người.

Từ một cái thể duy lý mới phân tán ra vạn tượng, vạn tượng cũng sẽ từng thiên lý đáo đầu lại nguồn gốc nguyên thủy. Con người được sanh ra cũng từ Đạo, và muôn trở về bản thể uyên nguyên, tinh khôi cũng phải nương Đạo.

“Nhu kẻ bên Phật Giáo hay tặng Nhiên-Đăng là Chưởng-Giáo; Nhiên-Đăng vốn sanh ra đời Hiên-Viên-Huỳnh-Đế.

Người gọi Quan-Âm là Nữ-Phật-Tông, mà Quan-Âm vốn là Từ-Hàng-Đạo- Nhân biến thân. Từ-Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần đời nhà Thương. Người ta gọi Thích-Ca-Mậu-Ni là Phật-Tổ. Thích-Ca vốn sanh ra đời nhà Châu. Người ta gọi Lão-Tử là Tiên-Tổ-Giáo, thì Lão-Tử cũng sanh ra đời nhà Châu. Người gọi Jésus là Thánh-Đạo Chưởng-Giáo, thì Jesus lại sinh nhằm đời nhà Hón.

Thầy hỏi vậy chớ ai sanh ra các Đấng ấy? Khi-Hư-Vô sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết. Nếu không có Thầy

thì không có chi trong Càn-Khôn Thê-Giải này; mà nếu không có Hư Vô chi khí thì không có Thầy”.

Các Đấng Thiêng Liêng cao trọng như Đức Nhiên Đăng, Đức Thích Ca, Đức Quan Âm, Đức Lão Tử, Đức Jesus không cũng đi đâu ngoài chữ Đạo. Vì Đạo sinh ra các Đấng ấy, tức là “**nhứt cực**” hóa sanh, phân tánh mà hữu danh, hữu tướng, lại trở về vô ảnh, huyền diệu, bất biến. Nếu chẳng có Đức Chí Tôn thì chẳng có các Đấng uy quyền ấy, nếu không có Khí Hư Vô thì chẳng có nhứt cực, là Đức Chí Tôn. Do đó, Đức Chí Tôn chính là nguồn cội của mọi sự. Ấy là Đạo.

Đức Lão Tử nói:

“Đạo xung, nhi dụng chi hoặc bất doanh, uyên hệ tự vạn vật chi tôn. Ngô bất tri thù chi tử, tượng đế chi tiên”.

Nghĩa là “Đạo, bản thể thì hư không mà tác dụng thì cơ hồ vô cùng, nó uyên áo mà tựa như làm chủ vạn vật. Ta không biết nó là con ai, có lẽ nó có trước Thượng Đế”. Đạo của Ngài nói là thứ hòa đồng cùng phàm gian, sâu kín, lặng thầm, diệu huyền bao la, vô tử, vô chung nhưng luôn trường tồn tự hữu, có trước cả Thượng Đế. Đạo lại là luật thiên nhiên, chẳng hề tự vị ai, đối đãi công bằng phân minh, “vô vi” nhưng chi phối cả tạo hóa vạn vật. Người giữ đạo là tìm sự tĩnh lặng hư không, tìm lẽ “vô” mà sống.

Đối với Đức Lão Tử, Đức Ngài cho rằng có một vật nào đó hiện sinh trước cả Trời Đất, Ngài coi là mẹ

của vạn vật trong thiên hạ. Vì vậy, vạn vật và vũ trụ có cùng nguồn gốc. Đức Ngài gọi nguồn gốc của vạn vật là “**mẹ**”, Ngài chẳng biết nó là chi và có thể có trước cả Đức Thượng Đế, và tạm đặt tên là “**đạo**”. Thế nên, chữ đạo mà Đức Lão Tử dùng chính là bản thể của vũ trụ, tức là Vô Cực hay Khí Hư Vô được đề cập trong Cao Đài Giáo. Đức Ngài còn định rằng chỉ dùng tạm vậy mà thôi, không có tên nào thích hơn bởi lẽ cái **bản thủy** của vũ trụ cũng chẳng lấy chi diễn tả được.

Đặc tính của bản nguyên ấy vô cùng huyền diệu, lại vĩnh cửu, bất biến vô biên. Vạn vật được sinh ra từ đạo, biến hóa sanh sôi rồi trở về gốc cội. Vì thế đối với Ngài, đạo là cái gì mập mờ thăm viễn tối tăm, chỉ thấp thoáng nhưng bên trong lại chứa hình tượng, có vạn vật xác thực.

Vô Cực là vô thí, vô chung, tức là ám chỉ nguồn cội bản thủy của càn khôn vạn vật, tức là **Khí Hư Vô** theo đạo Cao Đài. Cho nên, bản thủy của vũ trụ là tự tánh hằng hữu, tồn tại bất biến. Tự tánh ấy là nguồn sống linh diệu, thiên biến, vạn hóa vô biên, chứa muôn hình ngàn trạng. Bản nguyên vốn thể **tự do hư vô**, vì tự do và hư vô nên không có thời gian và không gian cấu trúc, thể tánh tĩnh lặng mịt mù. **Hư Vô** ấy có hồn diệu biến mà sáng tạo ra Càn Khôn và vạn vật. Tất cả dịch chuyển theo thiên lý, vận xoay, động tịnh để trở về bản thể tự tánh.

Nếu Vô Cực chưa thể hiện **thuần tịnh** thì Thái Cực là “trạng thái” của Vô Cực. Tuy là hai nhưng là

một, nên cổ nhân gọi rằng “**Vô Cực nhi Thái Cực**”, tuy một mà hai vì Vô Cực là trạng thái “chưa thể hiện” còn Thái Cực là trạng thái “đã thể hiện”, là đầu mối của tất cả các hiện tượng nằm trong phạm trù có thể thấy hiểu hay lý giải được một phần nào nhờ vào các thể tính thị hiện qua hữu hình biến sanh. Trong khi đó, Vô Cực hằng hữu, tột cùng vượt ngoài phạm trù thấy hiểu hay biểu tả.

Đặc tính của Thái Cực là cực tịnh, nhưng đã cực tịnh thì có động phát sinh, sanh ra khỏi Thái Dương. Trong khối Thái Dương có ngôi Thiếu Âm. Qua thời gian, ngôi Thiếu Âm trưởng thành cực độ hoá thành ngôi Thái Âm. Trong Thái Âm có lại có hàm tàng ngôi Thiếu Dương. Ngôi Tứ Tượng hiện đủ đều do âm dương động tịnh biến hóa mà có.

Theo thế ấy, Đức Chí Tôn chính là ngôi Thái Cực, trạng thái thị hiện của lý Vô Cực, tức là Khí Hư Vô. Ngài mới phân tánh, giáng sanh, biến hóa ra càn khôn, vật loại. Sự biến tạo có những quy luật riêng, nên Đức Chí Tôn muốn nói ấy là Đạo. Đạo là Đức Ngài, Đức Ngài là Đạo.

Con người là một sinh vật thượng đẳng, có Tam Thể Xác Thân, và “thụ tạo” dưới những quy luật của Càn Khôn, phải đào độn mới thăng tiến. Chết là trạng thái chấm dứt một giai đoạn để bắt đầu một giai đoạn mới. Nên chết chẳng phải chấm dứt tất cả mà là mốc chuyển sinh, bắt nhịp vào con đường mới. Cứ như vậy cho đến khi con người đủ tuệ quang, biết trực ngộ chơn lý, tìm đạo màu, nương ánh sáng thiêng liêng để trở về

hườn tánh, trở về bốn cõi. Đó là cảnh hằng sông, không sanh, không diệt như Đức Chí Tôn dạy.

21. SỰ CẦN YẾU TRAU GIÒI HẠNH ĐỨC

Chiếu theo bài thứ hai mươi một trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 25 tháng 07 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy cần phải trau giồi hạnh đức cho xứng đáng, hầu làm tạo chơn tướng nên đạo và phổ độ chúng sanh.

“Cười...T... Con coi mặc Thiên-Phục có xấu gì đâu con? Một ngày kia sắc phục ấy đời sẽ coi quý trọng lắm. Con ôi! Con có biết những điều ấy bao giờ”.

Chúng ta cần xét hai chữ **“Thiên Phục”**. Chánh Thể của Đức Chí Tôn là một Thánh Thể thay thế Đức Ngài điều hành nguồn đạo hữu hình, thi hành luật pháp và bí pháp phổ độ chúng sanh. Hễ có Chánh Thể, tức có trước có sau, có Giáo Hội điều hành, tức là Hội Thánh. Có Hội Thánh tức phải có giáo phẩm, tức là Chức Sắc, có Chức Sắc phải có thiên phục.

Thánh Thể Đức Chí Tôn là những người đại diện do Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành tuyển chọn, có nam lẫn nữ đưa vào hàng ngũ điều hành nên Chánh Giáo. Nên phẩm thiên phong là quý trọng, khó cầu, khó xin. Chẳng phải muốn là được. Vì vậy, khi thọ phẩm, “thiên phục” hẳn là bộ đại phục để châu lễ Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn gọi đích danh Đức “T” để giảng nghĩa. Nhưng loài người cần hiểu rằng Chức Sắc là phần tử đã gần xứng đáng với phẩm vị được Thiên tước. Nên chiếc áo ấy quý giá, muôn vàng, vạn ngọc không mong trao đổi được. Lịch sử Đại Đạo đã minh chứng những câu chuyện buồn, nhiều vị vì có căn duyên cao, được sự ưu ái của Đức Chí Tôn và các Đấng mà được Thiên Phong. Nhưng có người là nghịch mạng, xem **sắc áo** ấy rẻ rún, chối bỏ, phản nghịch Hội Thánh, chống phá Thiên Luật. Nơi Thiên triều, Đức Chí Tôn phải đồ lệ vì những sự việc đau thảm ấy, Đức Ngài vừa thương, vừa giận, giận thương, thương giận. Nhưng có lẽ công bình Thiên Đạo cũng là phép trị thế.

*“Cười...Mấy đứa Lễ Sinh cốt để sắp đặt sự nghiêm trang trong đàn cầu Thầy, chớ chẳng phải duy để đi lễ mà thôi, mỗi đại đàn phải đủ mặt; chúng nó phải ăn mặc trang-hoàng, hai đứa trước, hai đứa sau, xem sắp-đặt sự thanh tịnh. Thầy dặn các con như đàn nội chẳng nghiêm, **Thầy không giảng**, ba con nhớ nghe!”*

Sự cung kính là lễ, nên lễ phải trang nghiêm, tịch tịnh, thủ lễ lúc cung, chớ không phải là hình thức **“làm đẹp”** đàn cúng. Ngày nay, có rất nhiều lễ sĩ và nhạc sĩ hay đồng nhi phụng sự nhưng mắt ngó đông, liếc tây, chẳng giữ đàn lễ thật trang nghiêm, giữ lòng thanh tịnh hòa trong tiếng kinh lời kệ. Điều đó làm cho việc cúng kiếng của bản thân có thể trở nên vô ích, lại ảnh hưởng đến đàn lệ thất nghiêm.

Nếu Đức Chí Tôn không giáng thế, liệu loài người có thể tìm cho mình một chốn bình an, một phương pháp tu thân, luyện tánh để có thể trở về nơi hằng sống? Nếu mọi người có thể, Đức Chí Tôn là Đấng Chúa Tể Cao Cả chẳng cần dụng huyền diệu tiên bút giáng trần lập giáo, chẳng cần ngày ngày xuống thế để truyền dạy những điều nhỏ nhặt nhất.

Cũng như thế ấy, đàn cúng là một lễ sắp xếp, tỏ bày sự cung kính đối với nguồn cội vạn linh. Đó là cách con người tự dâng thân đi tìm ánh sáng, hòa vào ánh sáng tự tánh, cầu sự an tịnh, giác tánh, giác nhi, giác tha. Sự đến của Đức Chí Tôn và các Đấng là một ân huệ, một ánh trăng sáng như giữa đêm tối tăm mù mịt, làm cho tánh huệ con người càng sáng. Nếu cầu tìm mà đàn giữ không trang nghiêm thì các Đấng không giáng.

“Tr..., L..., K..., T... nghe:

Bốn con đã mang nơi mình mỗi đứa một cái trách nhiệm chẳng phải nhỏ”.

Có lẽ, Đức Chí Tôn gọi danh Đức Ngài Thượng Đâu Ngài Lê Văn **Trung**, Ngọc Đâu Sư Lê Vãng **Lịch**, Giáo Sư Vương Quang **Kỳ**, Hộ Pháp Phạm Công **Tắc**. Đã vào hàng Thánh Thể Đức Chí Tôn, hiển nhiên mang nơi mình một trọng trách lớn lao, tu thân, lập đức, gieo mối chơn truyền cho Thầy. Điều ấy đối với hậu tấn, dầu một bậc tín đồ thấp nhất mà hết lòng phụng sự, lập công phi thường thì phần thưởng Đức Chí Tôn chắc chắn không bỏ qua. Huống chi, những phẩm vị thiên phạt,

mang vai tuồng đặc biệt, nên biết trân quý phẩm trật mà lập vị cho xứng đáng.

“Thử nghĩ lập một nước còn dễ hơn dạy một người dữ đặng hiền, huống chi trong Tam-kỳ Phổ-độ này các con phải độ rỗi cả nhơn loại khắp cả năm Châu, thì trách nhiệm ấy lớn lao là bực nào?”

Sứ mạng của Đại Đạo phải độ rỗi cả năm châu, vạn quốc. Ấy là một trách nhiệm thiên mạng cao cả mà Thánh Thể Đức Chí Tôn phải đảm nhiệm hoàn toàn. Biết Thầy là trọng thì phải biết Đạo trọng, biết Đạo trọng thì phải biết độ rỗi chúng sanh. Tuy vậy, trước khi dạy người, mình phải hiền, phải xứng đáng với Thiên Phẩm, với trách nhiệm toan hứa hẹn với Thầy. Nếu khoác lên một chiếc áo đạo, vai trò chưa xong, đức hạnh chưa hoàn toàn, sắc áo ấy hóa ra hư vô, có ích chi cho nền đạo của Đức Chí Tôn.

“Cái hạnh và cái đức của các con nó phải phù hợp với cái trách nhiệm mới đặng. Các con là đèn và gương soi của nhơn-loại; phải tập cho mình xứng đáng”.

Vì đời hung bạo, chỉ biết dữ, biết tham quyền, mê danh-lợi-quyền, chớ chưa hề mê đạo đức. Đức Chí Tôn mở Tam Kỳ Phổ Độ đặng biến cải sự dữ ra hiền. Cái hung bạo của con người ví như những làn sóng biển bất tận, khó sao ngăn đặng. Đạo mở ra để dịu đời, độ kẻ dữ, chặn những làn sóng vô đạo để mặt nước im lìm, biết nó đến ánh sáng thiêng liêng, phẳng phát mùi đạo vị.

Chức Sắc là ngọn đèn, là gương cho muôn vạn sinh linh đang cần một sự minh triết trong đời sống. Vì vậy, cái chính chắn, chỉnh chu, đạo đức vuông tròn, xứng đáng trách nhiệm nơi mình là điều rất cần để làm khuôn mẫu cho thiên hạ. **Hội Thánh tức là cơ thể sống của Đức Chí Tôn**, Chức Sắc không phải Thiên Phong để làm bức bình phong chung giữa điện, mà phải là con tể vật của Đức Chí Tôn, biết sự thông khổ của vạn linh, biết lau lụy giọt đau thương của chúng sanh, chèo thuyền đưa chúng sanh ra khỏi cơn kháo khổ. Vì vậy, đạo đức và phẩm hạnh cần trau sửa cho hoàn toàn.

“Các con có đặng hạnh phúc ấy là do học đặng mấy mún nơi Thầy, mà Thầy dạy các con chẳng nghe, Thầy sai các con chẳng tuân...Tu thân còn chưa xong thì thế nào mong mỗi thành Tiên Phật đặng”.

Các môn đệ Cao Đài đầu tiên được gồm góp, quy lương sanh để làm gương cho nhơn loại, được hạnh duyên, hữu căn, hữu kiếp nghe trọn lời giáo huấn của Đức Chí Tôn, nên học được chơn lý, trau sửa tánh đức phần nào so với Thầy.

Ngày nay, Thánh Giáo vẫn là tiếng nói của Đức Chí Tôn truyền giảng cho chúng sanh đến thất ức niên, không riêng cho chư Chức Sắc Thiên Phong thừa phôi thai. Nếu lời Thầy dạy mà không tuân, chẳng thi hành những triết lý quý báu ngàn đời ấy, không hiểu giá trị khuôn luật Đại Đạo, nghịch Thánh truyền thì việc tu thân lấy chi mong mỗi kết quả.

Loài người vẫn có một thánh tâm, nên luôn luôn len lõi tìm ánh sáng chơn lý, hầu kiến tạo một đời sống vĩnh hằng. Nếu chẳng biết giá trị khuôn luật, sự quý giá của Đại Đạo mà lờn oai linh, chẳng trau thân lập đức, sửa **tâm hạnh** cho hoàn toàn, khinh khi mực thước đạo lý Đại Đạo thì cửa Thiên Cung mãi mãi đóng chặt.

22. GIỚI TÀ DÂM

Chiếu theo bài thứ hai mươi hai trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 30 tháng 07 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy rõ về giới tà dâm.

“Vì sao tội Tà-dâm là trọng tội?”

Phạm xác thân con người, tuy mắt phạm coi thân hình như một, chớ kỳ trung nơi bốn thân vốn một khối chất chứa vàn vàn muôn muôn sanh vật. Những sanh vật ấy câu kết nhau mà thành khối (la formation des cellules). Vật chất ấy có tánh linh. Vì chất nuôi nấng nó cũng đều là sanh vật; tỉ như rau, cỏ, cây, trái, lúa, gạo, mọi lương vật đều cũng có chất sanh”.

Vì sao tội tà dâm là một trọng tội? Vạn vật trong trời đất đều do nơi Đức Thượng Đế hóa sanh. Riêng với cơ thể con người, đó là tổng thể các sự sống kết hợp lại để hình thành đệ nhất xác thân. Từ máu huyết, tế bào, lục phủ, ngũ tạng, da thịt...đều đang sống theo khuôn luật của tạo hóa và đang hành trình trên con đường vận chuyển, đào độn của Bát Hồn.

Sự sống của vạn hữu trong càn khôn tuân thủ theo những quy luật bất biến, chuyển đổi trạng thái muôn cách thức, chớ chưa hề “chết”. Vật thực vào cơ thể để kết thành một “tổng thể sự sống” mà có ta. Một giọt máu cũng là chất sanh, khôi chơn linh lưu chuyển trong cơ thể và đến ngày giờ phải biến theo vòng luân đổi.

*“Nhu các con dâm quá độ thì là sát mạng chơn linh ấy. Khi các con thoát xác thì nó đến tận nghiệt đài mà **kiện các con**. Các con chẳng hề chối tội đặng. Vậy phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm”.*

Dâm dục là sát hại sinh mạng, là hành tà đi trái với luật tạo hóa. Giới cấm tà dâm là một điều trong Ngũ Giới Cấm, cổ kim không thay đổi. Tà dâm là một sự suy nghĩ lệch lạc, một hành động khoái lạc, ham muốn xác thân nam nữ bất chánh. Điều tà dâm trong luật này định rằng cấm lấy vợ người, thả theo đảng điểm, xúi giục người làm loạn luân thường, đạo lý, không theo đạo quân tử, thấy sắc dậy lòng ham mê, gieo tình huê nguyệt. Luật cũng định rằng vợ chồng không gọi ghép vào tội tà dâm.

Nếu bàn về tội tà dâm, chúng ta cũng nên nhắc về chữ **trinh** theo của người phụ nữ và chữ **nghĩa** của người đàn ông theo đạo quân tử. Chữ “trinh” là một vấn đề nhạy cảm, thu hút sự chú ý của biết bao nhiêu người, bao nhiêu thế hệ, xưa và nay, truyền thống và hiện đại. Trinh là một tiêu chí đánh giá con người trước sức cám dỗ; là cuộc chiến giữa lý trí, tình cảm mang đặc trưng người. Trinh còn được hiểu rộng hơn, phong phú hơn và

đạt đến mức thăng hoa, vượt khỏi cái nội dung thông thường, bao hàm mọi sự trong trắng, tinh khôi, đức hạnh và tiết tháo của người phụ nữ nói chung, kể cả khi cái trinh vật thể ấy còn, cũng như khi nó đã bị mất.

Đạo vợ chồng là phải nâng khăn sửa túi, vun đắp gia đình. Nữ thì Tam Tông Tứ Đức, Nam phải Tam Cang, Ngũ Thường. Trong đó, người chồng phải giữ **đạo nghĩa** với vợ. Chẳng may chồng chết, vợ thủ trinh thờ chồng, nuôi dạy con khôn lớn. Chẳng may, vợ chết, chồng phải giữ nghĩa với vợ, thay “bàn tay vợ” mà nâng niu, ôm ấp, nuôi con thành người có đức tài. Ấy là **trinh**, đó là **nghĩa** mà người quân tử phải gìn, hầu giữ luật giới theo Đạo.

Tuy nhiên theo lời giảng của Đức Chí Tôn, nếu hiểu rộng đạo lý Trời Đất, “tà dâm” ấy mang nghĩa rộng hơn mà phạm chúng ta không bàn sâu vào vì lý do mang tính chất tế nhị. Nếu tà dâm quá đỗi, thì nghiệp vay tạo sẽ gia tăng, Nguyệt Cảnh Đài vẫn có hình luật chờ sẵn vì những tổ kiện của khối chơn linh bị sát mạng vì lý do tà dâm quá độ.

23. SỰ CHƠN THẬT VÀ GIẢ DỐI

Chiếu theo bài thứ hai mươi ba trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giảng ngày 04 tháng 08 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy về chơn thật và giả dối, nếu chẳng thức tỉnh sớm, biết trường thi công quả đặt để mà ngày sau mới tỏ ngộ thì rất muộn màng.

Dù trong cửa Đạo hay trường đời, lòng chí thành **chơn thật** là tánh chất căn bản cần phải có để con người đối đãi nhau thuận hoà thân thích. Nếu thiếu lòng chí thành, con người chẳng khác chi tìm đến bờ mê, giục sự giả dối, thoả nét tánh tà, tìm đến sự ngăn cách giữa người với người, tìm đến xảo trá gian tham, muôn điều chông chát.

Vì con người hằng tìm lẽ chơn thật mà tu tiến trở về bản thể Đạo tự nhiên. Cũng vì Đạo là vô vi mầu nhiệm, bản thủy bao la bí nhiệm, hư diệu tịch tịnh, hằng hữu bất diệt, trong khi con người ở cảnh giới hữu sắc, hữu âm nên **hành trình về với Đấng Chí Tôn** trở nên bao la, diệu vợi.

Con người là kẻ lữ thứ tha phương, đi tìm ánh sáng chơn lý diệu quang mà phản bôn hườn nguyên, trở về tự tánh ngàn thu bất diệt, không chịu mọi thúc phược của vật chất đè nén, kèm hãm sự tăng tiến tâm linh không cùng tận. Vậy nên, con người là khách trần. Thân tứ đại do ngũ hành cấu tạo phải trả về bụi cát, nên trần gian chính là quán trọ.

Cõi tục là bể khổ, là giả tạm, là vô thường, là huyền mộng, là bào ảnh, là hư vô, là bọt biển có rồi không, là nơi giam hãm Nguyên Nhân và Hóa Nhân trong sâu thẳm. Do vậy, con người chính là khách trần và nếu biết tầm phương, vịn phước chiêu hồn, trau thân định trí, phụng sự giáo pháp và sanh chúng thì xa lìa quán trọ, hồi nguyên cảnh cũ, quê xưa. Nhược bằng không, con người mãi mãi vô minh, lăn trôi vô định như

những cánh bèo dạt, cuộn tròn trong bến đò sinh tử-tử sinh.

“*Biển trần khổ vơi vơi trời nước*”

[*Khai Kinh-Kinh Thiên Đạo*]

Nước biển mênh mông ví như bao nhiêu nỗi đau khổ của con người phải chịu giữa thế trần này. Theo cách ấy, Đức Phật Thích Ca ví nước mắt chúng sanh nhiều hơn cả nước biển. Cho nên, cõi trần là quán trọ, tâm con người mới là khách trần. Cát bụi vẫn mãi là cát bụi và trở về bốn nguyên của nó. Tự tánh vô vi hằng hữu, hằng sống bất hoại và cần trở về hòa hợp với thiên tánh.

Trần ai vẫn lấy bao nhiêu sự vui vẻ tục bộn, danh quyền để chác lợi, mưu cầu mùi phú quý vinh hoa, những sự vô vị ở cõi sông mê mà trọn quên những hạnh gương đạo đức của các Đấng Thánh trước Hiền xưa. Lao xao sự tranh giành, hơn thua, chác phiền, kiếp phù sanh chẳng mấy chốc, **giả dối** chẳng được bao mà kiếp sanh càng ngắn ngủi; trắng lặn ác tà, bóng thiêu quang nhật thúc, sự sống càng mong manh như đèn treo trước gió. Mọi thứ vui say, vinh hoa, hơn thua, địa vị trở hóa thành gió thoảng. Khi hơi tàn, gói mồi, sự hy vọng hạnh phúc vinh hoa vẽ lên cục sanh ly, pha màu tử biệt. Thảm trạng kết cục của kiếp sanh là vậy.

Khách trần biết đời là quán trọ, tâm nguồn tiên, nẻo thánh, tránh lỗi, tam lập theo sở hành mà sống tiêu dao, tự tại, bỏ phàm tâm, cận đèn thiêng liêng, đi ngoài

vòng danh-lợi-quyền để đặt mình vào địa vị thanh cao, tắm nước ma ha, gội mình ao thất bửu, xa lìa bến tục.

“Chúng ta chỉ là những khách trọ tạm thời trên trái đất này, tâm ta mới là quán trọ, còn thân là khách, sẽ đến ngày khách từ giã quán trọ ra đi. Tất cả mọi thứ bạn cho là giá trị rồi cũng không đi theo bạn, mà nó còn ra đi lúc nào mà bạn không ngờ và không níu giữ được” [Tài liệu Phật Giáo Thường Thức].

Kiếp sanh con người luôn hòa các chuỗi các sự kiện liên kết của mỗi cá thể tạo thành một xã hội đoàn thể. Dĩ nhiên sự phức tạp và hỗn độn là một tình trạng hiển nhiên như một quy luật tất yếu. Tất cả các ý hướng thiện lành, kiến tạo một xã hội trật tự quân bình, tự chủ, công bằng, thương yêu theo khát vọng của con người dường như không thể, bởi lẽ cái **chánh** và **tà** hay thiện và ác luôn song hành tồn tại lẫn lộn. Cuộc sống vốn luôn biến động theo thời gian, thân tâm của chúng ta vốn vô thường và cũng vận hành theo ý chí phấn đấu do tiếng gọi của thánh tâm hay sự đưa đường của phạm ngã mà hướng lộ theo tà môn hay chánh giác mà thôi. Nên người của tôn giáo cần mình định giá trị chơn chánh và tà mị để hoàn thiện hành trình giục tấn, tìm ánh sáng chân lý, thực hiện tôn chỉ thánh thiện thiên lương theo giáo pháp mình đã chọn.

Chánh là những tư tưởng, hành động, những học thuyết phù hợp với quy luật thiên nhiên, làm tiền đề, làm phương tiện căn bản cho con người nương theo để giữ mình lánh dữ, làm lành cho bản thân, thích hợp với luật

thăng hoa trong triết lý nhân sinh. Một cách xa hơn, nó giúp con người hoá cải tha nhân, giúp người trên nhiều phương diện để cùng nhau đạt đến giá trị thiện lành. Tà là những gì đi trái ngược lại với chánh, là những cản trở thúc giục con người phản lại hoàn toàn những ích lợi mang tính chất cộng đồng, tha hóa tính chất thánh của con người vốn có.

Trong ranh giới đời và đạo, con người có lẽ định rằng đạo sẽ chánh, đời sẽ tà. Một ý hướng chủ quan và một tí khách quan, lập luận đó đúng nhưng chỉ trong một hoàn cảnh và thực thể nào nhất định. Đời vẫn có thể đem lại cái chánh, đạo vẫn có thể đem lại một khối tà mị dẫn dắt con người đi nghịch lại thiên lý chánh đạo của các bậc Thánh Hiền hay các bậc Giáo Chủ với triết thuyết cứu cánh. Nhận thức về chánh và tà vốn mang ý nghĩa quan trọng đối với đời sống người tín hữu bởi nó có thể đánh đổi cả đời người.

“Hi chư Môn-Đệ chư nhu, nghe dạy:

Sự chơn thật và sự giả dối, mắt phàm các con đâu có thể phân biệt đặng; một trường thử Thánh, Tiên, Phật vì vậy mà phải lập nơi thế gian này; nếu buổi sanh tiền dẫu cho một kẻ phạm tục tội lỗi biết đặng cơ quan mầu nhiệm của Đấng Chí-Tôn là Trời đã sắp đặt, thì cũng chẳng dám gây ra tội lỗi mà thôi, lại có thể đắc Đạo mà găm ghé phạm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật đặng nữa, huống lựa là các đấng ấy, phải bị đọa trần mà biết mình hằng giữ thì mầu nhiệm thử Thánh, Tiên, Phật chẳng có nghĩa lý gì hết”.

Cũng vì con đường tìm lẽ chơn thật khó khăn lắm đỗi, nên lắm khách trần mõi mõi còn ở chốn biển mê, sông khổ. Chánh-tà, chơn thật- giả dối lẫn lộn khó cân phân bằng phàm nhãn. Thật thật và giả dối là hai trường đỗi nghịch nhưng luôn song hành, là động lực của nhau để đánh giá phẩm hạnh của con người. Đắm đuối, mê lầm vào con đường giả dối thì trầm luân. Nếu tránh con đường giả dối, giựt tiến trên con đường chơn thật thì đắc thắng, tìm được hạnh phúc thật sự.

Thật giả vốn là trường thi thánh cho con người. Nếu chẳng có cơ “màu nhiệm” ấy, hóa ra phẩm vị Thiêng Liêng chẳng có giá trị chi hết. Bậc chơn tu là người rõ chánh tà, biệt phân nên-hư, tốt xấu, vượt qua mọi chông gay thử thách mà Đức Chí Tôn và các Đấng lập tại thế, ấy như bài thi. Hễ đậu thì trở nên Thánh, hễ rớt tức là lọt sổ, có khi phải làm tội tớ cho tà mị.

Cơ vận chuyển biến hóa của Tạo Đoan là một hệ thức không phân giải bằng trí phàm cho đặng. Y như lời Đức Chí Tôn dạy, nếu kẻ phạm tục tội lỗi mà biết cơ màu nhiệm, thiệt-hư an bày tại thế với quyền năng của máy tạo, thì đã khiếp sợ mà lo tu hành, đoạt vị, hưởng chi các bậc chơn căn, Nguyên Nhân đã vốn có cựa vị, vốn thánh tâm đã sẵn đơm hoa kết trái, chờ điều kiện mà sinh hóa, đoạt thủ đạo pháp, trở về ngôi vị cũ.

Do đó, sự chơn-giả là phương diện của cơ quan luật pháp chơn truyền tạo đoan cần khôn vũ trụ, để phân loại **thánh-phàm**. Đó là một thiên lý, **cơ màu nhiệm thử thách**, cơ công bình để nâng giá trị phẩm vị Thiêng

Liêng cho xứng đáng. Đòi là một trường thi, vàng thau lẫn lộn, hư-thật xen nhau, chánh-tà bất phân. Đức Chí Tôn ban cho loài người một Thánh Linh để học hỏi, để cách vật trí tri, thi hành sự ần nhần mà biết phân phàm, chọn thánh, mới khỏi bị đọa sa.

*“Phải sáng suốt đặng phân **thiệt giả**, mới bền giữ cơ nghiệp thiêng liêng, chớ đòi sống phàm gian là một khổ hải đa nghe” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 bài 14].*

Ấy là trường khảo thí theo luật công bình. Đại Đạo mở ra để cứu vớt sinh linh, nhưng chẳng phải Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ban phép để đưa con người về nước hằng sống thiêng liêng. Ngược lại, con người là những sĩ tử đang dấn thân vào trường thi thánh đức nên phải gặp những cảnh khổ đau, thuận khảo, nghịch khảo trăm bề. Người chân tu thì hiền lộ tâm bồ đề, giữ mọi kiên định. Nếu chẳng có những cái khảo thì tâm chí tu hành của con người càng chìm đắm, sa xuống. Người đi vào chơn đạo sẽ **phục sinh trong thánh chất của Đức Thượng Đế**, dầu có bao nhiêu sự thử thách thuận nghịch thì người chân tu vẫn cho thấy sự khế cơ rõ ràng, thúc đẩy hành trình tu tấn cho đến trạng thái viên đốn.

“Vì vậy mà Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công-quả, các con muốn đến đặng nơi cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi”.

Lời khẳng định lại với chúng sanh rằng phải đến trường công quả Đại Đạo mới mong trở về hội diện với

Đức Chí Tôn đặng. Bằng chẳng thế, không có con đường nào có thể làm chúng ta an lạc, tầm nguồn tiên, nẻo thánh cả.

“Thầy lại khuyên nhủ các con rằng: Thầy đã đến chung cùng với các con, các con duy có tu mà đắc đạo; phải đóa lại bá thiên vạn ức nhơn-sanh còn phải trầm luân nơi khổ ải, chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rồi”.

Cái trí khôn phân lọc nên hư, nhận biết thiệt giả, định giá trị cơ quan cứu khổ của Đức Chí Tôn thì là chơn chánh, bằng không đi vào trường thi công quả của Ngài, chẳng chi mong mỏi về cửa Cực Lạc. Nếu đã đến trường của Đức Ngài, duy có cố gắng tu hành thì được trở về với Đức Ngài. Tuy nhiên, con đường ấy phải phổ độ chúng sanh, cứu khổ cho nhơn sanh. Đó là lời khuyên cho chư Chấn Sắc Thiên Phong xưa, nhưng cũng là nguyên tắc chung cho toàn thể tín đồ Cao Đài.

Trường thi thánh đức của Đức Ngài là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Muốn đi trọn con đường thánh đức ấy, phải nhận ra **chơn-giả**, thực hiện **cơ phổ độ sanh chúng**, cứu vớt con cái Đức Chí Tôn bằng hết tâm lòng thương yêu vô tận.

*“Vì cơ cho nên ổng đến, ổng đến đặng chi, cũng như câu hỏi thứ nhì, ổng đến đặng chia khổ cho con cái của ổng, nên ban sơ ổng đã nói một cách **chơn thật** và đơn giản, ổng nói: “Thầy đến Thầy hiệp lương sanh đặng Thầy làm cơ thể để cứu vớt chúng sanh” tuy nhiên*

ông đến ông lựa chọn các con hiền lương đạo đức, ông đem vô cửa Thiêng Liêng của ông tức nhiên cửa Đạo đặng ông làm cái thi hài hữu hình của ông, xác thịt hữu tướng của ông tại thế gian này gọi là Thánh Thể hay là Hội Thánh, ông lập Hội Thánh ra đặng làm Thánh Thể đặng ông làm gì? Không có gì khác hơn đặng ông làm hình ảnh của ông, đặng ông chia khổ não của con cái của ông mà đầu tiên hết, nếu ông không có phương kế chia khổ não ấy ông đến đặng mà ông an ủi, ông đỡ lấy cái đau khổ của con ông đã chịu.” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6 bài 3].

Cơ ân xá phủ độ đã đến, nên Đức Chí Tôn hàng bên nhơn sanh, un đức tinh thần, dạy dỗ, che chở, nâng đỡ, đưa đẩy nhơn loại đến nơi thánh đức, duy có cố công mà tác tạo công quả, lập thành phước đức vô vi để cùng trở về bên Thầy. Thương yêu là giếng bảo sanh của càn khôn thế giới. Muốn đoạt thủ địa vị, mình phải đưa chúng sanh về nơi hàng sống trước mình, ấy là công đức hải hà.

“Nay tuy các con chẳng thấy đặng hành vi mẫu nhiệm, mà chính mình Thầy đã đến nói, các con cũng nên tin nơi thầy mà cho rằng lời Thầy dạy là chơn thật”.

Cơ quan vận chuyển của tạo hóa vốn vô cùng mẫu nhiệm. Con người khó lòng hiểu rõ. Máy thiên cơ vận xoay, chuyển hóa vi diệu mà chúng ta khó đặng rõ thấu. Nay, chính Đấng Cao Cả đã xuống thể, giáng bút nêu rõ thế cuộc thì chúng ta phải tin những lời giáo huấn ấy là

một điều chân thật. Phải đủ đức tin mới nương vào cơ quan cứu khổ của Ngài.

“Nếu các con đợi đến buổi chung quy, hồn ra khỏi xác mới thấy cơ mầu nhiệm đặng, thì chừng ấy đã muộn rồi”.

Cuộc đời đầy ảo ảnh, bao nhiêu giả cuộc an bày, thật thật-giả giả. Các giáo pháp đã đưa con người đến một con đường tu niệm, nhưng chính Đức Chí Tôn đã nói đã thất kỳ truyền thì cũng nên tin ấy là chơn lý, chẳng nên dị nghị, luận bàn, suy trước, định sau, phân bua giả thật. Đức Ngài đã minh giảng cái thật trước mắt, thị hiện Chơn Giáo cứu cánh. Nếu ngờ vực, chẳng cho đó là cơ nhiệm mầu thiêng liêng có thể đưa con người đến địa vị thanh cao, đến khi bỏ thân xác mới ngộ ra, thì sự ăn năn ấy rất nên muộn màng.

24. PHƯƠNG CHƯỚC TÀ MỊ VÀ ĐẠO ĐỨC

Chiều theo bài thứ hai mươi bốn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giảng ngày 07 tháng 08 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy mưu kế của tà mị cốt để ngăn trở đường thánh và dạy phải gìn giữ đạo đức cho lắm mới thắng đặng.

“Những sự phạm tục đều là mưu kế của Tà-Mị Yêu-Quái cốt để ngăn trở bước đường Thánh-Đạo của các con”.

Có thi rằng:

“Tam giáo từ xưa vốn một nhà,
Người sau làm tướng, vọng chia ba.
Minh tâm may hiểu đường chơn giả,
Mẫn tánh mới thông nẻo **chánh tà**”

Phương chước tà mị chính là mưu kế của yêu quái để khản đường, trở bước của bậc thiện nhân. Ấy là một cơ khảo thí lắm gay go trên hành trình về với Đức Chí Tôn. Nếu không đủ hùng dũng, oai phong đạo đức, khó mong qua kẻ gian tà, thử tách của tà quái.

Đức Thượng Đế mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là mở một trường thi công quả cho chúng sanh lập công, tu học. Chẳng phải công quả không mà có thể đạt phẩm vị Thiên Liêng dễ dàng. Hễ có trường thi công quả tức nhiên có cơ **khảo đảo** hay khảo thí hoặc thử thách. Có câu “đạo khai tà khởi”. Ấy là **phép công bình Thiên Đạo của Trời Đất**.

Địa vị **Hóa Nhân** ngoài phải chịu trả những nghiệp quả đã vay tạo thì phải lập công lao xứng đáng và chịu đựng những cơ thử thách mới đoạt thủ địa vị Thiên Liêng. Các bậc **Nguyên Nhân** muốn trở về cự vị cũng phải chịu những khảo đảo theo phép công bình thiên liêng mới trở về cự ngôi hoặc cao thăng thiên vị.

Khảo đảo là sự thử thách đối với bậc chân tu, là những cám dỗ, cạm bẫy lập ra để đánh giá phẩm hạnh người tu. Người có thể vượt qua những trở ngại, những gian lao, những hiểm nguy bao quanh ngặn chặn bước đường tu hành thì có thể hoàn toàn mà đắc phẩm vị nơi

cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Nhược bằng không vượt qua được những chông gai, kếm hạnh, thiếu nhẫn nhục thì phải xa vào bầy trên con đường tu hành.

Cơ khảo thí là một bài toán, một thử thách như đem danh, lợi, quyền, tiền tài, sắc, dục, cao lương mỹ vị, phú quý danh hoa để dụ dỗ người tu. Người nào kém về mặt nào, tức có bầy nhử giăng, hầu đánh giá trình độ tu học, phẩm giá đạo hạnh của người ấy. Như thế ấy, người tu hành ngoài làm lành, lánh dữ, lập công cho viên mãn, còn phải chịu những khảo đảo theo luật thiêng liêng mới xứng đáng đứng vào địa vị cao trọng nơi cõi Thiên. Theo đoạn trích thánh giáo trên, duy có “**bộ áo thiếc giáp đạo đức**” có thể gìn giữ con người tránh những khảo nghiệp mà thôi.

Trong cửa đạo Cao Đài, ngoài những tính chất phổ dụng của các loại khảo làm cho người sa ngã, thói chí siêu lòng, bỏ dở công phu tu tập, còn có một loại khảo đặc biệt. Đó là **cơ bút mạo nhận** Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng cao trọng làm cho người tín đồ ham mê huyền bí thiêng liêng mà tin theo. Nếu chẳng minh trí, tuân theo luật cơ bút của Đại Đạo, có thể chuốc lấy những hậu quả khôn lường. Cơ bút có **tiên cơ** và **tà cơ**.

Tiên cơ được thực hiện do các chức sắc được Thiêng Liêng chỉ định, đó là cơ bút đặc biệt và làm phương tiện thông công để quyền thiêng liêng giảng dạy lời vàng tiếng ngọc hay giáo huấn những sách lược của nền Đại Đạo. Còn tà cơ là cơ bút được thực hiện tự do,

không theo luật Đại Đạo, ma quỷ có thể giả làm Tiên, Phật để lừa gạt nhơn sanh.

Về hình thức, chia làm hai loại khảo là **thuận khảo** và **ngịch khảo**. Người nếu chẳng vì tánh đức đại hùng, đại lực thì khó chi mong thắng đặng những cơn khảo đảo cho đặng. Cơ đạo phải có phép thử an bày giáng xuống thể thử tâm thật, tâm giả, thử tánh đức đại hùng, đại lực của bậc chân tu hầu chọn những bậc Hiền Tài.

Chẳng một phẩm vị thiêng liêng nào mà không phải trải qua những khảo nghiệp để thành đạo trên con đường tu chứng. Kiếp người nếu chẳng có những gian truân, khảo khổ, mài luyện thì chẳng hề nào phát ra tánh đức rực rỡ. Anh hùng hào kiệt thì lắm, có thể chiến thắng người lỗi lạc nhưng chiến thắng bản thân lại vô cùng khó khăn nên Phật, Tiên thì không mấy ai đoạt thủ ngôi vị.

Thuận khảo là loại khảo đáp ứng sở vọng phàm trần của con người, hầu đi xa chánh đạo, đi ngược dòng tấn hóa, làm con người mê mờ trong tử, sắc, tài, khí như là một khí cụ cơ bản của cuộc sống, càng ngày quên đi con đường chánh đạo. Ví như cầu danh, đợc danh và cái danh càng thăng tiến để cuốn vào vòng xoáy của bản ngã, không còn có thời gian để chú tâm vào việc tu đạo, làm dở dang mọi việc của người tu hành. **Ngịch khảo** là những thứ làm chướng ngại trên con đường tu tiến làm người tu chán nản, thoái chí buông xuôi.

Do vậy, người tu phải có tánh chất đại hùng, đại lực, ý chí vững mạnh, kiên tâm, thấy các thứ là hư ảo, có thể buộc ràng ngoại cảnh, không thể để ngoại cảnh trói cột, chi phối đời sống thân, tâm, ý. Dầu là thuận cảnh hay nghịch cảnh, đủ tâm chí, thành tâm, thành ý, dùng lý trí để nhận rõ mọi thứ vô thường và tạm cảnh để vượt qua mọi ngõ giãng. Con người có thể dễ dàng nhận ra nghịch khảo, nhưng **thuận khảo là một điều đáng sợ nhất**, dễ làm người ta mê man để rồi trầm luân, thoái lui.

Ngọc chẳng giữa mài thì chẳng bao giờ sáng, đá chẳng đục thì chưa hề trở thành tuyệt tác, vàng phải thử lửa mới biết vàng thật, vàng thật mới đáng giá. Có đạo tức có ma, đạo và ma vẫn sóng đôi nhau để lọc thanh những người đậu rớt. Ma khảo là con đường chắc chắn phải đi qua đối với người tu. Hễ người căn cơ cao, **nguyện lực càng dày thì khảo đảo càng nặng**. Còn người có căn cơ thấp, một lớp khảo có thể cáo thôi đường chơn tu, ví như băng tuyết rơi xuống, cỏ cây liền chết, chỉ có tùng bách mới xanh mà thôi.

Con người đã vùi dập trong muôn vàn kiếp sanh, đào độn và tạo biết bao nhiêu oan khiên. Một lần khảo đến, nếu vượt qua thì oan khiên nghiệp chướng giảm một lớp, cho đến khi sạch oan báo, tiền nghiệp. Nhờ sự khảo thí ấy, mới thánh nhân hiện hiện, nhập vào trường thiêng liêng. Nên phàm người thường nói rằng ma khảo là một thứ khảng định đối với bậc tu hành chơn chánh, chân tâm. Vì chân tâm nên ma đến khảo thí, còn người chẳng có tâm tu thì ma chẳng thèm đến khảo làm chi.

“Những mưu quỷ quyết ấy do linh Thầy dùng để thử các con. Thầy đã nói thầy thả một lũ hổ-lang ở lộn cùng các con; nó hằng thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho con mặc một bộ thiết-giáp, chúng nó chẳng hề thấy đặng là đạo-đức của các con. Thầy lại khuyên các con gìn-giữ bộ thiết-giáp ấy cho tới ngày hội hiệp cùng Thầy”.

Như vậy, những mưu chước, hay cơn khảo thí là lệnh của Đức Chí Tôn để thử lòng trung kiên, nhẫn nại của bậc trí giả, chí thành tu hành. Chẳng những vậy, Đức Ngài còn “thả một lũ hổ lang” ở chung lộn với con người. Đường thánh gay trở, lắm trơn tru, nhiều thử thách, là một trường khảo đảo để thử lòng dạ thẳng ngay, sự chí lòng của môn đệ Cao Đài.

“Ấy vậy Đạo là vật rất hữu ích như giáp hữu ích cho thân các con; nếu các con bỏ giáp thì thân các con ra trần lổ; còn bỏ Đạo thì các con ở dưới phép Tà-Thần”.

Duy chiếc phao cứu sinh là cái áo giáp mới có thể che chở con người khỏi những cám dỗ mà thôi. Đó là đạo đức. Nếu bỏ áo giáp, tứ bỏ đạo thì phải chịu dưới tà quyền, bị giăng dây, lấp ngõ, thua cuộc giữa đường, đường thánh bít lối, nẻo trần mênh mông.

Thế nên, nguồn đạo là chí ích cho hồn người để trở nên chí thiện, chí mỹ, cũng như đạo đức là bộ thiếc giáp, che chở cho thân khỏi làm lạc, khỏi những vô minh lôi kéo, tà mị dẫn đường, có thể vượt qua bao nhiêu

giông tố, thắng đặng mọi thử thách của cuộc đời đạo đức.

*“Hiện nay là buổi kim tiền, ưu thắng liệt bại, mạnh đặng yếu thua, khôn còn đại mất, con người trên mặt thế đều bôn xu theo quyền lợi chẳng kể gì hơn nghĩa **đạo đức**, tinh thần, nên mới có nạn chiến tranh tương tàn, đồng chủng giết hại lẫn nhau, hằng ngày diễn ra nhiều tấn tuồng thảm thương, bi kịch, xem thôi mỗi mắt, nghe đã nhảm tai, khiến cho giọt lụy thương tâm của khách ưu thời mãn thế không thể nào ngưng được”* [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 2].

Cũng vì thiếu đạo đức, con người mới đua nhau trong thế giới kim tiền, hướng vào quyền lợi. Người vào đạo lại chẳng trau tria đức hạnh, học theo phép Thánh Hiền, ngờ ngờ ngăn ngăn để tà quyền xâm lấn, mong chi có thể thắng mưu chước của tà quyền, lướt bão phong ba, mà giữ gìn trọn thánh chất để trở về với Đức Chí Tôn. Duy chỉ đạo đức là thứ binh khí “vô hình” thắng đặng tà quyền, những mưu kế luôn cản ngăn con đường giựt tấn. Vì vậy đường thiêng liêng hằng sống thì ít, chôn a tỳ muôn trùng, vô số. Đó cũng là phép công bình của luật thiên lý.

“Các con chớ ngại. Ngày nay Đạo đã khai tức là Tà khởi. Vậy thì các con phải hết lòng, hết sức mà gìn giữ lấy thân mình; đã chẳng phải giữ mình cho các con mà thôi, lại còn gìn giữ cả Môn-đệ Thầy nữa”.

Khảo là bài toán của Thiêng Liêng đòi bậc chân tu, quyết chí tu hành, thủ đoạt phép màu nhiệm. Đạo mở thì tà quyền cũng vì thế mà thi thố làm bài khảo thí. Nên đã là người bước vào cửa tu học, phải cẩn trọng, dè chừng những mưu chước tà quyền, ấy là phép thử thí thường hằng dần trước mắt để hầu ngăn bước đường tu tiến. Người phải có trí sáng, huệ minh để phân minh hai nẻo, có dũng chí chịu đựng được mọi lẽ. Bằng chẳng vượt qua, cáo thối, ngã lòng thì lọt vào bẫy, sụp hố của quỷ vương.

Lấy thánh tâm mình cố giữ lấy mình, còn phải đoái hoài đến tình đồng loại, bảo bọc, đỡ nâng cả môn đệ của Đức Chí Tôn. Đó là thánh, là minh triết, là môn đệ yêu dấu của Thầy. Được vậy, phần thưởng thiêng liêng sẽ luôn sẵn dành cho con người.

Đạo sử lược cũng đã hiển hiện bao nhiêu trường hợp được Đức Chí Tôn và Đức Lý Thiên phong. Hề phạm càng cao, khảo thí, tà quyền càng mạnh, trách nhiệm tương xứng với phẩm vị Thiên Phong càng nặng nề. Nhưng dòng thời gian đã minh chứng biết bao chư Thiên Phong đã rơi vào tay chúa Quỷ để làm tay chân, khuấy phá nền chơn giáo của Đức Chí Tôn.

Giáo lý thông, kinh kệ hiểu tận, nhưng chí không cao, lòng thành chẳng quyết, dầu Thiên Phong cũng khó mong thoát khỏi bàn tay của Quỷ Vương. Đã lãnh nơi Thiên mạng một trách nhiệm lớn, thọ phong giáo phẩm nhưng luật không tòng, mạng lệnh chẳng theo thì Ngũ Lôi ngó, con đường Tận Đọa Tam Đồ chẳng tha. Bạc tín

đồ cũng vì ấy mà phải gìn cho lắm, phải trau thân, lập chí, gìn luật lệ Cao Đài, chẳng phải ngờ ngờ mà tưng theo những mưu lược của sự giả mà nhằm cửa.

Ngày nay, chúng ta nhìn thấy một hiện tượng đau thắm. Trào lưu các bậc Thiên mạng và các Chức Sắc cao cấp từ từ trở về cõi thiêng liêng. Từ bậc Chức Sắc dĩ chí đến tín đồ có những hành tàng trái với luật pháp Đại Đạo, tự hoán cải, sửa đổi **Thiên Luật**, cùng nhau tung hô, ca ngợi là hay, là giỏi, là cần thiết phải thay đổi theo trào văn minh, hoán cựu nghinh tân, rồi mình giải hành tàng ấy theo một triết lý tự định đặt, chẳng coi Tân Luật là khuôn vàng, thước ngọc để hành đạo. Đó là một điều rất nguy hiểm mà mọi môn đệ Đức Chí Tôn cần chiêm nghiệm lấy giá trị của Pháp Luật Đại Đạo của Đức Chí Tôn.

“Thầy nói cho các con hiểu trước rằng: Cả Môn đệ Thầy đã lựa chọn lọc lựa, còn lỗi nữa phần vì Thầy cho Yêu quái lấy danh Thầy mà cảm dỗ... Cười... Đi bao nhiêu đều mất bấy nhiêu”.

Tu nhiều thành ít là lẽ xưa nay. Đức Chí Tôn thương toàn thể cả sanh linh. Vì thương nên mới tác tạo, nuôi dưỡng, ban ơn huệ khắp các thời kỳ để độ cứu sanh chúng. Nhưng chẳng vì thương mà bỏ luật Thiên Điều, chẳng vì ghét mà cho ma quỷ cảm dỗ. Đức Ngài tuyên giảng trong hàng môn đệ chọn lựa, chỉ còn lỗi nữa phần. Đó cũng vì trí không thông, thần không mẫn, huệ chưa minh, chí chưa thành, lòng kiên định chưa vững mà phải

sa chân nơi tay quý vương. Ấy là Thiên cơ, phải khảo thử bậc chân tu, phân lừa trắng đen.

“Các con chớ buồn vì Thiên-Cơ phải vậy. Thi nhiều đậu ít lá lẽ hằng. Các con liệu phương thức mà nâng đỡ đức-tín của Môn-đệ cao lên hàng ngày; ấy là công quả đầu hết”.

Môn đệ của Đức Chí Tôn ví như những sĩ tử trong trường thi thố, thí sinh nhiều nhưng đậu hằng ít. Từ bậc tín đồ hạ đẳng, đến chư Chức Sắc cao cấp phải giữ lời Thầy dạy căn, phải luôn giữ đức tin, mài giũa tâm hạnh, chớ lơ theo phàm nẻo. Con đường của người đệ tử Cao Đài là tu cho mình, muốn vậy phải độ chúng sanh, cứu độ sanh chúng giác ngộ trước mình, đó là con đường nhanh nhất. Chẳng có công quả thì chẳng mong chi vào trường thi của Đức Chí Tôn. Chẳng gìn đạo đức, chẳng chi gìn giữ đến ngày hội hiệp cùng Đức Ngài.

25. KHAI TỊCH NAM PHÁI

Chiếu theo bài thứ hai mươi lăm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 09 tháng 08 năm 1926, Đức Chí Tôn lập thành Tịch Đạo nam phái, sai Đức Quan Âm Bồ Tát, Đức Quan Thánh Đế bảo vệ con cái Người khỏi tay quý vương và dạy thiết đàn để chư môn đệ lập thể.

Tịch Đạo là sở bộ của Chức Sắc với Thánh Danh cụ thể, biểu thị thời kỳ phổ độ của một đời Giáo Tông.

Đạo Cao Đài hiện đang trong thời Giáo Tông thứ nhất, nhưng thực tế chưa có ngôi vị Giáo Tông chính thức, chỉ có Đức Ngài Lê Văn Trung nắm Quyền Giáo Tông hữu hình. Giáo Tông vô vi vẫn do Đức Lý chương quản. Tịch Đạo tương ứng đang sử dụng cho thời kỳ là **Thanh Hương**, nam lấy chữ “Thanh”, nữ lấy chữ “Hương”. Sang đời Giáo Tông tiếp theo, Tịch Đạo được đổi sang là Đạo Tâm, nam lấy chữ “Đạo”, nữ lấy chữ “Tâm”.

“Các con nghe tịch Đạo thi:

***Thanh**-Đạo tam khai thất ức niên,
Thọ như Địa huyển thanh hoà Thiên.
Vô-hư quy phục nhơn-sanh khí,
Tạo vạn cổ đàng chiếu Phật duyên.*

Thanh là tịch các con. Vây thì: Trương là Thượng-Tương-Thanh, Kim là Thượng-Kim-Thanh, Thơ là Thái-Thơ-Thanh. Phải dùng tên ấy mà thờ”.

Nghĩa là nền đạo trong sạch của Đức Chí Tôn mở ra lần thứ ba, kéo dài được 700 ngàn năm. Lâu dài như trái đất tròn, thanh vượng cùng Trời. Đức Chí Tôn qui phục Vạn linh. Tạo ra từ ngàn xưa đàn cúng tế để soi sáng người có duyên với Phật.

Đức Chí Tôn đã sở định cho nền đạo Cao Đài có thể duy trì, trường tồn đến bảy trăm ngàn năm để giáo hóa, đưa con người phục thiện, sáng soi con đường trở về với Đức Ngài. Thật là hạnh duyên khi gặp được nền Đại Đạo như thế. Cổ kim, chưa nền tôn giáo nào được được truyền thừa cái “hào sản” tâm linh ban bố của

Đấng Chí Linh như nền tôn giáo Cao Đài. Loài người cần biết giá trị này, nạp mình và trường thi thánh đức của Đức Ngài.

Như vậy kể từ ngày này, nam phái đã có Tịch Đạo do thánh ân Đức Chí Tôn ban truyền, một đặc ân to lớn, vĩ đại được thừa hưởng. Mọi môn đệ nam phái nhập môn thời kỳ này, đều được đưa vào Tịch Đạo “Thanh”. Duy chỉ Chức Sắc nam phái Cửu Trùng Đài mới sử dụng chữ lót “Thanh”. Cũng kể từ ngày này, mọi chư Chức Sắc được phong phẩm đều lấy thánh danh mà thế nguyện.

“Thầy mừng các con. Thợ, con dắt mấy em đi Cần-Giuộc, vì Tà-Mị muốn nhiều hại Môn Đệ Thầy ở dưới. Quan-Thánh và Quan-Âm đang đợi các con xuống... Đi lập tức...”

Cũng như những đàn cơ trên, Đức Chí Tôn cho biết, đạo khai thì tà khởi. Có Tam Thập Lục Thiên khai thì có Tam Thập Lục Động của quỷ. Ấy là trường khảo thách cho toàn con cái Đức Chí Tôn. Tại Cần Giuộc, tà mị muốn khuấy phá hại chư môn đệ của Đức Chí Tôn nên Đức Ngài bảo Nguyễn Ngọc Thợ [sau được thọ phong là Thái Đầu Sư] xuống dưới để được dạy việc, che chở con cái Đức Chí Tôn.

Đức Ngài đã kêu Đức Quan Thê Âm Bồ Tát và Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, là hai Đấng nằm trong Tam Trấn Oai Nghiêm để bảo hộ.

Điều này đã chứng minh nền đạo đã phôi thai chưa hoàn toàn có Chánh Thể Hội Thánh kiện toàn, nhưng những môn đệ Đức Chí Tôn đã được chọn lựa, tà mị vì thế mà muốn khuấy phá, khảo đảo. Có thể hiểu rằng, khi đã được Đức Chí Tôn chọn lựa làm phần tử trong Thánh Thể, tà mị tức khắc đến phá. Thứ nữa, đã thể hiện tình thương của Đức Chí Tôn, Đức Ngài yêu ái con cái, che chở thế nào. Lại nữa, nền đạo khi hoàn toàn hiện tượng, cơ khảo và sự khuấy động của tà mị chắc chắn sẽ tàn nghiệt hơn.

Ngài Thơ đi cùng các Ngài Hậu, Nghĩa, Tràng, Cư, Tắc, Sang tới Cần Giuộc lúc 1.30 nhưng chẳng thấy điều chi nên mãi đến 3 giờ mới cầu Đức Chí Tôn. Khi giáng đàn, Đức Chí Tôn rầy vì sự trì trệ.

“Trương, con tức cấp cho đòi cả mấy em con là Môn-đệ Thầy hội cho đủ mặt. Thơ, con ngồi đại-tĩnh, đừng tới nay nghe Thầy dạy việc”.

Sự tức cấp và hồi giục của Đức Chí Tôn minh chứng có việc trọng đại, cần che chở và dạy dỗ. Sự trọng hệ ấy là quý vương muốn hành xác và lập cơ thử thách đối với môn đệ của Đức Chí Tôn.

“Trương, con không hiểu ngày nay là thế nào? Chu Thần, Thánh, Tiên, Phật ca thấy đều nao động cũng vì các con.

Quĩ-Vương đến trước Bạch-Ngọc-Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thầy chẳng chịu cho hành xác; chúng nó hiệp Tam-Thập-Lục-Động toan hại các

con; nên Thầy sai Quan-Thánh và Quan Âm đến gìn-giữ các con, nhưng phần đông chưa lập Minh-Thệ nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận”.

Vì lòng thương yêu vô tận mà Đức Chí Tôn không cho hành xác, quý vương hiệp sự uy thế của tà mị mà hành xác. Trời đất mầu nhiệm nhưng quý vương cũng oai quyền thế ấy, mới xảy ra sự cố như vậy. Việc nhập môn cầu đạo, lập minh thế thọ phong là điều cần yếu. Cầu đạo và thọ phong là việc chấp nhận làm môn đệ và gánh vác trách nhiệm. Nếu lấp lửng, đi ngoài cửa, không vào đạo, không thế nguyện thì Thần, Thánh, Tiên, Phật không thừa nhận. Quý vương cũng toan phá hại.

Cũng đàn cơ này, Đức Chí Tôn dạy việc thành lập đàn lễ minh thế. Đức Ngài cho biết có ba Đấng khai đạo là Tam Trấn Oai Nghiêm. Nhứt Trấn là Đức Lý Thái Bạch, Nhị Trấn là Đức Quan Âm Bồ Tát, Tam Trấn là Đức Quan Thánh Đế Quân.

Kể từ đàn cơ này, chúng ta biết có ba Đấng Tam Trấn đại diện của Phật, Tiên, Thánh để khai đạo. Nên khi thiết lễ nhập môn cầu đạo, cần phải có đủ nghi lễ là Tam Trấn, bàn Ngũ Lô, bàn Hộ Pháp có bùa Giáng Ma Xử.

“Lịch, chư Môn-đệ thiếu mặt nhiều lắm con há? Vậy, nội ngày mai, con phải lên thiết đàn tại Chợ-Lớn, nhà Trung cho cả Môn đệ Thầy lập Minh-Thệ đủ mặt hết nghe!”.

Ngài Lịch thế danh là Lê Văn Lịch với bút hiệu là Thạch Ân Tử, tu gốc chi Minh Sư, được Đức Chí Tôn thọ phong là Ngọc Đầu Sư. Thân sinh Đức Ngài là Đức Lê Văn Tiêng hay Trần Đạo Long, có công xây dựng chùa Vĩnh Nguyên Tự và Đức Ngài quy thiên, đặc phẩm Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn.

Nên với lời dạy trên, đàn lễ quy tụ nhiều chư thiên nam, tín nữ từ đạo Minh Sư gốc Vĩnh Nguyên Tự nhập môn đạo Cao Đài. Vốn Đức Ngài Lê Đạo Long khi lập ra chùa Vĩnh Nguyên Tự có để lại lời di chúc rằng:

“Lập Vĩnh Nguyên Tự để sau này có Thập Nhị Khai Thiên đến mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.

Cũng cần nhắc về lịch sử trước đó, Đức Chí Tôn đầu năm 1926 có truyền dạy Đức Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc xuống Vĩnh Nguyên Tự lập đàn cầu cơ. Đức Ngài Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn có lệnh Ngài Lê Văn Lịch phải hiệp với Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc để mở đạo.

Như vậy, bài thánh giáo này cho hay rằng nhiều môn đệ Đức Chí Tôn bị tà mị nhiều hại, sai chư vị môn đệ đầu tiên xuống để bảo vệ, dạy thiết đàn cho nhập môn và Thiên Phong, lập Tịch Đạo nam phái, cũng như cho hay ba Đấng giữ nhiệm vụ Tam Trấn trong nền Đại Đạo.

26. CƠ TẢ ĐẠO

Chiếu theo bài thứ hai mươi sáu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 22 tháng 08

năm 1926, Đức Chí Tôn dạy quý vương đã khởi phá đạo, cơ tả đạo vì thế mà thành lập.

Có chánh đạo, tức là có tà đạo, là con đường không trúng chơn pháp của Đức Chí Tôn. Khi khai đạo Cao Đài do quyền năng của Bạch Ngọc Kinh và Lô Âm Tự, quý vương cũng vì thế mà khai sự, làm một trường thử thách đối cơ đạo.

“Đ... Nghe dạy.

Buổi Bạch-Ngọc-Kinh và Lô-Âm-Tự lập pháp “Tam-Kỳ-Phổ-Độ”, Quý vương đã khởi phá quấy chơn Đạo. Đến danh ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi”.

Lập nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chẳng phải là việc tầm thường, chẳng phải thích muốn là có thể lập. Giáo Pháp tận độ phải do Bạch Ngọc Kinh và Lô Âm Tự, cơ quan tối cao điều hành càn khôn vũ trụ, chiếu theo thiên thư tiền định. Điều ấy cho thấy tầm quan trọng của nền Cao Đài quý trọng dường nào, mầu nhiệm lắm thay.

Có câu “Đạo cao một thước, ma cao một trượng”, nên chơn pháp và diệu pháp càn khôn mang đầy huyền bí, nhưng ma quý cũng không kém. Đó là **cơ tả đạo** song hành cùng chánh đạo. Tà đạo có thể làm mọi chuyện theo sự cho phép của Đức Chí Tôn để khảo con cái Ngài. Điều đó không chứng minh rằng ma quý có thể vượt qua chánh đạo, mà là một phép hăng sanh cho môn đệ Cao Đài. Ai có thể vượt qua những phép thử của tà

đạo quấy phá thì cơ chánh đạo có thể đạt được, không sai lầm lạc lối.

Câu nói ẩn dụ về sự hành đạo của người tu hành khi gặp chướng ngại trên đường tu tập cũng như hành đạo. Khi mà hành giả khởi tâm tu tập ắt có khi sẽ bị gặp trở ngại kháng cự của cái gọi bản Ngã, chấp trước. Đạo là con đường tìm về với sự giải thoát buộc ràng thân tâm, đưa tâm hành giả hòa đồng vào vũ trụ pháp giới. Nhưng sự hành đạo không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió, xuôi chèo mát mái vì có khi gặp phong ba bão tố, sóng gió triền miên, buồn đau khổ lụy, níu kéo con thuyền Đạo đang chênh vênh giữa đại dương vô thường, luân hồi sinh tử, phiền não đau thương của kiếp nhân sinh.

Đạo Đức Chí Tôn ban ở đây là chân đạo, là đạo đưa con người tới bến bờ an vui, giải thoát thông qua giới, định, tuệ và con đường phổ độ chúng sanh để **đổi** **trị** lại tham, sân, si có trong bản Ngã mỗi con người. Ở đây, hành giả như là chiến binh chiến đấu chống lại thế lực ma đạo, ma đạo chính là tham, sân, si. Nên mỗi sĩ tử của Đức Cao Đài cần có trí huệ, minh tuệ để nhận ra chơn thật và giả dối, hầu ngăn sự khảo của tà mị, quý vương cám dỗ ngọt ngon.

Quý vương đã biết Đức Chí Tôn đến thế gian bằng huyền diệu cơ bút nên hiệp Tam Thập Lục Động, giả làm Tam Thập Lục Thiên, mượn danh chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, cả danh của Đức Chí Tôn đã phá rối. Các cánh cửa của Tam Thập Lục Thiên khai mở để con

cái Đức Chí Tôn có thể trở về. Tà quyền dùng phép biến giả cảnh, xưng danh. Đó là hiện tượng cơ bút trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cơ bút vốn là một phương tiện thông công giữa con người và các Đấng Thiêng Liêng, có thể vì ấy mà lập cơ Đạo. Quý vương cũng có thể dùng cơ bút mà giả mạo Đức Chí Tôn, các Đấng cầm quyền Thiêng Liêng mà cám dỗ. Bằng lời ngon, tiếng ngọt, bằng những điệu huyền mà tà mị sáng tạo, ngôi Tiên, Phẩm Phật dành sẵn do Quý Vương lập ra, thì cơ tà đạo hiển nhiên hiện hữu hầu gạt nhơn sanh vào con đường hắc ám, nghịch lại **chơn pháp của Đức Chí Tôn**.

Vì vậy, cơ bút vốn là trọng nhưng vẫn có mặt trái của nó. Nó là vật chất, có thể giúp điều động điển quang Thiêng Liêng để kết thông học hỏi, nhận sự truyền dạy mầu nhiệm của các Đấng cao trọng, nhưng chính cơ bút cũng có thể trở thành công cụ cho cơ tà mị sử dụng, tạo trường thử thách, tạo ra con đường tả đạo, đưa dẫn chúng sanh vào sự vô minh, cám dỗ.

Đức Chí Tôn là Đấng Cao Cả, là nguồn sống đầu tiên, là bản thể của mọi điều, nên sự sống của quý vương cũng nằm trong bàn tay của Đức Chí Tôn. Nên chẳng thể chi biến Chơn Giáo của Đức Ngài đến sự tiêu diệt. Tuy nhiên, cơ khảo ấy là trường thử thách, luật công bình thiên nhiên. Vì vậy, Quý Vương chẳng thể nào ngôi Ngài của Đức Ngài đặng.

“Huyền diệu cơ bút cả Thánh Thể Đức Chí Tôn, cả con cái của người nam, nữ cũng vậy đã biết về Huyền diệu cơ bút, nó là vấn đề chúng ta không thể gì lấy trí khôn, tưởng tượng của chúng ta mà định cái chơn giả của nó đặng” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 4 bài 7].

Chính sự thử thách của tà đạo do bàn tay của quý vương, mới có sự “lộn xộn” trong nền Đạo Cao Đài, giả xưng Đức Chí Tôn, các Đấng mà Đức Chí Tôn và Đức Hộ Pháp thường khuyến nhắc, phải cẩn trọng cho lắm, cẩn cẩn tuân lệnh luật cơ bút, để khỏi phải để cơ bút tàn hại, tiêu diệt đức tin của mình.

“Lại còn hiểu rõ rằng Ta đến với huyền diệu này **mượn cơ màu-nhiệm**, hiệp Tam-Thập-Lục-Động đối gọi Tam-Thập-Lục-Thiên. Các tên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật bị mạo nhận mà lập nên Tả Đạo”.

Rõ ràng, Đức Chí Tôn đã cho biết Quý Vương đã mượn sự huyền diệu của cơ bút để tàn phá đạo, khảo thí con cái Người. Con đường Tả Đạo do nơi ấy mà lập thành. Tà-Chánh, Chánh-Tà, hai chữ đã khuynh đảo con đường tín ngưỡng của người đạo Cao Đài.

Cần nên nhớ rằng phàm chúng ta chẳng định cơ bút giả thật, mà chỉ có thể tuân thủ Hội Thánh Đại Đạo vì đã có quy định luật cơ bút. Điều định ấy do Thiêng Liêng sắp xếp và chỉ định sứ mạng của bộ phận thông công là Chức Sắc Hiệp Thiên Đài. Nếu không tuân theo luật ấy,

những hậu quả khó lường có thể xảy ra, quỷ cảm dỗ, ma dẫn đường, lạc lối. Đạo được lập ra do cơ bút nhưng chính cơ bút cũng có thể làm đạo khuynh nghiêng do **tà mị mượn cơ bút** dụ dỗ, hầu khảo môn đệ Đức Chí Tôn.

“Ngươi đâu hiểu rõ làm ra lẽ Trời Phật vốn con buôn. Tội tình ấy lớn là thế nào?...”

Ngươi hiểu chẳng? Tam đồ tội khổ, bất năng thoát tục là tội ngươi. Phải ăn năn sám hối, sau ta sẽ trọng dụng, độ rỗi nhơn-sanh, lấy công chuộc tội. Nghe à!”

Đức Chí Tôn rầy trách vị tên “Đ”. Nhưng đó là lẽ chung cho toàn thể môn đệ của Đức Ngài. Nếu theo đạo mà không theo lẽ chơn thật, xem nguồn đạo như thứ để buôn bán, hóa ra khinh Trời Phật, chác quyền, đổi lợi, nghịch Thiên Liêng thì tội tình ấy lớn dường nào.

Nếu Chức Sắc phạm thệ thì bị Ngũ Lô tru diệt và Tận Đọa Tam Đồ bất năng thoát tục. Nếu đạo hữu phạm thệ, phải bị tội Thiên tru, Địa lục.

Dẫu đã bị tà mị cuốn dụ, làm lỗi điều chi, nghịch mạng thế nào, mà biết hồi đầu hối ngộ, sám hối tội tình, quay đầu là bờ, lo lập công bồi đức, phở độ nhơn sanh thì tội tình kia có thể miễn giảm, có khi còn có thể được nhiều hồng ân của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiên Liêng ban cho.

27. TƯỚC PHẨM THIÊN ĐẠO

Chiếu theo bài thứ hai mươi bảy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 27 tháng 08 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy lập gia tộc thiêng liêng, ngôi thứ đã có thiên thư sắp sẵn, không tùy cho, trừ ai chê bỏ mới định đoạt lại, Đức Ngài chỉ rõ tước phẩm thiên đạo cõi thiêng liêng hằng sống.

*“Thầy khuyên các con một điều là: Đừng tưởng làm **Tước Phẩm Thiên-Đạo** Thầy đem cho ai cũngặng. Cửa Bạch-Ngọc-Kinh chẳng phải ai vô cũngặng. Mỗi đứa con đều có tên trong Thiên-Thơ cả, chức phận cũng đã tiền định, chớ chẳng phải tước hàm trần-thế dâng cho kẻ lẽ nhiều”.*

Dầu Thánh Thể của Đức Chí Tôn do sự gồm hợp, quy lương sanh để tạo thành một khối điều hành Hội Thánh. Phẩm tước ấy dầu chỉ là hình thức, là áo mão hữu hình mượn tạm, chư vị phải nạp mình làm con tế vật, phụng sự vạn linh, trau dồi hạnh đức cho hoàn toàn, phù hợp với tước vị đã mang, nhưng đó là phẩm vị ấy là **Tước Phẩm Thiên Đạo** đã được thiên thư ghi vào Thiên Tịch trước.

Đó là thiên tước vốn đã định trước, chẳng phải phàm phẩm, muốn trao ai cũngặng. Chẳng phải kẻ lẽ nhiều, cầu khẩn, lay lục thì đặng. Vì thế, phẩm ấy rất đáng giá. Ngôi vị ấy muốn cho hoàn toàn, buộc chư Chức Sắc phải thi hành phận sự phổ độ cho cơ đạo Đức Chí Tôn mới xứng đáng **thiên tước**.

Bạch Ngọc Kinh là triều ngự của Đức Chí Tôn. Tất cả chơn hôn khi đoạt đạo, đều phải đến triều Bạch Ngọc Kinh diện kiến, bái lễ Đức Chí Tôn. Tòa Thánh Tây Ninh được xây dựng theo họa đồ Thiêng Liêng chỉ dạy nên còn được gọi là Bạch Ngọc Kinh Tại Thế.

Đức Hộ Pháp có nói về Bạch Ngọc Kinh trong quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sông như sau:

“Lại gần tới còn thấy một vật khác thường quái lạ, nhưng nó là một tòa Thiên các đẹp đẽ lắm, màu sắc thay đổi sáng rõ, mà cả Thoại khí bao quanh làm như thể vận chuyển hình trạng của nó vậy. Lâu đài chón chớ mà nó là con vật sống chớ không như gạch đá chúng ta làm đây, nó vận hành như con vật sống vậy, thay đổi màu sắc vô cùng vô biên. Bí pháp ấy không thể gì tả đặng, ngó thấy đặc sắc lắm.

Nhà cửa ở thế gian này là con vật chết, Bạch Ngọc Kinh là con vật sống, biến hóa thay đổi như thể vận hành, xung quanh Thoại khí bao trùm, từ Nam chí Bắc, từ Đông qua Tây, khối lửa ánh sáng ấy, chúng ta ngó thấy như mặt trời vậy, mà ánh sáng mặt trời thì nóng nực bức bối, còn ánh sáng nơi tòa Bạch Ngọc Kinh lại dịu dàng và huyền bí lắm, sung sướng khoái lạc lắm! Tại sao đài các nó là con tử vật mà nó sống? Sống là do nơi đâu? Nếu biết được thì không lạ gì.

Nơi Bạch Ngọc Kinh là Hồn Nguơn Khí biến hình nó ra. Hồn Nguơn Khí là Khí Sanh Quang của chúng ta

đã thờ, đã hô hấp, khi để nuôi cả sanh vật sống, ta cũng do nơi nó xuất hiện, mà biểu nó làm sao không sống?

Khi Bàn đạo ngồi trên pháp xa đến, thấy các chơn linh hàng hà sa số, bao vây trước cửa la liệt không thể đếm. Pháp xa vừa ngừng, Bàn đạo bước xuống thấy ba cửa nơi Bạch Ngọc Kinh có 12 vị Thời Quân mặc khôi giáp, tay cầm bửu pháp, đứng cản đường không cho thiên hạ vô. Bàn đạo giận quá đổi. Ba cửa ấy xa nhau, mỗi cửa có bốn người giữ. Bàn đạo muốn nói chuyện thì ba cửa ấy gom lại, 12 người hiệp lại đứng trước mặt Bàn đạo. Bàn đạo hỏi vì có nào không cho người ta vô” [Đức Hộ Pháp].

Cho nên, Bạch Ngọc Kinh là một thiên triều, trung tâm điều khiển càn khôn vũ trụ của Đức Chí Tôn. Chẳng phải chơn hồn nào muốn vào thì vào đặng, phải thủ đoạt vị Thiên Liêng mới được bái kiến Đức Chí Tôn. Phẩm tước thiên liêng đã được chiếu theo tiền định thiên thơ. Ai đã được Đức Ngài chọn tức là hữu căn, hữu phần, đã có Tiên căn, Phật cốt. Duy chỉ tu, hành đạo theo con đường Đức Chí Tôn dạy mà có thể trở về Bạch Ngọc Kinh bái lễ.

Tòa Thánh Tây Ninh tượng cho Bạch Ngọc Kinh tại thế. Chư Chức Sắc mang phẩm tước và tín hữu cũng có phẩm là Địa Thần, được phép châu lễ Đức Ngài. Nếu phẩm vị hoàn thành, công đức độ rỗi sanh chúng xứng đáng, có thể thủ danh, đoạt vị bãng vàng của Đức Ngài.

“Hàng phẩm Nhơn-tước đạo đức của các con nó trùng với hàng phẩm Thiên-Tước của các con.

Ngôi thứ Thầy đã sắp sẵn, các con rán đoạt thủ địa vị mình. Trước qua, sau tới, liệu mà tu hành”.

Thế ấy, các phẩm thiên phong theo luật pháp Đại Đạo đã được định trước. Ai xứng đáng với địa vị Nhơn Phẩm mới chính thức vào hàng vào Thiên Phẩm, nghĩa là phải rán lập thân, tu hành nghiêm chỉnh theo giáo pháp Đại Đạo, lo cho cơ cứu độ của Đức Chí Tôn. Dầu vậy, việc đó Đức Ngài còn cho biết, không phải dễ, chừ Chừ Sắc thiên phong phải độ rồi để lập **gia tộc thiêng liêng**.

“Hễ bao nhiêu Môn-đệ độ rồi của mỗi đũa thì là họ hàng của mỗi đũa - hiểu à.

Chừng ấy về đến Bạch-Ngọc-Kinh thì gia tộc mỗi đũa đều phân biệt; nếu chẳng độ rồi thì về với hai tay không.

Còn chừ Môn-đệ đã lập Minh-Thệ rồi ngày sau tùy âm chất mỗi đũa mà thăng hay là tội lỗi mà giáng; song buộc mỗi đũa phải độ ít nữa là mười hai người”.

Mỗi môn đệ được trở về với Đức Chí Tôn bá kiến, buộc phải lập âm chất, tùy phước đức tạo lập mà được thăng hay đọa, nhưng buộc phải phổ độ chí ít là 12 người. Đây là một việc rất khó, hoàn toàn không phải là việc đơn giản. Đức Chí Tôn từng nói, lập một nước còn dễ, để độ người hoán đổi dữ ra hiền là một chuyện rất

khó khăn. Vì vậy, mỗi tín hữu Cao Đài cần phải lập công, hiểu triết lý Đại Đạo, thi hành phận sự phổ độ chí ít 12 người.

Đối với hàng phàm Thiên Phong khi trở về với Đức Chí Tôn có hẳn một gia tộc thiêng liêng. Hễ độ rồi chúng sanh càng nhiều, gia tộc càng đông. Nếu chẳng độ được ai, trở về với hai tay không. Trường thi thổ rất lẽ công bình thiên đạo của Đức Chí Tôn đặt để. Hễ gắng công bao nhiêu, kết quả thi thổ tương xứng với hành tàng trong Đại Đạo đã làm gì cho cơ quan cứu thế của Đức Ngài. Làm càng nhiều, phần thưởng thiêng liêng càng quý trọng. Hễ chỉ biết thọ hưởng mà không gắng công thì lẽ dĩ nhiên hai tay không, thua thiệt. Tức là công quả càng nhiều, thiên ân càng lớn vậy.

“Nếu Thầy làm đặng vậy, Đạo phổ thông rất lạ; ngắt gia tài mỗi đũa đều có phần. Thầy không phép lấy cho kẻ khác; trừ ra đũa nào chê bỏ mới đặng tùy ý Thầy định đoạt mà thôi”.

Thánh Ý Đức Chí Tôn truyền dạy, gia sản và **Phẩm Tước Thiên Đạo** đã lập sẵn chiếu theo thiên thơ. Thầy chẳng thể tùy tiện làm mất luật công bằng, đem của người này, cho người khác. Còn những bậc nào chê bỏ Thiên Tước, Thầy mới tùy ý lấy gia sản ấy trao người khác.

Đoạn Thánh Giáo ấy đã cho thấy Thiên Tước đã có sẵn, duy chỉ nương vào trường thánh đức của Đức Chí Tôn mà thi hành, phổ độ, tu thân lập chí để trở về.

Nhưng cũng có lắm bậc **chê bỏ** nên phân thưởng thiêng liêng dành **cất lại**, để dành cho người xứng đáng.

Trong lịch sử, cũng đã có không ít trường hợp đã xảy ra như lời Đức Chí Tôn nói. Các vị cũng đã được chọn lựa, Thiên Phong thọ Thiên Tước nhưng **chối từ**. Nên Đức Chí Tôn đành **cất phẩm** ấy lại.

Xét trên bình diện rộng nghĩa, không chỉ riêng đối với các phẩm Thiên Phong mà thôi, toàn thể chư môn đệ của Đức Chí Tôn, đã ngộ nơi cửa cứu khổ, hưởng ân tận xá tam kỳ, chịu lập thệ trước Thiêng Liêng, nhưng ù lì, không lập công bồi đức, không phổ độ. Lại còn đi theo tà quái, phản chống Hội Thánh, nghịch lại Thiên Điều, cải sửa Chơn Truyền Luật Pháp Đại Đạo. Đó là tự mình chối bỏ tước phẩm, chối bỏ cái ơn của Đức Chí Tôn ban phú. Hẳn rằng, cửa thiên cung khép kín, cửa địa ngục rộng mở và những hình luật theo lời Minh Thệ sẽ tác động vào chơn thân khi thoát xác.

“Tràng, từ đây con phải nhớ hoài hình phạt con đã chịu rồi đó nghe. Các con phải giữ hạnh mà truyền Đạo ra cho chóng; con thế nào, Thầy cũng thế ấy. Khi thị các con, tức là khi thị Thầy, mà khi Thầy thì chưa phải dễ. Các con nói Đạo cho mỗi kẻ.

Nghe không tùy ý”.

Có lẽ, Đức Chí Tôn nói Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng. Hình phạt con người luôn luôn chờ sẵn khi lấp lửng, khi phạm tội nghịch mạng, gây nên tội tình trước Thiên Luật. Nếu chịu khổ, mang hình phạt thì toàn

thê phải định hình lại nghiệp quả của mình, cách vật, quán niệm để lo trở mái chèo, trở về lập hạnh đức trở lại.

Chúng sanh khi thị nhau tức là khi thị Đức Chí Tôn. Ngài là Đấng Cao Cả, tạo lập vạn vật càn khôn, chủ tể cả Phật-Pháp-Tăng. Nếu khi thị Đức Ngài là một việc trọng tội, không mong chi siêu sanh, thoát hóa. Nếu kính Ngài, phải thiết hành phận sự phổ độ cơ thê Ngài, tức là chúng sanh. Đó là con đường minh triết của đời sống người Cao Đài, con đường đến với Đấng Chí Tôn mau lẹ trong kỳ ân xá tận độ của Ngài.

“Thầy nói cho các con nghe: nếu kẻ nào biết hiểu Thánh-Ngôn của Thầy nơi miệng các con mà tỉnh ngộ, thì số hăng sống nó vốn còn, còn chẳng thì thôi, để chúng nó theo Tà-Quái.

Đạo là quý, của quý chẳng bán nài; các con đừng thói chí”.

Thánh Ngôn là lời dạy chọn lý chân thật, gần gũi dễ hiểu cho toàn loài người. Đó là khuôn vàng, thước ngọc, là ánh sáng bình minh để cây cỏ đón ánh ban mai để vươn mình lên, sanh hoa, kết trái. Đó là ngọn đuốc huệ quang giữa rừng u ám để nhơn sanh học theo mà hành. Nếu đọc Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn mà không tỉnh ngộ thì mạng số hăng sống rất kém. Nếu chê phỉnh, con đường tà mị thế nào cũng đón đường, chặn lối, tà quyền đưa đường dẫn lối.

Đức Chí Tôn khuyên các Phẩm Thiên Tước và các môn đệ Đức Chí Tôn không nên nản lòng vì đạo rất

quý trọng đề độ người về bên giác. Ai hữu duyên thì căn phần còn, vô duyên thì bạc phước. Thực hiện cơ phổ độ thì làm hết phận sự, hết lòng chí thành vì lòng từ bi, chẳng nài ép ai bao giờ. Nêu vô phần thì dầu có ép, cũng chẳng ai theo.

28. HẠNH KHIÊM NHƯỢNG

Chiếu theo bài thứ hai mươi tám trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 11 tháng 09 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy hạnh khiêm nhường và phải cố gắng lập hạnh ấy cho hoàn toàn, dạy lập đồng nhi.

“Hi chur Môn-đệ, hi chur nhu. Các con nghe.

Các con coi bậc Chí-Tôn như Thầy mà hạ mình độ rỗi nhơn sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên-Ông và Bô-Tát, hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng; còn Thầy thì khiêm nhường là thế nào? Vì vậy mà nhiều kẻ Môn-đệ cho Thầy là nhỏ”.

Giáo pháp của Đại Đạo là tận độ và đại ân xá nên chính mình Đức Chí Tôn hạ phàm, đến dạy dỗ con người. Đức Chí Tôn là Đức Thượng Đế, chúa tể muôn loài, nhưng đến với một sự khiêm nhường đáo đẽ. Sự hạ mình để gần gũi, giáo hóa môn đệ của Đức Ngài. Lại thêm, cũng vì làm gương cho nhơn sanh học cái hạnh cao quý ấy.

Đức Chí Tôn là bản thể, Đấng tạo ra vũ trụ, càn khôn muôn loài, là hiện thân của Vô Cực nhưng lại vô ảnh, vô hình, vô âm, vô tướng, tự hữu hằng sống, toàn năng, toàn thiện. Thương chúng sanh nên mở cơ giáo hóa, cứu độ sanh chúng bằng một phép thông công cơ bút, lại hạ mình xuống thấp. Ấy vậy, có nhiều người làm tướng Bạc Tiên Ông là thấp, Bạc Đại Bồ Tát là nhỏ. Có nhiều người nói rằng Đấng Cao Đài là vị Tiên đã tu 500 năm và đắc đạo.

Theo Đức Lão Tử, danh có thể đặt được là không phải danh bất biết hằng hữu. Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng chỉ mượn danh từ để đến với loài người. Đó là phương pháp hạ mình hầu giáo hóa chúng sanh. Đừng tưởng lầm việc xưng danh như thế rồi định địa vị Đức Chí Tôn. Thế phàm con người không thể lấy cái trí nhỏ nhoi mà hiểu cơ mầu nhiệm thiêng liêng ở cõi vô hình.

*“**Hạnh khiêm-nhường** là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy”.*

Muốn đoạt thủ địa vị thiêng liêng, nhơn loại phải vào trường thi của Đức Chí Tôn. Vào trường rồi, phải độ rồi thiên hạ cho đặng, nhưng muốn độ rồi, phải neo theo gương hạ mình **khiêm nhường** cho lắm, lập hạnh khiêm cung, sao cho học mải mún bằng Thầy hay bằng Thầy.

Xét về phận sự trọng yếu của con người dưới lăng kính đạo học, sống là tu thân, lập đức qua việc học

những bài học khổ đau vui sướng trần gian. Từ đó, lãnh ngộ tính chất triết thần, thực hành đời sống chơn chánh phù hợp với khuôn luật thiên liêng, để mỗi kiếp sanh có thể bước lên một bậc thang tiến hóa vô cùng tận, đến khi nào viên giác, liễu quán, thoát khỏi bên đò sanh tử, trở về thực cảnh.

Trong những đức tính cần thiết của hành giả, hạnh khiêm cung là một đức hạnh vô cùng quan trọng vậy, đòi hỏi con người phải thực hành rốt ráo, trọn nghĩa lý. Nếu người hành giả học hạnh khiêm cung mà tự cao, ngã mạng, người đó tất yếu mất đi sự minh triết vốn từng có trong bản thân và mãi mãi trì trệ trên con đường tu học.

Khiêm cung hay khiêm nhường (謙讓) là từ Hán Việt để chỉ sự hạ mình, cung kính, chịu thiệt phận, thua kém để tỏ lòng khiêm tốn, là sự nhìn nhận bản thân thua kém, chưa xứng phận, là một trạng thái tâm hồn không bị ràng buộc và thoát ly khỏi mọi ý thức về bản thân, một hệ thức hoàn toàn không chứa niềm kiêu hãnh hay bóng dáng của tự ti. Tánh hạnh bắt nguồn từ thuộc tính bản ngã phàm chất hay thánh tâm chi phối. Nếu tâm hạnh theo vết lẩn của phàm chất tức nhiên là kiêu ngạo, tự tôn với một bản ngã đặt trên và trước ai hết. Nếu hạnh nét chịu lòn theo thánh tâm, con người sẽ định an, khiêm cung hòa ái, im lặng, nhịn nhục, cầu học, nhu mì.

Theo góc độ Phật Giáo, khiêm cung đồng tính chất với im lặng. Trước mọi biến động của thế sự lao

xao, tâm hồn chúng ta thực hành sự an định, tức là khiêm nhượng trước làn sóng hơn thua của tha nhân. Có câu rằng:

“Sống là động nhưng lòng chẳng động”.

Người ta thường cho đó là truyền thống của tôn giáo nhưng kỳ thực, đó là nguyên tắc, là luật lệ mà người nhập đạo phải thực hiện cho kỳ được, vẽ lên bức chân dung khiêm nhượng thật lặng lẽ, sâu thẳm, huyền vi và đầy mùi vị thanh thoát. Phật Giáo cho rằng sự im lặng có sức mạnh lớn lao đối với người tu hành và ví von: sức mạnh của trẻ con là tiếng khóc, sức mạnh của phụ nữ là nước mắt, sức mạnh của người tu là im lặng nhẫn nhục mới mong định tâm, quán trí, phát sanh trí huệ.

Con người phải học hạnh khiêm tốn và chân thật, hỷ xả, xóa bỏ tâm cống cao ngã mạn, học hỏi được nhiều điều hay từ tâm thức tự tánh, càng tu dưỡng những phẩm chất cao đẹp, làm gương sáng cho người khác noi theo và tu tập. Thế gian là vốn là cõi ta bà, là trường khổ hạnh, khảo thí sần lọc vàng thau. Vinh hoa, phú quý, công danh, lợi lộc, địa vị, chức vụ, phồn hoa cũng sẽ tàn rụi theo tháng ngày. Khi thân về cát bụi, chỉ có hai thứ mang theo là tội hoặc phước mà thôi.

Hạnh hòa ái khiêm nhường là đặc tánh tự hữu trong mỗi chúng sanh. Có hay chăng, con người tự khai thác và đào luyện, vận dụng, phát huy cho cao đẹp trong nếp sống mà thôi. Nếu quả quyết lấy cái tự tôn, tự đại

sống với hình chất là ngược dòng tân hóa, đi lùi lại cơ sanh hóa và trưởng dưỡng tâm hồn trở nên chí thiện, chí mỹ. Sống với hình chất và cái phàm ngã mà mong hạnh hưởng phước duyên là điều huyền mộng. Truyền thuyết xưa kia hẳn còn đó, Đức Khổng Tử là bậc Thánh Nhân với học thuyết cao rộng có thể bình trị thiên hạ nhưng bị một đứa trẻ lên 10 tuổi, là Hạng Thác bắt lỗi và dạy Ngài. Vậy cái hiu hiu tự đắc của ta giữa biển đạo pháp bao la, có gì đáng tự tôn, ngã mạn?

“Còn những kẻ tự cao, tự tôn, tự đại bất quá làm hệ cho một người thiếu trí coi chơi chớ cái giá trị không đáng gì hết, rốt chuyện thiên hạ coi nó là giả không có giá trị chi đâu, mà tự cao, tự tôn, tự đại” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Khi huấn dụ cho học trò, Đức Khổng Tử bảo: *“Ta đâu dám sánh với bậc Thánh, bậc Nhân”* [Trích Thuyết Đạo của Đức Thượng Sanh]

Nếu con người được Thượng Đế phú bẩm cho sự khôn ngoan, trí thức, nhận thức lẽ sống chân thật, hòa bình miên viễn, biết hướng thượng, tìm chân lý sống theo khuôn linh; đó là hạnh duyên do sự sáng lạng của chơn thần trong tiền kiếp, tức là sự tiến hóa của chơn thần vượt trội hơn người. Khi được vậy, con người phải dụng khôn ngoan đó mà biết tâm hòa ái, thương sanh, khiêm cung, hạ mình cùng trên dưới, dạy lẫn cho nhau chữ đạo đức, nhân tâm để cùng nhau phát triển tâm thức càng sáng rộng.

Chúng ta thường bắt gặp lời thuyết giảng của Đức Phạm Hộ Pháp về giá trị của bác ái, thương yêu. Nó có thể sánh là của cải vô tận nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Vì khiêm nhường mà đạt chữ hòa, vì khiêm nhường mới đủ thương yêu, vì khiêm nhường mới chịu học hỏi, vì khiêm nhường mà yên mình quay về nội tâm tìm với ánh sáng Chơn mà tỏ ngộ lý vạn vật. Nên khiêm nhường là con đường đưa hành giả đến con thuyền Bát Nhã thoát bến tục, từ giả, tầm chơn.

Cốt yếu Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cho thấy sự **khiêm nhường** tốt bậc để con cái Người học theo hạnh đó. Là Đấng Vô Cực Chí Tôn biến sanh từ Hư Vô Chi Khí rồi hóa sanh ra vạn vật trong càn khôn, là Cha của Thần, Thánh, Tiên, Phật, nhưng Ngài xưng là vị Tiên Ông nhỏ nhoi, hạ mình xuống thế, hầu chuyện, bầu bạn, dạy lẽ không ngoan, chân thật cho các vị Thiên Phong đệ tử từ khởi xướng một nền Cao Đài quốc đạo. Đức Ngài cố ý gọi thánh chất của mỗi môn đệ, gồm hợp khối đức tin, phú thác nơi những môn đệ chí thiết, làm nền móng để khai mở và hoằng hóa nền Chơn Giáo.

*“Bây giờ trái lại cái phản lực đó, chúng ta thử nghĩ coi, mình phải **khiêm nhường** chơn thật hay xảo trá? Nếu kẻ nào tự cao, tự tôn, tự đại, mà giờ phút này không biết hạ mình đặng chiêu chuộng người, thì đời nó không buổi nào thiên hạ thương được, dầu cho từ buổi nhỏ dĩ chỉ 100 tuổi già đến chết nó vẫn học mãi thôi, không buổi nào gọi tự đủ” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6 bài 1].*

Vì lẽ đời hạ ngươn, lắm kẻ tội lỗi, thiên hạ đi trong thú chất, đau thảm từ thể xác đến tâm hồn. Vì vậy, Đức Thượng Đế sở cậy nơi các vị Thiên Phong một phận sự trọng hệ, khai mở triết lý tân kỳ, đủ phương cho 92 ức nguyên nhân còn đọa trần và sanh chúng có thể hồi đầu, nắm phước chiêu hồn trở về quê xưa cảnh cũ. Và Đức Ngài cũng trông vọng một đức tánh háo sanh, thương yêu, **khiêm nhường** mới mong đủ sở hành làm tô tở cho chúng sanh hưởng hồng ân. Ngó lụng lại, hạnh khiêm cung là một đề tài quan trọng trong cửa Cao Đài mà Đức Chí Tôn thường nhắc nhở.

Một lúc nào đó, con người biết im lặng, thấu cảm dòng thời gian, hơi thở vạn vật, thấy được sự uyên thâm trong màu áo minh triết và cả sự giản dị, thấy ý nghĩa uân chuân đậm ấm giữa lòng nhân thế là **khiêm nhường** và đáng nên khiêm nhường để đạt đến một tâm hồn cao thượng, thánh triết, trạng thái tâm thức hài hòa đáo đê.

“Thầy lại nói, buổi lập Thánh-Đạo, Thầy đến độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không tội lỗi đâu đến nhọc công Thầy”.

Do đời tội lỗi, nên Đức Chí Tôn phải giáng phạm, nhọc công gồm góp lương sanh, giáo hóa từng lời, từng cách, từng điều nhỏ nhặt cho các môn đệ. Cũng vì tội lỗi của thế gian, Đức Ngài mới sở cậy môn đệ yêu dấu của Ngài dạy dỗ cho họ. Nếu chẳng khiêm nhường, chẳng đoái hoài đến kẻ thấp hơn mình thì mong chi độ rỗi họ. Nên hạnh khiêm nhường cần lắm đối với mỗi môn đệ Cao Đài.

“Ấy vậy các con rán độ kẻ tội lỗi, là công lớn làm cho Thầy vui lòng hơn hết”.

Khi đối chiếu theo luật pháp thiêng liêng, người môn đệ phải lập công, phổ độ sanh chúng. Mà độ kẻ tội lỗi là công lớn lao hơn hết, là lễ trọng yếu dâng lên Đức Chí Tôn. Niềm vui của Đức Chí Tôn duy chỉ thấy con cái của Ngài biết tu tâm dưỡng tánh, làm lành lánh dữ, toàn thể môn đệ biết hồi đầu hầu hưởng cơ ân xá của Đức Ngài. Hễ tu thì phải phụng sự phổ độ, nếu chí thành phụng sự phải theo khuôn nếp khiêm nhường mới đáng giá môn đệ yêu dấu của Đức Ngài. Các Đấng Giáo Chủ hay các bậc Đại Thánh xưa kia, cũng do nơi cơ quan cứu khổ, độ rồi chúng sanh mà đạt được quả vị cao trọng.

“Lự và Hiếu tập một lũ “Nữ-Đồng-Nhi” chừng ba mươi sáu đứa đặng mỗi khi đại-lễ nó tụng kinh cho Thầy, bên Nam cũng vậy. Cư, Tắc, Sang, Phú mấy con cũng phải dạy ba mươi sáu đứa “Nam-Đồng-Nhi” nữa. Cư, Thầy đã nói với con phải tập nhạc lại, nhớ không con?”.

Đức Ngài Bà Hương Lự và Hương Hiếu bắt đầu khởi xướng lập nên nữ Đồng Nhi để đọc kinh cúng, rồi tập nhạc lại cho thuần thực. Ấy vậy, theo chân Đức Chí Tôn là lập hạnh khiêm nhường, nhu hòa mới mong trọn vẹn những điều sắp tới thi hành trong cơ Đạo của Đức Ngài.

Ấy vậy, dầu việc lớn, việc nhỏ, dầu Thiên Phong hay bậc tín đồ đều phải giữ mình theo khuôn luật Đại

Đạo. Nhất là đức tánh khiêm nhu, hòa ái phải biết cho lắm để độ người, thương chúng sanh vì biết thương Thầy, mến Đạo. Biết thương, biết mến thì càng thực thành chủ thuyết khiêm cung để làm môi giới cho Đức Chí Tôn, làm môn đệ yêu ái, xứng đáng địa vị tín hữu Cao Đài.

29. QUẢ CÀN KHÔN VÀ BẢY CÁI NGAI

Chiếu theo bài thứ hai mươi chín trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 17 tháng 09 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy lập Quả Càn Khôn và lập bảy cái Ngai cho chư Chức Sắc Đại Thiên Phong Cửu Trùng Đài.

“Bính - Thầy giao cho con lo một trái Càn-Khôn; con hiểu nghĩa gì không?... Cười... Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kinh tâm ba thước ba tấc, nghe con, lớn quá mà phải vậy mới đặng, vì là cơ màu nhiệm Tạo-Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời; cung Bắc-Đẩu và Tinh-Tú vẽ lên Càn-Khôn ấy. Thầy kẻ Tam-Thập-Lục-Thiên, Tứ-Đại-Bộ- Châu ở không-không trên không khí, tức là không phải Tinh-Tú, còn lại Thất-thập-nhị-Địa và Tam-Thiên thế giới thì đều là Tinh-Tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao, con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. Con dỡ sách thiên-văn Tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc-Đẩu con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc-Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc-Đẩu vẽ con mắt Thầy, con hiểu chăng? Đáng lẽ trái ấy

phải bằng chai, đúc trong một ngọn đèn cho nó thường sáng; ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả Nhơn-loại Càn-Khôn Thế-Giới đó; nhưng mà làm chẳng kịp, thì tùy con tiện làm thế nào cho kịp đại-hội - Nghe à”.

Đức Chí Tôn bảo Ông Kiệt phụ Ngài Thơ trong việc tác tạo Thánh Thất để kịp đại hội. Sai Ngài Lâm Quang Bính coi sách Thiên Văn mà lập quả Càn Khôn, vẽ Thiên Nhân, các tinh cầu địa tú cho đủ theo phép tạo đoan. Nên quả Càn Khôn và Thiên Nhân là một trong những thể pháp Đại Đạo, ẩn chứa bí pháp mà người môn đệ Cao Đài cần nắm rõ.

“Quả Càn Khôn” của Đạo Cao Đài đã tượng lý đạo học, dịch lý biến dịch của Đạo Pháp. Càn là Dương, Khôn là Âm, tức là hai nguyên lý sản sinh và cầm mạng sống của toàn thể các thực thể trong vũ trụ. Quả Càn Khôn là một vũ trụ thu nhỏ có thờ Thiên Nhân, vẽ đủ 3.072 ngôi sao, Thiên Nhân lại vẽ trên ngôi sao Bắc Đẩu. Thiên Nhân là Thần Ánh Sáng tượng Đức Chí Tôn, chủ quyền ngự trị Phật-Pháp-Tăng.

Đức Chí Tôn biến sanh ra càn khôn, tinh cầu địa tú, vạn vật gọi là chúng sanh. Từ Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu, tới Bạch Ngọc Kinh ở trên không, ngoài không khí. Còn các Tam Thiên Thế Giới và Thất Thập Nhị Địa Cầu thuộc tinh tú. Cơ mầu nhiệm của Tạo Hóa rất ư mênh mông, linh ứng, bí mật mà trí phàm khó mong hiểu hết đặng. Đức Chí Tôn dạy sao thì hiểu vậy.

Từ ngày khai đạo cho mãi về sau, Đạo trải qua nhiều nguy biến, Quả Càn Khôn cũng một lần phát cháy, duy Thiên Nhân còn giữ nguyên vẹn. Nhân sự kiện này, Đức Chí Tôn giảng cơ cho thánh thi năm 1932:

*“Chẳng phải Tây Ninh chịu nạn nghèo,
Cuộc đời luân chuyển thế cheo leo.
Trời còn đất lở tang thương biến,
Ruộng rẫy phó phường lộ móc meo.
Sắc tướng âm thanh tua giảm bớt,
Mở đường công quả chúng làm theo.
Văn chương đâu rõ thông cùng lý,
Tận thế hưng vong đã thấy vèo”.*

Đạo Cao Đài hình thành vẫn do hai năng lực Thiên-Nhân. Thiên thuộc siêu nhiên, còn Nhân thuộc phàm trần. Nên Đức Lý giảng dạy:

“Về Quả Càn Khôn, Thánh giáo Đức Lý Giáo Tông có dạy: Quả Càn Khôn cũng vậy, khi tháo rời ra rồi ráp lại y như vậy. Khi tháo ra phải cầu Lão đưa Thần một đôi, rồi mới đặt tay người vào, nghe à!”.

Xét theo tính chất thường tình, Quả Càn Khôn là nơi Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Tam Trấn, Tam Giáo và các Đấng trọn lành ngự trị để điều hành guồng máy vũ trụ càn khôn. Đó chẳng phải chỉ là đất cát, vật dụng mà là khối tín ngưỡng vô biên của toàn thể môn đệ Cao Đài đặt để, gửi gắm nơi đó.

Xét về tính chất triết lý tâm linh, Tòa Thánh tượng trưng cho Bạch Ngọc Kinh tại thế, nên Đức Chí Tôn

giáng tại Bát Quái Đài mỗi đàn cúng thì, toàn thể môn sinh được hưởng ân huệ thiêng liêng ban cho, giúp tinh thần an định, trí khai, thần ổn, để thi hành phận sự của mình trên con đường đạo pháp.

“Qua đứng trên Ngai, Qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu định tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều, mọi người đều có cả hào quang đó, có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong quả Càn Khôn đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngồi của mấy em, mà mấy em không thấy được, cho nên khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiêng Liêng ban cho đó, thì tinh thần được an tịnh, hạnh phúc biết bao, nếu biết thọ hưởng cái hồng ân đó...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 6].

Như vậy, Quả Càn Khôn đã tượng lý Đạo dịch biến và Đức Ngai thường ngự trị nơi Bát Quái Đài khi, cần thiết ban nhận đạo hào quang của chúng sanh dâng kính, rồi trả ngược lại bằng phương pháp ban phép lành cho con cái Đức Cao Đài.

Đạo Cao Đài đã được Thiêng Liêng chỉ dạy thờ phụng bằng Thiên Nhân làm tâm điểm. Nhìn thấy Thiên Bàn có Thiên Nhân, người ta đã nghĩ ngay đó là đạo Cao Đài. Thiên Nhân nguyên ban sơ Ngai Ngô Minh Chiêu được khai thị thấy Thiên Nhân hiện trước mặt 03 lần và Ngai đã thọ nhận làm môn đệ đầu tiên và vẽ Thiên Nhân thờ.

Đến khi Đạo phát dương rộng rãi theo thánh truyền, Thiên Nhân đã phát vẽ trên quả Càn Khôn tại Tòa Thánh Tây Ninh. Thờ Thiên Nhân tức là thờ Đấng tối cao, toàn giác đang bàn bạc khắp nơi, đang dõ về sự tiến hóa của vạn linh trong càn khôn.

Con mắt có hào quang chiếu diệu là Thiên Nhân, là mắt của Đấng Thượng Đế. Hai nguồn “lưỡng quang” đã ngự trị, chủ tể lập nghi hóa dục, định vị cả pháp giới biến tướng trong bầu càn khôn vũ trụ này. Ánh sáng từ đôi mắt, mắt lại biểu thị cho Tâm, “Quang” là Thần chúa tể, tức là “Thiên”, tức là Đấng Thượng Đế hằng ngự trị muôn loài và đó chính là Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát trong cửa Đại Đạo này.

Đối với sự thờ phụng Thiên Nhân, ngoài tôn kính nguồn cội vạn linh, chúng ta còn thấy thêm nguyên lý, “tiểu Quang” là “tiểu Thần” hiện hữu trong mỗi sanh linh. Cho nên thờ Đấng tối cao, bản lai của vạn hữu mà còn lại thờ cái **linh tánh** của mỗi con người. Mỗi tiểu linh quang là một phần, đóng góp vào sự hiện hữu trong toàn thể vũ trụ càn khôn.

Cho trọn vẹn, thì con người phải dụng phép khép mình nơi cửa của Đức Chí Tôn, sùng ngưỡng chánh pháp, thực hiện con đường “tam quy thường bộ pháp giới” để trở về con đường giải thoát.

Thánh Giáo Đức Chí Tôn giảng trên đã cho chúng ta thấy sự khiếm của “thần” từ ngày đạo bị bẻ, tu nhiều nhưng thành ít, “thần” bị đánh tản mỗi khi hiệp cùng

Chơn Thần, nên ngày nay Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn ân xá, lập thờ Thiên Nhân mỗi nhà để hưởng hồng ân, thánh uy ấy, cũng là biểu thị cái lý thiên thơ cho hiệp Tinh-Khí-Thần trong thời kỳ này.

Từ một Nhất Nguyên, Đức Chí Tôn phân tánh ra vạn loại. Để trở về hiệp cùng Đức Thượng Đế, con người phải đốt cháy “ánh sáng trí huệ” trong tâm mãi mãi, để ngưng thần, tụ khí, hiệp với nguyên lý thăng hoa để tự tánh bùng sáng. Cho nên Thiên Nhân vừa là thờ Bản Nguyên của Đạo, vừa biểu thị tính lý pháp chơn thần của mỗi cá thể phải làm sao hiệp hòa cùng Chơn Thần của Đấng Chí Linh.

Theo luận giảng trên, thờ Thiên Nhân là Trời, là Thờ nguyên lý dịch chuyển Pháp Giới và thờ chính cái thiên lương của con người, như thế ấy, Thờ Thiên Nhân tức là kính cả Phật-Pháp-Tăng cùng một lúc. Con người cần quy y Tam Bảo Phật-Pháp-Tăng. Vừa phải kính Phật, tụng Pháp, phụng sự Tăng trên con đường trở về với Đức Chí Tôn. Thờ Thiên Nhân bao hàm cả pháp và lý, đủ để con người tỏ ngộ trong minh triết Cao Đài, tụng luật pháp Đại Đạo ngỏ hầu tìm ánh sáng chiếu soi tự tâm, ngọn linh đấng bùng sáng giữa một bình minh đẹp đẽ.

“Kiệt - Con phải giúp Thờ trong việc lập Thánh-Thất. Thầy giao cho con phải săn sóc mười thờ làm bảy cái ngại, một cái trọng hơn cho Giáo-Tông, ba cái cho ba vị Chưởng-Pháp; ba cái cho ba vị Đầu-Sư; Nhất là cái ngại của Giáo-Tông phải làm cho kỹ-lưỡng chạm trở

tứ-linh, nhưng chỗ hai tay dựa phải chạm hai con rồng; còn của Chưởng-Pháp chạm hai con phụng; của Đầu-Sư chạm hai con lân... Nghe à!”.

Bảy cái Ngai ấy tượng trưng cho Nhơn Đạo trong Ngũ Chi Đại Đạo. Phật Đạo được tượng trưng là Đức Thích Ca Mâu Ni. Tiên Giáo là Đức Lý Thái Bạch. Thánh Giáo là Đức Chúa Jesus. Thần Đạo là Khương Thượng.

Bảy Ngai được dạy phải chạm trở cẩn thận, đẹp đẽ, vừa tượng cho Nhơn Đạo, vừa thể hiện phẩm cấp Thiên Phong cao cấp của Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Đó là những ngôi phẩm Thiên Phong cao trọng trong Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Ngai Giáo Tông lớn hơn hết, chạm tứ linh, tay cầm phải có hai con rồng hai bên. Ba Ngai của Chưởng Pháp thì chạm phụng, còn của Đầu Sư thì chạm lân.

Từ lâu đời, Tứ Linh là hình ảnh quen thuộc với các nền văn hóa phương Đông. Mỗi loài linh vật trong tứ linh cũng mang vẻ đẹp và ý nghĩa riêng. Rồng thường xuyên xuất hiện trong tín ngưỡng phương Đông, đại diện của quyền năng tối cao. Hình ảnh Lân là biểu tượng của điềm lành, thịnh vượng. Theo lịch sử, Lân là thú có đầu rồng, thân giống hươu và có vảy, mình vằn, đuôi như đuôi trâu và có 1 sừng trên đỉnh đầu. Đối với nền văn hóa nước ta, lân còn là vị thần linh. Rùa chính là biểu tượng của tinh thần thanh cao, thoát tục. Rùa là loài động vật có thật, gắn liền với đời sống nhân dân Việt Nam từ xưa. Rùa còn tượng trưng cho sự bất diệt,

biểu thị cho học thức. Minh chứng là tượng rùa mang sử sách Việt Nam và 82 bia đá tại Quốc Tử Giám ghi rõ họ tên người thi đỗ. Quy còn là linh vật hội tụ linh khí đất trời. Phụng là loài chim đẹp nhất trong các loài chim. Đây là loài linh vật thể hiện vẻ đẹp, sự cao quý. Vẻ đẹp của phượng hoàng gồm điều hâu dài, tóc trĩ, vảy cá chép, móng chim ưng và đuôi công.

Tứ linh hay còn gọi là Long – Lân – Quy – Phụng là bốn linh vật có sức mạnh phi thường tượng trưng cho trời đất, bắt nguồn từ tứ linh thần: Thanh Long, Bạch Hổ, Huyền Vũ và Chu Tước. Chúng được người xưa tạo ra từ bốn phương trời, đại diện cho 4 nguyên tố chính của trời đất nước, lửa, đất và gió. Hình tượng tứ linh được sử dụng và khắc họa khá phổ biến trong nghệ thuật kiến trúc Việt Nam từ kinh đô, đền chùa cho đến nhà dân như một hiện trạng sống động của 4 linh vật này trong tâm thức người Việt.

Như vậy, Thánh Giáo đã chỉ dạy rất công việc lo Thánh Thất thờ phụng, lo tạo tác chạm trổ bảy Ngai cho các Chức Sắc Cửu Trùng, còn dạy lập quả Càn Khôn và vẽ Thiên Nhân thờ Đức Chí Tôn. Ngày nay, những kiến trúc ấy vẫn trường tồn theo thời gian và toàn thể chư môn đệ Đức Chí Tôn vẫn hàng ngày bái lễ tại Tòa Thánh Tây Ninh. Tại nhà, Hội Thánh cho vẽ Thánh Tượng Thiên Nhân bằng giấy có đủ các Đấng giáo chủ Tam Giáo, Tam Trấn, Ngũ Chi và bảy cái Ngai như trên.

30. QUỐC ĐẠO

Chiếu theo bài thứ ba mươi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 18 tháng 09 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy đã lập thành Thánh Thất, là nhà chung cho toàn thể nhơn loại, cho biết có Đại Hội Tam Giáo ngày rằm tháng mười sắp tới, đó là nền Quốc Đạo cho loài người chung hưởng.

“Các con, Thầy đã lập thành Thánh-Thất; nơi ấy là nhà chung của các con; biết à. Thầy lại quy Tam-Giáo lập thành Tân-Luật, trong rằm tháng mười có đại-hội cả Tam-Giáo nơi Thánh-Thất. Các con hay à!”

Để có nơi tế tự, Đức Chí Tôn đã sai lập thành Thánh Thất, là nhà chung của toàn thể môn đệ Thầy để hội hiệp, tụ lại để Đức Ngài dạy dỗ, chung lại cùng lo sự nghiệp Đại Đạo. Đức Chí Tôn chính thức tuyên ngôn quy Tam Giáo để tác thành Tân Luật cho chúng sanh thời kỳ mới. Đại Hội Tam Giáo được tổ chức nơi Thánh Thất để thành lập nền **Quốc Đạo**.

“Sự tế tự sửa theo “Tam-Kỳ Phổ-Độ” cũng nơi ấy mà xuất hiện ra; rõ à!”

*Thầy nhập **ba chi** lại làm một là chủ ý quy tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà, Thầy làm cha Chưởng-quản, hiểu à!”*

Sự quy hợp thành một mối, đó là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một nền quốc đạo mà Đức Chí Tôn chưởng

quản, một vị Cha điều hành cả con cái, sắp xếp ngôi thứ, tế tự và phương pháp tu hành trong nền Tân Pháp.

Mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là khai mạch sống và một ân huệ lớn lao cho nhơn loại thời kỳ này, một luồng thoát khí sanh quang giúp nhơn sanh có thể lau xả tặc, định hồn quốc thể để nhơn loại hưởng một hồng ân vô biên từ ơn cứu rỗi kỳ ba. Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế cho “tu nhất kiếp, ngộ nhất thời”, có thể lập công quả mà hiệp hội, đắc quả Thiên vị tùy vào công quả của mỗi người, tùy vào công trình phổ độ nhơn sanh và phụng sự đạo pháp.

Đức Chí Tôn đã đến một cách lặng lẽ, bằng huyền diệu cơ bút tiên gia, Đức Ngài làm chủ mối Đạo. Ngài lại quy hợp phần tử thiện căn để thay Đức Ngài trong cơ quan hữu hình, lập Thánh Thể thay thế hình ảnh Ngài để thực hiện các sứ mạng cứu vớt sanh linh. Tôn Giáo Cao Đài không phải chỉ dành riêng cho dân tộc Việt, mà phải cứu độ toàn thể các sắc dân trên thế giới, không phân biệt chủng tộc, giống nòi, màu da tôn giáo trên nguyên tắc “Thiên Đạo công bình giải thoát” và một “Thế Đạo nhơn nghĩa đại đồng”.

Đức Ngài lại chọn nước Việt Nam để làm đất Thánh, mở chơn truyền Đại Đạo. Việt Nam là đất nước đặt nặng tín ngưỡng tâm linh nên khi các nền tôn giáo du nhập vào, dân tộc đã hấp thụ và truyền thừa những thánh tâm, một lòng thờ kính, hòa hợp các tôn giáo. Ngày nay, đất nước Việt Nam đã trở thành tâm điểm, thừa hưởng di sản thiêng liêng của Đức Chí Tôn, ban cho một nước

nhỏ nhen khai mở nền Chánh Giáo tam kỳ, nên Việt Nam trở thành Thánh Địa và làm mô phỏng để tiến khai đến một xã hội đại đồng. Đức Chí Tôn đã tuyên ngôn:

*“Quốc Đạo kiêm triêu thành Đại Đạo,
Nam Phong thử nhứt biến nhơn phong”*

Quả thật, đây là một hồng ân vô cùng to lớn mang tính thiêng liêng đối với dân tộc. Tuy nhiên, để “nam phong” trở thành nhơn phong, mỗi người con dân tộc phải làm phần tử tốt đẹp, hiểu trọn sứ mạng trọng yếu cho nền nhơn phong hoàn vũ để mới biến quốc thể làm tiền đề, chuẩn mực cho sanh chúng theo truyền ngôn của Đức Chí Tôn.

“Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chọn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là “Quốc-Đạo”, hiểu à!

Thầy phải buộc các con hiệp chúng trí mà lo vào đó, nghe à!”

Đức Chí Tôn khẳng định nước Việt Nam duy chỉ có nền đạo chọn thật là đạo Cao Đài, tức là Quốc Đạo. Vì sao dân tộc Việt Nam lại được Đức Chí Tôn chọn lựa làm nơi để khai mở nền Đại Đạo?

Việt Nam là một trong những đất nước nhỏ bé trên bản đồ thế giới. Một dân tộc xưa nay chịu đàn áp của ngoại bang, từng chịu ngàn năm đô hộ của giặc Tàu. Dân tộc mang dòng dõi “con rồng, cháu Tiên” nhưng

từng bị thống khổ, bị ức hiếp do các cường quốc ngoại lai. Âu cũng là luật nhân quả, vay trả theo luật tạo hóa.

Dẫu là dân tộc nhỏ bé, Việt Nam luôn luôn lấy tư tưởng duy tâm, có một truyền thống tâm linh của Tổ Phụ ông bà để lại. Khi các nền văn minh tôn giáo như Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo, Gia Tô Giáo du nhập vào Việt Nam, dân tộc ta đã tiếp đón nguồn sinh khí tinh hoa và coi như báu vật, rồi hòa quyện vào bản sắc dân tộc thành một trong những tư tưởng tâm linh đặc thù, chứa bản sắc đặc biệt. Vừa vẫn giữ giáo pháp không mất đi tính chất nguyên thủy, vừa phải bảo tồn nền văn minh truyền thống. Đó là cái hay của tổ tiên ông bà người Việt Nam.

Thật vậy, Đại Nam-Quốc Việt nằm ở một vị thế có thể tiếp các luồng văn minh khoa học, cũng như những tín ngưỡng tâm linh Đông Tây cổ kim. Hơn bốn ngàn năm văn hiến, dân tộc anh liệt kia vẫn giữ bờ cõi non sông, đi đôi với bảo tồn tín ngưỡng tâm linh Trời Đất trong lòng mỗi người con đất Việt. Dẫu có theo tôn giáo nào hay không, nhà nhà đều chọn một chỗ tốt lành chánh giữa trước nhà thờ “bàn Thiên” và đốt nhang hàng ngày. Trong nhà, nơi trung tâm lại chọn nơi kang trang để thờ phụng, cúng tổ tiên ông bà. Đây là một nét đặc sắc trong văn hóa Việt Nam khi đối chiếu với tín ngưỡng tôn giáo thuần túy.

Hai câu thi trên mà Đức Chí Tôn cho Đức Bảo Đại, liên quan mật thiết đến sứ mạng của nền đạo Cao Đài. Đức Hộ Pháp đã giảng thuyết nghĩa lý hai câu này

nhiều đêm liền vào năm 1948 tại Đền Thánh. Đức Chí Tôn cho Đức Bảo Đại biết trước rằng nền đạo sau này trở thành Quốc Đạo và cái thuần phong mỹ tục của nhà Nam sẽ tượng trưng cho nền phong hoá nhơn loại toàn cầu trong tương lai.

“Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo” nghĩa là nền đạo Cao Đài là nền Quốc Đạo của dân tộc Việt Nam và nó sẽ trở thành nền Đại Đạo cho toàn thể thiên hạ trên mặt địa cầu, bao trùm cả đức tin loài người. “Nam phong thử nhứt biến nhơn phong” tức là nền Đại Đạo là cái tinh túy, mỹ tục của người Việt Nam tượng trưng cho cái nhơn phong hoàn vũ.

Đức Hộ Pháp thuyết:

“Chí Tôn đã nói cùng người Pháp: Từ thử một sắc dân ấy chỉ biết nô lệ chưa biết vi chủ, vì vậy mà Ta đến bồi thường sự bất công ấy”. Lời giảng huấn trên cho ta biết một nền Đại Đạo Ấn Xá Kỳ Ba, tức là đạo Cao Đài khai mở tại Việt Nam lấy cả quốc hồn, quốc túy của bản sắc dân tộc nhà Nam tượng trưng làm “năng lực để cứu thế, đem hoàn thuốc hằng sống ấy bảo tồn sanh mạng loài người” [Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp].

Ấy là hữu duyên, hữu hạnh, hữu phước, hữu căn cho dân tộc Việt hưởng một giọt Cam Lộ, vi chủ cả tinh thần toàn thể nhân loại, làm gương tiền đề, tiếp đón thánh ân thiêng liêng gieo tại mặt địa cầu này. Từ trung tâm ấy sẽ ban phát, lan tỏa như một ánh sáng Thái Cực

Đăng đi đến mọi ngõ ngách của thế gian, cứu độ mọi sắc dân hoàn vũ.

Bản thể của “Nam phong” là gì? Chủ thuyết của đạo Cao Đài là quy nguyên Tam Giáo: Phật Giáo, Tiên Giáo, Thánh Giáo và phục nhất Ngũ Chi: Nhon Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Vì vậy, cái “Nam Phong” kia thiết nghĩ Đức Chí Tôn dùng làm “nhơn phong” phải đủ tinh thần, đủ năng lực kèm thúc loài người đi trên tinh thần và đạo đức thuần mỹ, làm thước đo chuẩn thẳng nhằm cứu thế, đủ phương pháp bảo sanh, đủ nhơn nghĩa, đủ quyền năng đem lại nền xã hội đại đồng cho toàn nhơn loại.

Lòng lịch sử dân tộc Việt trải dài trên những huyền thoại đô hộ, nhất là đối với Trung Hoa vì vậy mà Đức Hộ Pháp nói, Việt Nam là vải áo, còn Trung Hoa là cái áo. Lời Ngài nói ý rằng vì sự đô hộ quá nhiều, văn hoá và phong tục của Việt Nam phải chịu ảnh hưởng. Cái hay của người Việt là dụng tinh thần Đạo của Lão Giáo và Khổng Giáo từ Trung Hoa làm nền tảng cho quốc tuý, rồi lấy tinh thần Phật Đạo đại bi, đại ái hoà quyện lại thành ra một cái “Nam phong” riêng, một dáng vấp trầm âm, một tinh thần của con Hồng, cháu Lạc. Thật vậy, chúng ta có thể thấy cái bản sắc dân tộc “Nam phong” hiển hiện trong nghi lễ của nền Đại Đạo, như là sự phục sinh của Tam Giáo để làm tiêu chuẩn “nhơn phong” cho toàn nhơn loại.

Vinh hạnh thay! Chúng ta là dân tộc Việt Nam, làm đầu tàu, cầm cờ diu dắt cả nhơn loại trong con

thuyền Đại Đạo, đưa chúng sanh thoát khỏi bể khổ. Chúng ta tin rằng dân tộc Việt đủ lương năng, lương tri làm tròn sứ mạng mà Đức Chí Tôn giao phó, giao phó một nền **Quốc Đạo**, làm tiêu chuẩn cho hoàn vũ, năm châu.

“Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy các con sanh nạnh nhau, tựa hồ chia phe, phân phái là điều đại tội trước mắt Thầy vậy, nghe à!”

Hồng ân của Thầy ban ơn lớn lao nhưng cũng vì thế mà trách nhiệm càng nặng nề hơn. Hội Thánh sẽ lập ra và mỗi phần tử đều một sứ mạng đặc biệt trong ấy. Mỗi môn đệ cũng là một tế bào tạo thành nền Quốc Đạo, có nhiệm vụ gìn giữ chơn đạo, đó là quốc hồn, quốc túy để trở nên môi giới cho cả thế giới.

“Quốc dân Việt Nam có một phần người thiếu đức tin về Đạo Cao Đài, họ chẳng tin rằng Trời khai Đạo để tạo Đồi, lập Minh Đức Tân Dân, tức là một Cơ Quan Cứu Thế, làm cho vạn loại hòa bình cần khôn an tịnh, tránh khỏi sự cạnh tranh giết hại lẫn nhau. Hiện giờ cái họa chiến tranh, khói lửa lan tràn khắp nơi, nhơn sanh thống khổ, cốt nhục tương tàn là vì có một phần người không tin có Trời, chẳng noi theo luật công bình của Tạo Hóa, cho nên mới gây ra một trường náo nhiệt như thế. Ngày nào nhơn sanh biết nhận định Đạo Trời là phương châm giải khổ lập thành Quốc Đạo trong nước Việt Nam, đem lại sự an ninh trật tự cho nhơn loại cộng hưởng hòa bình, thì ngày ấy là ngày của Đức Chí Tôn

rưới giọt hồng ân cho nhơn loại gọi nhuần hạnh phúc”
[Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 12].

Sự nạnh nhau, chia phe, phân phái, thù nghịch, bất tuân mạng lệnh là một đại tội trước Thiên Điều. Đức Chí Tôn lập Thánh Thể duy một và để gìn giữ Thánh Thể ấy có thể trường tồn và làm Thiên mạng, phổ độ quần linh thì phải trọng kính lẫn nhau, yêu thương nhau, cùng nhau tuân mạng lệnh của Thầy mà tô vẽ cơ Quốc Đạo thành tướng và phát triển mãi mãi.

Đức Hộ Pháp thường giảng dạy rằng toàn đạo phải tin nơi quyền năng của Đức Chí Tôn thì nền Quốc Đạo mới mau thành tướng. Những trắc trở xảy ra và nhiều mối nguy hại hằng diễn ra đối với cơ quan cứu sanh của Ngài là vì toàn thể quốc dân, nòi giống thiếu đức tin nơi Ngài.

31. NGHIỆP QUẢ VÀ TÀ QUYỀN

Chiều theo bài thứ ba mươi một trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyền một, giáng ngày 22 tháng 09 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy phải biết nghiệp quả tiền khiên của nhơn loại, cho biết tà quyền và dạy khai Đạo.

“Trung - Con biết rằng Thầy thương yêu nhơn-loại là dường nào chưa? Những điều ngăn trở đều do nơi tiền-khiên của cả chúng sanh”.

Những khổ đau của nhơn loại cũng vì lẽ nơi nghiệp quả của nhơn loại. Cầm quyền càn khôn thế giới,

Đức Chí Tôn phải giữ theo luật công bình. Chưa hề vì thương mà nâng đỡ, chưa vì ghét mà hành phạt. Mọi chướng nạn đều là tiền khiên do loài người gây ra. Đức Chí Tôn vẫn một mực thương yêu, bênh vực và hằng nâng đỡ trong khối tình vô tận.

“Đã vào trọn một thân mình nơi ô trược thì Thầy đây cũng khó mà rửa với một gáo nước mà đặng trong sạch”.

Đã chịu dưới quyền thúc phục của trược chất hồng trần, nhiễm luyến trong vô lượng kiếp, sinh sinh-tử tử, trôi lặn trong biển mê thì dầu có ân huệ lớn lao, cũng chẳng thể rửa trong sạch trong chốc lát. Chính con người phải là những người phải cổi bỏ những bụi hồng, dăng thân vào hành trình cải hóa.

“Nhơn loại đã thâm nhiễm vào tình luyến ái tà mị trên mười ngàn năm, thì thế nào cổi Thánh-Đức trong một lúc chẳng tới một năm cho trọn lành đặng”.

Đã gieo tạo **ngiệp quả** nặng nề, thâm nhiễm tình luyến ái phạm trần vào chơn thân vô tận trong muôn ngàn kiếp sanh. Đức Chí Tôn đến để hóa giải những ô trược ấy. Nhưng hồng ân ấy chẳng thể nào có thể làm sạch oan khiên tiền nghiệp trong vòng một năm để đi đến cảnh trọn lành.

Nghiệp quả là khái niệm không còn xa lạ với con người ngày nay. Hiểu theo một cách đơn giản thì nghiệp quả là kết quả mà ta nhận được khi ta làm một việc gì đó. Ta, không phải là một thực thể riêng biệt. Và hành

động của ta, không đơn giản như việc ta gieo một hạt đậu sẽ mọc lên một cây đậu. Nghiệp quả là kết quả tích cóp lại từ những hành động rất lâu trước kia. Trải qua thiên biến vạn hóa trong cuộc sống vốn nhiều duyên nợ này. Để rồi quay về với ta là những gì bất ngờ nhất mà ta không thể nhận diện rõ ràng. Chính vì vậy, quy luật nhân quả của vũ trụ mãi là một ẩn số với con người.

Nghiệp thường được hiểu là một luật đạo đức của vũ trụ, không có sự can thiệp của con người và là thuyết tiền định, có thể tính toán chính xác được nguyên nhân và kết quả tương ứng. Nếu hiểu sâu hơn, nghiệp nên được xem là chiếc chìa khóa đưa đến sự phát triển tâm linh: Làm thế nào để tình thế có thể cải thiện tốt hơn bằng cách thay đổi động cơ của hành động ngay bây giờ.

Ăn năn và hối lỗi vô cùng quan trọng bởi vì đây là những cách để nhận biết, đối với người khác cũng như đối với bản thân, rằng chúng ta đang nỗ lực để không cho phép những điều không hay chúng ta đã làm trở thành một khuynh hướng có tính thói quen hình thành nên cảm nhận của mình về tự ngã.

Thân người đã luyện ái, nhiễm dục vô vàn trong bao nhiêu ngàn kiếp sanh nên ô trược lắm đời. Ôn cứu sanh của Đức Chí Tôn cũng không thể một sớm một chiều bằng một gáo nước trong mà rửa sạch oan trái, tiền khiên của nhân loại. Do vậy, con người phải lần hồi thâm nhiễm mùi đạo, hướng đến hồng ân của Đức Chí Tôn mới mong sạch từ từ.

“Bản Đạo xét đoán cái tình thế nước nhà về hữu hình và hiện diện của Đức Chí Tôn, Bản Đạo suy nghĩ đến cái triết lý đạo đức của Càn Khôn Thế Giới này là một cái ơn công bình thiêng liêng đã định, tức nhiên hễ có vay phải có trả chúng ta cũng không chối đặng. Chúng ta đã thấy hiện tượng một cơ quan bất công, tại sao mặt thế người ngu, kẻ trí, kẻ làm cha, người làm tôi” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1, bài 28].

Con đường đi của nhơn loại là con đường của **tà mị**, chịu thúc phược dưới quyền ấy mà làm con người trở nên thế ấy. Cũng vì tà mị dụ ngon, dỗ ngọt, rù quên, chác đổi môi thơm, làm cho con người phải lấy cái chơn mà đổi cái giả. Bạc Chí Tôn con phải bị tà mị vượt qua Thánh ý thay, huống lựa là loài người.

“Rất đổi là Thầy là bạc Chí-Tôn đây mà còn bị chúng nó mưu lén cho qua Thánh Ý Thầy thay, một đàng trì, một đàng kéo, thảm thay! Các con chịu ở giữa”.

Chư môn đệ đầu tiên là những người mang sứ mạng cùng Đức Chí Tôn để lập giáo. Các vị ấy có Thiên mạng, có trách nhiệm cao trọng trong cơ quan cứu thế của Đức Chí Tôn. Một trường thử thách gian nguy phải làm tổn hại đến các môn đệ ấy.

“Thầy dạy các con một điều là biết tranh đấu cùng Thầy, hễ nó tấn thì mình chống, cân sức cho bằng hay là trôi hơn mới đắc thắng. Các con chịu nổi thì Đạo thành, các con ngã thì Đạo suy. Liệu lấy”.

Khô nạn là nghiệp quả, cũng có khi là cơ đạo phải vậy, phải chịu nhọc nhằn, khổ hạnh, gian truân mới xứng phận môn đệ Đức Cao Đài. Tà càng lấn, mình càng chống cho cân xứng. Mà không chi bằng chiếc áo giáp đạo đức, là phương khử tà mị Đức Chí Tôn hằng dạy. Đạo nên cùng chẳng là khả năng ứng phó cùng tà mị.

Mỗi giai đoạn nền Chơn Giáo có một mắc khúc khác nhau. Khi lập giáo, chư Thiên mạng phải lắm gian truân trong cơ thử thách của tà mị và nghiệp quả. Nhơn loại ngày nay khi các chư Thiên mạng đã triều thiên, để lại nền Chơn Đạo để toàn thể môn đệ gánh diu nền Đạo. Thử hỏi, mọi môn sinh trong nền đạo đã làm gì, nghĩ gì trước thế cuộc đổi dời. Trước khi Đức Hộ Pháp triều thiên, Đức Ngài than rằng:

*“Rồi đây ai đến cầm chơn pháp,
Tô điểm non sông đạo lẫn đời”.*

Chơn Pháp Đức Chí Tôn không dễ chác đổi, mua bán. Tuy nhiên, loài người đã làm gì trước những biến đổi lớn lao, trước cơ thử thách của Trời Đất. Chúng ta đang tô điểm đại nghiệp của Đức Ngài hay đang đi theo con đường tà mị để chuốc lấy những thảm họa nghiệp chông nghiệp? Trách nhiệm của mỗi môn đệ dầu lớn, dầu nhỏ cũng phải đại diện cho Chơn Thể Đức Chí Tôn. Phải chẳng là một cơn đại thử thách của tà mị?

“Cầm cả quyền hành vô lượng nơi tay, Thầy ngó một cái cũng đủ tiêu diệt nó đặng, nhưng mà phép công

bình thiên-liêng chẳng phải nên vậy; ấy cũng là cơ màu-nhiệm cho các con có thể lập thành công quả”.

Tà quyền có thể bị tiêu diệt trong phút chốc bởi quyền bính Đức Chí Tôn. Nhưng tà mị vẫn tồn tại, vẫn kháo thí môn đệ Đức Chí Tôn, vì đó vẫn là phép công bình. Đức Chí Tôn cho sự kháo mới đáng giá phẩm vị thiên liêng. Có khổ, có đau, có truân chuyên, có mọi trái nghịch lẽ thường tình để làm nấc thang tiến hóa, tạo nên những công quả phi thường trên đạo.

Vì thế, mọi sự rối ren trong cửa đạo chính là những mắc khúc mà mỗi người môn đệ phải chiêm nghiệm và xử lý, chọn cho mình một phương pháp xử trị làm sao cho hợp đạo, không phản khắc chơn luật. Lịch sử của đạo Cao Đài cũng đã hằng lên dấu vết rất nhiều hành tàng của môn đệ Cao Đài. Trước những khó khăn, nguy biến từng giai đoạn, người thì trung thành đáo dể, có phương định liệu hợp Thiên Lý mà lưu danh, bia rạng. Lại có người nghịch Thánh ý mà phải gánh lấy những hậu quả đau thảm.

“Trung, Lịch, hai con phải hội chư Thánh mà xin khai Đạo. Phải làm đơn mà dâng cho Thầy xem xét sửa trước nghe”.

Đức Chí Tôn dạy Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt chuẩn bị lo sắp đặt để làm đơn xin Khai Đạo. Như vậy, tờ xin Khai Đạo được chỉ dạy và do hai Ngài Trung và Lịch soạn và dâng lên Đức Chí Tôn xem xét buổi đầu.

Tóm lại, đứng trước tà quyền, nếu chư môn đệ có thể cân sức hoặc trội hơn mới mong đạo thành, bằng không thì đạo suy. Mỗi người tín hữu Cao Đài cũng vậy, phải vừa chịu những nghiệp lực vay trả đã gieo tạo, vừa phải thọ nạn do tà mị dụ dỗ. Nếu chẳng lấy trí, chẳng đủ sức chống sự tà tâm, cạm bẫy của ma quỷ thì phải chịu thất trận. Đạo không thể gìn giữ mà còn tạo thêm nghiệp.

32. CỬ CHỈ NGƯỜI HÀNH ĐẠO

Chiếu theo bài thứ ba mươi hai trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 29 tháng 09 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy cử chỉ người hành đạo.

“Thầy dạy chư Môn-đệ một lần cho mà hiểu và nhớ hàng ngày. Nhiều đũa truyền Đạo mà trong lòng kính sợ kẻ thọ giáo. Thầy hỏi: phải nghịch chơn lý chẳng? Phải các con há!”

Đức Chí Tôn đã mở đạo, quy tụ những thiên mạng để thay hình ảnh Đức Ngài để truyền đạo, thân các con cái Ngài về một mối. Toàn thể chư Thiên Mạng là Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn đến để lập giáo cũng cậy nhờ các chơn căn, lại cậy nhờ các bậc ấy truyền chơn giáo. Đức Ngài dạy không nên kính sợ kẻ thọ giáo.

Xét vấn đề rộng ngày nay, nếu đi truyền đạo, đại diện Hội Thánh hành sự nhưng lại sợ. Một, mình làm sai

điều gì nên phải sợ. Hai, không đủ đức tin nơi Chơn Giáo của Đức Chí Tôn nên phải rụt rè, e ngại để lời giáo huấn. Đức Chí Tôn hằng nói, Ngài luôn bố hóa có con cái Người khi làm phận sự đặc biệt. Chúng ta có niềm tin vào lời khẳng định ấy của Đức Ngài.

Người truyền đạo là người đại diện cho quyền năng của Hội Thánh, bố hóa cho kẻ mê lầm hiểu rõ chơn lý thì phải mạnh mẽ, tự hào nhưng không tự kiêu. Người thọ giáo phải biết kính mà học hỏi. Chẳng ai nên rụt rè, e sợ ai, cùng nhau chỉ dạy, học hỏi lẫn nhau mới đúng phận anh em, là con cái yêu dấu của Đức Chí Tôn.

“Kẻ dốt mà dạy người dốt thì cả hai đều nói tới tận thế cũng còn dốt.”

Người truyền đạo phải đủ đức tin nơi quyền năng bố hóa thiêng liêng của Đức Chí Tôn, thánh truyền vào lời nói để thực hiện cơ hoằng dương phổ độ chơn đạo vào lòng chúng sanh, chẳng vì thiếu đức tin mà a dua theo lời thị phi, kích bác của kẻ thọ giáo rồi lầm tưởng cho rằng đạo là giả, không phương cứu rỗi.

“Lại thấy kẻ dốt ấy kích-bác trở lại chịu thiệt rằng: “Đạo mình là lầm lạc”. Người truyền Đạo dường ấy có sai chánh lý chăng? Phải - các con há!”

Nhân danh Đại Đạo, truyền đạo lý nền chơn lý cho chúng sanh thì hiển nhiên phải hiểu chơn pháp, biết được hoàn toàn giá trị nền Đạo mới truyền giáo cho chúng sanh. Nếu không thừa nhận giáo pháp Đại Đạo là

cao kỳ, cần kíp, đáng giá thì chẳng thể chi vẹn toàn công cuộc phổ độ.

Người tín đồ Cao Đài cũng theo lời dạy ấy mà có đủ đời sống đức tin đối với Chơn Pháp của Đức Chí Tôn. Đã vào vòng huynh đệ, lập minh thệ trước Thiên bàn, thì cũng cần hiểu nguồn chơn đạo ra lẽ nào. Nếu chẳng rõ thông thì làm sao chĩnh đoan đời sống tín ngưỡng mình trước tiên, sau lại có thể gieo truyền chánh giáo cho bạn đồng sanh.

Con người vì chủ nghĩa cứu khổ, vì chữ thiện hy sinh bản thân để phụng sự đã là cao thượng. Đời vốn vô minh, chẳng hiểu sự mầu nhiệm của Trời Đất, lại còn kích bác, biếm nhẽ nặng nhẹ. Phụng sự và cứu độ vì thế trở nên khó khăn lắm đối cho môn đệ Đức Chí Tôn.

“Thầy lại thấy nhiều đũa chưa hiểu thấu huyền diệu là gì, bị người chê ròi còn biếm-nhẽ nữa. Phải nghịch chánh-lý chẳng? Trong phần đông các con nhiều kẻ ấy”.

Người thọ giáo vốn không biết mầu nhiệm thiêng liêng. Người truyền đạo là môn đệ Đức Chí Tôn phải rõ lý đạo mầu. Đó là thánh giáo dạy chư Chức Sắc xưa tiền phôi thai. Ngày nay, tất cả môn đệ Đức Chí Tôn cần rõ thấu triết lý và mọi diệu lý để giúp ích cho đời sống tu học bản thân, lại để có thể nói đạo cho người. Công cuộc truyền thừa và hoằng hóa giáo pháp hãy còn dài, sứ mạng của mỗi môn đệ Cao Đài vẫn nặng gánh trên đôi vai. Nên, việc học hỏi giáo lý tường thông, hiểu đầy đủ

trọn vẹn giá trị Đại Đạo là việc vô cùng quan trọng, vừa giúp ích mình, vừa thi hành đạo nghĩa trong việc phổ thông chơn đạo.

“Thầy khuyên các con nhớ hoài rằng: Thầy của các con là ông Thầy Trời; nên biết một ông mà thôi, thì đủ, nghe à”.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đến xưng là Thầy, gọi chúng sanh là các con. Nên Ông Thầy của đạo Cao Đài là Ông Thầy Trời, chớ không phải ông thầy thế gian, tầm thường. Ông Thầy ấy huyền biến, thiên hóa, kiến lập nền Chơn Đạo để cứu vạn loại. Đức Ngài là Đấng Chúa của Phật, Tiên, Thánh, Thần đến giáo đạo cho chúng sanh. Nên biết giá trị của mình trong lòng Thánh Thể của Đức Chí Tôn.

Ông Thầy ấy oai quyền, chủ Phật-Pháp-Tăng, nắm pháp giới tạo đoan càn khôn vũ trụ, sáng tạo và nuôi nấng vạn linh trong Trời Đất. Chúng ta nên biết Đấng ấy là Đấng tối cao mà hiểu sự mâu nhiệm của Đấng ấy khi ban lập nền Đại Đạo để có đầy đủ đức tin nơi Chơn Giáo. Có đủ đức tin để làm nhiệm vụ của người môn đồ, thi hành trách nhiệm của một tín hữu trong nền đạo.

“Ngôi vị Bạch-Ngọc-Kinh chẳng ưa chứa kẻ hung-hăng mà lạ một điều là kẻ hung-hăng đạo-đức thường phá cửa lún đặng vào, địa-vị phần nhiều đoạt bởi kẻ ấy”.

Triều nghi của Đức Chí Tôn tức là Bạch Ngọc Kinh, tức nhiên toàn các Đấng trọn lành. Kẻ thế gian chỉ biết hung hăng, đi nghịch lại thiên lý Trời Đất thì chẳng khi nào có thể trở về châu kiến Thiên triều. Duy chỉ sự “hung hăng đạo đức” mới có thể đoạt vị. Như thế ấy, đạo đức là một điều cốt lõi của người tu hành. Người không có đạo đức chẳng khi nào có thể tu hành. Trước nhất, phải có đạo đức, nuôi dưỡng đạo đức và thực thi nền đạo đức mới có thể tạo nên con đường bức phá hùng mạnh để giựt tiến trên con đường thiêng liêng hằng sống, đoạt thủ địa vị Thiên Cung.

“Các con hiền mà dữ, các con yếu mà mạnh, các con nhỏ nhoi mà là quyền thế, các con nhịn nhục mà các con hành phạt; cử chỉ các con khá tập sao cho nghịch với cử chỉ thế tình, thì gần ngôi Tiên, Phật đó”.

Môn đệ của Đức Chí Tôn phải giữ hạnh nét, trau thân, lập chí, dưỡng khí, nuôi thân, phải có lòng từ bi để phổ độ chúng sanh. Ấy là giữ cho nên **hiền** như các Đấng Thiêng Liêng. “**Dữ**” là nâng cao mình lên sự khác thường, phá sự thường tình, dữ đạo đức, dữ sự phổ độ, dữ trên các phương diện Đại Đạo, làm thế nào sự “dữ” ấy giúp ích cho nên Chơn Giáo mau chóng phổ thông, làm chúng sanh giác ngộ, hồi đầu quy ngưỡng chơn đạo.

“**Yếu**” là hạnh khiêm cung, luôn luôn dưới người, chẳng vì bản ngã tự cao, tính yếu mềm, biết khếp mình trước Thánh Giáo Đức Chí Tôn, biết sợ oai quyền của Tân Luật. Nhưng phải “dữ” và “**mạnh**” trước những mưu chước của tà quyền, quỷ quái mưu toan cướp hại

con cái Đức Chí Tôn, dũng mãnh để bảo vệ con cái Người trước những khổ đau, khí chất hùng cường để thắng cái ác tà. Như thế mới có thể vượt qua bão táp của tà mị.

Con cái của Đức Chí Tôn rất **nhỏ nhoi**, nhưng đầy quyền thế, vì thay thân Đức Chí Tôn giáng ban mỗi đạo, truyền thừa ngọn đuốc cứu sinh toàn thể sanh chúng. Mỗi tín hữu là một phần trong thánh thể thường tại, cần có **quyền thế**, luôn đứng trước để chịu khổ nạn cho nhơn sanh.

Tánh chất Thầy dạy phải **nhịn nhục**, nhưng phải **hành phạt**. Hai hình luật khác nhau, tương phản nhau nhưng Đức Chí Tôn dạy vừa thế này, vừa thế kia. Tất cả mọi môn đồ đứng vào Chánh Thể thì phải có mọi tính cách khác thường như lời Thánh Giáo. Vừa phải nhỏ nhoi nhưng quyền thế, vừa phải yếu vừa mạnh, vừa hiền vừa dữ, vừa nhịn nhục nhưng hành phạt.

Kỳ thực, những từ như “quyền thế”, “hành phạt”, “mạnh”, “dữ” chỉ là những tính từ làm tô đậm thêm tính chất **đạo đức**, trí huệ của con người. Người môn đệ Cao Đài là người hiểu căn bản giáo luật, thi hành phận sự của mình trước triết lý cứu cánh, làm một môn đệ đủ đầy đạo đức, làm con yêu ái của Đức Chí Tôn. Cử chỉ ấy là cử chỉ khác thế thường. Thế thường người ta hung dữ, hơn thua, vì danh-lợi-quyền, chác câu sự riêng... Còn môn đệ Cao Đài lại “dữ” về đạo đức, “dữ” triết lý, “dữ” trong các điều kiện làm một môn đệ Cao Đài sáng chói giữa nền Đại Đạo.

Còn môn đệ Đức Cao Đài thực sự phải làm ngược lại các tính chất thể thường, phải “hung hăng” đạo đức, phải nhẫn nhục, nhỏ nòi, khiêm cung, hạ mình trước người, nghiên mình trước luật pháp Đại Đạo, tùng khuôn Thiên Lý mà làm một môn sinh bé nhỏ. Bé nhỏ ấy kỳ thực rất vĩ đại, một tánh cách khác chất đời. Được như lời dạy Đức Chí Tôn thì được gần các Đấng Thiêng Liêng, có thể gắm ghé ngôi vị nơi Thiên Cung.

33. CƠ CHUYỂN THỂ TẬN DIỆT

Chiều theo bài thứ ba mươi ba trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 01 tháng 10 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy cơ tận diệt hậu kè, khoa học giết hại loài người, Ngài mới gieo đạo tại Việt Nam, một đất nước biết tín ngưỡng mạnh mẽ.

“G...có lẽ vợ chồng con lấy làm kỳ lạ mà thấy Thầy đến như thế này. Các con có biết chẳng hiện nay vì thế-gian rất hung bạo nên thời kỳ tận-diệt đã hậu kè. Nhơn-loại tàn sát lẫn nhau, bởi không biết dùng khoa học vào việc phải, nên nó mới biến thành chia rẽ và chiến tranh”.

Bài Thánh Giáo dạy cho người Pháp, Đức Thượng Đế Toàn Năng cho biết thế gian rất nên hung bạo nên cơ tận diệt của hoàn vũ sắp đến. Ngài đến cảnh tỉnh cho loài người. Khoa học nhân loại đã phát triển đến cực độ nhưng chỉ vì mục đích của hơn thua, hận thù mới trở nên trường náo nhiệt, cục diện chiến tranh không xa, đó là

bức ảnh của tang tóc, máu lệ. Cơ Trời cũng vì thế mà đã đến hồi sần lọc, chuyển thể.

Đức Hộ Pháp giảng:

*“Theo triết lý học, định nghĩa chữ **chuyển thể** là xoay đổi thời đại hiển nhiên ra thời đại khác hoặc do không phù hợp, hoặc quá khuôn khổ nề nếp nên quyết đoán thay đổi lập trường thiêng liêng vì thời đại này đã định”.*

Như vậy, chuyển thể là sự thay đổi từ thời đại này sang thời đại khác theo khuôn luật thiêng nhiên sở định. Loài người đã trải qua ngót gần ba chuyển. Cứ một chuyển kéo dài 36.000 năm. Một chuyển gồm Thượng Ngươn, Trung Ngươn, Hạ Ngươn. Một ngươn hội gồm 12.000 năm. Thời gian hiện tại con người đang sống là Hạ Ngươn Tam Chuyển, chuẩn bị bước sang Thượng Ngươn Tứ Chuyển. Vậy, có thể thấy quả cầu này đã tiến hoá trên dưới 108.000 năm.

Khi nhắc đến danh từ chuyển thể, người ta liên tưởng đến cơ tận diệt mà các sách Tam Giáo cổ kim, sấm giảng tiên tri về cuộc biến chuyển tận diệt. Người không có tôn giáo thường cho rằng, tận thể là tiêu diệt cả hoàn cầu. Theo tôn giáo, chuyển thể không có nghĩa nhơn loại và địa cầu tiêu diệt hoàn toàn, mà đó là cơ sần lọc, đào thải, một cuộc biến thiên dữ dội làm thay đổi hình thể quả địa cầu. Mỗi chuyển sẽ có một cuộc phán xét cơ tiến hoá của nhơn loại, được gọi là Hội Long Hoa. Như vậy, đã có hai Hội Long Hoa xảy ra trong tương

ứng với hai chuyển, hai cuộc phán xét và hai kỳ cứu độ của Thượng Đế, gọi là Nhứt Kỳ Phổ Độ, Nhị Kỳ Phổ Độ.

Trong chuyển thứ nhất, tương ứng Nhất Kỳ Phổ Độ, ra đời nhằm độ rỗi chúng sanh. Phật Giáo có Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Tiên Giáo có Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Thánh Giáo có Đức Văn Tuyên Đế Quân. Trong chuyển thứ hai, tương ứng với Nhị Kỳ Phổ Độ và Phật Giáo có Đức Thích Ca Mâu Ni, Tiên Giáo có Đức Lão Tử và Thánh Giáo có Đức Khổng Tử.

Cuộc phán xét trong chuyển thứ nhất gọi là “Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội, Nhiên Đăng Cổ Phật Chương giáo Thiên Tôn”, tức là Đức Nhiên Đăng làm chủ khảo đại hội. Trong chuyển thứ hai có “Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội Di-Đà Cổ Phật Chương giáo Thiên Tôn”, tức Đức A Di Đà làm chủ khảo hội.

Nay, Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn xuống trần qua tiên bút, tận độ con cái Ngài, lập Đại Đạo Tam Kỳ, gọi tắt là Cao Đài. Vô vi, có Đức Quan Thế Âm làm Nhị Trấn. Đức Lý Đại Tiên làm Nhứt Trấn. Đức Quan Thánh Đế Quân Tam Trấn. Trước khi kết thúc Tam Chuyển, Đức Chí Tôn khai cơ ân xá, ai “Tu nhất kiếp, ngộ nhứt thời” thì có thể trở về thiêng liêng, tương ngộ cùng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

Hội Tam Chuyển gọi là “Tam Hội Long Hoa Bạch Vương Đại Hội, Đức Di-Lặc Vương Phật”, tức là Đức Di Lặc Vương Phật điếm đạo, chủ khảo đại hội.

Tuy nhiên, Thời kỳ Tam Chuyển sẽ có cuộc sàn lọc rất lớn, điếm đạo sĩ tử thi rớt đậu trong màn chót để quả cầu chuyển mình sang thời Thánh Đức của Tứ Chuyển. Đức Hộ Pháp cho biết:

*“Cơ quan **chuyển thể** mà Đức Chí Tôn lập trước mắt sẽ dữ dội lắm! Tấn tuồng đó vẫn còn tiếp diễn chưa dứt. Bần đạo quả quyết rằng, sẽ còn đại động dữ dội một phen nữa nơi mặt địa cầu này” [Thuyết Đạo ĐHP Q.1 trang 80].*

Cơ quan chuyển thể từng theo bánh xe pháp giới không cùng tận, theo thiên thơ dĩ định. Ân Xá Tam Kỳ khai mở, ai hữu phần, hữu duyên tâm chơn quyết đi trên con đường chánh giáo thì được thanh thoi, ai vô phần, vô minh thì bị trì trệ, trễ chuyển phà tận độ mà mãi lăn trôi trong bến đò sinh tử.

Trời lập cơ chuyển thể từ Hạ Nguơn Tam Chuyển sang Thượng Nguơn Tứ Chuyển, xây dựng đời thanh bình Nghiêu Thuấn, tức là lập một trường thi tấn hóa cho toàn nhơn loại tại quả cầu 68 này. Tạo dựng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lấy tôn chỉ *“Nho Tông chuyển thể”*, phục dựng lại nền móng triết lý nhân bản thương yêu, trật tự, đạo đức thanh bình, tức là thực hiện cơ chuyển thể của Đức Chí Tôn giao phó.

Kinh văn có câu:

*Cơ **chuyển thể** khó khăn lắm nổi,
Mượn Thánh ân xây đổi cơ Đời.
[Kinh Thế Đạo].*

Quyền hạn của mỗi cá nhân là nhập vào quyền Vạn Linh, ứng hiệp cùng quyền Chí Linh, dụng pháp đoạt cơ giải thoát. Cơ chuyển thể đi song hành cùng cơ diệt thể. Trần gian thanh trực lẫn lộn, đạo lý luân thường ngã nghiêng, mạnh đặng, yếu thua, tranh quyền, đoạt chức. Muốn chuyển thể, cơ sàn lọc diệt thể không sao tránh khỏi. Con người hiện thời do văn minh tân tiến lẫn át, dụng trí phạm phân chia chủ nghĩa bảo tồn, nào dè đó là cơ diệt thể.

Phận sự của mỗi người tín đồ Cao Đài là thương yêu, tòng cơ chuyển thể của Đức Chí Tôn. Cơ Trời mầu nhiệm, máy thiên cơ cao sâu vô biên, trí phạm chỉ như hạt cát giữa sông Hằng, cơ chuyển thể và diệt thể vẫn luôn là bánh xe luân chuyển theo thiên thơ. Con người đã quên lãng Đệ Nhứt và Đệ Nhị Hòa Ước với Đức Chí Tôn. Đạo Cao Đài là cơ quan cứu thế phổ độ toàn thể sanh chúng, thực hiện Đệ Tam Hòa Ước: *“Thiên Nhân hiệp nhứt”* mà đoạt cơ mầu nhiệm máy tạo đoan.

“Thánh-Đạo của Chúa Cứu-thế (vì sự hiểu lầm) làm tăng-gia dục-vọng của kẻ mạnh đối với người yếu và giúp giáo cho bọn trên hiếp dưới”.

Đạo giáo ra đời để cứu thế, làm phục sinh sự sống trong lòng Đức Chí Tôn. Do con người hiểu lầm chủ nghĩa, lại làm sai dịch giá trị cứu thế, nên tạo nên sự gia tăng dục vọng, hướng con người vào vòng thiếu minh triết, tập trung quyền lực đè nén con người, ai mạnh đặng sống, ai yếu thì chết, mạnh đặng, yếu thua. Sự hiềm ghét, không bảo trọng sự sống lẫn nhau. Đạo cốt

đem lại an bình, hạnh phúc, tạo dựng môi liên hệ đại đồng, tương thân tương ái, nhưng chẳng làm được vậy mà còn nghịch lại thì đạo trở nên lẽ nào.

“Phải có một giáo-lý mới-mẻ đủ khả năng kèm-chế nhơn-loại trong sự thương xót chúng sanh”.

Trước sự xuống dốc tinh thần, băng hoại đạo đức và khả năng cứu rỗi của các nền tôn giáo của hoàn vũ ngày nay, cơ chuyển pháp hầu kê, phải làm sao có một triết lý, một giáo pháp mới mẻ, làm lay chuyển và thay đổi ý thức nhơn loại trở về thiện đức.

Tinh thần và cốt lõi của tôn giáo thể hiện sự thương xót chúng sanh, cứu độ chúng sanh khỏi vòng tội lỗi. Vì thế, triết lý phải thay đổi theo thời gian tấn hóa của nhân loại và cục diện hoàn cảnh, để làm sao đạt được mục đích tối hậu là cứu độ con người, đưa về nẻo thánh thiện.

“Chỉ có xứ Việt-Nam còn duy trì được sự tôn sùng Tổ-Phụ theo tục lệ cổ-truyền, mặc dầu xứ ấy chỉ biết chịu ở dưới quyền lệ thuộc từ ngày được tạo lập tới giờ. Ý Thầy muốn nó được giữ nguyên thể như vậy mãi...”.

Đất nước Việt Nam từ khi được lập tới giờ, luôn chịu dưới quyền cai trị của ngoại bang, bị đô hộ, lấn áp. Dầu thấp hèn, dầu bị nô lệ hóa nhưng mọi tinh thần tín ngưỡng tâm linh luôn luôn hấp thụ các nền tôn giáo từ các nước du nhập, tạo thành một đặc thể tín ngưỡng Nam Việt. Bản thể văn hóa tín ngưỡng cổ truyền ấy hằng được lưu giữ, bảo tồn theo thời gian, nên Đức Chí

Tôn chọn Việt Nam là đất nước Thánh Địa, tạo lập nền Đại Đạo.

Cơ chuyển thể tận diệt hầu mãn, Đức Ngài đã qui hiệp tín ngưỡng loài người và cho xứ Việt mở mang mối Chơn Đạo, làm trách nhiệm đầu tàu để cơ hoàng hóa giáo pháp Đại Đạo. Đó là một hạnh duyên của dân tộc Việt. Nên những người con Việt phải biết lời giáo huấn ấy là chân thật, quý giá, nương nơi Quốc Đạo, phổ độ sanh chúng theo một giáo lý mới hợp với thiên phận mà Việt Nam đã được Thiêng Liêng giao phó.

34. LÒNG NHÂN TỪ CỦA ĐỨC CHÍ TÔN TRONG CƠ LẬP PHÁP

Chiếu theo bài thứ ba mươi bốn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 04 tháng 10 năm 1926, Đức Chí Tôn cho biết sự nhân từ, thương yêu khi lập pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bằng việc chứng minh các nền giáo pháp cổ xưa.

Giáo pháp Cao Đài buổi phôi thai đã xuất hiện sự nhân từ của Đức Chí Tôn, một Đấng Đại Bi, luôn thương yêu chúng sanh. Đầu tiên, Đức Ngài cho Đức Phật Mẫu đến “làm bạn”, bảo trọng, nuôi dưỡng, dạy dỗ, vì không có ân tình nào thấm thiết, nồng nàn hơn tình mẹ đối với con cái. Đức Phật Mẫu cầm quyền lập đạo xong rồi lại giao cho Đức Chí Tôn. Nội bấy nhiêu cũng đã thể hiện tính nhân từ của Đức Chí Tôn.

Cũng vì nhân từ của một Ông Cha Thiêng Liêng, nên Đức Chí Tôn đến tạo lập mỗi Chánh Đạo, toan tính mọi lẽ chu toàn, chi tiết trên mọi việc, từ dạy dỗ, giáo hóa, truyền ban lời đạo đức nhỏ nhặt cho đến việc hệ trọng.

“Chúng Nam nghe:

Thầy Không Tử trước có tam thiên đồ đệ truyền lại còn thất thập nhị Hiền. Thầy Lão-Tử trước dựng một trò là Nguơn-Thỉ. Thầy Gie-Su trước dựng 12 người, chùng bị bắt, còn lại một Pierre mà thôi. Thầy Thích-Già dựng bốn người, ba người bỏ Thầy còn lại một”.

Đức Chí Tôn muốn lật lại trang sử đạo của Tam Giáo để thấy rằng các môn đệ của các vị giáo chủ các thời kỳ rất ít. Đức Phật Thích Ca duy còn một. Đức Lão Tử chỉ có một. Đức Chúa Jusus có một Thánh Tông Đồ. Đức Không Tử có Thất Thập Nhị Hiền.

Ngày nay, chánh giáo Cao Đài khai mở do chính Đức Chí Tôn đến làm chủ mỗi đạo, Thầy ân xá, rộng quyền cho con cái Người, hơn các giáo pháp cũ, thể hiện sự nhân từ, thương yêu chúng sanh là dường nào. Nên cơ lập giáo ấy được định là cơ phổ độ và đại ân xá kỳ ba.

“Còn nay Thầy giảng thế thì chọn đến:

Nhứt Phật.

Tam Tiên.

Tam thập lục Thánh.

Thất thập nhị Hiền.

Tam thiên Đồ Đệ.

Các con coi đó mà hiểu rằng: các con có sự mà thiên hạ từ tạo thiên đến chừ chưa hề có chăng?”.

Tự thử, chưa có nên tôn giáo nào đặng hạnh hưởng phước duyên, được Đức Chí Tôn ban đặc ân, tuyền chọn nhiều Hiền Sĩ như cơ hoàng dương Cao Đài giáo. Vì vậy, đó là cơ ân đại ân xá kỳ ba.

Nhứt Phật là ngôi vị Giáo Tông, ba vị Đầu Sư là Tam Tiên, Tam Thập lục Thánh là ba mươi sáu vị Phối Sư, Thất Thập Nhị Hiền là bảy mươi hai Giáo Sư, Tam Thiên Đồ Đệ là ba ngàn Giáo Hữu.

Các Chức Sắc này thuộc Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Đây là cơ quan tượng cho “Tinh” của Đạo tức là phân xác, cơ quan hành pháp, thực hiện cơ phổ độ của Đức Chí Tôn. Về cơ cấu, Đức Chí Tôn lấy diệu pháp Tam Giáo biểu hiệu mà phong tước trong thời kỳ tịch đạo Thanh Hương.

“Diệu pháp Tam Giáo” tức là Ngài thị hiện trong ba màu sắc phục của Chức Sắc. Phái Thái bận áo vàng thuộc Phật, Phái Thượng áo xanh thuộc Tiên, Phái Ngọc áo đỏ thuộc Thánh. Tuy phân ra Phật-Thánh-Tiên chớ quyền hành và phẩm tước như nhau. Theo tịch đạo, nam lấy chữ “Thanh” nên có Thánh Danh rõ là Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh.

Cửu Trùng Nữ Phái không chia theo “Tam Thanh”, đạo phục toàn hàng trắng hết. Thánh Danh theo

tịch đạo, lấy chữ Hương. Ví dụ, bà A thọ thiên phong phẩm Giáo Hữu, có thánh danh là Giáo Hữu Hương A.

Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Thánh Thánh tại thế của Đức Chí Tôn. Ai đứng vào hàng Thánh Thế, đó là một vinh hạnh to lớn, hồng ân thiên điển chiếu soi mà phải thi thố vai trò trách nhiệm hết sức, để tô điểm màu sắc Đại Đạo cho thiết tướng. Hội Thánh là một tổ chức kiện toàn, hoạt động theo khuôn mực Luật Pháp. Luật thì có Tân Luật, Pháp thì có Pháp Chánh Truyền do quyền năng Bát Quái Đài phê chuẩn, định đoạt.

Cốt Đức Chí Tôn muốn xuống thế, hạ mình lập một nền văn minh tôn giáo vĩ đại, tiếp nối cho các công cuộc cứu thế cũ xưa, làm cho chúng sanh thức tỉnh, nương náo ơn huệ, giục tấn trở về Thiên Quốc. Chẳng những thế, công trình cứu độ này đã mang một sắc thái đặc biệt hơn. Sự quy tín ngưỡng loài người, hiệp một trong một cơ quan, nhìn nhận chân lý, nhìn nhận Đức Thượng Đế là Đấng cầm quyền tối cao, để thương yêu, bảo trọng lẫn nhau, nương dìu cùng nhau trong thánh chất thương yêu của Đức Ngài.

“Nơi Bạch-Ngọc-Kinh hơn sáu chục năm trước chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy đại nạn Thầy, nên ra tình nguyện hạ thế cứu đời”.

Đức Chí Tôn cho biết sự đại nạn của Ngài mà các đấng cao trọng nơi cõi thiêng liêng tình nguyện hạ trần để cứu độ chúng sanh. Có lắm các mối đạo, lắm chơn

truyền, lắm con đường cứu cánh cho chúng sanh. Tuy nhiên, có nhiều Đấng có tội lỗi.

“Thầy coi bọn ấy lại còn làm tội lỗi hơn kẻ phạm xa lắm. Vậy vì có chi các con biết chẳng? Các con có cả ba chánh Đạo là Tam-Giáo các con biết tôn trọng; ngày nay lại thêm chánh Đạo nữa, các con biết ít nước nào đặng vậy?”

Đoạn Thánh Giáo này đã khẳng định dân tộc Việt Nam nói riêng và hoàn vũ nói chung có Tam Giáo, nay lại thêm một nền chơn giáo Đại Đạo vĩ đại. Do vậy, đó là một ân huệ thiêng liêng soi chiếu nhân gian, đem con người khỏi chốn mê lầm, cải ác tùng lương, mở một con đường Cực Lạc cho loài người giựt tiến mãi mãi trên con đường thiêng liêng hằng sống. Thấy biết ơn huệ ấy mà chúng ta hết sức quý trọng và bảo tồn giáo pháp mà Đức Chí Tôn đã ban cho.

“Bị hàng phẩm nhơn-tước phải phù-hạp với hàng phẩm Thiên-Tước, đáng lẽ Thầy cũng nên cho các con phải chịu số phận bần hàn, mà không nỡ, nên ngày nay mới có kẻ như vậy”.

Đã thọ thiên ân vào hàng Giáo Phẩm của Đại Đạo, phải nâng mình lên địa vị xứng đáng với Thiên Phẩm. Chẳng phải vì được thiên phong thì tức nhiên được đoạt vị quả phẩm cõi Thiên Liêng. Ngược lại, phải chính mỗi môn đệ Cao Đài làm cho phận sự sáng lạng, đức hạnh chói lòa, làm môn đệ yêu ái của Đức Chí Tôn. Muốn vậy, phải làm sao ngang bằng Thiên Tước. Điều

đó chẳng con đường nào khác hơn là lập công phở độ cho nền đạo của Đức Chí Tôn.

Tình yêu và lòng nhân từ của Đức Chí Tôn còn thể hiện trong giảm hình thức “bần hàn”, Ngài luôn tha thứ, tìm phương cách làm giảm tội tình, ban tình thương, giáo hóa như sanh để gần cửa thiêng liêng hơn.

“Thầy nói cho các con biết: Dầu một vị Đại-La-Thiên-Đế xuống phạm mà không tu, cũng khó trở lại địa vị đặng. Các con nghe à”.

Các bậc Nguyên Nhân muốn trở về cựu vị hay Hóa Nhân muốn thoát khỏi sinh tử luân hồi, đoạt thủ địa vị Thiêng Liêng, duy có tu mà thôi. Ngoài ra, không còn con đường nào khác. Chẳng phải lạy lục, khẩn cầu, nài xin mà được. Thân mình phải là một sĩ tử nhập vào trường thi, làm bài thi, tức là tu học, và hành đạo.

Đức Chí Tôn cho biết dầu bậc Đại La Thiên Đế xuống phạm nhưng chẳng tu, cũng khó trở lại địa vị. Các Đấng cao trọng cõi Thiêng Liêng lâm phạm còn phải mắc phải luật Thiên điều như thế, hưởng lựa hạng phạm trần tục lụy như chúng ta. Duy chỉ có biết cửa Cao Đài, một lòng sắc son, tế chúng, độ quần linh, cứu Đòi giúp Đạo, tự mình nung cửa minh quang của Đức Chí Tôn. Đó là nung lá phang trở về cõi nhàn lạc.

Đại Đạo Tam Kỳ Phở độ là một giọt ma ha thủy của Đức Thượng Đế, làm cho chúng ta tỉnh ngộ giác mộng trường. Hữu duyên cho những ai ngộ Cao Đài, may cho ai biết tùng giữ luật Đại Đạo, kính thay cho ai

biết phụng sự quên mình cho cơ phổ độ của Đức Ngài. Ngài đã nhân từ, đại bi, đại ái khai cơ tận độ hầu độ vớt trong thời kỳ tam chuyển. Như vậy, lòng nhân từ của Đức Chí Tôn đã thể hiện trong tân pháp Đại Đạo rất rõ ràng.

35. GƯƠNG ĐẠO ĐỨC TRONG CÁCH ĂN BẶN

Chiều theo bài thứ ba mươi lăm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 12 tháng 10 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy phải biết cần kiệm, làm tấm gương đạo đức cho nhơn sanh, sự se sua cũng là điều thất đức.

“Vì tại sao Thầy muốn cho các con mặc đồ bô vải chằng?”

*Vì bô vải là tấm gương **đạo-đức**; các con đã rõ Đạo thì phải biết đức cần kiệm là **đức hạnh** đầu trong lúc các con còn ở thế-gian này”.*

Đức Chí Tôn muốn toàn thể con cái Ngài phải bận áo bô vải để thể hiện sự cần kiệm, thể hiện tánh đức coi thường vật chất, chú trọng đạo đức tâm linh, trau thân, lập đức, lo con đường phổ độ nền đạo cho mau chóng, bất kể cao phẩm hay bậc hạ thừa thấp kém cũng phải theo tánh đức, giữ hạnh phẩm.

Người đã quán tâm nấp mình theo chơn Thiêng Liêng tức là người đã cách vật trí tri, hướng đến đời sống “thuần chơn vô ngã”, “tứ đại giai không”, hiểu vật

chất chỉ là thứ phù du bào ảnh, là phương tiện cần kíp nào đó mà thôi. Cho nên không bám trụ vào hư phù, dụng khí-thần mà phụng sự Chơn Giáo Đức Chí Tôn, mong cầu sự hội hiệp với ngôi Chí Linh.

Có **đạo đức**, giữ sự thanh bạch, không cầu sự se sua vật chất mới noi theo khuôn “xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo”, chịu bần hàn đơn tiện, chỉ cầu đạo, chớ không cầu vinh hoa của cải thế gian. Người có đạo đức cũng phải cần kiệm, ấy là gương đạo đức, làm mô phỏng cho nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Mỗi môn đệ đều như vậy thì cái chất “giản đơn” là màu sắc của đạo đức cho nhơn sanh.

Đạo đức là phẩm hạnh cần thiết cho người đạo. Chúng ta thấy gương của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, là một Đấng Ngũ Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn, là Đấng Thiên Tôn thay thân Đức Chí Tôn, thay hình Đức Phật Mẫu để tạo dựng khuôn viên đạo đức cho loài người.

Đức Hộ Pháp định thể hành tàng phải chịu ần uất, Đức Hộ Pháp cho biết chính Ngài là người tượng trưng tinh thần của một dân tộc, tinh thần **đạo đức** cho nước Việt Nam với sứ mạng dụng tinh thần kia cứu khổ toàn thể thiên hạ, sửa cải hành tàng hung bạo của nhơn gian, biến thành những giọt nước thiêng liêng của Đức Chí Tôn...thì duy chỉ có con đường chính Đức Hộ Pháp đã đi cho dân tộc Việt Nam, cho nhơn loại ngày nay để định thể một nền quốc đạo trụ tướng theo thiên sứ đã phục mạng nơi thiên triều.

Nhân loại đang trong thời kim tiền vật chất, chẳng trọng đạo đức, nhân nghĩa, tinh thần, tâm linh, chạy đua theo vũ trang, súng ống, năng lực hầu hủy diệt lẫn nhau, chẳng biết bảo tồn qui củ, chẳng tỉnh giấc mộng trường mà con làm mối cho sự tự diệt lẫn nhau. Vì vậy, đạo đức của con người rất quan trọng. Môn đệ Cao Đài cần cần kiệm, ăn bận giản đơn để tiêu biểu cho đạo đức, thể hiện phẩm đức của người cầu đạo, sống đạo.

*“Hiện nay là buổi kim tiền, ưu thắng liệt bại, mạnh đặng yếu thua, khôn còn đại mất, con người trên mặt thế đều bôn xu theo quyền lợi chẳng kể gì **nhơn nghĩa đạo đức**, tinh thần, nên mới có nạn chiến tranh tương tàn, đồng chủng giết hại lẫn nhau, hằng ngày diễn ra nhiều tấn tuồng thảm thương, bi kịch, xem thôi mỗi mắt, nghe đã nhàm tai, khiến cho giọt lụy thương tâm của khách ưu thời mãn thế không thể nào ngưng được”* [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 2].

Chính vì đời trở nên đời phong, bại tục, đạo đức tinh thần xuống dốc. Đuốc sáng chơn lý của Đức Chí Tôn bùng sáng, soi đường dẫn lối cho chúng sanh đi. Mỗi tín hữu phải nhận thức đạo đức, tính cần kiệm trong lối sống để làm gương và tô vẽ nên một hình ảnh Đại Đạo như Thánh ý Đức Chí Tôn muốn.

“Nhu sự lãng phí se-sua ở đời này Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy”.

Mọi sự lãng phí, đua đòi vật chất cũng xem như một việc tổn đức. Người làm phước mới có thể xóa

.....

nghiệp tiên khiên, oan trái. Oan trái chưa xong, nghiệp quả chưa rồi, không có đức, thì cửa Thiên Đàng khó mà mở cửa. Nên vừa học và hành đạo đức, thực hiện tính cần kiệm, trau dồi đức hạnh cho phù hợp với người đã tỏ ngộ giáo pháp Đại Đạo. Đó là nét đạo đức trong cách ăn bận mà Đức Chí Tôn khuyên dạy.

Chư Chức Sắc và tín đồ Cao Đài là người đem hạt thánh cốc của Đức Chí Tôn gieo khắp hoàn cầu. Nên phải làm gương đạo đức, tô điểm nguồn cội Đại Đạo cho ra vẻ thánh chất, đẹp lòng Đức Đại Từ Phụ. Không gì bằng hơn tự biết cần kiệm, không se sua, giữ lòng đạo đức, mới xứng đáng môn đệ Cao Đài.

36. PHẢN TIÊN VI HẬU

Chiếu theo bài thứ ba mươi sáu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 24 tháng 10 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy bỏ tượng Ngọc Hoàng vì đã có Thiên Nhân thờ Thầy, dạy về thứ tự trước sau thể hiện cơ “phản tiên vi hậu”.

Cơ “phản tiên vi hậu” thuộc buổi hạ ngươn tam chuyển bước sang thượng ngươn tứ chuyển. “Nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù qui nhứt bốn”. Thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đã tuyên ngôn thời hạ ngươn hầu mãn nên phải phục cổ, qui tông, phải trở về bản nguyên sơ thủy.

“Vì Tân-Luật chưa ra nên Thầy phải giải. Đã có Thánh-Tượng Thầy, thì là cốt Ngọc-Hoàng còn để lại chẳng có nghĩa chi hết. Thầy nói cho các con rõ: Vì có nào trước từ Nhứt-Tổ chí Lục-Tổ thì thờ Thầy ngôi trước, vì trước là lớn phải vậy”.

Nghi tiết thờ phụng trước đó có đặt cốt Đức Ngọc Hoàng nhưng từ khi có bửu ảnh Thiên Nhân đặt trong cùng nên Đức Chí Tôn dạy không thờ như thế bửu tượng nữa. Như chúng ta biết, Đức Chí Tôn là hình ảnh biến sanh của ngôi Vô Cực, là Chúa của muôn loài. Do đó, thời kỳ cổ xưa, thờ Đức Ngọc Hoàng phải đặt trước. Nay, buổi phải tam kỳ, phải thờ ngược lại.

Đức Chí Tôn hay Đức Thượng Đế là do Khí Hư Vô biến sanh. Đức Chí Tôn là ngôi Thái Cực, là một khối đại linh quang chiếu diệu vô cùng, vô tận, là gọi là “Đạo”. Từ ngôi “một”, phân ra thành hai Khối Linh Quang là Dương Quang và Âm Quang. Hai năng lực đảo độn và biến sanh ra càn khôn vạn vật. Khí trong trẻo thanh nhẹ nổi hình thành các cảnh vô hình, tức là cõi “thượng thiên”, khí nặng trọng trọc kết tụ tạo thành các “thể” hữu hình, gọi là “hạ giới”. Cõi trung giới là cảnh tiếp giao giữa hai cõi thượng và hạ.

Cõi hạ giới bao gồm quả địa cầu 68, nơi mà con người đang sinh sống, tức cõi dục giới. Theo Phật Giáo, vũ trụ chia làm Tam Giới là cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Cõi vô sắc giới là cảnh “tinh thần giới”, không có thân tướng tợ hư không. Cõi sắc giới là nơi con người đã lia dục lạc nhưng vẫn còn sắc tướng trang nghiêm của

thân và cảnh. Đối với cõi dục giới, đây là nơi chúng sanh đang sinh tồn và còn ái dục, tạp niệm, vô minh, phiền não.

“Khai Thiên-Địa vốn Thầy, sanh Tiên, Phật cũng Thầy; Thầy đã nói một chơn-thần mà biến Càn-Khôn Thế-Giới và cả nhơn-loại. Thầy là chư Phật, Chư-Phật là Thầy. Các con là Chư-Phật, Chư-Phật là các con”.

Từ cái “một” mà sanh ra vạn vật, trong đó loài người, thọ một điểm Chơn Linh của Đức Thượng Đế nên có trí khôn, tu học, tiến hóa tâm linh, có thể đạt đến huệ giác. “Nhứt bản tán vạn thù” và “vạn thù quy nhất bản” là nguyên lý của càn khôn. Đức Chí Tôn hóa thân ra các chư Phật. Người tu trở về cõi vĩnh sanh, đoạt quả Phật vị. Có chúng sanh, mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật. Dầu trong cảnh giới nào, toàn thể là cơ thể của Đức Chí Tôn. Nên Đức Chí Tôn nói:

“Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có các chư Thần, Thánh, Tiên, Phật”.

Có Vô Cực tức là Khí Hư Vô mới có Đức Chí Tôn, là ngôi Thái Cực, vận chuyển biến sanh ra càn khôn vật loại. Vật loại tu tiến mãi cho đến khi đặc nhứt, phản bản hườn nguyên. Các ngôi vị đó chỉ là các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi hư linh.

Tất cả đều một gốc sanh ra. Mọi hình thể vô vi cho đến hữu hình, vô sắc hay hữu sắc đều nằm trong cơ thể thường tại hằng sống của Đức Chí Tôn.

Phật Giáo dạy: *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”*.

Đức Cao Đài Giáo dạy: *“Thầy là các con, các con là Thầy”*.

Từ những thị huấn trong triết thuyết các nền tôn giáo cổ kim, con người muốn đạt được **thánh triết** trở về hòa hợp với Đại Hồn của vũ trụ, con người phải tu luyện theo các pháp môn đã truyền dạy. Từ trọng trực vô minh, phải nhờ vào cách thức hóa giải ô uế, mê muội, chuyển hóa thân-tâm để **“ngọc”** trong bốn thân mình diệu chiếu sáng, phù hợp với tầng điện khí trong trẻo của cõi Thượng Giới thì mới có thể đắc quả Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Viên **“ngọc”** ấy là **Tánh**, là Tâm, là Linh Hồn, là Nhứt Điểm Linh Quang của Thượng Đế. Con người là một phần trong sự tồn tại của Đức Chí Tôn. Do vậy, con người phải tâm phương giác tánh, làm sao mình tâm kiến tánh, tu tâm luyện tánh, tồn tâm dưỡng tánh cho trong khiết để ánh hào quang của viên ngọc kia tỏa sáng chiếu diệu. Do vậy, sự liên đới giữa Trời và Người rất mật thiết. Muốn thù thắng thoát khỏi cõi dục giới, con người duy chỉ có một con đường là **Tu**.

“Thầy khai Bát-Quái mà tác thành Càn-Khôn Thế-Giới nên mới gọi Pháp; Pháp có mới sanh ra Càn-Khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là Tểng”.

Đức Thượng Đế đã tồn tại với quyền năng sáng thế vũ trụ và nuôi dưỡng vạn linh trong con đường tấn

hóa về mặt tâm linh, tức là **“con đường thiêng liêng hằng sống”**, tất nhiên sự hiện hữu thánh linh nhiệm mầu ấy không phải từ sự ca ngợi, tôn sùng, được thiết lập theo tư duy tâm thức của con người.

“Từ khi sáng tạo trời đất, những đặc tính vô hình của Thượng Đế-tức là quyền năng vô tận và bản tính thần linh-đã hiển nhiên trước mắt mọi người, ai cũng có thể nhận thấy nhờ những vật hữu hình” [Kinh Thánh Thiên Chúa Giáo].

Ngoài các bậc Giáo Chủ, các bậc Đại Giác, các bậc Thánh Triết, những người bình thường không thể nhận biết và có thể giao thông với Đấng Tối Cao. Theo trích Thánh Kinh trên, cách để nhận biết được sự có mặt của Đức Thượng Đế, con người phải quán niệm sự vật hiện tượng hữu hình mà các Nho Gia nói **“cách vật trí tri”** để thâm hiểu. Thật vậy, con người được sinh ra và được cha mình nâng niu, sớm hôm tảo tần, đùm bọc, từng khắc, từng giờ để lớn khôn. Khi lớn khôn, cha mình dạy đạo đức, khuôn luật sống làm sao biết hiếu đạo, thuận hòa. Cái tình của cha chúng ta vẫn đi cùng thời gian, từ khi lọt lòng cho đến khi ta trưởng thành, tình thương ấy chưa hề phai nhạt.

Đức Thượng Đế là Đức Chúa Trời, để chỉ năng lực tối cao của vũ trụ, là đối tượng được tôn giáo sùng bái, là Đấng tạo ra căn khôn nên Đức Ngài chưởng quản và hiện diện trong tất cả mọi sự thể, trong các cung, các cõi giới Thiên-Địa-Nhơn, Ngài có tình thương vô lượng,

vô biên đối với nhân loại đúng với **Thiên Tính toàn thiện**.

Đức Ngài là Đấng Thiên Chúa, là Đức Đại Từ Bi, là Đấng Tự Hữu, tượng trưng cho **từ bi** và **bác ái** và vì lòng đại từ, đại bi, thương xót chúng sanh nhưng Ngài không thể ẵm bồng lên để trở nên “hàng sống”, mà con người phải “đi” theo luật công bình Thiên Đạo. Chính vì lẽ đó, Đức Ngài đã cho các Thiên Mạng xuống trần, lập giáo, khuyến dạy, tu hành, chỉ đường lối để con người hoàn thành “sứ mạng học hỏi” trên hành trình tấn hóa.

Biết bao các vị Thánh Hiền, Tiên, Phật giáo dạy cùng với các nền Tam Giáo Phật-Thánh-Tiên, Ngũ Chi trong các thời kỳ khác nhau theo lệnh của Đức Thượng Đế truyền dạy để độ chúng sanh. Đức Ngài cũng luôn ban thiên điển cho chúng sanh trên con đường tu tập, dọn mình trở nên “môn đệ” trọn kính.

Đức Chí Tôn chủ cả Phật-Pháp-Tăng. Ngôi Phật là Đức Ngài, Ngài sanh Pháp, Pháp mới hóa sanh vô cùng tận. Vạn linh là ngôi Tăng. Muốn hòa cùng diệu lý, duy phải tùng Phật, kính Pháp, phụng sự Tăng. Đó là con đường tu cho các đẳng linh hồn.

Trong lịch sử con người, khi luận chứng về tàng thức, các Thánh Hiền cũng xác tín rằng khi có cái gì đó gọi là “ta” thì có các sự vật, hiện tượng khác tạm gọi là Pháp. Nếu soi diện theo triết lý Cao Đài, ta tạm nhận định như sau: Tam bửu con người gồm Tinh Khí Thần tương ứng với **Phật-Pháp-Tăng**.

Tàng thức tức chơn thần thuộc về Pháp, Thần tức Chơn Linh thuộc Phật. Cho nên, Pháp trên kia được sử dụng như một quy luật tương tác, sinh biến, chi phối trong guồng máy thiên nhiên của Tạo Hoá. Còn Pháp [Chơn thần] phần ngã của con người chi phối cái hành tàng sống của đệ nhất xác thân. Dù phân biệt theo góc độ nào, Phật Giáo gọi tàng thức là A-lại-da-thức ghi nhận, chứa đựng, bảo tồn những chứng nghiệm toàn bộ nghiệm ý niệm, hành vi của con người trong vô lượng kiếp mà Cao Đài gọi là Chơn Thần, là Thần Công Lý, là phương tiện kết thông cùng cả chơn linh huyền diệu vậy, làm rung động cả cơ quan điều hành vô vi.

“Thầy là Phật chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục-hồi các con hiệp một cùng Thầy.

Thầy lập Phật-Giáo vừa khi khai Thiên, lập Địa, nên Phật-Giáo là trước, kế Tiên-Giáo, rồi mới tới Nho-Giáo. Nay là hạ ngươn hầu mãn, phải phục lại như buổi đầu, nên phải phân tiên vi hậu”.

Cũng vì muốn chúng sanh quay về ngôi bản thể, nên Đức Chí Tôn mới lập giáo, đưa ra con đường cứu khổ cho nhơn sanh tu niệm, hiệp cùng Đức Ngài, tức là thoát khỏi sinh tử luân hồi triền miên. Đức Ngài cho biết lập Phật Giáo, sau mới tới Tiên Giáo, rốt là Nho Giáo. Ấy là cơ cứu khổ, là lòng thiện từ để dẫn dắt loài người thoát bến mê, trở về bờ giác.

Ngày hạ ngươn tam chuyển gần kề, chúng sanh vẫn còn đắm chìm trong tội lỗi, vô minh, vô vản các bậc

Nguyên Nhân còn đọa lạc, Đức Ngài phải mở ân xá tận độ, qui hợp cả Ngũ Chi Đại Đạo và Tam Giáo thành một thể duy nhất để con người có thể nương vào tôn giáo pháp tác thành ngôi Tiên, phẩm Phật.

“Tỉ như lập Tam-Giáo quy nhưt thì:

Nho là trước

Lão là giữa,

Thích là chót”.

Thánh ý Đức Chí Tôn đã dạy rõ, **cơ phản tiền vi hậu** là quy Tam Giáo, Phật phải chót. Thiên Nhân trên hay trong cùng để đưa vạn linh về bản thể tự tánh, tức là đắc nhưt, đoạt cơ quy nhưt hay đoạt đạo, hay trở về vô vi chi khí.

“Nên Thầy phải ngôi sau chư Phật, Tiên, Thánh, Thần mà đưa chúng nó lại vô-vi chi khí, chính là Niết-Bàn đó vậy. Còn cổ lễ cúng thì:

Rượu là KHÍ

Bông là TINH

Trà là THẦN”.

Thể Pháp Cao Đài thờ phụng đã theo lời dạy của Đức Chí Tôn. Thiên Nhân trong cùng, tới Giáo Chủ Tam Giáo, Tam Trấn và Ngũ Chi. Ngôi Phật gần Thiên Nhân, mới tới Tiên, Thánh, Thần, Nhơn. Nhơn được tượng trưng cho bảy cái Ngài như Đức Ngài đã từng dạy trước đó.

Đạo Cao Đài cho biết Trời có Nhứt-Nguyệt-Tinh, Đất có Thủy-Hỏa-Phong, con người có Tam Bửu là Tinh-Khí-Thần. Thần là Linh Hồn, là Bồn Lai, Phật Tánh, Chơn Như, Bồ Đề Tâm và nhiều danh xưng khác nhau trong các tôn giáo khác, duy chỉ khác nhau trên văn tự. Còn bản chất vẫn là một Diệu Tánh do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ban cho. Khí là Chơn Thần, là đệ nhị xác thân của con người do Đức Phật Mẫu ban. Tinh là thể xác, thuộc vật chất tạo thành. Con người hai năng lực Khí-Thần phải nương dựa vào Tinh để đào luyện tu tâm, luyện tánh để Tinh-Khí-Thần hiệp nhất, tức là kiến Tánh, hồi quang phản chiếu, đắc đạo, thoát cơ mầu nhiệm vĩnh sanh trong con đường thiêng liêng hằng sống.

Nghi thức Đại Đạo “dâng Tam Bửu” tức là Tinh-Khí-Thần hay đệ nhứt xác thân-đệ nhị xác thân-đệ tam xác thân, thể xác-chơn thần-chơn linh. Lấy sắc hoa tươi thắm, tượng cho Tinh. Lấy sự mạnh mẽ của rượu tượng cho Khí. Lấy chất vị ngọt ngào sáng sủa tinh khiết của trà tượng cho Thần.

Người Cao Đài nguyện thực hiện nghi thức ấy để dâng lên quyền năng Bát Quái Đài, nguyện rằng “Tam thể xác thân này của Thầy Mẹ đào tạo, xin dâng hình hài, trí não và linh hồn cho Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu tùy nghi sử dụng”. Đây là một bí pháp trong nghi thức cúng lạy của Đại Đạo. Ngày giờ nào, ba thể ấy do quyền trọn định của hai Đấng Chí Linh, tức là ngày đó con người vô tội.

Muốn vậy, người Cao Đài phải giữ thể xác tinh anh, không tái phạm tội tình, tòng khuôn viên luật pháp của nền Đạo mà tu thân, lập đức. Thường ngày phải cúng, định tâm, định trí, định thần để minh quang, đốt ngọn đuốc huệ quang soi dẫn Cao Đài trong nguồn thánh ân vô tận.

“Hôm nay chúng ta luận một việc cần phải luận cùng nhau, nếu chúng ta tin chắc chắn rằng: Đức Phật Mẫu là Mẹ sanh chúng ta, ta phải để đức tin nơi Người, theo ý Bản Đạo tưởng cái gì thuộc về xác thịt này đều do Phật Mẫu đào tạo cả, Đức Đại Từ Phụ duy làm cha của chơn linh chúng ta mà thôi, như cha mẹ phàm này Ông cha duy nhứt điểm chơn linh, còn huyết khí do nơi bà mẹ đào tạo mà có...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 23].

Cho nên nghi thức cúng lạy của Đạo Cao Đài đặt nặng tính chất quan trọng của Tinh-Khí-Thần đối với người Cao Đài trong chơn luật thăng tiến, hội hiệp với Đức Chí Tôn. Nguyên làm con tể vật để thi hành mạng lệnh làm cho Đại Đạo hoằng khai, phổ độ chúng sanh, cầu cho thiên hạ thái bình, thanh trị, an ninh, hạnh phúc, hát câu quốc thối dân an, âu ca lạc nghiệp vì nương theo Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh trong nền Đại Đạo.

Đức Chí Tôn đã dạy thờ phụng khác cổ luật, phải thờ ngôi cao cả bên trong, ấy là cơ qui nhất, là **cơ quan phản tiền vi hậu**, đưa chúng sanh trở về vô vi chi khí.

Theo Đức Hộ Pháp thuyết giảng **cơ phản tiên vi hậu là cơ hườn nguyên** cho con cái Đức Chí Tôn. Dân Do Thái là sắc dân đã từng hung hăng giết Đức Chúa Kito bằng cách đóng đinh trên thập tự giá. Đức Chúa Jesus đã phán định đất nước ấy sẽ điêu tàn, nòi giống phải bị lưu xứ, quốc thể chẳng còn và ngày nào lập lại tổ quốc là ngày tận thế. Đức Hộ Pháp muốn nhấn mạnh hai chữ “tận thế” trong nghĩa lý nào. Khi đạo Cao Đài hình thành là ngày nước Do Thái được phục quốc, hườn nguyên. Nên cơ pháp của Đức Chí Tôn là cơ hườn nguyên, tức là phản bản, thể hiện sự tận độ chúng sanh của Đấng cao cả.

37. CHÁNH TRỊ ĐỜI-CHÁNH TRỊ ĐẠO

Chiếu theo bài thứ ba mươi bảy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 15 tháng 09 năm Bính Dần, Đức Chí Tôn cho Thánh thi thể hiện sự quy Tam Giáo, hiệp toàn thể loài người về một mối, dạy chánh trị đạo chẳng bao giờ liên đới đến chánh trị đời.

“Hỉ chư Môn-đệ, hỉ chư nhu.

Châu nghe dạy:

*Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà.
Nam, Bắc cùng rời ra Ngoại-Quốc,
Chủ quyền chơn-Đạo một mình Ta*

Thầy sẽ giao trách nhiệm trọng hệ cho con truyền Đạo Trung-Kỳ, rán tập tành đạo hạnh”.

Đức Chí Tôn đến để lập nền Quốc Đạo cho dân tộc Việt Nam và đó là điều mơ ước, một giấc mộng của Ngài Phạm Công Tắc, nên Ông Phạm Công Tắc đã “chết” từ năm 35 tuổi để trở thành Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Đức Thượng Đế đến để làm nhân loại không còn chia rẽ, tức là quy hợp Tam Giáo, Ngũ Chi thành một mối đạo, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nền chơn giáo là quốc đạo những chẳng phải của dân tộc Việt mà thôi, đạo sẽ truyền giảng khắp toàn cầu. Đức Chí Tôn làm chủ quyền, nắm cả mọi tín ngưỡng loài người, làm Chúa nền Chánh Giáo. Ấy là Quốc Đạo, là Đại Đạo của toàn thể tín ngưỡng nhân loại trong thời kỳ này.

Với bài Thánh Thi trên, Đức Chí Tôn dạy chung cho toàn thể nhơn loại. Dạy riêng ông Hồ Quang Châu Ngài sẽ giao trách nhiệm nơi ông lo cơ phổ độ miền Trung Việt Nam sau này, nên khuyên ông nên tập tành tánh hạnh chuẩn bị phận sự sau này.

“Thơ, con phải khai rộng Thánh-Thất cho chúng sanh cầu Đạo, đừng phân sang hèn, ai ai đều cũng con Thầy. Con khá khuyên chư nhu đến Thánh-Thất cầu Đạo nghe!”.

Đức Ngài lại giao trách nhiệm cho Ngài Thượng Đâu Sư Lên Văn Trung khai rộng Thánh Thất, tiếp đón mọi chúng sanh nhập môn cầu Đạo, chẳng nên phân biệt trên dưới sang giàu hay nghèo hèn, chẳng vì người có

tiền ít mà chê bai, chẳng vì người chưa hiểu mà khinh vì mọi người đều hèn hạ, đều vinh hoa cũng đều là con của Đức Chí Tôn. Đức Ngài lại dạy thêm phải khuyên nhủ, dạy dỗ nhơn sanh đến Thánh Thất để cầu đạo, tức là nhập môn vào nền đạo.

“Chẳng hiểu đến chừng nào các con mới biết rõ Thầy là ai? Thảm thay!... Thương thay?”

Có lẽ, điều trên đã để lòng về một thực trạng của cả chúng sanh, chẳng hiểu rõ quyền năng và diệu huyền của Đức Chí Tôn trong cơ giáng thế như thế nào, mà Đức Ngài than trách. Thấy tình trạng thảm hại nhơn loại không biết Đấng Tối Cao ra lẽ nào. Một câu hỏi đơn giản và chắc chắn mang đầy ý nghĩa đối với loài người.

Cái năng lực phi thường, cao cả, vô biên của Đấng tối cao, chỉ đến gọi xưng bằng “Thầy”, chỉ đến làm chuyển động cơ bút, thống nhất tinh thần tâm linh và khai mở một nền Đại Đạo cho chúng sanh, cứu vớt chúng sanh khỏi cõi thảm sâu. Nên, thế thường ít người lấy làm tin cái quyền năng Thái Cực Chí Tôn của Đức Thượng Đế, mà để sự hoài nghi, mừng tượng mơ hồ. Tình cảnh ấy có lẽ cũng là một tình cảnh bi thảm vì chưa rõ cái quyền bính thiêng liêng của Đấng Chúa Trời.

Thái Cực là một trật tự cao nhất, miêu tả toàn thể tính, một trạng thái hoàn toàn sơ khai có tính tiềm năng vô tận, tồn tại và lưu chuyển. Thái Cực mới phân ra lưỡng nghi là Âm Dương. Động tạo ra dương và khi dương lên đến cực đại thì trở nên tĩnh. Trên trạng thái

tĩnh ấy, Thái Cực lại sinh âm, đến khi âm cực đại, lại trở nên động. Cơ động tịnh âm dương cứ thế vắn xoay, lại sanh tứ tượng, biến bát quái và càn khôn.

Trong sự hỗn độn của Vô Cực, có cái Nguyên Thần biến diệu, đó là Thái Cực, tức là trạng thái sơ khai nhất của Khí Tiên Thiên, là nguyên do của Càn-Khôn và vạn vật. Trạng thái “vô cực” là một trạng thái “hư vô” chưa có gì nhưng bao gồm tất cả. Vô Cực thì tĩnh, Thái Cực động mới sinh ra hai nghi là Âm Dương. Có Âm Dương mới sinh ra tinh cầu, địa tú, càn khôn vật loại. Đạo là “dịch”, người xưa đã luôn cho rằng Vũ Trụ chỉ tĩnh ở trạng thái Vô Cực, còn khi chuyển sang Thái Cực, hoàn toàn biến dịch và “động” không bao giờ ngừng nghỉ. “Biến dịch” thể hiện sự tuần hoàn qua lại của hai trạng thái Âm-Dương. Vũ Trụ luôn thể hiện sự biến dịch mang tính tuần hoàn nhưng lại hằng vĩnh cửu.

Nếu Vô Cực chưa thể hiện **thuần tịnh** thì Thái Cực là “trạng thái” của Vô Cực. Tuy là hai nhưng là một nên cổ nhân gọi rằng “**Vô Cực nhi Thái Cực**”, tuy một mà hai vì Vô Cực là trạng thái “chưa thể hiện” còn Thái Cực là trạng thái “đã thể hiện”, là đầu mối của tất cả các hiện tượng nằm trong phạm trù có thể thấy hiểu hay lý giải được một phần nào nhờ vào các thể tính thị hiện qua hữu hình biến sanh. Trong khi đó, Vô Cực hằng hữu, tột cùng vượt ngoài phạm trù thấy hiểu hay biểu tả. Đặc tính của Thái Cực là cực tịnh, nhưng đã cực tịnh thì có động phát sinh, sanh ra khối Thái Dương. Trong khối Thái Dương có ngôi Thiếu Âm. Qua thời gian, ngôi Thiếu

Âm trường thành cực độ hoá thành ngôi Thái Âm. Trong Thái Âm có lại có hàm tàng ngôi Thiếu Dương. Ngôi Tứ Tượng hiện đủ đều do âm dương động tịnh biến hóa mà có.

Trong quá trình động, Thái Cực sinh nghi Dương và Nghi Âm. Hai khí không bao giờ tách rời nhau mà tác động qua lại, chuyển hóa. Hễ âm cực sinh dương, dương cực sinh âm. Hai nghi lại sinh bốn nghi gọi là Tứ Tượng là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Tính của dương là động đi lên, tính âm thì tĩnh, đi xuống. Trong Thiếu Dương, Dương đi lên và Âm đi xuống giao lưu, bổ xung cho nhau tạo nên sự hình thành của vũ trụ, biểu tượng của mùa xuân.

Trong Thái Dương quẻ Toàn Dương, biểu tượng của mùa Hạ. Dương đã thịnh thì sẽ sinh ra Âm. Trong Thiếu Âm, Âm giáng Dương thăng hoàn toàn cách biệt, mọi vật nằm trong trạng thái Suy, biểu tượng của mùa Thu. Âm cách biệt không giao lưu với Dương, mọi vật hoàn toàn ở trạng thái Hủy, quẻ Thái Âm, toàn Âm, biểu tượng của mùa Đông. Con đường tuần hoàn thứ tự Thành Thịnh Suy Hủy – Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Trở lại Thánh Giáo của Đức Chí Tôn, Khí Hư Vô tức là Vô Cực sanh ra Thái Cực, là danh hiệu gọi theo dịch học. Thái Cực chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế với nhiều tôn hiệu khác nhau như, Đức Chúa Trời, Đức Thiên Chúa, Đại Hồn, Đại Ngã, Đại Linh Quang, Đấng Chủ Tể, Đấng Hóa Công, Đấng Tạo Hóa, Đấng Thiên Lý, Đấng Thân Linh Tối Cao, Đấng Hạo Thiên Thượng Đế, Đấng Hoàng Thiên, Đấng Ngọc Hoàng Đại

Đế, Đấng Allah, Đấng Phạm Thiên Vương, Đấng Nguyên Thủy Thiên Tôn, Đấng Brahma, Đức Cao Đài, Đức Chí Tôn...

Trong Đạo Cao Đài, Đức Thượng Đế xuống giảng trần qua huyền diệu tiên bút và xưng là Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát hay Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn. Danh hiệu của Đức Ngài được thánh xưng tùy theo văn hóa tôn giáo mỗi thời kỳ khác nhau. Tựu chung, Ngôi ấy là Đấng chủ tể nguyên thủy có từ “Vô Cực”, tức là bản lai của Càn Khôn.

“Thuở chưa có Càn Khôn Vũ Trụ, Đạo giáo có dạy: Hai lần ngưng khí đọng lại nổ ra khối lửa, khối lửa ấy là ngôi Thái Cực. Chủ ngôi Thái Cực là Đức Chí Tôn. Khi nào trời sét nổ, chúng ta nghe sao? An Nam mình kêu "àmm" còn theo Đạo Pháp kêu "ùm", vì có phép Phật sửa lại là "úm": úm ma ni bát rị hồng. Câu ấy đọc có nghĩa là nắm cả quyền năng vũ trụ quản suất trong tay. Tiếng nổ ta nghe nó ra sao? Khi nổ rồi còn nghe tiếng bay xa, nguyên căn của tiếng nổ là tiếng trống, còn giọng ngân là tiếng chuông” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2 bài 28].

Như vậy, chúng ta có thể suy luận theo lời giảng của Đức Phạm Hộ Pháp, ngưng khí đầu tiên đã tồn tại trong “Vô Cực” và tạo ra tiếng nổ đầu tiên ấy, tiếng nổ ấy tạo ra một ánh lửa vô biên, ấy là ngôi Thái Cực mà Đức Chí Tôn vi chủ ngôi Ngưng Thần đầu tiên. Theo định thuyết này, chúng ta thấy rõ sự phân tánh Lương

Nghi Âm-Dương, nguyên căn tiếng nổ là Dương, còn âm thanh phát ra là Âm. Ấy là đạo vận chuyển, sinh hóa cơ bản nguyên thủy để tạo dựng nên càn khôn. Âm Dương tương hiệp mà biến sanh.

“Dầu cho về Đạo Lý Học, ta ngó thấy khởi đầu nếu cái khởi nguồn linh của Đức Chí Tôn không hòa hiệp với nguồn âm của Phật Mẫu, thì Thái Cực chưa ra tướng, hễ Thái Cực chưa ra tướng tức nhiên Càn Khôn Vô Trụ này không có gì hết” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 bài 52].

Càn khôn vũ trụ hiện diện nhờ vào “nguyên nhân” tiên khởi là Thái Cực, tức là Đức Chí Tôn. Nếu chẳng có Thái Cực thì chẳng có chi trong càn khôn.

Có Thái Cực mới có Âm-Dương, Tứ Tượng, Bát Quái rồi mới có vạn vật chúng sanh. Nên Đức Thượng Đế là Cha của mọi sự sống, là Nguồn Pháp linh diệu, là chơn lý hằng hữu tạo dựng ra muôn loài. Cũng từ đó mọi sinh linh đều từ nguồn gốc duy nhất ấy được tạo thành, đều chứa sự sống, phát triển và tiến hóa theo thời gian. Đó là vì trong mọi vật thể ấy có cái “Đức” tự hữu theo thiên lý. Chi chi hữu sanh đều có sự hiện hữu tánh linh trong ấy. Đức Chí Tôn khẳng định rằng hễ nơi đâu có sự sống ắt có Ngài vì thế đức háo sanh của Đức Ngài vô cùng tận.

Những điều trên là yếu điễm của cơ quan sáng thế vũ trụ, là Đạo mà Đức Chí Tôn thường nhắc lại cho chư môn đệ Cao Đài hiểu. Trong Chánh Thể Đại Đạo lập

luật pháp, chúng ta thấy **cơ quan chánh trị Đạo** của Hội Thánh lập ra để cứu khổ chúng sanh, nó chẳng phải là **chánh trị đời**. Hai cơ quan luôn luôn khác nhau về hình thức, tính chất và mục tiêu tối hậu. Nên, Đức Chí Tôn giảng rõ:

“Trung, mặc kệ nó, chúng nghi cho các con lo Quốc-sự, Thầy vì các con xin lắm, mới ép lòng chịu vậy; chớ Chánh trị với Đạo chẳng buổi nào liên hiệp cùng nhau; Thầy nói ít, các con hiểu nhiều”.

Đạo Cao Đài khi mới mở, đã quy tụ một lượng lớn thành phần trí thức, nhân sĩ, sĩ phu, địa chủ và nhiều giới khác. Chính lẽ đó, Pháp đã nghi kỵ cho rằng Đạo làm **chánh trị đời**, núp dưới bóng tôn giáo. Vì vậy, Đức Chí Tôn mới nói Ngài Lê Văn Trung cứ mặc tình sự nghi ấy. Đức Ngài dạy rằng chẳng khi nào Chánh Trị Đạo liên hệ với Chánh Trị Đời.

Chánh Trị Đời tập quyền lực, chú trọng phân các tầng lớp xã hội, dân tộc và các mối tương quan quốc gia lẫn nhau. Toàn bộ các tư tưởng, quan niệm, tư duy, học thuyết chủ ý đến đời sống và quyền lợi hữu hình tức là **vật chất**. Tổng thể chúng ta thấy, đó là con đường của cách mạng, chính trị và thường mang tính chất hơn thua, mạnh đặng, yếu chết, tương tranh, tương đấu để bảo vệ chủ thuyết đời.

Lịch sử loài người cũng cho biết, ít có nhà chính trị gia nào có đạo đức nhân bản, đem lại an dân, thái bình cho dân tộc. Nói cách khác, chính trị đời là một

hình thức hoàn toàn nghịch với chính Đạo vì nó dung nạp cái vật chất, nhà tù, súng ống, gươm giáo để giết chóc, giam hãm, lấn át để đạt thành cái quyền hành tối cao.

Chánh Trị Đạo là nền giáo pháp của một tôn giáo, chú trọng đến việc kiến tạo các mối tương quan giữa người và người bình đẳng, bác ái, vị tha, thương yêu nhau, nâng đỡ nhau. Cá nhân thì tu tập đời sống chân-thiện-mỹ, vì thế gia đình ấm no, dân tộc hòa bình, an định. Đó là về mặt hữu vi sắc tướng.

Còn về tâm linh, hoàn toàn định tính chất tu thân, dưỡng tánh, tức nhiên là **tinh thần**. Chánh Trị Đạo là một tổ chức Giáo Hội thuần túy, mưu cầu mục đích cứu cánh chung cho nhơn quần. Việc thiết lập những quan hệ cá nhân với cá nhân và với cộng đồng là tình liên đới thân thương để rồi phụng sự giá trị cứu cánh giải thoát linh hồn, tức nhiên lập quyền hạnh nương vào đạo đức, tín ngưỡng, thương yêu. Quyền tối thượng của chánh trị đạo là cứu độ, **bằng luật Thương Yêu và quyền Công Chánh**.

“Tôi nói quyết một điều là Chánh Trị Đạo mà có dính một chút của quyền đời thì dị hợm xấu xa lắm vậy. Bởi tinh thần không chịu vật chất, vật chất không hề hòa thuận với tinh thần. Trường quan lại của nền Chánh Giáo Chí Tôn khác hơn đời, chúng ta chỉ lấy đạo đức nhơn nghĩa làm quyền, còn ngoài kia họ lấy quyền lực cưỡng bức, hai cái so nhau khác hẳn” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q1 bài 20].

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế hạ mình xuống thế qua huyền diệu cơ bút cũng bởi thương sanh, thấy con người mãi chìm trong tội lỗi không thoát ra được biển mê vì sự thất kỳ truyền, giáo pháp chặng thế độ rồi như sanh. Đức Ngài lập cơ quy nhứt, gồm các môn đệ yêu dấu làm Thánh Thể của Đức Ngài, thay Đức Ngài mà dìu dẫn các môn đệ Cao Đài còn bám víu, mê trần, tức là Đức Ngài giao phó sứ mạng phổ độ cho các môn đệ yêu dấu. Vì thế ấy, Chính Trị Đạo là một thể thức làm sáng tỏ chơn lý, cứu khổ như sanh, hoàn toàn khác biệt với Chính Trị Đời. Chúng ta không thể lầm tưởng hai con đường khác nhau. Chúng chưa hề tương liên nhau như lời Đức Chí Tôn dạy.

Chánh Trị Đạo Cao Đài là Chánh Thể Đại Đạo, là Thánh Thể của Đức Chí Tôn, bao gồm toàn thể các phần tử môn đệ Cao Đài, trụ cả khối đức tin và giữ như thể mãi cho càng đẹp đẽ, làm phục hồi các giá trị khuôn khổ chơn truyền cổ xưa, lại thêm các triết lý mới để đủ phương dìu dẫn con cái Đức Chí Tôn trở lại cảnh hằng sống.

38. TỘI LỖI CỦA LOÀI NGƯỜI

Chiếu theo bài thứ ba mươi tám trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 27 tháng 10 năm 1926, Đức Chí Tôn nói về tội lỗi của loài người từ xưa nay, Đức Ngài phải tìm phương pháp huyền diệu để đến với con người và thu phục loài người.

Tội lỗi là một trạng thái sa ngã, là kết quả của những vi phạm đạo đức, nhân văn, hành động đi ngược lại Thiên Lý, đưa con người đến một bờ vực thẳm vượt ngoài những mặc khải của Đức Thượng Đế, làm cho con người càng xa Đức Ngài hơn. Hành tàng tội lỗi sẽ bị luật công bằng thiêng liêng tác động đến tiến trình sinh hóa của con người, làm ảnh hưởng sự trì trệ hành trình tấn hóa tâm linh.

“Nhơn-loại hiện chịu đau khổ bởi nhiều cuộc tai biến”.

Hiện tượng đau khổ bởi những tai biến đi từ nguyên nhân của tội lỗi loài người gây ra. Tội lỗi tương xứng với những nghiệp quả của loài người tạo nên.

Theo Nho Giáo, tội lỗi là làm điều trái đạo lý, vô nhân, vô nghĩa, vô trung, nghịch thiên lý và dẫu có cúng tế, bái lạy bao nhiêu chẳng ích lợi chi, vì *“hoạch tội ư thiên, vô sở đảo”*, nghĩa là *“phải tội với Trời, thì cầu nguyện vào đâu được”*.

Theo Thiên Chúa Giáo, con người gieo tội lỗi vì thất thệ với Đức Chúa Trời, đã phản bội lời giao ước với Đức Chúa Trời, tạo ra **tội nguyên tổ** và **tội truyền thụ**.

Nguyên tổ nhân loại đã mất tình nghĩa với Đức Thiên Chúa vì tội bất phục tùng. Kito Giáo lý luận bản thể siêu hình nhiều hơn là lịch sử tính, cho nên các giáo phụ không quan tâm lắm đến chiều kích đa diện lịch sử của con người. Tuy nhiên các Ngài không thể nào bỏ qua lịch sử cứu rỗi nằm trong mặc khải Kinh Thánh rằng

bản tính con người không trợ trợ bất biến như hồi tạo dựng, nhưng nó đã bị thương tổn vì **tội lỗi** và nó đã được Đức Kitô cứu chuộc. Và điều tất yếu, Thiên Chúa Giáo dưới sự hướng dẫn của Đức Kito, đã định hình toàn diện về thể tính cũng như bản lai của con người. Ở đây, chúng ta nên bàn sâu và tập trung vào tiêu điểm “nguyên tổ nhân loại đã mất tình nghĩa với Đức Chúa Trời vì tội bất tòng”.

Các triết gia cũng như các giáo phụ muốn tìm câu trả lời cho các câu hỏi ám ảnh loài người rằng tại sao có sự hiện diện điều dữ trên loài người. Đức Chúa Trời không lẽ thánh thiện mà tạo ra cái ác trên trái đất này đối với nhân loại và con người tại sao phải chịu đau khổ và nhiều câu hỏi khác.

Tất nhiên, câu trả lời Đức Chúa Trời là nguyên nhân và nguồn gốc của điều dữ đem đến cho loài người, cũng như điều dữ cũng chẳng bắt nguồn từ một vị Thần Ác nào đó. Và rồi dĩ nhiên câu trả lời theo Kito giáo, cái ác xuất phát từ loài người khi chính con người khước từ Đức Chúa Trời. Đức Thiên Chúa là nguồn gốc của Trời Đất, là Chân Lý vĩnh hằng. Nên khi con người chối bỏ Đức Thiên Chúa, đó là điều sai lầm lớn nhất của loài người, tạo các biến sinh như những chết chóc thảm khốc, sai lầm, các lối sống chống lại các quy luật của Đức Thiên Chúa. Những điều ấy âm thầm, len lỏi vào trong ý nghĩa, tâm thức và hành động của con người.

Từ việc chối bỏ những thỏa ước với Đấng Thiên Chúa, con người được định nghĩa sống trong vòng **“tội**

khởi nguyên”, nghĩa là tội có từ nguyên tổ vi phạm từ ban sơ và đem lại hậu quả về sau cho nhân loại dưới luật của Đức Thiên Chúa. Tội ấy lại lan tràn trong suốt lịch sử tồn tại loài người.

Đi vào nguồn gốc của tội khởi nguyên, kinh Sáng Thế cho chúng ta thấy rằng con người được dựng lên theo hình ảnh của Đức Thiên Chúa, có tình nghĩa đối với Đức Ngài, tiếp diện sinh khí của Đức Thiên Chúa. Tất nhiên, con người có sự thâm tình chặt chẽ và sinh hoạt trong vườn E-đen, thêm nữa con người lại có sự tương quan tốt đẹp đối với vạn vật và vũ trụ.

Ngoài điều ấy ra, điểm quan trọng mật hệ mà Thiên Chúa Giáo định nghĩa rằng con người phải sống trong một thử thách lớn của sự lựa chọn. Một, con người phải **không được** ăn cây “**biết tốt xấu**”, tức là điều tốt và xấu, nghĩa là con người phải nhận ra điều thiện, điều ác, điều nên hay hư theo tiêu chuẩn của Đức Thiên Chúa, hoàn toàn không theo khái niệm ước định của con người. Thứ hai, nếu bất tuân, sẽ dẫn đến hậu quả tội lỗi trái nghịch với Đức Thiên Chúa và sẽ “chết”. Thực trạng đã nêu ra theo triết lý Thiên Chúa Giáo, con người đã chọn ngã rẽ thứ hai, nó như một tai họa cho loài người. Vì mất tình nghĩa với Đức Chúa, không tùng khuôn tiêu chuẩn nên phải bị đuổi khỏi vườn, các mối quan hệ với thiên nhiên cũng đổ vỡ, gây nên thảm trạng mất cân bằng. Như vậy vì tội nguyên tổ đã diễn ra, cái “chết” đã đến.

Thánh Giáo Gia Tô khẳng định rằng cái chết ấy không phải là cái chết của thực thể mà là chết “tâm hồn”, tình liên lạc và sự mật thiết đối với Đức Thiên Chúa đã trở nên “gập ghềnh”, khó khăn. Từ sự bội phản mất tình với Đức Chúa, con người đã không còn như thuở xưa trong “hạnh phúc” mà tội lỗi ấy vốn lan tràn, tội chồng tội tiếp diễn, con người đã dây lên sự tham lam, ích kỷ, hiểm độc, nguy hiểm, tự cao, ngã mạng xảy ra khắp mặt địa cầu. Vì vậy, sự trừng phạt của Thiên Nhiên như những trận thiên tai kinh khủng từng xảy ra là một điển hình cho công lý Đức Thiên Chúa.

Trong Kinh Cựu Ước, đã khắc ghi đậm tội lỗi của loài người bao trùm, chế ngự toàn nhơn loại đến đỗi, dẫu trong bào thai, con người vẫn cảm thấy có tội. Theo chiều hướng đó, tổ tiên lưu truyền lại cho con cháu đời sau những cái “tội” mà các nhà lãnh đạo nói rằng: *“máu của nó sẽ đổ xuống trên đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi”*.

Đối với Tân Ước, Thánh Phaolô đề cập nhiều khía cạnh liên quan đến tội của ông Adam bất tuân, lén vào thế giới, đưa đến cái “chết”, chịu những hình phạt, đã làm mất tình liên lạc với Đức Chúa một cách trực tiếp và gián tiếp cho hậu sinh. Thiên Chúa Giáo minh định sự việc này như là một “hiện tượng” căn bản. Không những thế, cái nhìn của Thiên Chúa Giáo đánh vào các vấn đề xấu xa của con người, chế ngự loài người, tức là những đam mê, dục vọng, những gì mất thiện lương đã bao phủ con người như một yếu phần bất khả ly. Đó là những hệ

lụy của loài người khi mất tình liên lạc với Đức Thiên Chúa.

Kinh Cựu Ước cho rằng tội Adam đã mở màn cho tội lỗi, khai đường cho cái ác xâm chiếm và lan tràn vào thế giới như một quy luật tất yếu, chẳng những thế, điều tệ hại hơn là làm cho con người còn thù nghịch với Đức Chúa Trời. Sự chết lan tràn, tội lỗi lan tràn và tất cả mọi người đã phạm tội. Mặt khác, Thiên Chúa Giáo cũng đã giảng giải thêm một tính chất đặc sắc về tội nguyên tổ của ông Adam. Vì có tội, đã mang tội, gánh tội, chịu tội, mất liên đới với Chúa Cha rằng nói rõ “tội nguyên tổ” nhưng cũng để liên đới đến sứ mạng Con Một là Đức Chúa Kito xuống thế, ban công trình cứu độ nhân loại. Thánh Giáo Gia Tô cũng nói rằng ở đâu có tội lỗi, nơi đó có sự cứu rỗi và những ân sủng thiêng liêng, có sự tác động của những nguồn thánh linh vi diệu để cứu vớt loài người.

Mặt khác, chính vì sự dữ hiện ngợ, tội lỗi con người xuất hiện nên Thánh Tông Đồ Gioan nói rằng:

“Anh em đừng yêu thế gian và những gì ở trong thế gian. Kẻ nào yêu thế gian thì nơi kẻ ấy không có lòng yêu mến Chúa Cha, vì mọi sự trong thế gian: như dục vọng của tính xác thịt, dục vọng của đôi mắt và thói cậy mình có của, tất cả những cái đó không phát xuất từ Chúa Cha, nhưng phát xuất từ thế gian; mà thế gian đang qua đi cùng với dục vọng của nó. Còn ai thi hành ý muốn của Thiên Chúa thì tồn tại mãi mãi”.

Thiên Chúa Giáo cũng biện chứng các hệ quả “tội nguyên tổ” đến tình trạng nhân loại hiện nay. Tất yếu nguyên tổ đã phạm tội và mất ơn nghĩa đối với Chúa Cha được Kinh Tân Ước nêu rõ rệt. Nhưng tội nguyên tổ đã “xảy ra chín mùi” và được khơi dậy trong các cuộc giải thích, phân trần và lý giải nhiều góc cạnh thêm trong cộng đồng Hội Thánh.

Các Giáo Phụ xưa nay hầu như khi đề cập chủ thuyết này, đều liên đới đến công trình cứu độ của Chúa Kito. Nghĩa là các vị Giáo Phụ vẫn cứu chuộc con người khỏi tội lỗi là Chúa Kito và hiểu tội lỗi là điều từ trong thân con người phát xuất ra, không phải do ông bà và cha mẹ truyền lại. Theo chiều hướng ấy, việc rửa tội là một bí tích được hiểu là sự dâng thân vào đời sống tâm linh hơn là việc rửa tội tổ tông.

Khoảng năm 411, các cuộc tranh luận diễn ra các nhà nhân luận. Ông Pelagio chấp nhận tội của nguyên tổ, nhưng ông không nghĩ rằng tất cả mọi người đều mất sự công chính do tội của nguyên tổ. Tội của nguyên tổ để lại sự chết chóc và gương xấu cho hậu thế, nhưng không truyền lại cái “tội” cho con cháu. Đối lại, thánh Augustinô khẳng định rằng tất cả mọi người đều phạm tội và cần được Chúa Kitô cứu chuộc. Các nhi đồng cũng có tội, vì thế cần phải lãnh bí tích rửa tội, tội do tổ tông truyền lại qua đường sinh sản.

Công Đồng Carthago XVI, tức năm 418 khẳng định rằng trước khi phạm tội, ông Adam không phải chết. Các trẻ em cần được rửa tội bởi vì chúng mắc tội

nguyên tổ. Đây là lần đầu tiên thuật ngữ “**tội nguyên tổ**” xuất hiện trong văn kiện Huấn Quyền. Từ đó, Huấn Quyền này được Tòa Thánh công nhận như một đạo lý phổ quát và thực thi rộng rãi.

Ở thời trung cổ, thần học kinh viện của Thiên Chúa Giáo, tập trung vào việc chú giải Kinh Thánh. Thánh Toma Aquino cho rằng nguyên thủy con người sống trong vườn Địa Đàng. Hệ lụy sau tội nguyên tổ đã đưa con người đến trạng thái mất công chính và ân sủng nguyên thủy. Mặt khác, hệ lụy của tội nguyên tổ xét như hành vi và xu hướng của con người đến những điều xấu xa, những dục vọng đê hèn chi phối toàn nhân loại.

Truyền thống thần học Thiên Chúa Giáo chia ra hai khái niệm, một đàng là tội nguyên tổ, mặt khác là hậu quả xấu mà con cháu đời sau phải gánh chịu, cả hai là hai vấn đề rất có liên quan nhau nhưng hoàn toàn không đồng nhất cùng nhau. Thần học định rõ bản chất của tội là việc bất tuân phục Đức Thiên Chúa và đưa đến hậu quả hậu “**nguyên tuyền**” tức là đi đến trạng thái suy đồi, xa những ân huệ của Thiên Chúa trước đó. Hiện trạng “nguyên tuyền” của con người thời xưa đã hưởng được những ân huệ của Đức Thiên Chúa, nghĩa là đạt được thông linh với Đức Chúa và chiêm ngưỡng Chúa. Ngoài ra, con người được luôn luôn ở thể tự nhiên tức là trường sinh bất tử, bình ổn luân lý trong thánh ân của Đức Chúa Trời. Tình trạng “công chính nguyên thủy” giúp con người sống thánh thiện và thông dự vào sự sống của Đức Thiên Chúa. Thế là rõ ràng, những hồng

ân được lan tỏa làm cho con người bất tử, không đau khổ, tạo sự hòa hợp giữa con người và vạn vật, duy chủ bản thân, không phải bị chi phối bởi các dục vọng, không khoái lạc, không tham lam, sống đủ đầy lý trí.

Khi đã mất ơn, bắt phục tùng Đức Thiên Chúa, con người đã hoàn toàn bị tước đi những đặc ân nêu trên, bị đuoải khỏi vườn địa đàng và con người trốn tránh Đức Thiên Chúa. “**Bản án phạm tội**” dĩ nhiên cũng tác động đến mối quan hệ giữa con người và vạn vật vũ trụ, tình trạng cũng đã không như xưa. Từ tội nguyên tổ đã dẫn đến **tội truyền thụ** cho con cháu đời sau. Quan niệm và lý giải về tội nguyên tổ không gây ra những cuộc phản biện mấy nhưng tội truyền thụ lại được nêu qua những câu hỏi thách đố, khó khăn trong lối hiểu.

Sách Hội Thánh Công Giáo đã lưu ý rằng “tội” cần được hiểu theo nghĩa loại suy. Con người gắn với tội truyền thụ được hiểu theo nghĩa suy đồi đạo đức, tức là không còn phù hợp với chương trình mật ước của Đức Thiên Chúa. Thiên Chúa Giáo và Tin lành có các quan điểm đôi chút khác biệt về hiện tượng hệ quả của “tội truyền thụ”.

Công Giáo cho rằng bản tính con người vốn bị tổn thương nhưng vẫn còn bảo tồn, ngược lại Tin Lành cho rằng bản tính của con người hoàn toàn đã mất đi. Dầu vậy, Thiên Chúa Giáo vẫn lạc quan nhận định rằng dầu “tội nguyên tổ” đã đưa đến viễn cảnh “tội truyền thụ” đã gây ra bi cảnh như trình bày các điểm mâu chốt trên nhưng vì cái tội ấy mà Đức Thiên Chúa đã cho con của

Ngài là Chúa Kito xuống thế lập chương trình cứu độ nhân loại và chuộc tội cho nhân loại bằng máu của Đức Kito.

Vì vậy, Kinh Thánh cho biết rằng sự hiện diện của Đức Kito đã làm con người trở lại được làm con của Đức Thiên Chúa, móc nối với tình liên đới của con người với Đấng Thiên Chúa qua con của Ngài là Đức Kito. Có hai ông tổ là Adam và Kito, người gây ra tội, người chuộc tội. Sự giáng lâm của Đức Kito đó còn quý giá hơn mọi điều, con người cần suy nghĩ về chiều tích cực, hướng đến ánh sáng hơn là mặt trái của vấn đề, nghĩa là được trở lại vinh dự làm con của Đức Thiên Chúa.

“Thầy đã sai Allan-Kardec, Flammarion cũng như Elie và Thánh Jean-Baptiste là những bực tiền Thánh báo tin ngày giáng-sinh chấn động của Chúa Cứu-thế Jésus, nhưng chúng nó đưa thì bị hành hạ, đưa khác bị giết chết bởi ai? Cũng bởi loài người”.

Những bội ước kể trên theo triết lý Thiên Chúa Giáo mô tả rất rõ về tình trạng tội tình nhân loại. Đức Chí Tôn mới sai Đức Chúa Kito Jesus và cho các chư Thánh đã báo tin chấn động sự giáng hạ của Đức Jesus nhưng cũng bị loài người hành hình trên thập tự giá. Tội chồng tội, nghiệp quả loài người rất ư thâm trọng. Đức Chúa Kito là hình ảnh của Đức Chí Tôn, giáng thế đem con người ra khỏi chốn tội lỗi nhưng lại bị hành hạ.

“Chính con của Thầy cũng bị các con giết mất. Các con chỉ biết tôn sùng Người bằng tinh-thần chứ không bằng thánh-chất”.

Đoạn Thánh Giáo dạy bằng Pháp Văn, có lẽ truyền dạy người Pháp. Dẫu vậy theo lý, có thể dung nạp cho chúng sanh chiêm nghiệm chơn lý thường hằng. Con người vốn tôn sùng, chiêm ngưỡng tinh thần đạo giáo, chứ không thực thi triết lý ấy bằng đời sống thiết, bằng cả thánh chất vốn có trong người, vẫn còn mê lầm, chấp trước, phân sau. Chỉ có sống bằng thánh chất để tô điểm cho sự sùng ngưỡng triết lý mới thực sự là mục tiêu cứu cánh của mọi môn đồ.

“Thầy đã muốn nói với các con chỉ một lần mà thôi, hồi thời kỳ thánh Moise trên ngọn núi Sinai, nhưng các con không hiểu được ý Thầy. Lời hứa của Thầy với tổ tiên các con về việc xin chuộc tội cho các con và ngày giáng sinh của Chúa Cứu-thế là việc đã có lời sấm tiên tri rồi mà các con không chịu quan tâm đến”.

Mọi việc làm của Đức Chí Tôn là vì chúng sanh, vì thương yêu và chương trình cứu độ. Các chư Thiêng Liêng đã luôn tiên tri về những công cuộc cứu rỗi của Đức Chí Tôn. Vì sự ngộ nhận hay vì một lý do nào đó, loài người không nhận ra hay một cách vô tình chối bỏ sự nhận biết. Những điều không nhận ra là một cách trực tiếp hoàn toàn tác động đến trạng thái thọ ơn cứu độ và hành trình liên đới đối với Đức Chí Tôn.

“Nay Thầy phải tự tìm lấy một phương pháp huyền diệu hơn để thu phục các con”.

Mọi thứ trở nên bế tắc, không thể đưa nhơn loại trở về thánh chất. Đức Chí Tôn quyết xuống thế bằng huyền diệu thiêng liêng để thu phục con cái người, làm cho con cái Người đủ đức tin và trở về quy hiệp cùng Đức Ngài.

“Các con sẽ không còn chối cãi nữa được trước tòa phán xét chung rằng Thầy không cứu vớt nhơn-loại bằng những phương-pháp công hiệu”.

Bằng mâu nhiệm tiên cơ, Đức Chí Tôn tá trần gian, lại qui hiệp thành cơ qui nhứt tín ngưỡng, tạo một nền Chơn Giáo Đại Đạo để kêu gọi loài người, tha thiết trở về con đường thiện lương, phục hồi thánh chất, thoát khổ trước những tai biến nhân loại phải chịu vì những tội lỗi đã gây ra.

“Dẫu Thầy có khoan dung cách mấy đi nữa Thầy cũng không thể bôi xóa được những tội lỗi của các con đã làm từ lúc tạo thành nhơn-loại”.

Cơ phán xét cuối kỳ ba để thanh lọc quả địa cầu, tuyên chọn hiền sĩ. Nên công cuộc phán xét là cơ Trời đã định. Loài người cũng sẽ chẳng thể chối tội trước những phương pháp cứu độ toàn năng của Đức Chí Tôn. Duy chỉ loài người chối bỏ Thánh ân, chối bỏ sự hiện diện của Đức Ngài, chối bỏ mọi sự liên kết mà tạo thêm những tội lỗi.

Đứng trước tình thương vĩ đại ấy của Đức Chí Tôn bằng cách cho xuống thế nhiều mỗi đạo và nay lại ban cho nền Đại Đạo, dụng diệu pháp Tiên bút, cũng như đứng trước những sự chối bỏ hồng ân thì loài người chẳng thể qua được luật Công Bình Thiên Đạo của máy tạo đoan.

“Từ nay, thế-giới phải chịu trong vòng hắc ám. Tinh-thần đạo-đức đã tiêu mất, sự thù hận tràn ngập khắp hoàn cầu...”

Có lẽ, Đức Chí Tôn đã cho biết cơ chung cuộc, sần lọc, phân lẽ thiệt hư và đó là hoàn vũ phải chịu những nghiệp nạn sẽ xảy đến với nhơn loại vì vô tinh thần và vô đạo đức, thiếu đức tin, lìa xa cội đạo. Tất cả cũng vì **tội lỗi của nhân loại** tạo nên một trường thảm cảnh mà Đức Chí Tôn cho biết một cách rõ ràng.

“Dân-tộc Pháp-Việt là hai dân-tộc được nhiều huệ-phúc nhất. Thầy muốn sao cả hai được hòa hiệp nhau mãi mãi. Giáo-lý của Thầy có mục-đích dạy dỗ các con hòa hợp nhau trong sự sống chung cộng đồng quyền-lợi và sinh hoạt.

Vậy các con hãy chung hiệp nhau mãi mãi theo ý muốn của Thầy và hãy truyền-bá khắp hoàn-cầu thuyết hòa bình tương-thân tương-ái”

Dân tộc nào được Đức Chí Tôn giáng cơ dạy đạo, ấy là một hồng phước vĩ đại. Việt Nam và Pháp là hai dân tộc được Đức Ngài thị huấn nhiều trong thời kỳ khai pháp Cao Đài. Giáo pháp này phải được hoằng dương

trên khắp hoàn cầu. Thế nên, hai dân tộc này cần tương thân, hòa hiệp nhau để cùng chung hưởng huệ phúc và lo trách nhiệm phổ độ cho cơ Chánh Giáo.

Nhân loại đã từng tạo tội lỗi. Không những thế, đã mất tình đối với Đấng Tạo Đao. Vốn các tôn chỉ xưa nay của Đức Chí Tôn đưa xuống thế là làm sao cho toàn các sắc dân khi hấp thụ tinh hoa đạo học thì nhìn nhận nhau trong tình thương yêu, xem nhau như tình cốt nhục, đồng chủng. Nhơn loại đã không xem trọng lời giáo huấn nên mất tình, làm chia rẽ và hận thù.

Theo cách ấy, loài người đã quên hẳn tình thương của Đức Chí Tôn, chẳng đem đến một xã hội đại đồng. Chúng ta không nghe lời Ngài, không bước chân theo Ngài cho nên nạn tương tàn, tương sát lẫn nhau vẫn không ngớt. Đó là tội lỗi, và là nguồn cội của thảm khổ, bi kịch nhơn loại. Chỉ khi nào, loài người biết nhìn nhận nhau, thương yêu nhau, xem như đồng chủng, tôn trọng nhau thì nạn tiêu diệt ấy có thể giảm bớt mà có khi tan biến, chẳng còn nữa.

Giáo lý Đại Đạo có mục đích dạy dỗ con người biết sống hòa hợp nhau. Hòa hợp là một tinh từ chỉ trạng thái cộng gộp trong cuộc sống, hàm dưỡng chung tư tưởng, tín ngưỡng, lối sống, mục đích trong mọi hoạt động và sinh hoạt để hướng đến một điểm chung cốt lõi. Nên, Đức Chí Tôn mong muốn hai nước Việt-Pháp là hai nước đầu tiên khởi tạo chơn giáo của Ngài và phải hòa hợp nhau, chung hiệp nhau.

“Phàm mấy em cũng nghe một lời huyền bí thiêng liêng của Đại Tì Phụ đến cùng chúng ta với một phương pháp phi thường là ngồi bút, đến đặng **tương thân, tương ái** với chúng ta và cả thấy đều nghe đều ngó thấy đều xu hướng chạy theo Ngài, chịu biết bao nhiêu khổ não truân chuyên cùng Đạo, ít nữa mình phải kiểm coi cái hy sinh của mình ở đâu, chạy theo Ngài giá trị thế nào là lẽ tự nhiên phải vậy, ta phải làm cho được đặng định giá trị của mình” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 21].

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đã phủ dụ lời giảng huấn tại sao có trường thảm khổ và tội lỗi của nhơn loại. Ngày nay, Đức Ngài đến với một quyền bính siêu nhiên, dụng phương pháp phi thường bằng ngồi Tiên bút để lập hòa bình, tương thân, tương ái lẫn nhau. Đức Ngài đã yêu cầu hãy chung nhau truyền bá học thuyết ấy khắp hoàn vũ để thoát những tội lỗi của loài người đã gây ra, rồi mới hưởng được ân huệ vinh diệu của Đại Đạo.

“Thử coi trong 3 tháng Bàn Đạo quì gối dưới chân Đức Chí Tôn, khóc lóc thỉnh cầu nơi Ngài cứu thử sanh mạng loài người đặng chấng cho biết, toàn thể con cái Đức Chí Tôn nam nữ cũng thế, rán giúp Bàn Đạo, Bàn Đạo xin một điều là trong 3 tháng Bàn Đạo vào trong cảnh tịch mịch ấy, tương thân cùng Đức Chí Tôn, ở ngoài rán cầu nguyện giúp sức với Bàn Đạo” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q4 bài 03].

Trước những tội lỗi lớn lao ấy, Đức Hộ Pháp phải quỳ trong ba tháng trường tại cơ quan tu tịnh, xin **tội** cho nhân loại. Nếu xin được thì là may phước cho nhân loại. Đức Hộ Pháp còn cho biết, được hay không do nơi tinh thần của toàn thể con cái Đức Chí Tôn, có chí thành nguyện cầu cùng chung, chí thành ăn năn, biết phận mình trước luật Thiên Điều hay không mà thôi.

39. SỰ HY SINH

Chiếu theo bài thứ ba mươi chín trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 28 tháng 10 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy sự tự hy sinh để đem lại cho dân tộc một đạo lý chơn chánh thì đó là công nghiệp lớn lao, nếu biết tu hành thì hòa bình sẽ hứa hẹn cho các nền dân tộc.

Sự hy sinh là hành động và tư tưởng theo lý trí để có khi thiệt cho mình, phục vụ lợi ích người khác, hoặc tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tự thử, hy sinh được nêu cao trong trong lối sống đạo đức nhân văn và trong truyền thống tôn giáo. Dám xả thân, buông bỏ cá nhân vì một lý tưởng hiến thân cho hạnh phúc thế gian.

Đức Phật Thích Ca dám lìa bỏ cung vàng, điện ngọc, rời vợ đẹp con xinh, hy sinh cả cuộc đời vì tìm phương pháp giải khổ cho chúng sanh đang ngập chìm trong tứ khổ. Đến ngày nay, chúng sanh vẫn nhờ sự hy sinh của Đức Ngài mà thọ hưởng những di sản lợi ích. Đã trải qua trên 2.500 năm từ ngày Đức Ngài nhập diệt,

giáo huấn của Đức Phật vẫn còn tế độ chúng sanh, làm thay đổi cuộc sống con người theo hướng tích cực nhất.

Một câu hỏi vẫn “Đức Thích Ca có phải là vị Thần Linh không đối với Tỳ kheo Shravasti Dhammika, một người Úc rất nổi tiếng về việc thuyết Phật Pháp, Ngài là giảng sư lỗi lạc về môn Phật giáo và các Tôn Giáo Á Châu tại các trường đại học, trên các đài truyền hình và truyền thanh tại Úc và khắp nơi trong vùng Đông Nam Á, thì Ông trả lời rằng:

“Không, Ngài không phải thần linh. Ngài không bao giờ tự xưng là thần linh, là con của một thần linh hay là sứ giả của một thần linh. Ngài là một con người đã tự cải thiện để trở nên toàn hảo, và dạy rằng nếu ta noi theo gương lành ấy, chính ta cũng có thể trở nên toàn hảo như Ngài”.

Đức Chúa Kito lâm phạm, là một Đấng Tam Thế Christna nhưng chịu hạ mình, xuống trần, chịu đóng đinh trên thập tự giá, lấy những dòng máu tươi để cứu chuộc tội lỗi nhơn loại. Một sự hy sinh vĩ đại cho loài người. Vốn con người mang trọng tội, nên Đức Ngài đến để đem loài người khỏi tội lỗi, kết nối sợi dây giữa Trời và Người thêm nồng thắm.

Có muôn vàn cổ nhân đã đi vào lịch sử huyền thoại ngàn năm, nhưng những tác phẩm để lại cho đời có thể làm cho người đọc, dịu tâm, lắng lòng, thay đổi nếp sống từ ác trực thành thiện lành, từ hung dữ sang nhân

từ. Đó cũng vì sự hy sinh để công hiến, lưu truyền cho nhân gian một giá trị tốt đẹp nào đó.

Các bậc lãnh đạo tinh thần tôn giáo là các Đấng đã tình nguyện hy sinh cả cuộc đời mình để công hiến cho sự truyền bá giáo lý cứu độ chúng sanh khỏi vòng tội lỗi, hắc ám, đem con người trở về con đường thánh thiện. Các Đấng ấy đã thể hiện sự hy cao cả và vô cùng tận.

“M... và V...

Các con hãy lại gần đây. Các con tưởng rằng ông Trời không thể làm cái gì mà ông muốn sao?”

Cơ bút chuyển động thể hiện sự mâu nhiệm cơ tạo đoan càn khôn vũ trụ. Nhưng có lẽ, nhiều người chưa đủ đức tin nói Đấng Chúa Tể, có quyền năng tối cao, tưởng rằng là một “trò chơi”, một thể thứ mua vui giữa hai thế giới, lại có kẻ cho là giả. Chúng ta nên nhớ rằng quyền năng vô lượng trong tay, Đức Thượng Đế có thể làm mọi điều Đức Ngài muốn.

“M... Thầy chỉ định các con lãnh một vai trò bạc-bẽo mà nhân-đạo. Con vì tâm-tình cao-thượng mà cứu vãn sự sụp đổ của một dân-tộc đã hấp thụ một nền văn minh tối-cổ”.

Ở phạm trần, có rất nhiều hành động bạc bẽo, nhỏ nhen mà dung chứa cả một khối thân ái vô biên. Đức Thích Ca cầm bình bát khát thực để nuôi kẻ đói, Đức Chúa Kito đem cho kẻ đói những ổ bánh mì. Một hạt

gạo, một miếng bánh mì tuy rất nhỏ nhoi nhưng có lẽ ý nhiệm chứa cả càn khôn.

Pháp quốc là một nước vốn có nền văn minh nhân loại rất cao nhưng theo Thánh Giáo, dân tộc ấy đã bị sụp đổ theo tinh thần và đạo đức. Ý hướng và sự hy sinh cao thượng hầu cứu vãn dân tộc là một nghĩa cử cao đẹp và nhân đạo.

*“Con **tự hy-sinh** để đem lại cho dân tộc ấy một nền đạo-lý chơn-chánh, đó là công-nghiệp dành sẵn cho con”.*

Trước sự sự hy sinh đem lại cho dân tộc một nền đạo chánh chơn, Đức Chí Tôn đổi lại dành gia sản, công nghiệp thiêng liêng nơi con cái Người. Bất kể ai cũng vậy, dám hy sinh cá nhân vì đồng loại, đồng chủng, truyền bá tư tưởng cao khiết, học thuyết cứu rỗi của Ngài, sẽ thừa hưởng phần thưởng thiêng liêng.

Đạo Cao Đài là một nền đạo chọn lựa những sĩ tử biết hy sinh, quên mình phụng sự cho nền chơn đạo.

*“Ấy vậy cơ quan cứu khổ Hội Thánh phải chọn người tâm đức biết **hy sinh** mình để thực hiện cơ quan cứu khổ ấy. Phải tuyển chọn người tâm đức hiền lương từ bi bác ái vị tha vô vị kỷ mới đáng giá phẩm vị mình”* [Đức Hộ Pháp].

Đại Đạo là cơ quan cứu khổ cho toàn vạn loại. Vì vậy, môn đệ Cao Đài là những người biết giá trị của sự hy sinh, biết cái khổ của chúng sanh, để tìm phương

pháp đem lại cho dân tộc, giống nòi, nền hòa bình và hạnh phúc. Không những thế, phải truyền giảng chơn ngôn cho Đức Chí Tôn để kết hợp các dân tộc trong hoàn cầu, tạo thành một bức tranh đại đồng, thương yêu, lập giềng bảo sanh toàn thiên hạ.

“Chiến sĩ **anh dũng** các con!

Cái sự nghiệp của Đạo ngày nay, được đứng vững theo chơn truyền, cũng là một phần do nơi công trình của các con đào tạo. Thầy đã thấy và công nhận cái **chí hy sinh** ấy.

Nhưng các con ơi! Thầy cũng đã khổ hạnh nhiều rồi mà Thầy cũng không khỏi thẹn một điều là Thầy chưa đem giọt máu của Thầy mà chung hòa giọt máu của mấy con.

Thầy đã hiểu các con chiến binh **hy sinh**, liều chết đặng bảo vệ sanh mạng và tài sản của toàn thể Nhơn loại, các con dám làm, các con **dám hy sinh**, cái ân nghĩa giá trị ấy giờ phút này, kẻ nào còn sanh mạng và tài sản là nhờ ơn của các con đó” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.4 bài 10].

Tất cả phải chiêm nghiệm lời Thánh của Đức Chí Tôn, biết thiệt phận của mỗi người, xứng đáng nằm trong phần tử để chung lập nền đại đồng nhân loại.

“Hãy đọc các Thánh-Ngôn của Thầy. Giáo-lý của Thầy sẽ là **đại-dồng**”.

Giáo lý Cao Đài mang lại thương yêu, vị tha, bác ái, hy sinh cá nhân, tạo phúc lạc cho các dân tộc. Toàn thể các môn đệ Đức Cao Đài đã hy sinh, làm theo lời truyền giảng của Thánh Ngôn nên mới tạo nên tương diện của nền Đại Đạo. Công trình tiếp theo là làm thế nào để thiên hạ đi đến đại đồng. Mục đích của Đạo Cao Đài là như thế theo chủ ý Đức Chí Tôn.

Loài người đi theo dòng thời gian của vũ trụ, vật lộn trong sinh tử, bảo tồn sự sống và tiến hóa hơn trên phương diện trí thức tinh thần. Đương nhiên ngoài những tính chất tiêu cực qua lăng kính tôn giáo, tức là những chủ nghĩa vị kỷ, cá nhân, những vô minh và ý hướng vật chất chi phối con người, thì con người luôn mưu cầu điểm chung nhất, là hòa bình và hạnh phúc cho nhân loại. Con người đã từng phấn đấu cho những lý tưởng vật chất và văn minh nên có những cuộc đấu trí, cạnh tranh và dẫn đến sự xung đột trên tinh thần và vũ trang suốt hành trình sống của nhân loại, nên giá trị hòa bình, an lạc là một thứ loài người khát khao, tìm kiếm, cố gắng kiến lập một **xã hội đại đồng**.

Các Thánh trước, Hiền xưa cũng cố gắng kêu gọi và hoạch định chương trình cho một xã hội và cộng đồng thế giới để giải quyết những bài toán nan giải ấy. Tuy nhiên, có lẽ những phương án ấy rất khó đáp ứng trước mọi thử thách của thời cuộc.

Xã hội loài người dầu thô sơ hay tân tiến luôn bao gồm những mối quan hệ chồng chéo, liên đới cá nhân và cộng đồng. Khi một nhân tố nhỏ trong chuỗi liên đới ấy

bị phá vỡ vì một lý do nào đó, tức khắc ảnh hưởng đến lợi ích tư và chung.

Trong một dân tộc, bản sắc văn hóa, nòi giống, truyền thống hình thành một nét đặt trung chung cho dân tộc đó. Bản sắc chung sẽ là giá trị đại đồng của dân tộc. Các hoạt động nâng cao và thăng hoa những ưu việt của bản sắc cốt làm cho bản thể đại đồng dân tộc được gìn giữ và phát triển đến thiện mỹ.

Nếu đánh giá về bản sắc dân tộc trên toàn thế giới, thì mỗi dân tộc đều có nét đẹp riêng, mang giá trị nhân văn dị biệt trên mọi lĩnh vực. Tính chất nhân văn của mọi bản sắc dân tộc kết hợp lại thành một bản thể **đại đồng dân tộc**.

“Nếu hơn-loại biết tu-hành thì đó sẽ là nền hoà-bình hứa hẹn chung cho tất cả các dân-tộc. Con sẽ tỏ cho nước Pháp biết: Nước Việt-Nam là nước xứng đáng đối với Pháp”.

Toàn thể nhân loại ngày nào biết sống **hy sinh** cá nhân, tạo lạc phúc cho người khác, sống vì đại nghiệp tinh thần cao trọng chung thì nền hòa bình sẽ đến đặng. Nếu phải lọt điểm thánh tâm, trần tục phải khảo, chịu dưới quyền tà mị và khổ nghiệp gây ra đối với toàn nhân loại. Chúng sanh đã từng thất đạo hơn nghĩa, hơn luân, sự tranh sống trước mắt hằng diễn ra, dường ra lẽ hết tánh chất con người, cái tham tâm dục lợi mãi đua chen, nên nạn tự diệt sẽ phải đến như luật tất yếu.

Muốn có phương thuốc hườn sinh, Đức Chí Tôn đã đem đến cho nhân loại một diệu pháp để tạo ra phép phục sinh. Đó chính là giác ngộ, tu hành, đem sự hy sinh cá nhân để truyền giảng giáo lý Đại Đạo, phổ độ chúng sanh. Duy có **hy sinh** mới dám nép mình vào cửa đạo, chịu thiệt phận, làm tôi tớ trung thành, phụng sự cơ hồng dương chánh pháp mà thôi.

Đức Chí Tôn tạo ra sự sống và sự vận hành của con người và vũ trụ luôn luôn mang tính duyên khởi, như một dòng chảy liên tục không ngừng nghỉ mà trong ấy sự kế thừa, truyền nghiệp như một điều tất yếu không thể thiếu vắng. Các Đấng Phật cũng đã từng là con người nhưng là người đã giác ngộ. Các Đấng ấy cũng **hy sinh** thân thể để đi tìm con đường giải khổ cho chúng sanh. Chúng ta là những người chưa giác ngộ, nên phải thừa kế sự nghiệp giác ngộ hay noi theo chân của các Đấng ấy. Đức Chí Tôn mở đạo, mong muốn môn đệ Cao Đài dám hy sinh để đem lại nền hòa bình đại đồng chân thật. Ấy là sứ mạng cao cả của nền Đại Đạo.

40. THƯỜNG-PHẠT THIÊNNG LIÊNG LÀ LỄ CÔNG BÌNH THIÊNNG LIÊNG

Chiếu theo bài thứ bốn mươi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 13 tháng 03 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy quyền thường phạt giao nơi tay Đức Lý Giáo Tông và Đức Lý dạy về sự thường phạt thiênng liêng cũng như lễ công bình thiênng đạo.

Thường phạt là một mặt luật thiên nhiên của cơ tạo đoan, tức là luật nhân quả báo ứng. Mọi hiện tượng và sự vật không hề sai chạy như Nho Giáo dạy:

“*Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu*”.

Nghĩa là Trời Đất rộng lớn mênh mông nhưng chẳng có điều chi qua khỏi. Chính vì có luật thiên nhiên ấy mới bảo tồn cơ sanh hóa, giựt tẩn các đấng chơn hồn phát triển thăng tiến, vừa điều hành cơ quan giựt tẩn, vừa đảm bảo sự công bình thiêng liêng. Tất cả đều theo một thiên lý để định thể mọi sự. Có công thì đặng thưởng, có tội thì phải chịu hình phạt. Nếu có tội được thưởng, có công thì phạt tức là đã mất công bình thiên đạo. Như vậy, chưa có một con người đắc quả nơi cõi hư linh, phạm thánh lẫn lộn, thanh trược đầy đầy mà đạo Trời Đất tan rã.

Thường-phạt là tính chất thị hiện của quy luật nhân quả. Luật nhân quả là một quy tắc tự nhiên khách quan, tác động toàn bộ đến chúng sanh, có mối liên hệ đến sự sống chết, luân hồi. Con người được sinh ra rồi lại chết đi, chết rồi lại đầu thai trở lại. Sự sinh-tử, luân hồi ấy là từ **nhân** đến **quả**, từ quả đến nhân tiếp diễn liên tục.

Cổ nhân thường nói “gieo nhân nào, gặt quả đó” hoặc “thiện có thiện báo, ác có ác báo”. Các quan niệm này bắt nguồn từ **luật nhân quả** thiên nhiên của tạo đoan. Đây là thiên luật của Trời để chi phối và thúc đẩy sự tẩn hóa và điều hành guồng máy âm-dương.

Đức Thượng Đế là Đấng Hóa Công, là chơn lý luôn luôn chí công, vô tư. Chẳng phải vì thương mà phong thưởng, chẳng ghét mà hành phạt. Luật nhân quả của Tạo Hóa là định luật để điều phối vạn vật, ấy là luật báo ứng, có **nhân** thì có **quả**. Khổng Giáo nói “chường hoa đắc hoa, chường đậu đắc đậu”. Gieo nhân nào thì cái quả tương ứng như thế, không sai một li nào. Hễ tạo ra thiện nhân thì ắt sẽ gặp quả lành, hễ gieo nhân ác, tất sẽ phải gánh quả ác.

Cái kết quả vốn từ hành động gieo **nhân** của con người từ hiện kiếp hoặc kiếp trước. Muốn biết quá khứ hay tương lai của con người, chúng ta nhìn vào hiện tại của con người. Nhân quả hay còn gọi là nghiệp, nhân, duyên, quả, báo. Nghiệp được coi là hoạt động của con người bao gồm lời nói, hành vi và cả tư tưởng, cấu thành. Do đó, có thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, nghĩa là do thân, khẩu, ý tạo thành. Nghiệp là một hiện tượng tuy vô hình nhưng khi phát thành quả thì có sức ảnh hưởng vô cùng lớn đến đời sống con người và sự thăng đọa.

“**Quả**” là kết quả hay báo ứng. Khi có nhân tức là có hành động do thân, khẩu, ý, sẽ tạo ra quả và tùy thuộc vào “duyên” mà quả sẽ hiển hiện ra. Nói cách khác, khi nhân duyên kết hợp với nhau thì tạo ra quả báo tương ứng. Sự mau hay chậm phụ thuộc vào duyên cảnh. Quy luật nhân quả tác động đến sự sống chết, thăng đọa của con người. Sinh rồi tử, tử rồi sanh sẽ nhận những các

quả tương ứng, nhân tới quả, quả tới nhân và cứ thế liên tiếp nhau theo một chuỗi thăm thăm.

“Hi chur môn-đệ, chur nhu, chur ái-nữ.

Các con nghe. Thầy buộc phải nói rõ cho các con đừng làm mà trách Thầy. Cha hiền chẳng biết hành hạ con cái bao giờ. Thầy đã đến mà diu dặt từng đũa, thì lẽ nào lại đành lòng xua đuổi”.

Là một Đức Đại Từ Phụ, tức là Đấng Cha Trời hằng luôn thương yêu hơn loại như tình cha đối với con, luôn ôm ấp, vỗ về, mong cho con lớn khôn, trở nên người trí hiền, lập vị Thiêng Liêng, Đức Ngài chẳng biết hành phạt con cái của Người bao giờ, chỉ biết thương, chưa hề biết ghét, chỉ biết trông con “thành danh”, chớ chưa hề đem hình phạt nạp dụng.

Đức Chí Tôn đến chung hiệp với hơn sanh để lập một cây cờ cứu khổ. Đức Ngài nâng niu từng đũa con một, bảo bọc, dẫn dắt, dạy dỗ để quy tụ lại để lập một đại nghiệp, xây dựng văn minh Đại Đạo, cứu độ chúng sanh. Đó là vì tình thương yêu của Ngài mới trưng ngọn cờ bảo sanh cứu khổ tại mặt địa cầu này.

*“Thầy thấy các con bị phép **thử thất ba trần** lập thành, thì đã hiểu nhiều đũa bị hành. Thầy ngậm đau nuốt thảm ngòi nhìn. Thầy chẳng để **thử thất, ba trần** trách Thầy vì yêu mến quá lẽ mà làm **mất hết công bình**, nhứt là Lý-Thái-Bạch kêu nài hơn hết”.*

Đó là thời kỳ khai đạo, phép thử của Tam Trấn Oai Nghiêm buộc vậy. Một mặt luật Thiên điều mà chúng ta nên thấm thía hành tàng các Đấng trọn lành thi hành luật công bình thiêng liêng, bảo trọng sự công bằng cho cơ sanh hóa, trưởng dưỡng và thăng tiến của càn khôn.

Quý ma đã giả làm Tề Thiên Đại Thánh và Đức Quan Âm Bồ Tát nhảy múa trong ngày khai đạo tại Chùa Gò Kén do nơi các chức sắc Đại Thiên Phong quên trần pháp, đã làm thất chí, thối lòng nhiều môn đệ Đức Chí Tôn. Cũng vì lòng đại bi, thương xót e sợ cho con cái Người không qua nổi nên chẳng để chịu cho thử phép thử. Nhưng Tam Trấn không bằng lòng vì sự yêu mến quá đổi e ra mất lễ công bình thiêng liêng.

“Dầu Quan-Âm và Quan-Thánh xin cũng chẳng đặng. Nhứt là buổi thử thất ấy, lại nhằm vào ngày khai Thánh-Thất, thì các con đủ hiểu là hại dường nào, song phải dần lòng chịu vậy. Các con ngã thì tại nơi Thầy. Nếu Thầy biết các con nhẹ tính, thì thế nào cũng chẳng chịu”.

Điều ấy cho thấy Đức Chí Tôn đã đau khổ, nuốt giọt lệ mà nhìn con cái Ngài bị sa ngã. Phép công bình, thưởng-phạt đã làm cho hao mất một số môn đệ của Đức Ngài. Nhứt Trấn Lý Bạch đòi nài phải gìn luật công chánh, dẫu Nhị Trấn và Tam Trấn xin nài chẳng đặng.

“Có lần Bàn Đạo nghe lời Đức Lý thì Đại Từ Phụ thất vọng thấy tội nghiệp Ngài quá đổi, Đức Đại Từ Phụ

.....
tính không thể gì bảo trọng mấy đũa kia được, biết Đức Lý nhưt định đuổi những kẻ tà tâm ra khỏi nền Tôn Giáo, Đại Từ Phụ biết không thể gì không biến sanh chi phái, nếu nẩy sanh chi phái rồi thì không phương cứu vãn và trị loạn được, thì nền Chánh Giáo của Đức Chí Tôn không có giá trị gì hết, Bàn Đạo vừa nghe lời Đức Lý, Đức Chí Tôn không đến chừng ba tháng...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 12].

Chúng ta lùi lại lịch sử hình thành nền Đại Đạo, lấy làm bùi ngùi, cảm động, thương kính Đức Đại Từ Phụ của chúng ta, Người luôn hiện diện với lòng đại từ, đại bi mà không thể gì nói đặng, Ngài đến độ từ người, Ngài dụ từ người, đem cả một thể thống thiêng liêng vô cùng vô tận, quyết lập cơ quan cứu thế cho chúng ta chung hưởng, dẫu hy sinh, dẫu cam phận muốn bỏ qua phép công bình để bảo trọng con cái Người. Tình yêu ấy nồng hậu, dào dề vô biên, không chỉ tả luận đặng. Nhưng vì **phép công bằng thiêng liêng**, Đức Ngài phải buồn lòng mà ngó nhìn đàng con thối chí, buông lòng, lọt điếm thánh tâm.

“Lại để lời tiên tri mà dặn trước, nào dè Thánh-Ngôn các con không đọc, lời Thầy nói như không, mới ra tội lỗi các con phạm thượng thế ấy”.

Cũng vì dè phòng, toan sợ con cái Đức Ngài sa ngã nên hằng căn dặn kỹ. Lời Thánh Giáo là lời châu ngọc truyền tải đạo lý và tình thương của Đức Chí Tôn. Môn đệ Cao Đài phải biết học và hành theo Thánh Ngôn Đức Ngài dạy. Nếu chẳng chịu định tâm, chí thành, cầu

học giáo pháp như một luật tất yếu để giữ thẳng bằng trong cuộc sống Cao Đài, rất có thể những băng hoại do vô minh và chướng ngại làm chúng ta vấp ngã, trượt dài trên tội lỗi.

Luật Thiên Điều tức là luật công bình, có nhân, có quả đeo sau. Là một môn đệ trung kiên, giữ gìn đạo giới, tuân kỷ chơn pháp, lòng chí nguyện theo đuổi mục tiêu lý tưởng phổ độ, thực hành cho kỳ được thì phần thưởng thiêng liêng sẵn dành. Phai nhạt tín ngưỡng, để cho tà quyền dẫn dắt, làm cho ma dẫn lối, quỷ đưa đường thì phải càng xa bàn tay Đức Chí Tôn, quyền phép thiêng liêng chẳng hề dung thứ.

“Vây từ đây, quyền thưởng phạt đã giao vào tay Lý-Thái-Bạch. Các con liệu mình mà cầu rỗi nơi Người”.

Đức Chí Tôn hằng thương yêu, bênh vực con cái Người, sợ mất con, sợ thánh tâm không đủ sức chống chọi tà quyền vô minh mà phải gây ra tội tình. Con người cũng vẫn xem thường Thánh Ngôn, coi nhẹ tình thiêng liêng ấy, cho đến đổi phải chuyển quyền hành thưởng-phạt vào tay Đức Lý Giáo Tông. Đức Chí Tôn cũng đã tuyên khải điều đạo đức, lời ngon, tiếng ngọt, sự thương yêu, dễ dàng bị bỏ qua, thì nếu con người có gieo nhân xấu, hình phạt thiêng liêng phải tự gánh lấy. Biết biết hình luật nơi tay Đức Nhứt Trần Oai Nghiêm mà cầu rỗi nơi Người cho lắm, biết phục thiện, ăn năn và oai linh của Đức Ngài.

“Thầy dạy dỗ các con không nghe, đời có hình phạt thì các con chịu lấy”.

Chúng ta phần đông có một lối sống tự tại, ung dung nơi mình. Đến khi trắc trở, khó khăn mới kêu ca, oán than, sợ hình luật. Đời cũng thế, Đạo cũng tương tự. Bao nhiêu tâm tình, bao nhiêu tình thương âm ủ thật thiêng liêng nhưng chúng ta chẳng thấy, chẳng ngộ. Đời khi có hình phạt thì mới tỉnh. Đó là một thói quen thường hằng của đại đa số trong chúng ta.

“Đ... Q... cả Môn-đệ Thầy duy có biết một chớ không biết hai; kẻ nào cru tâm chia phe, phân phái là đũa thù nghịch của Thầy. Con hiểu à!”.

Thánh ý Đức Chí Tôn xuống thế, cầm cây bút thiêng liêng để tô vẽ khối đức tin duy linh, gồm con cái Ngài để tạo dựng nền Đại Đạo, lập giềng bảo sanh cho tất cả dân tộc. Chủ nghĩa ấy cao trọng và cần thiết thế nào đối với xã hội loài người.

Toàn thể chư môn đệ nam-nữ tạo thành một Thánh Thể của Ngài để bảo tồn nền Đại Đạo. Ai phân chia, lập phái, chống đối, thù nghịch lẫn nhau, mưu toan phá đạo hay không từng **luật pháp chơn truyền** là kẻ nghịch lại Đức Ngài. Cơ thưởng phạt đã nằm nơi tay Đức Nhứt Trán, cái hại khi thù nghịch với chơn truyền Đại Đạo sẽ đưa đến thảm cảnh tàn diệt lẽ nào! Đó là luật thưởng phạt, nhân quả, luật công bình thiên đạo mà chẳng một ai qua khỏi.

“Hỉ chư đạo-hữu - Thiên phong bình thân.”

Từ đây Thầy đã giao quyền thưởng phạt về nơi tay Bàn đạo; vậy các Đạo-Hữu khá hết lòng lo lắng, vun đắp nền Đạo cho vững vàng, hiệp ý với Thiên-Cơ mà bước lên lên địa vị cao thượng; chớ sụt sè ôm thói mơ hồ, thì đã uống công trình cực nhọc từ bấy lâu nay, lại thêm chẳng đặng theo Thánh ý của Thầy là bậc Chí-Tôn đã hết lòng vì sanh chúng” [Nhứt Trán- Đức Lý Thái Bạch].

Đức Ngài dạy phải trọn lòng lo cho nền đạo Cao Đài hoàn toàn, trúng Thánh ý thiêng liêng để bước đến địa vị cao trọn xứng đáng với công nghiệp của mình. Bao nhiêu sự phấn đấu, đeo đuổi tín ngưỡng bấy lâu chẳng nên bỏ mất vì sự mơ hồ. Hằng nhớ tình thương Đức Chí Tôn đoái hoài thương yêu vô tận chúng sanh, mà rán nung đạo vững vàng.

Sanh vào thời kỳ mở đạo là một đại duyên cho con người. Vì vậy, phải rán chung hiệp vun bồi nền chơn giáo. Công cuộc khai đạo là một hành trình lớn lao, là biến chuyển thiên cơ của Trời Đất. Nên cơ Trời luôn có sự nghiêm chánh, thưởng phạt phân minh. Phép **thưởng** để nâng địa vị, giục thúc người có công mà gắng thi thố. Có **phạt** để ngăn người tránh xa tà mê, gây ác nghiệp, răn dạy mà ngừa phòng thói vạy hư.

“Mở một mối Đạo chẳng phải là sự thường tình, mà sanh nhằm đời gặp một mối Đạo cũng chẳng phải là dễ. Muốn lập thành, tất phải có đều nghiêm chánh thưởng phạt. Có thưởng mới dục lòng kẻ có công. Có phạt mới răn dặng lòng tà vạy” [Đức Lý Giáo Tông].

Sự thưởng phạt vốn là luật thiên liêng, là lẽ công bình của cơ tạo đọa xưa nay, xảy ra mặt hữu hình lẫn vô vi. Nhưng chẳng có sự vui sướng nào so sánh đặng phước duyên hữu hình nào bằng cái phần thưởng vô vi, chẳng có hình phạt hữu hình nào đáng sợ như hình phạt vô vi. Mọi môn đệ từ thấp đến cao cần khép mình lời dạy ấy, làm phép hằng tâm để hướng đến phần thưởng, hơn là bôn xôn theo thói thường tình, làm loạn nền đạo, gây hại cho uy danh Cao Đài để phải thọ khổ phạt nơi mình.

*“**Thưởng phạt** tuy chẳng phải hữu hình, nhưng là một sự mừng vui, chưa có bực cao thượng ở thế nào bằng, và một sự buồn bã nào sánh đặng. Dầu có ăn năn hối hận mấy kiếp ngày giờ đã qua rồi. Ngôi cực-lạc vẫn có người choán hết”* [Đức Lý Giáo Tông].

Quả thật vậy, phần thưởng vô vi theo công bình vô giá, không chi ở mặt thế so sánh đặng. Còn về các hình phạt cũng thế. **Thưởng phạt** vô hình là một niềm hạnh phúc cao giá và một nỗi bất hạnh buồn bã không tả. Nếu lỡ mất phần thưởng thiên liêng hay gây tạo một hình phạt vô vi sẽ mang một sự ăn năn rất nên lớn.

Nếu biết rõ đặng cơ thưởng phạt vô vi mẫu nhiệm, đáng cho chúng ta lưu tâm, cũng nên noi theo Thánh Giáo mà lập công, tránh xa mọi con đường tội lỗi. Phần thưởng thì vinh sang, hình phạt thì nã nê. Hai đường, hai nẻo rất rõ. Việc còn lại, chúng ta là môn đệ của Cao Đài, phải biết hành tàng nào đạo đức, hành tàng nào vô vi, đưa đến hình phạt vô vi. Có khi cái phạm

nhân cho thấy rằng hữu công nhưng lại nghịch lại Chơn Truyền và ngược lại.

“Phần nhiều các đạo hữu dày công mà xây đắp nền Đạo, nhưng sự ham muốn còn bôn chôn theo tình thế. Công đã nhiều mà bước tới nửa đường như ngán bước, gặp sự gay go đã mòn lòng. Than thay! Tiếc thay!” [Đức Lý Giáo Tông].

Đã dày công đeo đuổi mục tiêu, nương phước chiêu hồn của Đức Chí Tôn, có lao tâm, lao trí gầy dựng, vun bồi cội Đại Đạo nhưng sự ham muốn, tham luyện thể tinh, chưa tỉnh ngộ hoàn toàn, thì cái phần thưởng thiêng liêng có khi bị “choán”. Khi hồn lìa khỏi xác, sự tiếc nuối ấy có lẽ sẽ rất lớn.

Lời dạy dỗ của Đức Lý là tiếng giáo huấn chung cho toàn thể các môn đệ Đấng Cao Đài, không riêng các Chức Sắc tiền khai đạo. Nếu đã lắm công nhọc nhằn, hy sinh cho nền đạo, nhưng bước đường phía trước còn lại trở nên mòn mỏi, bỏ chí, nản lòng, muốn quay đầu. Cái công kia có thể trở thành cục rữ sương tan.

“Đặng bậc Chí-Tôn cầm quyền thế-giới, dùi dất rửa lỗi mà chẳng buông chải cho kịp thì, để đưa nhau nghĩ tính về miếng đĩnh chung; nếu Thầy chẳng Đại-Từ Đại-Bi thì công quả đã chảy theo dòng nước”.

Đấng Tự Hữu là Đấng Chúa Tể Càn Khôn cầm giềng mối đạo, cũng vì Đấng Đại Bi, thương yêu loài người khôn siết nên giáng lâm đặt một con thuyền cứu khổ tại thế, quyết rửa tội tình nơn loại, đưa khỏi bến mê

về bên giác. Nếu không vì lòng đại bi của Đấng Chúa Trời, công trình đứt gãy giữa chừng, mềm lòng, thối bước thì cái sự nghiệp công trạng trở nên dã tràng se cát, mai một, tung trôi theo dòng nước. Người Cao Đài phải để ý cho lắm, cần đủ đức tin, lập chí cho thanh cao, chẳng còn luyến tình, ham vật mà sa cơ lỡ thế.

“Từ đây Bản Đạo phải để ý điều dắt bước đường cho các Đạo-Hữu, phải gắng công hơn nữa cho hợp với cơ Trời” [Đức Lý Giáo Tông].

Kể từ ngày giờ này, quyền Thiêng Liêng có Đức Lý Giáo Tông cầm cân cân công bình thưởng phạt, lại un đúc tinh thần, dạy dỗ, dìu dẫn nhơn sanh đi đúng với chơn pháp Đại Đạo.

Đối với cục diện đạo ngày nay, cơ bút không còn thi hành do cơ biến chuyển từ tác động của quyền đời, chúng ta tin rằng quyền năng của Nhứt Trán Đức Lý vẫn cầm cân nảy mực, chấp chương, thi hành phận sự **thưởng-phạt vô vi**.

“Ai hữu phước thì địa vị được cao thêm, ai vô phần thì bị đọa Tam-Pháp. Phước phần cũng khó lựa người, rủi rủi, may may, đừng trách nơi Bản Đạo” [Đức Lý Giáo Tông].

Địa vị thiêng liêng là một phần thưởng vô giá. Chúng ta phải hiểu rõ hai chữ “hữu phước” ở đây là sự tinh tấn, nỗ lực, trung thành, trọn tuân pháp kỷ Đại Đạo, trọn tòng chơn pháp, hy sinh phụng sự, lập công quả cho

xứng đáng mới đặng địa vị thiêng liêng hoặc nâng cao thiên vị tùy sở hành công trình của mỗi môn đệ Cao Đài.

“Rủi rủi, may may” cũng do nơi hành tàng của mỗi người, chẳng phải do nơi tình thương của một Đấng vô hình nào chọn. Tất cả đều phải theo cán cân công bình thiên lý. Có công thì đặng thưởng, có tội phải chịu hình phạt. Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành chẳng vì ghét mà cất ngôi vị, chẳng vì thương mà tự ban cho địa vị. Đó là cơ **thưởng-phạt** rất công bình của máy tạo đoan.

41. HUYỀN DIỆU CỦA KIẾP LUÂN HỒI

Chiếu theo bài thứ bốn mươi một trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 12 tháng 11 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy về huyền diệu kiếp luân hồi và cơ lập giáo thiêng liêng.

Theo nghĩa đen, hai chữ “luân hồi” chỉ cái bánh xe luân chuyển, xoay tròn mãi mãi. Đối với con người, luân hồi là một thuyết xuất hiện từ xa xưa thời thượng cổ, chỉ linh hồn tái sinh sau khi mất đi và cứ thế tiếp diễn mãi. Đối với tạo đoan, luật luân hồi là một mặt luật nhằm định khuôn khổ của tạo hóa, là cơ thưởng-phạt công bình hầu thúc giục các đấng chơn hồn tấn hóa.

Luân hồi là sự chuyển sinh liên tục qua nhiều kiếp sống khác nhau. Quá trình này như một bánh xe xoay vần không ngừng nghỉ, cho đến khi nào con người ngộ

ra chơn lý, tu hành giải thoát, đạt quả vị thiêng liêng, thoát ra bánh xe chuyển luân ấy.

Quy luật ấy thể hiện sự sống-chết nối tiếp nhau của chúng sinh. Có nhân-quả tức có luân hồi của chúng sanh. Khi nào còn tham sống, tạo nghiệp ác thì lúc ấy chúng sinh sau khi chết vẫn tái sinh theo vòng luân hồi. Theo nghĩa ấy, khi thân xác của chúng sinh ngừng hoạt động, dòng sông vẫn tiếp diễn. Hình thái sống sau không như hình thái trước, nhưng thể hiện sự chuyển biến, đó **không phải là trạng thái bất tử**.

Chúng sinh thực sự là một lũ khách tha phương, đi hết giai đoạn này qua giai đoạn khác, từ quán trọ này qua quán trọ khác. Luân hồi gắn liền với khái niệm tái sanh. Chu kỳ sinh tử của con người trải qua bốn giai đoạn, sanh-lão-bệnh-tử. Sự tái sinh không phải là hình thức nhập xác mà là chuyển luân kiếp sanh cao hay thấp, phụ thuộc vào thiện hay ác trong chu kỳ trước đó. Cách thức ấy như một dòng nước siết.

Mọi chúng sinh luôn chịu sự chi phối của luật luân hồi tái sinh. Một khi một gian đoạn sinh tử kết thúc, cũng là lúc một giai đoạn mới mở ra và mọi nghiệp lực tác động vào giai đoạn mới này. Nghiệp lực là thuộc tính của đời sống, đi theo chúng sanh từ kiếp này qua kiếp khác. Tuy nhiên, bản chất thực của nghiệp vốn vô ngã, luôn thay đổi từng kiếp và phụ thuộc vào **duyên cảnh**, nghĩa là hành vi của chúng sanh mỗi lúc.

Giáo lý Cao Đài không tập trung vào trọng điểm giải quyết câu hỏi “sau khi chết còn hay mất” mà là giải quyết và trả lời câu hỏi “làm sao để trở về với cảnh hằng sống”, nghĩa là thoát khỏi sinh tử luân hồi.

*“K...Nếu các con hiểu rõ **huyền diệu của kiếp luân hồi** con người, chẳng phải như thói thường định liệu, thì con không buồn và cũng không trách Thầy”.*

Thảm trạng của loài người là không nhận rõ nét chân thường của quy luật luân hồi. Từ đó, gieo duyên, tác tạo nghiệp ác, rồi mãi trong vòng vay trả-trả vay. Lời Thánh Giáo của Đức Chí Tôn nêu vị có tên “K”, đã nói lên trạng thái buồn và trách hờn Đức Chí Tôn. Lời dạy cũng là lời khuyên chung cho toàn thể nhân loại.

“Nơi Bạch-Ngọc-Kinh cả thầy đều là con cái của Thầy, tức là anh em của nhau”.

Nơi cửa Thiêng Liêng, dấu ngôi vị có cao, có thấp, phân đẳng thứ lớp nhưng đều là máu mủ, anh em lẫn nhau, cùng chung Đấng Cha Lành là Đức Chí Tôn. Vì kiếp trần vô minh, không hiểu lẽ huyền diệu nơi cửa thiêng liêng mà phân sang hèn, khinh rẻ, chiến loạn, hơn thua, nạnh phân đến đổi phải thành kẻ thù của nhau. Kỳ thật, tất cả vạn linh cùng thông huyết, cũng sẽ về bản lai diện mục, hội ngộ nơi cõi huyền linh, để nhận nhìn nhau. Chỉ vì chưa giác tánh, còn trầm mình chốn bùn như phàm cấu mà quên lẽ ý nhiệm cao thâm, chưa cố gắng đi đến trọn lành.

“Cái phẩm vị của các con phải buộc tái sanh nhiều kiếp mới đến địa vị tối thượng mình là nơi Niết-Bàn”.

Niết bàn là cảnh trí của bậc đại giác, là trạng thái tâm linh hoàn toàn thanh tĩnh, an lạc, sáng suốt, không vọng động, không ái dục, không vô minh, chẳng phiền não, khổ đau. Danh từ này xuất phát từ Phạn Ngữ tức là “Nirvana”. Nếu phân luận theo chiết tự, “Nir” là động từ nghĩa là “ra khỏi” hay “ly khai”. “Vana” nghĩa là rừng u tối, vô minh, tối tăm. Theo Pháp Sư Huyền Trang, Nirvana là “chẳng hôi tanh, dơ bẩn”, tức là thanh tịnh, trong sạch.

Địa vị tối thượng của kiếp sanh con người là làm sao về Niết Bàn. Muốn vậy, tất cả nghiệp chướng tiền nghiệp phải được gội rửa sạch sẽ, lập công, tu hành, có những công quả phi thường đối với nhơn sanh, tuyệt hoàn toàn các chủng tử khổ đau để trở lại cảnh thanh tĩnh hoàn toàn. Sự tái sanh, luân hồi nhiều kiếp là cách thức để chúng sanh tiếp tục tu hành, cho đến khi đạt thượng đẳng, chánh giác.

“Một lời nói với nhau, cũng đủ cả hai xuống Thế mà khuyên giúp lẫn nhau. Con chẳng nên gọi oan nghiệt”.

Vạn vật đều có quy luật để đảm bảo trật tự, nét công bằng, bảo tồn pháp càn khôn. Bằng không vậy, chân lý tự nhiên sụp đổ, đi ngược lại sự tấn hóa. Lời dạy của Đức Chí Tôn cho biết rằng dù lời nói nào đó “khác

thường” cũng đủ cùng nhau xuống thế để giúp lẫn nhau. Có lẽ, người tín đồ Cao Đài cũng xét đến khía cạnh Tam Lập mà Đức Hộ Pháp dạy. Trong đó, có phương pháp “lập ngôn”. Lời nói vốn quan trọng, dầu vô tình, dầu cố ý, đó cũng là một khuôn luật. Vì vậy, cần cẩn ngôn, giữ lời nói cho đoạn chính. Lời nói có thể dẫn đến sự tái sanh và luân hồi của kiếp người.

“Còn Đạo mới khai lập tuy xuất hiện chưa đầy một năm chớ chư Tiên, chư Phật đã lập cùng cả năm châu”.

Đạo Cao Đài vốn khai để mở một con đường cứu khổ cho sinh linh. Đức Chí Tôn là Chúa nhưng xuống trần thì vắn vắn chư Tiên, Phật theo hầu. Đó cũng là điều tất yếu và để nền đạo được truyền bá, phổ thông mau chóng, những điều bí nhiệm, phép màu thời kỳ khai đạo đã xảy ra, phép linh ứng trị bệnh cho rất nhiều người, vì thế mới thu hút một lượng lớn môn đồ nhập môn cầu đạo. Các Đấng Phật, Tiên lại có nhiệm vụ độ rỗi, loan báo và truyền bá cả khắp cùng hoàn vũ, cho biết sự xuất hiện nền đạo mới.

Sự loan báo cũng như lịch sử Ngũ Chi Đại Đạo xưa. Nhơn Đạo chưa ra đời thì có Đức Châu Công khai truyền trước. Thánh Giáo Gia Tô chưa xuất hiện thì các Đấng khác tiên báo khai thị trước như Đức Moise, Elie, Gêrimie, Saint-Jean-Baptiste.

“Đạo Tiên Ngon-Thỉ chưa ra đời, thì đã có Hồng-Quân-Lão-Tổ, Lão-Tử, Thông-Thiên Giáo-Chủ truyền đạo.

Phật Thích-Ca chưa ra đời, thì đã có Nhiên-Đăng-Cổ-Phật và Brahma truyền Đạo”.

Cũng thế, nền Đại Đạo là một cơ đại xá rồi của Đức Thượng Đế nên rất có ý nghĩa đối với kiếp sanh của loài người. Đạo khai tức là một sự mâu nhiệm Trời Đất, một giọt cam lồ, thánh ban để làm con đò dẫn khách sang bến giác. Hẳn nhiên, luôn có sự tiên báo trước của các Đấng phục vụ cơ quan tận độ của Đức Chí Tôn.

“Thầy chưa giảng cơ lập Đạo tại nước Nam, chớ chư Thần; Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền đạo cùng chư Vạn-Quốc”.

Trong cổ kim loài người, chưa có nền tôn giáo nào giảng truyền thông qua huyền diệu cơ bút. Trong những bài Thánh Giáo khác, Đức Chí Tôn có giảng chính Thầy đã dụng phương pháp đặc lực nhất để cứu độ chúng sanh, sau như sanh không đổ lỗi “Phật giả vô ngôn” trước Thiên điều. Điều ấy đã hoàn toàn minh chứng cơ quan phổ độ của Đức Chí Tôn đã gieo một hạt thánh cốc tại Nam Phương, một nền chơn đạo phủ khắp năm châu, hoàn vũ.

Do thế, dầu Đức Thượng Đế chưa chính thức dụng cơ bút thì các Đấng Thiêng Liêng đã loan báo bằng huyền diệu tiên bút về việc khai mở nền Đại Đạo.

Chánh Pháp Đại Đạo ra đời để dẫn dắt con người thuần hành tu tập, quán niệm để đắc nhất. Khi vị Giáo Chủ tôn giáo nhập tịch, tất cả các môn sinh đều thương tiếc và sợ sau này không ai dìu dắt con đường thiện hạnh của mình. Dầu thế, các Đấng cao cả ấy vẫn có những dấu chỉ, tiên tri về con đường cứu cánh tương lai cho chúng sanh biết trước nền Đạo Cao Đài. Và đó chính là nền đạo ngày hôm nay nhưn sanh đang thừa và luôn được các Đấng tiên tri về sự hiện hữu.

Các điển hình sự loạn báo như cơ bút tại tỉnh Đồng Tháp, đàn cơ tại Miếu Nổi, lời tiên tri trong kinh Minh Sư, tiên tri của đạo Đại Bản Oomoto, tiên tri trong kinh Phật Tông Nguyên Lý của Phật Giáo, tiên tri trong Thanh Tịnh Kinh của Lão Giáo, tiên tri trong quyển Vạn Diệu Thiên Thư Cổ Bản, tiên tri trong quyển Tinh Thế Ngô Chơn, tiên tri trong quyển Giác Mê Ca, tiên tri trong sách Trạng Trình, tiên tri trong quyển Âu Học Tâm Nguyên, Đạo Tam Thanh bên Trung Hoa...

Trong đó, có lời tiên Tri của Đức Phật Thích Ca. Phật Giáo vẫn truyền tụng một dữ kiện quan trọng mà Thầy Thích Thông Lai nói Đức Phật Thích Ca cho hay:

“Chùng nào có một đạo ra đời, lấy y phục toàn màu trắng làm chuẩn cho cơ bản của đường tu và tất cả các đạo cũng đều nhìn nhận để cùng mặc toàn là đồ màu trắng thì lúc đó sắp có Long Hoa Đại Hội. Khi nào có đạo ấy ra đời, các con sẽ đem xá lợi của ta và cây bồ đề của ta đến hiến cho đạo ấy, vì đạo ấy có ta ở đó, ngày Long Hoa Đại Hội sẽ có mặt ta, các con nhớ vậy”.

Đức Phật Thích Ca cho biết đạo mặc toàn đồ trắng là Đạo Cao Đài, còn tiên luận về cuộc Đại Hội Long Hoa sẽ diễn ra trong Đạo Cao Đài. Ngài nói sẽ có một **Đấng Chúa Tể** phổ truyền nền chơn đạo vinh diệu.

“Ta chẳng phải vị Phật đầu-tiên hay vị Phật cuối cùng, mà sau Ta vào thời-kỳ cuối cùng của đạo-pháp (mạt-pháp) sẽ có một Đấng lớn hơn Ta xuất-hiện, Đấng Chí-Thánh Đại-giác độc-nhất vô-song, cực-kỳ cao-thượng. Đấng Chúa-Tể cả Thần Thánh và nhân-loại. Đấng đó sẽ phổ-truyền một nền Đạo vinh-diệu lúc sơ-khai, vinh-diệu lúc thịnh-hành và vinh-diệu cả buổi chung cuộc”.

Tiên Tri của Thiên Chúa Giáo trong Thánh Giáo Gia Tô, Đức Chúa Jesu cũng tuyên ngôn trong sau hai ngàn năm Đạo của Ngài, sẽ có một nền Đạo đầy quyền năng và vinh quang. Như vậy, chỉ trong vòng một ngàn chín trăm hai mươi sáu năm [1926], đạo Cao Đài đã ra đời như lời Ngài tiên tri. Đức Ngài cho hay rất rõ ràng, Ngài sẽ giáng lâm lần nữa.

“Chừng đó sẽ có những điềm trên mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Các quyền-lực trên trời bị lay chuyển. Dưới đất muôn dân sẽ lo-lắng hoang-mang trước cảnh biển gào song thét, hải-hùng đón nhận những tai-wrong giáng xuống địa cầu. Bấy giờ thiên-hạ sẽ thấy con người đầy quyền năng và vinh-quang ngự trong đám mây mà đến.... Ngày ấy đến một cách bất thần, như mẻ lưới chụp xuống trên mọi dân cư khắp trên

mặt đất... Một cách bất thần như kẻ trộm ban đêm. Lúc ấy tai-họa sẽ thành-linh ập xuống cho mọi kẻ tội lỗi”.

Lời tiên tri của Đức Chúa Christ hoàn toàn trùng hợp với triết lý Cao Đài Đại Đạo. Thời kỳ mặt pháp đã đến, cơ sàn lọc, chọn hiền sĩ vào bảng phong vị của Đức Di Lạc Vương Phật hầu cận. Đức Chí Tôn đã đến với chúng sanh “như kẻ trộm ban đêm”, tức là huyền diệu cơ bút các Chức Sắc khai Đạo cầu cơ vào ban đêm thuở sơ khai.

Tóm lược, luân hồi là mặt luật của Đạo Pháp, chẳng một chúng sinh nào đi ngoài khuôn định ấy. Đại Đạo đã trương ngọn cờ nơi mặt thế, được các Đấng Thiêng Liêng tiên tri, loan báo về sự xuất hiện để toàn loài người đón nhận hồng ân. Vì thế, biết luân hồi khổ, tỉnh thức, quay đầu, nhập vào trường Đại Đạo của Đức Chí Tôn hưởng ân cứu rỗi kỳ ba này.

42. PHẨM THIÊN PHONG ĐẠI ĐẠO

Chiếu theo bài thứ bốn mươi hai trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 20 tháng 11 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy các phẩm Thiên Phong trong nền Đại Đạo thuộc Hội Thánh Cửu Trùng Đài.

Khi Đức Chí Tôn và Đức Lý đã thu gom một số Chơn Mạng thì Đức Chí Tôn làm lễ Thiên phong cho các vị, tức là phẩm vị do Trời ban cho để thi hành phận

sự trong cửa Đại Đạo, thực hiện các tôn chỉ nền Đạo, phổ độ chúng sanh.

Từ xưa nay, các nền tôn giáo chưa hề có hiện tượng cơ bút thiên phong. Ngày nay Đạo Cao Đài khai sáng, Đức Chí Tôn và Đức Lý chọn lựa các vị trọn thánh để phong phẩm, thi hành phận sự trong tổ chức Giáo Hội đạo Cao Đài, còn gọi là Hội Thánh, tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn không xuống thế gian bằng xương bằng thịt, Ngài phải quy lương sanh, gom hợp con cái của Ngài lại để phú thác sứ mạng thiêng liêng “Tam Kỳ Phổ Độ”.

Chúng ta hoàn toàn thấy được sự liên thông giữa quyền năng thiêng liêng và bàn tay con người, chứng minh tính chất “Thiên-Nhân hiệp như”. Các phẩm Thiên phong trong giai đoạn đầu được Đức Chí Tôn phong. Sau này, tất cả đều do Đức Lý phong và chấm phá.

Chức Sắc Thiên Phong là người phải có trách nhiệm cảm phước chiêu hồn, dìu dắt chúng sanh thoát khổ, đem rải hồng ân của Thượng Đế khắp nơi. Đòi hung bạo, nên Đức Chí Tôn mở Đạo để độ rồi. Nếu đòi thánh thiện, không phải nhọc công nhọc lòng đến Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng. Vì vậy Chức Sắc Thiên Phong đã được chọn lựa để giúp con người vô minh coi thường nền Đạo, chạy theo văn minh vật chất, chẳng hề chú trọng tâm linh tinh thần, mãi mê say đắm nơi chốn sông mê, đưa đời đến trường tranh đấu.

Phẩm Thiên Phong là hình ảnh của Đức Chí Tôn, Đức Ngài cậy nhờ bàn tay Thiên Phong để nuôi đói, nuôi khát, bảo trợ kẻ nghèo cô độc, nên phận sự của Thiên Phong trong Hội Thánh vừa cứu khổ thể xác vừa tâm hồn, trong đạo lẫn ngoài đạo, vượt biên giới vô tận đến toàn thể nhơn sanh quả địa cầu.

Hàng phẩm Thiên Phong do chính Đức Chí Tôn, Đức Lý Giáo Tông vô vi và các Đấng Thiêng Liêng phong khi đạo tượng mặt thể, là hình ảnh mô phỏng cho phẩm hạnh đáng giá để nên Đạo mai sau nương theo khuôn khổ mực thước và hành tàng để làm môn đệ yêu dấu của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Ngược lại, đã được ân huệ Đức Chí Tôn phú thác gửi gắm nơi mình một phận sự đặc biệt trong Hội Thánh, nhưng nếu gương mẫu cho toàn nền đạo không thành thì cái tội cũng chẳng phải là nhỏ.

Lịch sử Đạo Cao Đài đã ghi lại biết bao nhiêu Chức Sắc Thiên Phong phải chịu phong trần, nương mây, gửi gió, đem thân “tứ đại giai không” nhập vào trường Thánh Thể, đã phải chịu những khổ nạn đao binh, bệnh chướng sát hại, tù tội ngục hình, kiệt sức vì trường chay khổ hạnh nhưng vẫn sống cùng thời gian. Nếu chẳng đáng phẩm Thiên Phong, có lẽ cái nạn kia không chỉ trường tồn mà tiếp tục quyền hành Thiên Phong trong Hội Thánh.

*“Nếu hiểu đặng thì Thánh Thể cũng vậy, Hội Thánh, chư Chức Sắc **Thiên Phong** Nam, Nữ hay toàn thể Tín Đồ cũng vậy, lãnh Thiên mạng đảm nhiệm trách*

vụ thiêng liêng Chí Tôn phú thác lập giáo, tức nhiên phải có phẩm giá, trật tự đẳng cấp” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1, bài 39].

Ngoài giá trị đẳng cấp để thể hiện trật tự trong nền Chánh Thể, phẩm Thiên Phong Đại Đạo còn thể hiện thêm hai tính chất quan trọng. Thứ nhất, đó là phần thưởng thiêng liêng của Đức Chí Tôn dành cho môn đệ Cao Đài, dầu chưa xứng đáng thì rán lập vị, lập công cho hoàn toàn để phù hợp cấp đẳng đã mang trên người, ngoài ra nếu công tu hành vượt trội thì có thể cao thăng Thiên vị. Thứ hai, thể hiện lòng đại từ, đại bi của Đức Chí Tôn trong thời kỳ này.

Lòng thương yêu ấy rất rõ trong Thánh Giáo, Thầy đến chọn lựa nhưt Phật, Tam Tiên, Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập Nhị Hiền và Tam Thiên Đồ Đệ. Các môn đệ được thọ phong này thuộc cơ quan hành chánh Cửu Trùng Đài.

Giáo Tông là địa vị Nhưt Phật, là anh cả của toàn môn đệ trong nền đạo, thay Thầy dìu dắt nhưn sanh trong đường đạo lẫn đường đời, có thể thông công cùng Tam Thập Lục Thiên và Thất Thập Nhị Địa cầu đặng cầu rỗi cho chúng sanh. Ngôi vị này do Đức Chí Tôn phong thưởng riêng hoặc do phẩm Chương Pháp và Đầu Sư tranh cử nhưng dưới quyền công cử của toàn thể môn đệ.

Ba phẩm **Chương Pháp** là người của Hiệp Thiên Đài đứng tại Cửu Trùng Đài để giám sát việc lập luật.

Nên có trách nhiệm xem xét luật lệ trước khi thi hành, nhận luật từ Giáo Tông truyền xuống hoặc Đầu Sư dâng lên. Khi hai phía chẳng bằng lòng, Chưởng Pháp phải dâng cho Hộ Pháp cầu Đức Chí Tôn giảng sửa.

Mỗi luật pháp chi ban hành, Chưởng Pháp có quyền xem kỹ luật lệ coi có hại nhơn sanh chẳng, nếu phải trừ bỏ thì Chưởng Pháp có quyền cấm xuất bản phổ thông. Mỗi vị Chưởng Pháp có ấn riêng và phải có đủ ba ấn trên mỗi luật lệ ban hành.

Chưởng Pháp là phẩm vị thuộc Cơ Quan Tư Pháp, tức là Hiệp Thiên Đài, hành sự giám sát bên cơ quan Cửu Trùng Đài coi mặt luật có vừa sức, phù hợp hay có điều chi hại đến nhân sanh.

Ba phẩm **Đầu Sư** là Tam Tiên, có trách nhiệm đạo đời của toàn môn đệ, có quyền lập luật, song luật ấy phải dâng cho Giáo Tông phê chuẩn và buộc Giáo Tông phải truyền cho Chưởng Pháp xem xét kỹ càng trước khi thi hành. Phẩm này phải tuân mạng lệnh của Giáo Tông nhưng có quyền cầu nài xin hủy bỏ. Quyền hành Đầu Sư thể hiện ở đặc điểm này. Nếu cả ba phái Thái-Thượng-Ngọc Đầu Sư đồng ý không ký tên thì luật lệ phải trả về Giáo Tông để xem xét lại.

Tam Thập Lục Thánh là ba mươi sáu phẩm **Phối Sư**. Mỗi phái là gồm mười hai người. Trong hàng đó, mỗi phái cử ra một người làm Chánh Phối Sư để thế quyền cho Đầu Sư hành mạng lệnh. Phẩm này không có quyền cầu phá luật lệ.

Thất Thập Nhị Hiền là bảy mươi hai vị **Giáo Sư**. Mỗi phái gồm hai mươi bốn vị, có trách nhiệm gần gũi nhơn sanh, dạy dỗ đạo đời, gánh vác việc quan, hôn, tang, lễ và cầm sổ bộ đạo toàn tín đồ. Vì sự gần gũi nhơn sanh, biết luật lệ có chi hà khắc đối với nhơn sanh nên có quyền xin cầu nài chế giảm luật; có quyền châu Thầy thay Phôi Sư và Đầu sư tại các tỉnh lớn.

Tam Thiên Đồ Đệ là ba ngàn vị **Giáo Hữu**, mỗi phái chia đều là 1.000 vị, có trách nhiệm phổ thông nền chơn giáo Đại Đạo, có quyền cầu nài xin chế giảm luật lệ trong công cuộc truyền bá và thi hành phận sự.

Lễ Sanh là phẩm ưu tú, được chọn lựa trong hàng tín đồ, có trách nhiệm khai đàn cho chư tín đồ. Phẩm này chưa gọi là Chức Sắc mà là phẩm ưu tú để dọn mình trước khi bước vào các phẩm Chức Sắc trên. Duy chỉ vào hàng Lễ Sanh mới mong bước vào Thánh Thể, kỳ dư Thiêng Liêng phong thưởng riêng mà thôi.

Chúng ta có thể đọc Pháp Chánh Truyền để hiểu rõ chi tiết hơn vai trò, trách nhiệm của từng phẩm. Chúng ta nhận thấy rằng thứ nhất, Phẩm Chương Pháp không nằm trong Cửu Trùng Đài nhưng vốn là người của cơ quan Hiệp Thiên Đài. Đây là điểm quan trọng trong chánh trị Đại Đạo. Thứ hai, phẩm Lễ Sanh vốn chưa gọi là Chức Sắc theo luật pháp và Thánh Ngôn.

Nhìn lại lịch sử Đại Đạo đã biến diễn qua những dữ kiện quan trọng và quán xét tính chất truyền bá, cũng như cơ cấu Chánh Thể Đại Đạo của Thể Đức Chí Tôn,

chúng ta thâm thấy rằng có rất nhiều điểm đáng lưu ý. Thứ nhất, giáo lý Cao Đài minh mông. Thứ hai, phẩm Thiên Phong Đại Đạo là bằng vàng được điểm danh trong **Thiên Tịch**. Thứ ba, giống như lời tiên tri của Đức Chí Tôn sau này vắng bóng Ngài thì con cái Người ra lẽ nào; thực tế đã chứng minh lời Đức Ngài lo sợ.

“Vắng bóng” hàm nghĩa không còn cơ bút Thiêng Liêng giảng dạy, khuyên nhủ, dạy phép hằng tâm để rèn tâm đoan chính. Thời kỳ này đã được loan báo và tuyên ngôn do chính Đức Chí Tôn. Mỗi môn đệ Cao Đài điều tín ngưỡng mạnh mẽ nơi quyền năng tối cao của Ngài, nhưng việc thi hành các thể pháp và con đường tận độ có như buổi ban sơ hay không. Đó là một câu hỏi bỏ ngỏ, dành cho mỗi người để tâm chiêm nghiệm lý đạo.

43. ĐIỀU GIỮ TÂM TRÍ

Chiếu theo bài thứ bốn mươi ba trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giảng ngày 23 và 24 tháng 11 năm 1926, Đức Chí Tôn nhắc về biến cuộc xảy ra tại chùa Từ Lâm Tự, cốt ý nhắc nhở về tâm tánh đạo hạnh của môn đồ Cao Đài.

“Tâm” là một danh từ phổ dụng trong toàn thể các nền tôn giáo cổ xưa, hàm chứa nhiều ý nghĩa. Nó bao gồm nhận thức giác quan, ý tưởng bằng lời nói và ý tưởng trừu tượng, tình cảm, cảm giác hạnh phúc và bất hạnh, sự chú ý, tập trung tinh thần, trí thông minh và nhiều hơn nữa. Tất nhiên, nói đến “tâm” là nói đến tất cả

các dạng hoạt động tinh thần, không phải là hiện tượng vật lý, hóa học mà là một “sự hiện diện” duy chủ đời sống và tác động sự thăng tiến trên dòng chảy bất tận.

Đối với đạo Cao Đài, con người có **Thần**, tức là bốn nguyên chí thánh do Thượng Đế phân phát. Quy Phật là chấp nhận nguồn cội duy nhất bất diệt của Đấng Hóa Công, quay về nội tâm để thấy Thần của chính mình. Thầy hằng dạy” *“Thần cư tại nhĩn”* nên dạy về Thiên Nhãn mà thờ. Đó là thể pháp tượng lý diệu dụng của bí pháp màu nhiệm thiêng liêng. *“Thầy là các con, các con là Thầy”* đủ minh chứng rằng mỗi con người đều có một Phật Tánh huyền diệu.

“Các con chớ nên phiền hà; chuyện Thánh-Thất xảy ra, ấy cũng một bước trắc trở trong đường Đạo của Thầy”.

Dẫu rằng sự việc xảy ra ngày khai đạo là một Thiên cơ thử thách tạo ra mọi điều phiền hà và làm Đức Chí Tôn phải buồn lòng vì sự sa ngã của các môn đệ, nhưng cũng vì do **tâm trí** của môn đệ nơi Chánh Giáo mà có cơ sự.

*“Thầy còn phải đau lòng thay, nhưng cũng là nơi Thiên cơ vậy; Thầy hằng biết công của các con, nhưng Thầy phải cực lòng chiều ý của mỗi đứa mà xây đắp nền Đạo, vì vậy mà nhiều sự xảy ra đều do nơi **tâm trí** của nhiều đứa”*.

Cương vị làm Cha, Ngài lấy bắt đau lòng, chịu nhìn sự ngã nghiêng của các môn đệ dần dần mất hết vì

nghe theo tiếng gọi của vô minh. Trí tri là một phép quán xét nhưng chẳng đặng. Tâm chưa an, trí chưa vững mới thành một trường não nhiệt, thị phi trong công cuộc khởi đầu Lễ Khai Đạo.

“Thầy hằng dùng tâm trí của các con mà bố mọi điều thiết yếu trong Đạo-đức”.

Đường đời vốn chông gai, lắm nỗi trắc trở và thêm cơ mâu nhiệm huyền vi của tạo hóa. Huống lựa lập mỗi đạo và chọn sĩ tử trung thành, tâm chí hướng thượng, một lòng phải lo cơ đạo hoằng dương, đó là một việc làm phi thường, nên Thầy hằng bố hóa đạo đức gia hộ thêm cho chư môn đệ tiên khai đạo.

*“Sự xảy ra nơi Thánh Thất, tuy là nơi mới Đạo chậm trễ, nhưng cũng do nơi lòng tà vạy của nhiều đấng mà ra, vì tâm trung chánh đáng thì là làm cốt cho Tiên-Thánh; còn **tâm chí vạy tà** là chỗ của Tà-Quái xung nhập”.*

Cơ thử cũng để phân thiết-hư, vàng thau rõ rệt, chánh tà phân minh. Lời thánh giáo là một điều dạy dỗ toàn thể người tín đồ Cao Đài xưa cũng như nay và mai sau, luôn giữ tâm trung chính, chẳng nên mơ hồ mà làm đường lạc lối, làm công cụ cho tà quái mượn.

Còn hiện tượng sa hó, làm đường cũng do nơi Thiên Luật, là cơ thử thách toàn thể chư môn đệ, lại cũng do nơi sự vạy tà của chúng sanh để nơi lòng, mà tự chịu theo khối tà. Ý chưa trong, lòng chưa vững lại trở nên nơi trú ngụ của quyền năng tà quái, tinh ma.

“Chi chi cứ tưởng có Thầy giúp mà lập xong nên Đạo cho các con là đủ”.

Mọi sự đã có Thiêng Liêng xoay chuyển, sắp xếp an bày phần thưởng và hình phạt, duy chỉ thủng thẳng, sở cậy nơi quyền thiên cơ mà trị răn những người vạy tà. Đủ đức tin, ngày qua ngày nương mình nơi cơ bút thiêng liêng, chẳng ngã lòng, thối bước thì con đường đạo càng rộng mở.

“Thầy cũng có phép răn trị kẻ vạy tà; các con duy có trông cậy nơi Thầy, bước đường cứ thủng thẳng đi tới; đừng gấp gúa, mà cũng chớ thối lui, thì một ngày kia sẽ đặng toại kỳ sở nguyện”.

Chỉ e **tâm chí** chùn chân, mỗi góì, không nuôi dưỡng thánh tâm, lờn oai hình phạt thiên điều, mưu toan giục loạn, quấy phá, nghịch phản chơn truyền mà thôi. Đạo mở ra có Đức Chí Tôn che chở, có các Đấng cao trọng bênh vực, dẫn đường đưa lối. Chỉ một lòng trung thành, nương áo nâu sòng, vượt qua những thử thách.

Còn mọi việc hư cấu, phương chước tà mị, nhiều phá của những kẻ vạy tà luôn luôn có phép định trị do nơi Thiên luật. Đến ngày giờ, hẵn nhiên đều tiêu tan, người trong sạch, chí tâm thì trong như tuyết trắng.

“Đó là bước Đạo, đó là Thiên-cơ, các con hiểu sao được, nhưng Thầy buồn vì có nhiều đũa xàm biện về việc ấy, Thầy cũng muốn phạt chúng nó một cách nặng nề, nhưng Thầy nghĩ lại mà thương đó chút”.

Thế thường, người ta ngỡ rằng trần tục là chốn bùn nhơ, bon chen, giựt giành, mạnh đặng yếu thua, khôn còn, đại mất. Nếu bỏ đời, ẩn mình vào đời sống tín ngưỡng có lẽ sẽ an ổn, bình an, thanh tịnh. Nhưng cơ đạo mâu nhiệm, phạm thánh lẫn lộn. Bằng chẳng có trí phân minh, định lẽ thiệt-hư mà chọn cho mình một lối sống minh triết, tâm chí không hề quán xét, dụng thói vạy tà, xàm biện đủ điều, chẳng biết nguồn cơn, có khi bị hành phạt theo luật nặng nề.

“Môn- đệ của Thầy nhiều đũa muốn bỏ đạo-y, ném dép cỏ, lột khăn tu mà mong hồi tục thế”.

Có khi một chút thử thách, tâm chí không vững có thể lột áo tu, dẹp tượng mà nghe lời thị phi. Lại còn khen ấy là đúng, muốn hồi tục, lại thêm lời dèm pha, làm trò cười cho đời. Đó cũng vì tâm chưa an, lòng chưa tĩnh, duyên chưa tới. Cơ thường-phật vốn vô tình theo luật tự nhiên. Phạt phạt, thưởng thưởng cũng do nơi hành đạo của mỗi môn đồ.

“Bởi bước Đạo gập ghình khó tới nên mới ra có đỗi. Bởi còn vương bụi trần, ham mỗi phú quý, mê chữ vinh sang mà ngán đạo; các con hiểu: Thầy buồn, nhưng ấy là máy Trời đã định, chạy sao cho khỏi. Thầy biết bao lần vì các con mà chịu nhọc nhằn”.

Muốn qua bờ, phải qua cầu. Muốn sang sông, phải đi đò. Muốn trở về sáng, phải bỏ bóng tối. Muốn ngọn đèn tâm linh cháy mãi, phải đốt lửa và giữ cho nó không bị ngoại cảnh làm tắt dần. Muốn về sự thiện lành, phải từ

bỏ ác tâm. Muốn tâm tánh trở về thanh sạch, phải gội rửa bằng nước thanh khiết. Muốn hết vô minh, phải học và hành sự minh triết.

Nguồn đạo là một ánh sáng và là con đường để con người thực hiện mọi khao khát ấy. Nhưng đạo khó cầu, chẳng phải có tám số cầu đạo là đặc kỳ sở vọng. Đường đạo của mỗi người là một hành trình dài thăm thẳm, có sóng to, gió lớn, gặp ghềnh chông gai bởi bụi trần lấm đẫm, có vật chất kim tiền, có vinh hoa, phú quý, có danh hư ảo tượng. Để trở về chân-thiện-mỹ, người môn đệ Cao Đài phải tự trang bị cho mình một kinh nghiệm sống, nâng **tâm chí** và sự sáng suốt lên.

Có khi đó là những bài khảo thí vì là luật vốn vậy, nhưng mỗi sự chi cũng làm Đức Đại Từ Phụ đau lòng. Tình thương của Đấng ấy hằng hữu và vẫn vậy, bao phen phải chuốc thảm, đeo sầu vì bầy con dại. Đôi khi “tu theo phong trào”, bận áo cho đông, nhập môn cho nhiều, rồi cũng vì chữ “đời” mà ngán đạo, lột khăn tu, bỏ áo đạo, hồi tục vì một cơn thử thách của đời vì thiếu hai chữ “minh triết”.

“Từ khai Thiên lập Địa, Thầy cũng vì yêu mến các con mà trải bao nhiêu điều khổ hạnh, mấy lần lao lý, mấy lúc vang mày, nuôi nấng các con, hầu lập nên Đạo; cũng tưởng cho các con lấy đó làm đuốc soi mình đường cải tà quy chánh”.

Cũng vì thương yêu, tảo tàng, lo sự sinh hóa của chúng sanh, cơ tấn hóa của loài người, nên Đức Chí Tôn

luôn lo mở đạo để độ rồi, làm một ngọn đèn thiêng liêng cho nhơn sanh hồi đầu, cảnh tỉnh, quay về bến giác, bỏ con đường tà mị. Tình thương của Ngài luôn như thế. Ngược lại, con người hằng lợt thánh tâm, xem mỗi đạo là trò chác đời hoặc giả lần lần làm cho nền đạo mất chơn truyền.

“Mấy lần vun đắp nền Đạo, Thầy đều cũng bị các con mà hư giềng Đạo cả. Thầy buồn đó các con”.

Hiện tượng thất pháp, chơn truyền dời đổi là bằng chứng hiển nhiên trước mặt chúng ta. Thể pháp đạo đời, bí pháp bị lợi dụng như một công cụ, làm tha hóa tính chất cứu cánh giải thoát. Ngôi vị Chí Tôn lấy làm đau buồn vì hình trạng ngã nghiêng, sóng đời vì bàn tay và sự vô minh trọng trước, lấm bụi trần.

“Các con nghe Thầy: Sự biến xảy ra đến nay đã thành một trường ngôn luận, có khi cũng náo nhiệt đến nền Đạo; kẻ gọi tà, người nói chánh, nơi Thiên-Thơ đã có dấu ràng ràng, các con có đi tranh luận cũng nhọc công vô ích, kẻ hữu phần, người vô phước, tin tin, không không cũng chẳng sửa cơ Trời dựng”.

Ngày khai Đại Đạo đã ghi vào sử sách, lưu truyền vạn đại, là một mốc lịch sử nền Đạo quan trọng thể hiện sự hình thành tôn giáo. Nhưng cũng vì Thiên khảo mà làm trở thành trường náo nhiệt, ảnh hưởng sự truyền giáo và đức tin con người. Đời thì lẫn lộn, người cho là chánh, người gọi rằng tà. Tà-chánh chẳng định được cơ

Trời. Một sự thử tâm chí và sự sáng suốt của chư môn đệ hằng xảy ra trong mỗi thời kỳ.

Thánh Giáo Đức Chí Tôn luôn luôn có thể áp dụng trong từng giai đoạn phát triển của nền Đạo. Mỗi môn đệ có một điềm linh quang, một ánh sáng chơn thần để định con đường mình đi. Dẫn chánh, dù tà cũng do con người có đức tin và lọc lừa định quyết trong mỗi sự việc đối với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

“Đường càng dài, bước càng nhọc, thì nền Đạo càng cao, công trình càng rõ”.

Hành trình đạo của mỗi môn đệ là chuỗi tháng ngày đầy cố gắng, **tâm chí** vững vàng để lướt qua những cực nhọc. Hễ đường càng dài, công quả càng cao, giữ vững đến chung cuộc thì vinh quang rạng rỡ. Chớ nên thối cáo vì gian truân khổ nạn.

“Ôi! Thầy đã nhọc nhằn vì bầy con dại, muốn ra tay tế độ, vớt trọn cả chúng sanh thoát vòng khổ ải; nhưng chúng nó đã nhiễm-luỵên đã đầy mùi trần thế, tâm chí chẳng vững bền, thấy khó đã ngã lòng, mới đập chông, toan trở bước”.

Mọi gian lao, nhọc nhằn cũng bởi bầy con thơ nên Đức Chí Tôn bao lần lao lung, chịu lòng con trẻ, toan muốn vớt cả chúng sanh. Nhưng luật thiên điều chẳng đặng làm vậy, Đức Ngài đành phải tuông lụy nhìn con cái Người dần dần sa bước, lỡ chân, chịu nhiễm luỵên hồng trần, thương đời xa đạo, thất lỗi cùng Thiêng Liêng.

“Thầy cũng phải đau lòng mà nắm máy huyền-vi để cơ trời xây đời; các con liệu lấy”.

Trước khối đại ái của Đức Đại Từ Phụ, con cái của Người vẫn đầy vô minh, nhiễm luyến mùi tục, chẳng phương chức cứu rỗi. Đức Chí Tôn cũng phải nhắm mắt để máy huyền vi xoay chuyển. Tất cả phải nhờ sức của mỗi môn đệ, nhờ sự khôn ngoan bức phá, lột khỏi vỏ trần cấu, cầu học điều mâu nhiệm, điều giữ tâm trí sao cho hiệp Thánh ý. Đức Ngài hằng ước vọng như thế.

“Bản Đạo chỉ mong có một điều là toàn thể con cái của Ngài nam, nữ mỗi ngày đều tưởng tượng đến công khó nhọc anh em nó, khó nhọc của đồng bào toàn thể nước nhà nòi giống đã tạo dựng nên nghiệp ấy, lấy cả sự nghiệp này làm môi giới, giữ đạo đức làm bùa hăng tâm, thương yêu với nhau giữ nghĩa với nhau cho đến bảy trăm ngàn năm (Thất ức niên) theo lời của Đức Chí Tôn đã định, dầu Bản Đạo còn ở đây hay về cõi Hu Linh Cung ấy an lạc đi nữa, cũng nhớ đến đại nghiệp con cái của Ngài và Bản Đạo dám đại ngôn với Ngài rằng: Con cái của Ngài giữ tâm chí hiếu với Ngài và đối với Phật Mẫu cũng vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 4 bài 19].

Do vậy, đạo khai là một ân huệ to lớn cho nhơn sanh, **điều giữ tâm trí** cho hợp thiên cơ, dùng thánh tâm lánh tà vậy, quyết một lòng theo chân Đức Chí Tôn thì một ngày kia, công trạng ghi danh, tạc sử.

44. ĐẶC ÂN THIÊN LIÊNG VÀ LỜI CẦU NGUYỆN

Chiếu theo bài thứ bốn mươi bốn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 28 tháng 11 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy đạo cho một người Pháp, người đã có những việc làm nhơn nghĩa, đạo đức. Song đó, chúng ta thấy sự cầu nguyện có giá trị nhiệm mầu.

“Đấng Chủ-Tể Toàn Năng giáng thế tá danh Cao-Đài truyền chơn-lý tại Việt-Nam.

L..., một đàn cơ riêng biệt ít khi được thiết lập cho ai, mặc dầu lời thỉnh nguyện có quan-hệ cách mấy đi nữa cũng không đặng. Nhưng đối với con, Thầy được hiểu lòng nhơn-đức, tánh từ-thiện của con, nên Thầy cho con được thỏa nguyện”.

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đấng Chủ Tể Toàn Năng đã chính thức đến với loài người, tá danh là Cao Đài, giáo đạo tại Nam Phương. Đó là một **đặc ân thiên liêng** của toàn thể nhân loại, một sự truyền giáo chính thức, công khai mang tính cộng đồng, không vì bất kể cá nhân nào.

Kiếp sanh con người là một quỹ đạo luân tròn, sinh-sinh, tử-tử nối tiếp nhau, chứa hạnh phúc và khổ đau. Có những **đặc ân** lớn lao diễn ra âm thầm trong đời mà có thể ta không hiểu tận nguồn, nhưng mọi thứ là quy luật của tạo hóa, nét công bình thiên liêng và chính xác hơn cũng do nơi nhân quả con người mới thành.

Đàn cơ được giáng lập theo thỉnh nguyện của một người Pháp. Đức Chí Tôn làm cho toại sở vọng. Lòng đạo đức, tánh thiện nhơn đã làm Đức Thượng Đế đoái hoài, ban ân cho một đàn cơ dạy đạo riêng.

Trong cuộc sống thường hằng cũng vậy, chúng ta chưa từng thấy Thượng Đế, đâu có kêu than mấy thì Ngài vẫn im bất giữa dòng sống bất tận. Hễ biết nhân quả, biết thiện lành, nhân đức là gốc rễ của hạnh phúc, biết con đường đến với Đức Chí Tôn là lẽ chí thành thì chẳng ngần ngại trọn lòng thi thố, làm cho Ngài nơi cõi hư linh mỉm cười, những đặc ân thiêng liêng cũng sẽ đến với chúng ta như trường hợp trên thông qua một hình thức khác. Sự tĩnh tâm, tu học, thuần hành phụng sự theo khuôn luật Đại Đạo, Đức Chí Tôn vẫn hằng ngự và ban phép lành cho chúng ta.

“Ngoài ý-chí đạo-đức của con, con còn có ý tìm hiểu giáo-lý mới mẻ này, giáo-lý mà một vài đồng bào của con đã giải thích xuyên tạc dưới một hình-thức tinh ranh”.

Nền đạo hãy còn mới mẻ, loài người chưa biết hoàn toàn cơ quan cứu thế của Đức Chí Tôn. Chính quyền Pháp lúc bấy giờ xuyên tạc tôn giáo làm chính trị, nên có những sách lược mưu xảo để hầu tiêu diệt. Đức Chí Tôn vì lòng đạo đức, ý chí và muốn tìm hiểu triết lý Đại Đạo mà ban đặc ân thiêng liêng cho biết thiên cơ, đạo lý, an ủi, thúc giục người Pháp này.

“Nơi xứ này dân tình rất thuần-hậu và ôn-hòa nên Thầy đến cũng như Chúa Cứu Thế đã đến với chúng con để bài trừ tà thuyết và truyền bá chọn Đạo trên toàn cầu”.

Đức Chí Tôn đã định nghĩa việc giảng thế cũng như Đức Chúa Kito đã thay hình dáng Đức Chí Tôn giảng lâm và đem cả hình hài và khối thương yêu vô tận ban tặng nơi xứ Tây Âu. Vì vậy, đất Đại Nam này cũng đặng hồng ân như thế, được chính mình Đấng Cao Cả tá giảng dạy đạo.

Cả thế gian đã bao phủ bởi nhiều định thuyết à quyền, mê tín. Đức Ngài giảng thế để dẹp bỏ mọi thứ và đem lại một nền đạo chân thật, đủ phương diu dắt sanh linh nương phước chiêu hồn.

*“Ngài tìm phương pháp để tận độ chúng sanh, cơ tận độ ấy chưa thành tựu, họ còn bị kẹt vào vòng tội lỗi tại thế này cửu nhị ức nguyên nhân, Ngài đến gom về hết trong thời kỳ ân xá thứ ba này, chúng ta không dè ngày nay hưởng **đặc ân** của Ngài, được nắm quyền hành làm Thánh Thể cho Ngài, tức nhiên là Ngài vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2 bài 38].*

Đức Ngài đến với dân tộc Việt Nam-một dân tộc biết lưu truyền giá trị tâm linh, để truyền bá một nền Chọn Giáo, bài trừ mọi tà thuyết, lại quy tín ngưỡng loài người thành một môi, nối lại sự liên kết giữa loài người với Đức Thượng Đế hằng đứt gãy và sứt mẻ.

“Người sống trên thế-gian này, dầu thuộc giống dân nào, cũng chỉ có một cha chung mà thôi, ấy là Trời đang chế ngự số-mạng của các con. Tại sao các con lại chia rẽ nhau vì sự bất-đồng đạo-lý, mà chính tất cả các con đều phải chung chịu đau khổ để rửa tội của các con ở cõi thế gian này”.

Mọi tôn giáo là nền tảng để con người hoàn thành “sứ mạng” tu học, nào dè sự bất đồng đạo lý tôn giáo, thế pháp hữu hình thành ra một trường thảm kịch chia rẽ, hơn thua, chẳng nhìn nhận Đấng Cha chung đang, hằng chế ngự sự sinh tử của mọi sinh linh.

Trạng thái chia rẽ, không thương yêu, bất tòng mạng linh tình thương yêu của Đức Chí Tôn nên Thánh Giáo Kito gọi là “tội tổ tông” hay “tội nguyên tổ”, dẫn đến “tội truyền thụ”. Luận cho cùng tận, đó là tội của con người đã gây tạo. Chính con người phải nhận phải mọi hậu quả để rửa tội cho thanh sạch. Dầu Đức Chí Tôn là Đấng Chúa Tể, nắm quyền lực vô hạn cũng không thể cứu rỗi trước những tội lỗi ấy.

“VẬY, ai là người thất thế với Chí Tôn thì phải sớm thức tỉnh tâm hồn, ăn năn sám hối, cầu xin Đại Từ Phụ cùng các Đấng Thiêng Liêng, từ bi ân xá **tội lỗi** tiền khiên, họa may đặng chung hưởng **ân huệ** của Đức Chí Tôn ban cho sau này” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 1].

Ân huệ chính là đặc ân thiêng liêng. Nếu có đặc ân huệ nghĩa là tội lỗi đã xóa tan. Nếu tội chông tội thì há mong mỗi những đặc ân thiêng liêng là điều vô nghĩa.

“Con để chơn vào con đường đưa đến cảnh an nhàn hưởng những chuỗi ngày hạnh phúc nơi cõi Niết-Bàn. Con rán tiếp tục đi trên con đường vạch sẵn ấy để theo đuổi đến mức cuối cùng”.

Chẳng phải muốn có **đặc ân thiêng liêng** dễ dàng, địa vị thiên cảnh chẳng phải muốn là có. Con người phải hội đủ những điều đạo đức, lòng thiện tâm, tâm chí cầu pháp, truyền giảng giáo lý có ích cho thiên hạ, chịu hạ mình làm con tể vật cho Đức Chí Tôn. Muốn có đặc ân ấy, hãy nương mình vào luật lệ Đại Đạo đi cho đến cùng, rán lòng, bền chí tô bồi công quả, phụng sự mọi con đường Đại Đạo của mỗi cá nhân để hưởng nhàn lạc, hạnh phúc. **Đặc ân thiêng liêng** chẳng hề “bỏ quên” ai khi thực sự đi tìm chân lý và sống với chơn lý, biết làm rạng danh Đức Chúa Trời Toàn Năng.

“Nhiều Đấng anh-ling sẽ dìu bước cho con. Các lời cầu nguyện của con sẽ được chuẩn nhận”.

Cầu nguyện là một tâm tình thân mật của một môn sinh đối với Thượng Đế hay các Đấng siêu hình trong những hoàn cảnh bi đát, sầu khổ, sướng vui, hoạn nạn nào đó với đức tin và lòng sùng ngưỡng với các Đấng, ngỏ hầu tìm một ánh sáng thiêng thiêng chiếu rọi. Chúng ta có thể nói, lời cầu nguyện như một lẽ sống của môn đồ trong một tôn giáo nào đó, như một hơi thở nhịp

đều cần cho sự sống, như cá cần nước, như những con hạc trắng cần bầu trời bao la cho sự sống bất tận.

“*Qua chỉ cho mấy em một Bí-pháp là khi nào các em quá thống-khổ quá đau-đớn tâm-hồn, mấy em đừng vội sầu thảm, các em quỳ xuống giữa không-trung các em **cầu nguyện** với Bà Mẹ Thiêng-liêng một lời cầu-nguyện. Bản-đạo quả-quyết rằng: Bà chẳng hề khi nào từ-chối cùng mấy em. Qua thử-nghiệm rồi . . .*” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Như vậy, lời cầu nguyện không phải cần nơi thanh tịnh, nơi điện đài nguy nga, nơi có khói nhang nghi ngút hay phải đủ lễ hữu hình, mà lời cầu nguyện là lòng chí thành tự tâm của ta, thủ thủ dâng lên Thiêng Liêng. Chúng ta cầu nguyện trong mọi hoàn cảnh, tình huống, dù đang đi, đang nằm, đang làm việc...miễn sao lễ cầu nguyện là lòng trọn lành như nén hương lòng, như tâm dâng thường chiếu với đức tin sùng ngưỡng trọn vẹn. Lòng cầu nguyện chơn thành mới mong đem lại năng lực diệu dụng. Chúng ta hãy cầu-nguyện để trọn tâm-đức chắc-chắn với Chí-Tôn, thì Chí-Tôn chẳng hề khi nào hẹp lượng.

“*Đối với tôi, cầu nguyện là một sự hướng lòng lên, một cái nhìn đơn sơ hướng lên trời. Đó là tiếng kêu của lòng tri ân và của tình yêu trong con thử thách cũng như trong lúc hưởng niềm vui*” [Thánh Nữ Tê-rê-xa Hải Đồng Giê Su].

Điều trên cho ta thấy, mục đích cầu nguyện không phải cho bản thân thôi, mà cho cho tha nhân. Chính tình yêu đạo pháp sẽ nhân đôi giá trị tác dụng của lời cầu nguyện bởi vì cầu nguyện là thiết lập một đường vận thông suốt để chuyển tải thần lực từ thượng-giới xuống trần-gian hầu tưới mát cho những vùng đất tâm linh đang bị khô cằn. Chi nên, ấy là một bí pháp giúp cho con người có đủ đức tin, có đủ trí tuệ, có đủ dũng mãnh mà đối diện cùng những nghịch cảnh của cõi ta bà, hầu vượt qua những bài toán khó của một khách trần lữ thứ tha phương đang từng bước chân một tìm về cõi thiêng liêng hằng sống theo chu trình tán hoá tâm linh.

Lẽ dĩ nhiên, lời cầu nguyện của con người phải chân chính, hợp đạo lý làm người, hợp đạo Trời. Chúng ta biết rằng, lời cầu nguyện không phải lúc nào cũng đạt sở nguyện. Môn sinh muốn cho lời cầu nguyện đạt được, dĩ nhiên ta phải có đời sống đạo hạnh, lòng tín ngưỡng mạnh mẽ, chí chơn, chí thiện cũng như lòng kính thành cung kính. Nên Kinh Thi của Nho Giáo dạy:

“Trời không thân với ai, chỉ thân với người hay kính”.

Tóm lại, lễ cầu nguyện không thể thiếu trong đời sống con người nhất là những môn sinh của các tôn giáo đang dấn thân vào đời sống tín ngưỡng, tìm ánh sáng đạo pháp, phụng sự vạn linh, truyền bá đạo pháp hầu chèo con thuyền Bát Nhã về bên kia bờ giác.

“Nhiều Đấng anh-linh sẽ dìu bước cho con. Các lời cầu nguyện của con sẽ được chuẩn nhận”.

Vậy nên muốn đặng hưởng những **đặc ân thiêng liêng**, con người phải hằng **cầu nguyện** những điều đạo đức, cầu nguyện điều gì thiện lành, làm lợi ích cho nhơn sanh vì cố gắng thực hiện chí cùng. Đã một lòng chí thành nơi cửa thiện đức, theo khuôn khổ luật pháp Đạo, trọn tín ngưỡng nói triết lý và tiếng gọi của Đấng Quyền Năng Tối Cao. Những việc làm hoằng hóa giáo pháp Đại Đạo, con đường phụng sự hết mình vì tự tín và tha tín là **phép cầu nguyện cao cả** để hưởng gần đến những hồng ân đặc biệt của Đấng Chúa Tể.

45. NAM NỮ PHÂN MINH

Chiều theo bài thứ bốn mươi lăm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyền một, giáng ngày 13 tháng 03 năm 1926, Đức Lý Giáo Tông dạy nam nữ phải phân minh, nghiêm trang nơi thánh thất, chẳng đặng thân nhau.

“Thầy sai Bàn-Đạo đến sắp đặt trang nghiêm trong Thánh-Thất. Bàn-Đạo phân phép từ ngày nay hễ nhập Thánh-Thất thì phải giữ phép:

Nam Nữ bắt thân, Nam ở Đông hiên - Nữ ở Tây hiên. Hai bên không lân cận nhau, Nam theo Nam, Nữ theo nữ. Cấm cời cột trướng giỡn nhau”.

Nam nữ cần phải phân minh, không đặng lẫn lộn, nữ tây, nam đông, cũng không đặng thân cận nhau. Lời dạy trên cũng vì giữ sự nghiêm trang nơi tế tự, cũng là phép ngừa sự thân cận rồi sanh ra điều dị nghị, lỡ lầm.

Thực tế trong nền đạo ngày nay, đã từng xảy ra và đang xảy ra hiện tượng như Đức Lý cấm nhật theo Thánh Giáo. Dẫu nam nữ phân hai bên theo đàn cúng nhưng trước và sau đàn cúng là một điều hệ lụy đã làm ảnh hưởng sự tôn nghiêm nơi phụng thờ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng vì sự bất luật lệ đã định.

Mặt khác, sự đùa giỡn, giễu cợt giữa hai phái sẽ không giữ được nét “văn phong Nho Giáo” cho chính toàn, đoan chính, vì vấn đề ấy thể hiện phương diện ngoại dung nền tôn giáo.

Quan niệm xưa của Nho gia vốn có câu: “*Nam nữ thọ thọ bất tương thân*”.

Văn hóa và luật lệ Cao Đài mang tính “qui hiệp” những tinh hoa Tam Giáo và Ngũ Chi Đại Đạo. Nên những nét đẹp truyền thống cần lưu giữ, bảo tồn, phát huy đến chân-thiện-mỹ. Việc “yếm tâm, nghinh cự” đem lại một giá trị nhất định thì rất cần.

“Trừ ra vợ chồng hay là chị em ruột, anh em ruột đặng chuyện văn nhau nơi tịnh đàn. Còn kỳ dư như hai đànng muốn chuyện văn nhau, phải có hai người chứng, một bên Nam, một bên Nữ.

Phòng-trừ dầu phải chung lộn nhau buổi nấu nướng, khi dọn ăn chẳng đặng lộn xộn cùng nhau... Nghe à...Thơ, Thanh, hiền-hữu phải viết luật cấm này dán nơi Thánh-Thất... Nghe à!”

Lời giáo huấn của Đức Lý như một nội luật của nền Đạo. Điều khắc khe ấy đã thể hiện sự tôn nghiêm, tránh những sự gần gũi giữa nam nữ không nên có. Thực tế đã hoàn toàn chứng minh những điều xảy ra rất đau xót, ảnh hưởng cho nền phong hóa Đại Đạo.

Thánh Thất là nơi thờ Đức Chí Tôn nên vô cùng trang nghiêm. Trước khi nhập đàn, phải tắm rửa sạch sẽ, để tâm hồn thanh sẽ, vô ngã, dầu những tạp niệm cũng phải gạt bỏ để chào lễ Đức Chí Tôn. Huống lựa là việc gần gũi, đùa bỡn, sanh lòng nam nữ thì đàn lễ trở nên mất sự tôn nghiêm, vi phạm luật đạo, lại còn làm nhơ danh, tổn tiếng. Lời dạy như là một văn luật của Thiêng Liêng, để nam nữ phân minh, tránh mọi sự tạp nạp, ảnh hưởng sự trang tịnh đàn cúng và ngăn ngừa mọi hệ lụy xảy ra.

46. ĐẠO ĐỨC VÀ HỐI NGỘ

Chiếu theo bài thứ bốn mươi sáu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 06 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy lễ đạo đức, chớ ám muội mà ăn năn hối ngộ muộn màng.

Đạo Đức là một trong những nhân tố hình thành một nếp sống Cao Đài theo Tân Luật của Đức Chí Tôn. Vì đạo đức là tiêu chuẩn đo lường trạng thái sống của người môn đồ, nó là thuộc tính vốn đi đôi với người theo nếp sống tâm linh đạo giáo.

Đạo đức nói lên yếu tố thị hiện trong tính cách và giá trị của con người. Có đạo đức, con người sống trong thiện lương, quy tòng chánh lý, tu sửa bản tâm làm cho cá nhân hoàn thiện, giúp gia đình an vui, xã hội công bằng, cộng đồng vì thế mà trở nên tốt đẹp, kiến tạo một trật tự bình ổn. Muốn có đạo đức và thi hành đạo đức càng phát triển, con người cần có ý chí rèn luyện, sự tinh tấn cũng như nhận thức được giá trị của chính nó đem lại cho đời sống mình và chính sự tốt đẹp ấy có thể đem lại nền đạo càng thêm rạng rỡ.

Dẫu đạo đức là thuộc tính của tôn giáo, không thể tách rời trong hoạt động phổ độ, truyền giáo và nếp sống sinh hoạt đạo, nhưng đạo đức cần có một sự liên kết đôi với triết lý Đạo Cao Đài cũng như viên dung với Luật Pháp Đại Đạo để hoàn hảo hóa đời sống, hòa hợp thực sự theo tiêu chuẩn của Đạo Cao Đài. Môn đồ Cao Đài áp dụng đạo đức theo cách tự lập có thể phiêu bạt nơi nào chưa rõ ràng, nên cần có một Hội Thánh và Giáo Luật chỉ con đường để đạo đức đó, thánh hóa đời sống đến mức thăng hoa vô tận.

Thế gian là một trường thế tấn hóa cho vạn linh nên luôn luôn có cặp đối ngẫu thiện-ác tồn tại, tốt-xấu, đạo đức-tà mị. Để làm xứng đáng môn đệ của Đấng Cao

Đài, con người phải chịu bận áo nâu sòng, khổ hạnh, phải đứng vững trước những bão tố của cuộc đời, đó là nghiệp oan của con người và những cám dỗ của khối ác, cũng như những bài thi khảo của Thiêng Liêng.

Nên theo luật công bình Thiên Đạo, Thiêng Liêng chẳng vì ghét mà chẳng để lời khuyên nhủ, khuyên lơn, tạo phúc duyên cho con người vịn níu lá phang, chẳng vì thương mà bỏ qua luật công bằng tạo đoan. Hữu hình chứa bao nhiêu khổ lụy, những cám dỗ ngọt ngon; trong tâm thì khối phàm tâm luôn chì chiết, níu kéo để xa vào con đường vô minh. Con người duy chỉ nương theo đạo đức mà bảo toàn thánh đức và lòng tín ngưỡng đối với Chơn Giáo.

Người môn sinh Cao Đài cần nắm rõ thêm những định thuyết mà Đức Lão Tử để một học thuyết “nhân sinh quan” và “vũ trụ quan” trong nền học thuyết bất dịch để truyền tả những nội hàm vô cùng sâu sắc về hai chữ “đạo đức”. Đối với thuyết này, Ngài phân ra làm hai, tức là “đạo” và “đức”. Một danh từ gồm hai chữ, nhưng Ngài chia thành hai danh từ.

“Đạo” đối với Ngài, đó là thứ không thể diễn tả bằng ngôn ngữ vì tính cách và quy luật của Đạo vốn bất dịch nhưng lại vô biên. Nên Ngài nói “*Đạo thường vô danh, phác*” nghĩa là “*Đạo vĩnh viễn không có tên, nó chất phác*”. Đạo của Ngài nói còn nói lên tính công bằng theo luật tự nhiên, “Trời đất bất nhân”, nghĩa là công bình vô tư của thiên địa theo luật vận hành vốn có. Trong triết lý của Ngài, rất cô đọng nhưng vô cùng đặc

sắc, không thể lấy ví dụ hết cho đặng. “*Phản giả, đạo chi động*”, nghĩa là “luật vận hành của đạo là quay trở lại” theo cổ nhân nói “*vạn thù quy nhất bản*”. Cơ động tịnh máy Âm-Dương mới có vạn vật, vạn vật phải quay về Đạo mà trở về tự tánh vì Đạo vốn là Bản Nguyên của vũ trụ.

“Đức” dưới triết thuyết của Ngài, Đức không phải là đức nhân, đức nghĩa, đức lễ, đức trí, đức tín của Nho Học, mà đó là “Đức” Ngài muốn ám chỉ thuộc tính của Đạo để khi có vạn vật, đức nuôi dưỡng, che chở vạn vật. Mỗi vật đều chứa cái đức trong đó vì mọi vật được sinh ra từ “đạo”, cho nên “đức” sẽ nuôi nâng mỗi vật lớn dần luôn luôn.

Đức Ngài biểu tả trạng thái của “đạo đức” bằng câu “*Đạo sinh ra vạn vật, đức bao bọc, vật chất khiến cho mỗi vật thành hình, hoàn cảnh hoàn thành mỗi vật. Đạo và Đức không can thiệp, chi phối vạn vật mà để tự nhiên phát triển*”. Đức Ngài nói thêm “*Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân*”, nghĩa là “đạo trời không tư vị ai, luôn gia ân cho người có đức”.

Đối với học thuyết của Ngài, “đạo đức” đi vào thế giới siêu diệu và diễn tả chân lý Đạo Trời, chúng ta cần chiêm nghiệm và thấu hiểu trong những vấn đề khó hiểu vì tính chất vô cùng cô đọng của Đạo Đức Kinh đã để lại.

Tóm lại, dẫu theo tính chất và nghĩa lý nào, người Cao Đài thuần hành từng bước theo nếp sống mà Hội

Thánh Đại Đạo Tam Kỳ đã để lại con đường tâm phương giải thoát. **Đạo đức** đó là định luật bất biến mà người Cao Đài cần trau dồi đến những trình độ thăng hoa và thâm nhiễm triết lý và bí pháp nhiệm mầu của nền chơn giáo Cao Đài.

*“Ta vì lòng đại-từ đại-bi vẫn lấy đức háo sanh mà dựng nên mối Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ; tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa-vị cao thượng, để tránh khỏi số mạng luân hồi và nâng những kẻ **tánh đức** bước vào cõi nhàn, cao hơn phẩm hèn khó ở nơi trần thế này”.*

Cốt lõi của chủ nghĩa đạo Cao Đài là “quy hiệp” toàn tín ngưỡng loài người, cùng thờ Đấng Cha Chung là Đấng Thượng Đế Toàn Năng. Ngài đã đến với nhân loại để gây dựng một triết lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, triết lý dung hòa tâm lý và một chương trình cứu rỗi nhơn sanh, đưa đến địa vị cao trọng, giúp bậc hữu căn tránh luân hồi, lại giúp người hèn khó đến nơi nhàn lạc hơn ở cõi trần gian. Con đường đó là con đường **đạo đức Đại Đạo**.

“Than ôi! Đều vui sướng lao trần chẳng ai buộc mà nhiều kẻ tìm tới, mới đạo-đức trau thân là phương châm thoát tục, mà lắm kẻ trốn lánh, bài bác mối Đạo Trời, khua môi, uốn lưỡi, mà tưởng cho mình hơn đặng các phẩm nhơn sanh, chớ chẳng dè là một hình phạt rất nặng nề đã chực chúng nó nơi chốn A-Tỳ”.

Người thiếu đạo đức, tất kém hạnh mà kém hạnh tức là phải chịu lao lung nơi chốn bần nhơ, trăm điều khổ ải. Nếu biết trau thân, vun bồi âm chất, đủ đạo đức thì đi trên con đường thẳng tắp đến cửa thoát tục. Tiếc thay, chốn lao khổ thì lắm người tìm đến, cửa thanh nhàn thì chê bai, khinh rẻ. Cũng lẽ đó mà chúng sanh mãi trong vòng tứ khổ, luân hồi, sinh sinh lại tử tử. Lại có kẻ cho mình là tinh khôn, biếm trề nguồn đạo đức, thì hình phạt thiêng liêng chẳng sao tránh khỏi.

“Ai đặng phước thêm cao trọng, ai vô phần thì trí não vẫn mơ-hô; nét hạnh đời càng mê muội, biết biết, không không, luật Trời đã định, phần công quả trả cho rồi thì cảnh u nhàn là nơi rước khách tục trong lúc chung-quì đó”.

Hữu căn hữu kiếp đặng làm người, nhưng chẳng vì vậy mà tưởng làm kiếp người để tranh đua, thói đời ngang bướng, vạ tà, sống tương tàn, tương tranh, mạnh đặng yếu thua, đại mất, khôn còn. Lưới Trời lồng lộng, thưa nhưng chẳng lọt, kiếp phù sinh chẳng mấy chốc, thoáng qua rồi già tử, bao nhiêu nghiệp ác tạo gây sẽ dâng công chôn a tỳ.

Nguồn Đạo là một giọt nước từ bi thiêng liêng, rưới tắt lửa lòng, bỏ nét mơ hồ, lánh dữ làm lành, đem tài năng và lòng chí nguyện cùng đạo đức để gột rửa tội lỗi căn nghiệp mãi cho đến địa vị thanh triết. Có như vậy, cửa thiêng liêng mới rước khách tục hồi cố quê xưa. Bằng vô duyên, bạc phước, chẳng biết nguồn đạo là cứu

cánh, bỏ đạo đức thì máy tạo đoan đầu có khoan dung máy cũng không cứu vớt nổi.

“*Sanh nhằm đời có một Đạo chánh chẳng phải dễ, mà bước lên con đường chông gai, lần vào non thẳm kiếm ngọc lại càng khó; khó để nơi lòng chó đem thối ám mọi mơ-hồ vào đường Đạo-Đức, sau **ăn-năn** rất muộn*”.

Căn duyên đặng gặp mỗi đạo Trời khai mở thì rất hữu hạnh. Lần lối chông gai, vượt qua những gian nan thử thách lại càng khó khổ thì việc đào luyện thân trí, đạt được minh quang, tỏ ngộ minh triết lại càng khó bội phần. Nhưng khó hay dễ tại lòng mình. Đời người ngắn ngủi, như hoa sớm nở tối tàn. Sanh ra gặp mỗi đạo là một đại duyên, nếu đã dấn thân khoác chiếc áo đạo mà còn mơ mơ màng màng, thì ngày sau “thân” lìa khỏi xác, sự **hối ngộ** kia trở nên quá muộn màng.

Thật vậy, sự ăn năn hối ngộ mang ý nghĩa rất lớn trong đời người, dầu đời, dầu đạo cũng vậy. Kinh sám hối Cao Đài có câu:

“*Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc lầm **sám hối** tội căn*”.

Hay:

“*Giữa bụi thế giữ sao khỏi vấy,
Biết **ăn năn** xét lấy sửa lòng*”

“*Hối*” nghĩa là ăn năn, sám hối. “*Ngộ*” là thức tỉnh. “*Hối ngộ*” là động từ chỉ việc tỉnh thức, biết việc làm sai và quay đầu về nẻo thiện lương. Như vậy, hối

ngộ không chỉ đơn thuần nhận biết lỗi lầm của chúng ta mà còn quay về nẻo giác, thực hiện điều thiện lành nhằm làm nghiệp lực dần tiêu trừ. Chẳng một ai có thể đi ngoài khuôn phép công bình nhân quả, công thưởng, tội phạt. Thế gian là cõi ác trực do vô minh con người tự tạo ra và cũng là trường thi tấn hóa cho các đẳng chơn hồn giục tấn.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời, luật vốn như nhiên, công bình thưởng phạt, nên việc hồi ngộ vô cùng quan trọng để khách trần mượn bài thi tấn hóa, lần hồi bước lên con đường thung dung mà thực hiện câu:

*“Ăn năn **sám hối** tội tình.*

Xét câu mình thệ gởi mình cõi thăng”.

Đòi người quan trọng là đừng lầm lỗi. Nếu đã lỡ gây tội tình, nhận ra điều sai, sửa sai, tu lòng sửa tánh, một lòng **hối ngộ** ăn năn, nguyện vái làm lành, lánh dữ, tu tánh, tu thân, gởi thân vào cửa **đạo đức** của Đại Đạo để tìm sự sống an nhàn, khử ám hồi minh, lần lần diệt mọi điều oan nghiệp mà tiến đến rừng thanh, trắng sáng.

47. SỐNG KHỔ-THÁC VUI

Chiếu theo bài thứ bốn mươi bảy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 06 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy sống khổ-thác vui.

“Các con nghe:

Ngày nay đã mất hết một người Môn-đệ của Thầy, lại là một đạo-hữu của các con đã cùng các con nghiên vai gánh vác một trách nhiệm trong Đại-Đạo Tam-kỳ”.

Môn đệ mà Đức Chí Tôn nhắc đó là Ngài Chương Pháp Thượng Tương Thanh, thế danh là Nguyễn Văn Tương sinh năm 1897 và quy vị năm 1927, được thiên phong ngày 24 tháng 07 năm Bính Dần-1926. Ngài Nguyễn Văn Tương, tu theo đạo Minh Sư đến bực Thái Lão Sư, sau nhập qua Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, được Đức Chí Tôn phong Thượng Chương Pháp. Ngài đăng Tiên tại làng Hữu Đạo, Mỹ Tho, ngày 05-11-Bính Dần [09-12-1926] hưởng 48 tuổi.

Tuy cùng nhau với các chư Đại Thiên Phong cầm giềng mỗi đạo chỉ vài tháng, nhưng căn phần hữu kiếp được thọ phẩm gần tối cao trong Hội Thánh Cửu Trùng Đài, mãi phần được hưởng ân huệ hội ngộ trong Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Sự thác của Đức Ngài cũng phản ánh đến vấn đề **công quả phổ độ** trong nền Đại Đạo rất quan trọng.

“Tương mãi phần cũng nơi số mạng tiền định, nó có phước là vì đặng về Thầy trong mấy ngày rớt của kiếp trần ai của nó”.

Sống chết do mạng lệnh thiêng liêng, chẳng ai dưới thế có thể qua đặng sanh tử của cơ Trời. Điều hữu duyên của kiếp sanh là khi thác, đặng hội ngộ trong ân huệ hội hiệp cùng Đức Chí Tôn.

“Trung, Lịch! Hai con phải dụng đại lễ mà an táng Trương nghe.

Thầy ngất một lễ, chẳng thế nào đem Trương vào Tam thập lục Thiên, phải để nó nơi Đông Đại Bộ Châu mà chờ Tòa Tam Giáo **phát lạc**. Thầy có để lời cho Thái Bạch Kim Tinh cầu rỗi, nhưng Người giận Trương không công quả, dâng Bộ Công Thiên thơ ra trống trải lắm, tại nơi Tòa mới cãi chối nôi gì. Người nhứt định không dự đến.

Các con nghe à! Vậy trong hịch văn số sáu, các con phải thượng nơi Tòa Tam Giáo mà cầu rỗi cho nó thiệt hết lòng, rồi Thầy sẽ rỗi cho nó. Các con hiểu” [Thánh Giáo của Đức Chí Tôn, trích trong Đạo Sử II của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Theo Từ Ngữ Điển Cố của Thiên Vân Hiền Tài Quách Văn Hòa, “phát lạc” còn gọi là phát phối hay phát lưu, nghĩa là còn bị lưu tội, chờ Tòa Tam Giáo định liệu theo luật Thiên Điều. Có lỗi nhưng lại thiếu công quả nên trở về cõi thiêng liêng và dầu được Thiên phong nhưng Đức Lý vẫn không cầu rỗi nơi Tòa Tam Giáo mà Đức Chí Tôn đành phải nhờ đến Hội Thánh Đại Đạo hữu hình để cầu rỗi.

Chúng ta thấy rằng trong nền tôn giáo Cao Đài, công quả mang tầm quan trọng dường nào. Dù Thiên phong, nếu chẳng có công quả, phụng sự cho Đạo Pháp và nhơn sanh thì Bộ Công Thiên Thơ phải trống trơn, lại

còn xét đến những tội tình đã gây trong kiếp sanh hay những nhơn quả còn vườn mang.

“*Tương tuy chưa đặng như mấy kẻ ấy, song lòng đạo đức đã ra vun đắp mỗi đạo Trời, thì địa- vị cũng khi khác thế thường đặng. Điểm chơn-thần của nó còn phải đến hầu trước Tòa Tam-Giáo mà đợi lệnh phát lạc tùy theo công quả tội tình của nó tự bấy nay; ấy là Thánh-Ý của Thầy đã lập luật riêng cho mỗi đấng trong các con đó. Chư Môn-đệ cũng nên hiểu biết”.*

Công vun đắp nền đạo chẳng hề nhỏ, địa vị cũng trở nên khác thường. Nhưng công quả và nghiệp quả cũng phải do nơi luật công bình thiên liêng. Lậy công trừ tội. Công ít, nghiệp nhiều vẫn khác. Công nhiều, tội ít vẫn khác. Cứ chiếu theo công bình thiên đạo mà thăng hay đọa, đến với địa vị tương xứng do công tu tập, phổ độ.

“*Sự thác cũng có khi vui và cũng có lúc buồn”.*

Kiếp người, sống ở thác về. Chung cuộc, xong kiếp sanh thì tùy công-tội mà luân hồi trả vay-vay trả hoặc được hưởng phước duyên trong kiếp sau. Người theo tôn giáo có một hạnh duyên rất lớn, được sáng ngộ triết lý đạo vào đời sống. Cũng vì thế mà nhận ra nét vô thường của kiếp dù dung, biết được nét **sống khổ-thác vui**.

Tất cả con người trên thế gian này phải chịu khổ, chẳng ai sống mà thoát ngoài chữ khổ. Dẫu giàu, dẫu nghèo, dẫu khôn hay hèn hạ cũng phải chịu khổ. Cái lẽ

sống chứa cái khổ và chính con người phải tìm nguyên nhân của khổ đau đến từ đâu. Chẳng phải Đức Thượng Đế làm ta khổ mà là chính con người làm mình khổ và đang trong **sống khổ** ấy, chính con người phải tự tháo gỡ nó.

Tuy nhiên, kiếp người theo quy luật là phải chịu khổ nên con người vốn hằng sợ khổ nhưng lại luôn tạo nhân khổ, muốn an lạc nhưng mãi không gieo an lạc. Dầu không muốn an lạc, mà tạo nhân an lạc thì chúng ta vẫn hiển nhiên đang an lạc. Dầu sợ khổ mà tạo nhân khổ, chắc chắn con người phải chịu khổ. Nếu cắt được ham muốn phần nào sẽ hết khổ phần đó. Như vậy, thấy cái quả thì sẽ biết được cái nhân gì mà mình đã làm mà tránh đừng cái khổ. Muốn hưởng quả lành và cực lành, phải làm những việc như các vị thánh hiền. Còn muốn hưởng quả ngọt, muốn an lạc sau khi chết mà gieo nhân ác thì giống như nấu cát mà muốn thành cơm.

Kỳ thực hơn, cuộc đời hằng khổ nhưng con người làm mình khổ hơn vì chưa bao giờ chấp nhận chân tướng sự thật, ham cầu hạnh phúc và vì cầu chẳng đáng nên trở nên khổ hơn. Sống là khổ nhưng chính người môn đệ Cao Đài phải chuyển hóa cái khổ bằng sự an lạc bằng việc thấu soi vạn lý mà an nhiên trước thực tại khổ đau. Vì vậy, khổ đau hay an lạc vốn cũng do **ý thức** chấp nhận hay mong vọng.

Đạo dạy cuộc đời là khổ, chứa khổ thì chính chúng ta phải là những người đem sự an lạc cho chính ta bằng đời sống tu tập. Chẳng phải sợ khổ mà làm cho khổ

biến mất. Phật Giáo thường nhắc “tu là chuyên nghiệp”. Quả nhiên là thế, chỉ chính chúng ta là người điều chỉnh nhân quả, dịch chuyển và làm biến mất khổ đau và tìm an lạc mà thôi.

Nếu biết đời là khổ, đời chứa mọi nguyên nhân của tiền duyên, nghiệp oán thì chi bằng an vui với đời. Đừng làm chúng ta phải chịu khổ nữa, bằng đời sống “bình thường” giữa những khổ đau để dần thoát ra bề khổ.

“Người thế nếu biết sống nghĩa là biết dụng mình cho có ích vào xã hội, biết dưỡng tánh tu thân, thì sự thác chẳng qua là sự mong mỏi của kẻ hành-trình đã xong trách nhiệm trở về phục-sự đấng lãnh phần thưởng xứng đáng mà thôi”.

Thác khổ khi con người sống vô đạo đức, không biết đến mùi đạo, chẳng gieo nhân lành, không giúp ích chi cho xã hội nhơn quần, chỉ biết cá nhân. Hơn thế nữa, giành giật ích lợi cho mình dầu hèn hạ, dầu hại người; thì kiếp sanh mang điều sâu khổ.

Người biết nhân duyên, biết thiện lành, tốt xấu mà hết lòng tùy duyên đem thân mình sống thiết có ích cho xã hội, hàm dưỡng tâm tánh cho đẹp đẽ, nương mình nơi cửa từ bi, làm một người nhỏ nhoi. Sự thác chẳng qua là đã xong một kiếp, trách phận đã rồi, tùy công quả phụng hiến mà lãnh phần thưởng thiêng liêng. Nên cái thác ấy là niềm vui hơn hết.

“Thật ra chúng ta đã thí nghiệm trong một kiếp sanh trăm năm, chúng ta đặng 100 tuổi, thì **khối tâm khổ đau** đớn càng nhiều không có thời giờ thương yêu nhau, đâu có thì giờ thù hận” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 5 bài 23].

Các tôn giáo mở ra là trường thi khổ cho loài người. Nên hết kiếp **sống khổ**, sẽ có khi **thác vui**. Nhưng có khi thác lại tột cùng của nỗi buồn nếu kiếp sanh gây lắm tội tình. Tỉnh ngộ, giác tánh, đem thân đời lấy phút vui tươi nơi cõi thiêng liêng bằng những việc làm lợi lạc cho xã hội, nhưn quân, xiển dương Chơn Đạo làm chúng sanh giác ngộ, lại chịu dưỡng tánh, tu tâm thì cái kiếp cực nhọc khổ đó chẳng qua là mãn kiếp phàm tình mà xong trách nhiệm hưởng phần thưởng xứng đáng nơi cõi thiêng liêng.

48. THÀNH TÂM HÀNH ĐẠO

Chiếu theo bài thứ bốn mươi tám trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 13 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy trân trọng mỗi đạo, thành tâm hành đạo trong buổi phôi thai mới quý.

Dù trong cửa Đạo hay trường đời, sự **thành tâm** chơn thật là tánh chất căn bản cần phải có để con người đối đãi nhau thuận hoà thân thích. Nếu thiếu lòng chí thành, con người chẳng khác chi tìm đến bờ mê, giục sự giả dối, thoả nét tánh tà, tìm đến sự ngăn cách giữa

người với người, tìm đến xảo trá gian tham, muôn điều chồng chất.

Cửa thế gian rất cần lòng thành thật của con người đối đãi với nhau thì mới mong có hạnh phúc, xã hội hoà bình, thế giới an tịnh. Vì khi con người có lòng thành với nhau, chữ tín được vẹn giữ thì dù có đối diện với bao nhọc nhằn khó khăn, con người vẫn cảm thông chia sẻ với nhau trong niềm tin trọn vẹn. Cửa Đạo lại cần con người cần có lòng chí thành gấp nhiều lần vì lòng chí thành là cơ mầu nhiệm của Đạo. Vì lẽ đó, trong Kinh Niệm Hương có câu:

“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp”.

Sự thành thật chí chơn vốn có tại tâm, chỉ có con người không muốn hay muốn ứng dụng trong đời sống đạo hay không mà thôi. Cho nên, lòng chí thành là điều kiện cần và đủ để người đạo tiến bước trên con đường đạo. Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung lại dạy:

*“Người hành đạo cần phải có đức **chí thành**, tôn chỉ Đạo mới đặng quang minh chánh đại, rồi nhen đó mới đặng lòng tín nhiệm của chúng sanh. Khi tụng kinh cầu nguyện, khẩn vái với Trời Phật, nếu đặng chí thành mới có cảm”.*

Thực vậy, người cúng kiếng dụng kính kệ văn tự để trau dồi tánh đức, mài giũa chơn tâm, cầu xin các Đấng Thiêng Liêng ban bố điển lành để tâm được khai, trí được mở. Nếu không có cảm thì việc cúng kiếng, cầu nguyện hoá ra vô ích. Cổ nhân có câu:

“*Hữu thành tất hữu thân*” [Tạm dịch: có lòng thành thật tức có thân minh chứng giám].

Các Đấng Phật Tiên không phải chỉ chứng giám với người văn hay, chữ giỏi, lão thông kinh kệ, mà chỉ chứng với những ai có lòng thành kính mà thôi. Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa giảng:

“*Chúng ta vẫn biết rằng Đức Chí-Tôn và các Đấng Thiêng-Liêng chú-trọng nơi **tâm thành**, và chỉ lấy Tâm là quý*”.

Cửa từ bi cốt đưa người tục hồi nguyên chốn động đào. Ngặt nổi, thế gian là nơi khảo thí và trả nghiệp tiền khiên đối với các đấng chơn hồn. Vì vậy, duy chỉ trả hết oan nghiệp, nghiệp trái, tạo phúc đức thì Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu mới có thể rước ta về nơi hàng sống. Để trả lời cho câu hỏi “*con người có thể trả nợ hết trong một kiếp hay không*”, Ngài Quyền Hồ Bảo Đạo dạy:

“*Tám lòng **chơn-thành** quyết chí trọn vẹn hy-sinh đã bao trùm hết, và nếu quả quyết làm đúng theo vậy, thì quyền Thiêng-Liêng sẽ cho trừ hết nợ trong một kiếp*”.

Chẳng có hành tàng thế gian nào có thể khoả lấp được quyền năng vô tận của luật pháp thiêng liêng. Duy chỉ có tác chí thành đưa con người đến cánh cửa chí thiện, chí chơn, chí mỹ, làm đẹp lòng Đức Chí Tôn mà thôi.

“*Vốn Thầy tạo lập nên Chánh-Giáo cho dân Nam-Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu*”.

Xưa đến nay, chưa có một nền tôn giáo nào đặng hưởng đặc ân nói xứ Việt Nam và nhân loại. Thứ nhất, dân tộc được hồng ân để khai nền đạo. Thứ hai, Đức Chí Tôn quy lương sanh và hoàn toàn “quy hiệp” tín ngưỡng loài người thành một gốc duy nhất. Thứ ba, lấy cội nguồn dân tộc Việt để mở mang, phổ dương chơn giáo, đó là một đặc ân riêng biệt cho Việt Nam. Thứ tư, một nền tôn giáo do chính Đức Chí Tôn cầm quyền, giáng thế giáo đạo. Thứ năm, Thầy chẳng giao chánh giáo cho người phàm như trước đây. Thứ sáu, Chánh Đạo mở ra để đại ân xá phổ độ nhân loại.

“Các con vì biết Đạo là quý thì phải ân cần trân trọng; đợi đến ngày thành tựu các con mới thấy rõ Thiên-cơ, thì chừng ấy các con muốn lập công bằng buổi này sao đặng, vì mỗi việc khó-khăn, trắc trở là lúc sơ khai”.

Vì những lý do cơ bản trên, Đạo Cao Đài xem như một báu vật. Biết quý giá thì chúng ta nên trân trọng. Lời Đức Chí Tôn nhắc nhở chư Tiên Thánh khai đạo, chịu nhọc nhằn, phơi sương, tuế nguyệt, phong trần khảo đảo để gây dựng nền Đại Đạo thì mới có công lớn. Điều đó cũng cho chúng ta biết đặng rằng đạo có ngày nay cho chúng sanh hưởng cũng nhờ những sự hy sinh phụng sự cho cơ đạo thời mới lập.

“Vậy Thầy khuyên các con rán thành tâm hành Đạo, mà Đạo không phải giữ bằng lỗ miêng không đâu”.

Biết đạo quý thì ân cần, trân quý và phải **thành tâm hành đạo**, chớ không phải nơi hứa hẹn, hành đạo bằng đức tin, mà phải quán thấu ý nghĩa và giá trị của việc phụng sự hành đạo, làm cho đạo trở nên đẹp đẽ, trở nên hưng vượng, bảo tồn luật pháp và văn minh tôn giáo trong mọi chiều hướng, làm lợi lạc cho cơ quan cứu khổ của Đức Chí Tôn. Nếu biết thành tâm hành đạo theo lời dạy của Đức Ngài, chắc chắn rằng con người sẽ phục sinh trong thánh chất của Người.

“Thầy thấy nhiều đũa trong các con có ý theo Đạo đặng toan kế làm nhiều việc chẳng lành?”

Đạo là nguồn đặng rửa sạch sào của kiếp sanh, là cơ cứu rỗi của Đức Thượng Đế, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vì ấy cũng nhọc nhằn để gieo mối đạo. Chớ chẳng phải là món hàng, trao mua chác đổi, cầu danh, chuộc lợi. Thấy người bận áo, ta cũng bận áo cho ra nét tu nhưng lòng vẫn chưa dọn mình, hằng giữ nét tà vạy, mưu cầu tội lỗi.

“Thầy vì thương nhơn-loại, muốn cứu hết nên thường thâm nhập nhiều đũa vô tâm, cũng muốn cho chúng nó ăn-năn chừa lỗi, ngõ hầu hưởng phước, mà chúng nó không biết tự hỏi thì làm sao mong rỗi đặng”.

Các đàn cơ bút thở ban sơ, Đức Chí Tôn thâm nhận rất nhiều môn đệ cũng vì lẽ đại từ bi, mong muốn cải hóa tâm tánh, cầu đạo để chuyển tâm tính. Nhưng người chẳng biết hỏi tâm, quay đầu hướng thiện để hưởng ơn mâu nhiệm.

Sau ngày cơ bút không còn công khai, chư tín đồ nhập môn có lẽ trở nên dễ hơn, không còn được lời Thánh huấn dạy dỗ, nhắc nhở như xưa. Mỗi môn đệ phải tự ôn mài Thánh Giáo, triết lý Đại Đạo mà noi khuôn thuyền Bát Nhã của Đạo mà lần hồi sửa lòng trong sạch, tụng cầu Thánh kinh hàng ngày. Chớ nếu nhập môn cho có, cúng cho nhiều nhưng chẳng thành tâm hành đạo, làm lợi lạc cơ quan cứu khổ của Đức Chí Tôn thì có lẽ việc nhập môn chưa phát huy sử dụng.

“Đến buổi chung-qui mới thấy Thiên-đàng, Địa-ngục thì đã muộn rồi. Các con phải xét mình cho lắm nghe”.

Ngược lại, nếu không **thành tâm hành đạo**, phụng sự hữu ích cho nhơn quần xã hội, chẳng có tự tín và tha tín, mà còn gieo rắc điều tội lỗi, tám số cầu đạo kia trở nên một nét thảm cho môn đệ Cao Đài. Bởi lẽ, trước khi trở thành môn đệ, mỗi người đều phải lập minh thệ rằng “Thiên tru, Địa lục”. Hình phạt đó không phải hề nhẹ.

49. TINH THẦN LIÊN LẠC GIỮA CÁC DÂN TỘC

Chiếu theo bài thứ bốn mươi chín trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 15 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy thần linh học đã được tiên tri sẽ là nền đạo tương lai, tinh thần liên đới giữa các dân tộc.

“M... Hãy đứng dậy và đọc. Mọi việc đều đúng giờ đã định. Con đã thấy và hiểu những điều mà phần đông đồng bào của con đang tìm hiểu”.

Pháp Quốc là một nước văn minh, có tinh thần nhân bản cao. Ngoài những người nghi ngờ, toan phá đạo, còn có những người mang sứ mạng truyền bá, học hỏi những điều huyền bí nơi thần linh học, tức là cơ quan khai mở điều bí nhiệm đạo Cao Đài.

“Chỉ sau nhiều cuộc khảo cứu và sưu-tầm về Thần-linh học mà Thầy đem truyền nền đạo-lý mới mẻ này”.

Đức Chí Tôn dạy cho người Pháp biết rằng nền chơn giáo Đại Đạo là một giáo pháp mới, là cách thông công giữa hai thế giới hữu-vô để lập ra mới đạo.

“Trong năm Ất Sửu, các Thầy, các Ông, từ hàng Thông Phán, Phủ, Huyện, muốn tìm một sự thật mà thiên hạ đã làm đảo lộn trong giới trí thức đương thời là: **“Con người có thể thông công cùng các Đấng Thiêng Liêng Vô Hình được”**. Nhứt là thuyết này đã làm cho cả Âu Châu sôi nổi, nhiều sách vở đã tung ra cả hoàn cầu do các Hội Thần Linh Học và Thông Thiên Học đã khảo cứu một cách rõ rệt: “Loài người có thể sống với cảnh Thiêng Liêng kia như chúng ta đang sống đây vậy”. Cái triết lý ấy làm cho nhiều người, nhứt là hạng người học thức muốn tìm tàng thấu đáo” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Thời ấy, Thần Linh Học đã phát triển và tuyên bố có thể thông công, trò chuyện cùng thế giới vô hình và tương liên mật thiết với thế giới thiêng liêng hằng sống. Đó là một vấn đề làm ngạc nhiên cho toàn thể loài người. Hơn nữa, “hiện tượng” Đức Thượng Đế giáng trần qua phép thông công trong Đạo Cao Đài lại trở thành tiêu điểm cho những người quan tâm về hai chữ “thông công”.

“Thầy há chẳng có lời tiên-tri rằng Thần-linh-học là một nền Đạo tương lai sao?”

Đạo Cao Đài cũng vì sự thông công mà kết chặt giữa hai thế giới, tạo mối liên hệ giao thông từ sáng lập mỗi đạo, cho đến xây dựng các bộ luật đạo quan trọng là Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, kiện toàn cơ quan chính trị Đại Đạo. Như vậy, cơ quan đồng tử và phương pháp gây dựng nền đạo cũng đã được tiên tri trước đây.

*“Hẳn nhiên con đã thành tâm thật ý muốn gây tại xứ này **tình liên-lạc** tình-thần giữa hai dân tộc Pháp-Việt mà Thầy chí quyết cho họ **được chung sống trong cộng đồng** quyền lợi và sinh hoạt”*.

Người nào muốn bảo trọng, giữ gìn quốc thể, văn phong và tạo lập tình liên lạc giữa các quốc gia, là người cao thượng, một ý thánh thiện. Vì thành tâm, thật ý nên Đức Chí Tôn lưu tâm và làm toại nguyện cái sở vọng cao khiết ấy.

Thế giới loài người mất tình lẫn nhau, cạnh tranh kinh tế, chính trị, vũ trang, tôn giáo mẫu thuẫn, con

người cũng bị cuốn vào sự vô minh ấy, làm mất tình lẫn nhau, trở thành kẻ kịch lẫn nhau. Chính vì thế, các cuộc chiến tranh lớn nhỏ đã làm đau khổ loài người. Tất nhiên, tinh thần liên kết dân tộc tan vỡ.

Loài người đi theo dòng thời gian của vũ trụ, vật lộn trong sinh tử, bảo tồn sự sống và tiến hóa hơn trên phương diện trí thức tinh thần. Đương nhiên ngoài những tính chất tiêu cực qua lăng kính tôn giáo, tức là những chủ nghĩa vị kỷ, cá nhân, những vô minh và ý hướng vật chất chi phối con người, thì con người luôn mưu cầu điểm chung nhất, là hòa bình và hạnh phúc cho nhân loại. Con người đã từng phấn đấu cho những lý tưởng vật chất và văn minh nên có những cuộc đấu trí, cạnh tranh và dẫn đến sự xung đột trên tinh thần và vũ trụ suốt hành trình sống của nhân loại, giá trị hòa bình, an lạc là một thứ loài người khát khao, tìm kiếm, cố gắng kiến lập một **xã hội đại đồng**.

Các Thánh trước, Hiền xưa cũng cố gắng kêu gọi và hoạch định chương trình cho một xã hội và cộng đồng thế giới để giải quyết những bài toán nan giải ấy. Tuy nhiên, có lẽ những phương án ấy rất khó đáp ứng trước mọi thử thách của thời cuộc.

Xã hội loài người dầu thô sơ hay tân tiến luôn bao gồm những mối quan hệ chồng chéo, liên đới cá nhân và cộng đồng. Khi một nhân tố nhỏ trong chuỗi liên đới ấy bị phá vỡ vì một lý do nào đó, tức khắc ảnh hưởng đến lợi ích tư và chung.

Trong một dân tộc, bản sắc văn hóa, nòi giống, truyền thống hình thành một nét đặc trưng chung cho dân tộc đó. Bản sắc chung sẽ là giá trị đại đồng của dân tộc. Các hoạt động nâng cao và thăng hoa những ưu việt của bản sắc, cốt làm cho bản thể đại đồng dân tộc được gìn giữ và phát triển đến thiện mỹ.

Nếu đánh giá về bản sắc dân tộc trên toàn thế giới, thì mỗi dân tộc đều có nét đẹp riêng, mang giá trị nhân văn dị biệt trên mọi lĩnh vực. Tính chất nhân văn của mọi bản sắc dân tộc kết hợp lại thành một **bản thể đại đồng dân tộc**.

Thế giới hiện nay, đâu có những nhà nhân văn học hoạt động trong các tổ chức nhằm khôi phục và bảo tồn nhưng dường như vẫn chưa đáp ứng được các mục đích cao vọng. Giá trị đại đồng nhân văn có thể tụt giảm trầm trọng vì những “nỗ lực” hạt nhân và chủ nghĩa cá nhân hiện hữu trong các dân tộc, tiềm ẩn một bối cảnh xã hội loạn lạc, chia ly, nếu không muốn nói là “**tang tóc**”.

Trước những viễn cảnh của thế gian trong nhiều đường hướng dẫn con người vào hố sâu của phân ly và trước sự cấp bách của bánh xe tạo đoạn thay đổi đời hạ ngươn, Đức Chí Tôn mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để tạo một nền **đại đồng cho nhân loại** qua phương pháp triết lý tân kỳ Đại Đạo. Ấy là một **Thế Đạo đại đồng** cho toàn cầu. Nếu xét theo tính chất giá trị tâm linh cứu rỗi, chúng ta vẫn thấy những điểm chung của Nhứt Kỳ Phổ Độ so với Nhị Kỳ Phổ Độ.

Lấy triết lý tu hành của Đức Phật Thích Ca so với Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử, lại so với Kinh Dịch hay các Tứ Thư, Ngũ Kinh trong Khổng Học và cả Thánh Kinh của Kito Giáo, chúng ta hoàn toàn thấy những tinh thần cứu rỗi mang một giá trị đại đồng. Chúng ta thấy được di sản tâm linh của các đạo giáo rất siêu việt. Giá trị đại đồng tất nhiên không xét đến hình thức tổ chức giáo hội mà là đức tin vào sự tấn hóa tột cùng của **Chơn Thể** trong cõi sống vô hình.

Đạo Cao Đài khai sáng để vận dụng những giá trị chung nhất để kiến tạo một Thể Đạo Đại Đồng, phục hồi nhân bản, đức tin, pháp môn đã trở nên thất sách, tình yêu tha nhân, mối liên hệ cộng đồng thế giới. Tất cả phải được bắt nhịp nhau thành một khuôn đúc trong bác ái, thương yêu như cốt nhục, chung nhau một tinh thần, đồng một căn bản, **nhìn nhận Đức Thượng Đế là Chúa của muôn loài.**

*“Áy vậ, thuyết **Đại đồng Thể giới** trong buổi này, Chí Tôn lập Đạo Cao Đài cốt yếu để làm cho loài người biết mình do một nguyên căn linh hoạt sản xuất chung nhau, biết nhìn nhau là anh em đồng một căn nguyên mà đến. Từ cổ chí kim các Tôn Giáo tìm đủ mọi phương làm cho loài người thức tỉnh tinh thần, biết nhìn nhau là cốt nhục. Hại thay! Loài người chẳng biết nhìn Chơn lý của Đạo những luống mờ hồ nên Chí Tôn buộc lòng phải đến tạo nền Đạo Cao Đài” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 24].*

Để thực hiện sự đại đồng cao trọng ấy, buộc con người **phải hiệp tâm lý làm một**, biết thương yêu lẫn nhau như anh em ruột thịt, nhìn nhận những tội lỗi đã gây ra, chung hiệp **gieo hạt thánh cốc của Đức Thượng Đế** để tại mặt thế khắp nơi, giục trống Lôi Âm, khua chuông Bạch Ngọc vang khắp địa cầu, chấm dứt nạn chiến tranh tương tàn, máu đổ, lệ rơi.

*“Giờ đây Chí Tôn đến mặt thế này, đặng làm cho nhơn loại biết tôn trọng sự sống ấy trong khuôn khổ của Chí Tôn định, hiệp tâm lý trở lại làm một trong tình thân ái **đại đồng**. Chơn Pháp của Chí Tôn đem đến với chúng ta đã 23 năm nay là vậy, nếu chúng ta đã mang danh thế của Ngài, trước chúng ta chẳng tự mình lập phương pháp làm kiểu mẫu cho thiên hạ nhìn Đạo Cao Đài là Chánh giáo, thế nào làm khuôn mẫu cho cả toàn tâm lý loài người đồ theo thì chúng ta thất hiếu cùng Chí Tôn lắm vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 bài 10].*

Đại Đạo Tam Kỳ khai sáng để toàn thể chung hiệp dựng nên nhơn nghĩa, làm môi giới cho các chủng tộc trên thế giới, căn bản của Đạo Cao Đài là quốc thể là Đại Đạo, lấy **cốt lõi tinh hoa của Nam phong để biến thành nhơn phong**. Chơn tướng của đạo Cao Đài sẽ đem lại hạnh phúc cho nhơn loại hưởng mùi vị hòa bình miên viễn và một nhân bản chung ấy là **Thế Đạo đại đồng**, kiến tạo lại tinh thần liên kết dân tộc trong tình thương lẫn nhau.

“Con sẽ đặc kỳ sở nguyện của một người làm phải. Lời khẩn nguyện của con sẽ được chấp thuận. Sau

này con sẽ là một trong các môn-đồ trung thành của Thầy để đi truyền-bá hòa-bình và tương-ái trên khắp hoàn cầu”.

Tâm nguyện làm phải, làm lành, kết chặt tình liên lạc, thương yêu lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc, truyền bá giáo pháp tân kỳ là một hạnh nguyện làm vinh danh Đức Chí Tôn. Vì thế, mỗi một môn đệ Cao Đài khắc ghi Thánh Giáo trên để có một nguyện hạnh phù hợp với Chơn Pháp Đức Chí Tôn, biết rõ rằng vì lợi lạc tha nhân, giữ tình liên lạc, gây dựng tương quan đại đồng thiên hạ thì những sự cầu nguyện sẽ ứng hiệp và chấp thuận.

Ông “M” theo Thánh Giáo trên đã cho biết rằng vì sự thiện lành, lời cầu nguyện mà sẽ trở nên một môn đệ Cao Đài đắc lực để truyền bá nền hòa bình các dân tộc, sự tương ái lẫn nhau khắp hoàn cầu. Mọi môn đệ của Đức Chí Tôn cũng thế, có quyền bình đẳng trước cơ ân xá và phổ độ, có thể lập vị mình theo cách ấy.

Đại Đạo mở ra chẳng phải vì xứ sở Việt Nam không mà thôi, mà cho toàn nhơn loại. Để thực hiện cơ cứu rỗi, duy chỉ làm cho nền đạo được chóng cơ phổ độ, đưa ra trường quốc tế, làm cho hoàn vũ hướng đến sự đại đồng, tôn vinh hòa bình, tương ái lẫn giữa các dân tộc, tín ngưỡng nơi Đức Chí Tôn mà thôi.

Nếu môn đệ Cao Đài theo những lý tưởng và dụng thánh chất để thừa hành những hoài niệm ấy thì chắc

rằng sẽ trở nên trọng đại, đủ quyền năng do Thiên Ý ban bố một hồng ân vinh diệu.

50. THIÊN CƠ VÀ SỰ CẢM ỨNG

Chiếu theo bài thứ năm mươi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 17 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy rằng Thiên Cơ chẳng một ai biết, muốn biết sự màu nhiệm thì phải cầu nguyện.

Thiên cơ là máy Trời. Trời như một guồng máy vĩ đại, vô biên vô tận, sắp xếp mọi điều nhưng luôn chứa điều huyền bí cao siêu. Phàm là con người, chẳng ai thấu hiểu lẽ thiên cơ, chẳng khi nào biết đặng những điều sẽ xảy đến trong tương lai.

*“Vì có nên mới có quỷ lộng tại Tì Lâm Tự buổi nọ, các án khác của Hộ Pháp có linh hay không mà quỷ lộng? Ấy là **Thiên Cơ** khiến vậy. Chí Tôn mở Tam Thập Lục Động coi có phá nổi Ngài không? Có thể làm cho tiêu diệt nên Chánh Giáo không? Để cho chúng sanh thí nghiệm mà thay quyền năng vô tận của Ngài. Buổi nọ vì thời gian ngắn ngủi, nên công việc chưa rành rẽ, vì không đủ thì giờ để chuyên luyện, hoặc cho là chưa trọng hệ cho lắm, nên có điều sơ lược. Đó là Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn như vậy”. [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 bài 8].*

Đấng Thượng Đế là ngọn lửa bất diệt tự hữu, không sanh, không diệt, là nguồn gốc của tất cả các đức

tính, tất cả sức mạnh, tất cả các quyền năng của con người cũng như vạn hữu. Đức Thượng Đế là phần sâu nhất của sự tĩnh lặng và sự tĩnh lặng chính ở bên trong mỗi người mới mang ý nghĩa chí Thánh, chí chơn, chí mỹ.

Đấng Thượng Đế là sức mạnh thể chất được biểu lộ trong tâm hồn, là trí thông minh, là trí tuệ, là tình yêu và sự thật được biểu lộ trong tâm thức con người. Nên, để đến với Đức Thượng Đế, con người phải có đời sống thánh thiện phải biết **cầu nguyện để tìm sự cảm ứng**, tạo lập một con đường minh triết nhất để tìm thấy sự hiện diện của Ngài và được Ngài ban những đặc ân thiêng liêng.

“Thầy cho con hiểu rằng nếu không có ý muốn của Thầy, thì trên quả địa-cầu này chẳng có vật chi sanh tồn tất cả”.

Do nơi Thánh ý của Đức Chí Tôn, Đức Ngài phân phát sự sống khắp nơi, tinh cầu, địa tú, các tầng trời từ thượng giới đến trung giới, xuống hạ giới. Theo quyền năng vô hạn ấy, Đức Chí Tôn có thể tạo sự sinh tồn ở mọi nẻo, hủy diệt hay sáng tạo cũng do nơi ý muốn của Ngài.

“Nhu thế đủ chứng tỏ cho các con tin rằng Thầy là Đức Jehovah của dân Hébreux vị chủ tể của quân-lực dân Israel, vị Thánh vô danh của dân Do-Thái, Đức Đại-Từ-phụ của chúa Jésus Cứu Thế. Con chỉ cần cầu-

nguyện Thầy với danh hiệu Cao-Đài thì sẽ có sự **cảm-
ứng-chấp-thuận**”.

Đức Chí Tôn là Ngôi Thái Cực, chủ cả Phật-Pháp-Tăng, là Đấng Ngự Trị Toàn Năng. Những danh xưng xưa kia là một hình thức biểu hiện của ngôn ngữ trong từng thời kỳ khác nhau. Ngày nay, Đức Ngài tá danh Cao Đài. Nếu loài người tin nơi Người thì hãy **nguyện cầu chơn thành** để tìm sự cảm ứng sâu kín nơi tâm hồn, nơi hội ngộ quyền năng thiêng liêng.

Cầu nguyện là thể hiện hạnh nguyện tốt đẹp, mong ước, nỗ lực thực hiện. Chúng ta gửi điều cầu mong và ước nguyện của chúng ta đến với các Đấng thiêng liêng mà ta tin tưởng, mong được các đấng ấy cứu độ cho, giúp đỡ cho, hộ trì cho.

Thực hành cầu nguyện là một nhu cầu tinh thần của con người, một nhu cầu chính đáng. Cầu nguyện giúp con người giải tỏa hoặc thi hành những ý nguyện thánh thiện, đem lại lợi lạc cho chúng sanh. Cầu nguyện cho tâm hồn của mình được phát khởi thiện tâm, phát huy được trí tuệ vượt qua nghiệp chướng, ma chướng để sớm thành tựu được mục tiêu giải thoát của mình và thực hiện tha tín, độ người, hoặc những điều thiêng liêng nhân bản. Nhu cầu cầu nguyện tâm linh tiến bộ nói lên tinh thần quyết tâm cầu tiên, nói lên ước vọng tìm kiếm chân lý của người môn đệ Cao Đài như Đức Chí Tôn dạy.

Để cảm ứng và hiểu đặng lẽ huyền vi nào đó của cơ quan cứu thế của Đức Chí Tôn cùng những nguyện lực thiện lành nào đó, chúng ta nên nguyện cầu sâu thẳm trong trái tim, để tìm một cảm ứng nhất định. Đức Chí Tôn hứa thì mãi mãi là chân lý ngàn đời.

“Lại có lắm kẻ đáng thương hại lại tự-phụ rằng họ hiểu thấu cả lẽ mầu-nhiệm của Đấng Tạo-Hóa. Nhưng Thầy không bao giờ cho một kẻ nào dưới cõi trần này tiết lộ Thiên-cơ cả”.

Chắc chắn rằng huyền bí thiên cơ, chẳng ai ở thế hiểu đặng. Sự tự phụ, phạm ngã đã làm cho chính họ si mê khi cho rằng nắm biết cả cơ quan vô vi của Đấng Tạo Đao. Người tri cảm là người biết quay về nội tâm, học hiểu, suy nghiệm, cầu nguyện, mới mong tìm được sự liên kết tâm linh, hiểu chút điều mầu nhiệm.

*“Nghĩa là bậc Thượng Phẩm chẳng dạy mà hay. Bậc Trung Phẩm dạy mà sau hay. Còn bậc Hạ Phẩm dẫu dạy cũng không lành là tại sao? Là tại họ chưa biết. Cái nguyên căn của các bậc Thượng Phẩm họ đã tạo thành là do nơi căn tu của họ đoạt đến địa điểm. Trên có thể thông suốt cả **Thiên cơ**, dưới có thể đoạt được Địa lý, việc ấy chẳng phải trong một kiếp sanh mà đoạt được, nó phải nhiều kiếp sanh mới đoạt được” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].*

Chính vì vậy, người ở thế này dẫu có đa mưu túc trí, có bộ não kinh thông lão kê, có thể khám phá vũ trụ, chớ kỳ thật chưa hề biết được bí mật cơ quan tạo đao

của Đức Chí Tôn khi Ngài chưa tiết lộ. Nếu luận rộng ra, trí phàm có thể nắm bắt được cả cơ quan thiên biến vạn hóa ấy, nào bộ chỉ có thể điên lên mà thôi.

“Con đến đây với tâm lòng thành thật để làm việc phải cho giống dân biết phục-thiện hiện đang giao phó cho con. Vậy Thầy nhờ con truyền bá giáo-lý này cho dân tộc đặt dưới quyền bảo hộ của con.

Chỉ có cách đó mới có thể kèm giữ nhơn-loại trong tình yêu sanh-chúng và đem lại cho con một cuộc đời hòa bình bền bỉ”.

Tất cả con cái của Đức Chí Tôn, dầu Thiên Phong, dầu đạo hữu, nếu biết đến với Đức Chí Tôn bằng tâm lòng chân thật, biết đặt mình vào vị thế phụng sự loài người, chắc rằng Đức Chí Tôn sẽ giao phó cho một nhiệm vụ cao cả, một đời sống hoàn bình, bền bỉ. Vinh dự thay cho ai biết nghe lời Đức Chí Tôn!

Chúng ta phải biết quyền năng trị thế của Đức Chí Tôn là đem hai chữ thương yêu đặt nền tảng cho tôn giáo. Đó là điều yếu nhiệm trong cơ quan bảo tồn chánh pháp của Ngài. Biết trọng Thầy thì phải trọng đạo, biết trọng đạo mới phụng sự, lập công. Chỉ như vậy mới có thể cảm ứng thông qua việc làm và hạnh nguyện tha tín chơn thành.

51. CHUYỂN KIẾP VÀ TU HÀNH ĐÚNG NGHĨA

Chiếu theo bài thứ năm mươi một trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 19 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy kiếp luân hồi của con người và dạy về việc tu hành.

“Các con nghe: Một sự các con chưa hề biết đến, đặng hiểu Đạo quý trọng là đường nào, lo tu tâm dưỡng tánh”.

Vì vốn vô minh, chẳng hiểu được cơ mầu nhiệm thiêng liêng, tưởng đời là thật, chết là hết, chúng ta cứ mãi sống một cách vô vị. Rồi cứ thế chẳng quan tâm đến Đạo hữu ích ra sao mà không thấy sự quý trọng đặng tâm con đường thiên lý, lo tu sửa thân tâm, hướng về ánh sáng phía bình minh.

“Các con đã sanh ra tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ nào tại thế này, rồi chết cũng tại thế này. Thầy hỏi: Các con chết rồi các con ra thế nào? Các con đi đâu?”.

Luật thiên nhiên đã vốn định sự tán hóa và giứt tán mãi mãi. Sống đua tranh, lo của cải danh vọng, được danh, được của thì thân bỗng nhiên trở về cát bụi. Sống nơi trần, thác nơi trần rồi lẽ sống ấy từ đâu. Chúng ta thường hiểu theo lời dạy tôn giáo nhưng bỏ quên như gió thoảng mây bay. Biết sợ luân hồi khô, sợ khổ nhưng chẳng biết sống trên con đường thoát khổ.

“Chẳng một đũa hiểu đặng cơ màu nhiệm ấy. Thấy dạy: Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật - chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú-cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn ngàn, muôn muôn lần, mới đến Địa-vị nhơn-phẩm”.

Như vậy, từ địa vị vật chất đến phẩm người đã phải trải qua muôn ngàn kiếp, không đếm sao kể siết. Sinh sinh-tử tử mới tiến đến địa vị làm người. Loài người lại chia làm nhiều đẳng cấp khác nhau.

“Nhơn phẩm trên thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc Đế-Vương nơi trái địa-cầu này, chưa đặng vào bực chót của Địa-cầu 67”.

Chúng ta thấy sự sang trọng và sung sướng nơi địa ở thế gian này chẳng thấm vào đâu so với địa cầu 67 tiến hóa hơn. Người phải tu tiên thế nào đặng trở về đệ nhất địa cầu.

“Trong Địa-cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp dường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa-cầu càng tăng thêm hoài, cho tới Đệ-nhứt-cầu, Tam-Thiên-Thế-Giải; qua khỏi Tam-Thiên-Thế-Giải mới đến Tứ-Đại-Bộ-Châu, qua Tứ-Đại-Bộ-Châu mới vào đặng Tam-Thập-Lục-Thiên; vào Tam-Thập-Lục-Thiên rồi phải chuyển kiếp tu-hành nữa, mới đặng lên đến Bạch-Ngọc-Kinh, là nơi Đạo Phật gọi là Niết-Bàn đó vậy”.

Từ vật chất, phải qua cây cỏ, thú cầm, con người, rồi tu sao cho từ quả cầu 72 đến đệ nhất quả địa cầu, qua Tam Thiên Thế Giới, Tứ Đại Bộ Châu, Tam Thập Lục

Thiên rồi mới về đặng Niết Bàn thanh tịnh. Như vậy, hành tịnh giựt tiến không biết bao nhiêu kiếp sanh, luân luân chuyển chuyển theo vòng tiến hóa. Đủ để chúng ta thấy được giá trị của địa vị Thiên phẩm nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

“Còn phẩm trật Qui-vị cũng như thế ấy; nó cũng noi chước Thiên- Cung mà lập thành Qui-vị, cũng đủ các ngôi, các phẩm đặng đầy đọa các con, hành hài các con, xử trị cá con. Cái quyền hành lớn lao ấy, do Thầy ban cho nó nên đặng quyền cảm dỗ các con, xúi biểu các con, giành giựt các con, mà làm tay chân hạ trong vòng tội tớ nó”.

Quý vương cũng noi theo nơi cảnh giới thiêng liêng mà tác thành cơ quan điều hành, cũng có Tam Thập Lục Động. Quyền hành rộng lớn ấy cũng do nơi luật công bình. Đức Chí Tôn cho phép cơ quan ấy đủ thể lực để làm khảo nghiệm người chơn tu.

Thế gian chúng ta đã chứng nghiệm được toàn bộ những điều Thầy dạy. Duy chỉ một phương pháp bảo vệ chúng ta trên con đường đi là chiếc áo đạo đức. Nếu không, chúng ta có thể mau chóng bị cảm dỗ, giựt giành, đua theo thế lực hắc ám. Đó là con đường của luân hồi, của khổ nhục mà người tu phải sợ.

“Thầy đã thường nói: hai đầu cân không song bằng thì tiếng cân chưa đúng lý. Luật công bình Thiêng-Liêng buộc phải vậy. Thầy lắm phen phải bị mất, bị giựt con cái của Thầy vì chúng nó”.

Thiên lý tuần hoàn, cơ Trời vốn vô tư, công thưởng, tội trừng, khôn còn, đại mất. Đó là cơ công bình thiên đạo, chẳng vì thương mà không cho quý “dễ dành”, chẳng vì ghét mà ma “hành phạt”. Bước đường càng cao, phẩm vị càng trôi thì sự thử thách và khổ nhọc phải tương xứng với địa vị. Ngôi vị Đại Từ Bi chẳng hề muốn nhìn con cái Người phải sa cơ, lọt vào tay tà mị, nhưng vị luật thiên nhiên vốn vậy. Biết bao lần Đức Đại Từ Bi phải đau thảm vì phải mất con cái, bị giựt giành bởi quỷ vương.

“Thầy đã chỉ rõ hai nẻo tà chánh, sang hèn rồi, vậy Thầy cũng chỉ phương hướng cho các con đi khỏi làm lạc. Các con hiểu rằng: trong Tam-Thiên-Thế-Giới còn có Quỷ mị chuyển kiếp ở lộn cùng các con thay, hưởng lựa là “Thất-Thập-Nhị-Địa” này, sao không có cho đặng?”.

Ngoảnh lại, chánh thì sang, tà thì phải chịu hèn. Cõi địa giới này quỷ ma vẫn luôn ở chung lộn cùng loài người. Thế thì sự thử thách, gian khổ, khảo thí kẻ cạnh con người không hề tránh khỏi đặng. Nói cho cùng, có đạo đức thì theo chánh, không đạo đức thì theo tà. Tà chánh vẫn là hai nẻo phân minh. Nếu khôn thì biết gìn giữ đạo đức, nếu dại thì giữ thói vậy tà để cho quỷ ma dắt dìu.

“Hại thay! Lũ quỷ là phần nhiều; nó bày bố ra mỗi nơi một giả cuộc, mà dễ dành các con. Vì vậy, Thầy đã nói tiên tri rằng:

Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con, lại hàng ngày xúi biếu chúng nó cắn xé các con, song Thầy cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đặng là đạo-đức của các con”.

Biết kiếp sanh khổ ải, chúng ta phải hằng giữ nơi tâm một con đường đạo đức mới chuyển hóa sự khổ não. Đường đạo cũng vốn chông gai, những giả cuộc do tà mị tạo dựng để thử thách tâm đạo. Hành trình tu tiến là một “giai thoại” đấu tranh quyết liệt, cuộc chiến giữa thiện và ác, giữa chánh và tà là bài thi cho mỗi môn đệ Cao Đài. Nếu biết gìn giữ đạo đức, trau mãi lên cho cao đẹp thì thắng đặng tà quyền.

Đạo đức chính là phương pháp khử trừ tà mị, cũng là phương pháp đến với Đức Chí Tôn, nó vốn là chiếc thang vô tận bắt lên Thiên cung hầu có ngày hội hiệp thiêng liêng.

“Vây Thầy lại dặn các con: nếu kẻ không tu, làm đủ phận người, công-bình, chánh-trực, khi hồn xuất ra khỏi xác thì cứ theo đẳng cấp gần trên mà luân hồi lại nữa thì biết chừng nào đặng hội-hiệp cùng Thầy?”

Sự thưởng phạt phân minh, luân hồi nhân quả không sai chạy một mái li nào. Mở nền Đại Đạo, Đức Chí Tôn khai cơ đại ân xá tận độ, cho phép loài người tu nhất kiếp, ngộ nhứt thời trong khắp càn khôn thế giới. Ai đặng ngộ một đời tu, trả quả vay tạo, có công tu hành thì có thể trở về nước hằng sống đặng. Ấy là một đại phước duyên chưa từng có trong lịch sử quả địa cầu 68 này.

Người biết trân trọng môi Đại Đạo, biết giá trị và quyền năng cứu thế của Đức Chí Tôn thì giác ngộ. Vì vậy, đại từ đại bi của Đức Ngài đã ban cho loài người, duy chỉ có tu mà thành tựu, hội hiệp đặng, nhưng **tu thế nào cho đúng nghĩa** để được như lời Thầy dạy là một việc hệ trọng.

“Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả Nhơn-loại Càn-Khôn Thê- Giái, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng; mà... hại thay!... mất Thầy chưa đặng hữu hạnh hoan lạc, thấy đặng kẻ ấy. Vậy Thầy dạy: Đạo là nơi các con nên quý trọng đó vậy”.

“Tu hành” là một từ ngữ vốn đã xuất hiện tự thuở xa xưa khi con người đã biết kính Trời, tin Phật, một lòng đi trên hành trình tấn hóa, tìm cách khai phá, đốn ngộ để hiểu được sự mầu nhiệm thiêng liêng vô hình, cầu một sự giải thoát thuần túy đúng nghĩa theo chân các bậc Thánh Triết để lại. Tuy nhiên, sự khải ngộ của mỗi người sẽ khác nhau nên sẽ hiểu và có một cách nhìn khác nhau do trình độ tu tiến có các cấp bậc hoàn toàn ở những cung bậc không đồng điệu.

Điều đó dẫn đến con đường đi cũng sẽ mang ý vị, màu sắc cả thể tướng, tâm thể khác nhau. Các vị giáo chủ tôn giáo đã phụng mạng lệnh xuống thế, lập pháp chỉ cứu cánh cho Nhơn loại. Các Ngài cũng đã trở về hư vô, quán xét và hành tàng các môn sinh của các Ngài đã, đang làm. Kinh điển vẫn còn đó, âm vang vẫn trầm bổng vắng vắng bên tai. Chúng ta tự hỏi, con người đã ứng

dụng diệu pháp Tam Giáo như thế nào trong đời sống để đạt được hai chữ “tu hành”.

Tu tức là đi vào khoa học tâm thức, thực hành nếp sống đạo hạnh phù hợp với giáo pháp của một nền tôn giáo nào đó, tìm đến sự an lạc thân tâm bằng phép khắc kỷ tu chơn, pháp phước huệ song hành. Mục tiêu cứu cánh của đời sống tu hành là về với ánh sáng của chân lý.

Tất cả hình sắc, kinh điển chỉ là ngón tay, còn mặt trăng mới là chân lý, là lý tưởng tối thượng mà con người khao khát. Tu hành chẳng đơn thuần gói gọn trong nếp sống đi lễ viếng nhà thờ, chùa chiền, tụng kinh, gõ mõ, cúng dường là đủ vì mọi thứ ấy chỉ là hình thức bề ngoài. Đặc biệt hơn, con người phải đi và khám phá nội hàm bên trong chiếc vỏ của Đạo mới thấm được mùi vị chân đạo.

Chân truyền của các nền tôn giáo đã ẩn lý pháp cứu cánh rất ráo, chứa sự huyền diệu dù các tính cách giáo truyền mang tính dị biệt về ngoại dung. Phổ tế cứu nhân, độ thế vẫn là tiêu chí đi đôi với trao sửa bản tâm cho ra thanh sạch. Phật Giáo chủ trương “minh tâm kiến tánh”, Tiên Giáo chỉ điểm “tu tâm luyện tánh” còn Thánh Giáo cốt “tồn tâm dưỡng tánh”. Nên chi, tất cả các hiện tượng đều chủ ý hướng nội, tìm cái có hữu ngã, luyện lòng cho đến khi chỉ ngời thỏi sáo tiêu thiêu, chẳng còn nghĩ đến pháp điều vì tất cả vốn không pháp mà vẫn là pháp.

Phật Giáo thường nhắc tới tu thân, tu ngôn và tu ý. Thân phải giữ gìn pháp luật đạo, nép mình vào khuôn phép, qui tắc để hợp với luật tấn hóa thiên nhiên. Miệng phải giữ lời tốt đẹp, phải suy xét cẩn trọng trước khi phát ngôn, nói những điều đẹp cho mình, cho tha nhân mang tính độ người tiến đến mục đích thánh thiện. Giữ ý phải trong sáng mới có hành vi phù hợp đạo lý luân thường, bước lên phương pháp quán xét cách vật trí tri cho tinh thông bát nhã, đạt đến ý chí tĩnh tọa, nhiếp tâm soi chiếu lẽ thật hầu chấm dứt mọi ý niệm sai lầm, tà kiến, đến bờ chánh kiến minh tâm. Cứu cánh chân lành là sự giác ngộ đời sống vô thường cõi hồng, kiếp tạm. Kinh Pháp cú có câu:

*“Trôi lăn luân hồi khổ
Vây chớ sống luân hồi
Chớ chạy theo đau khổ”*

Đời người vốn đã trôi lăn theo bánh xe tạo cuộn tròn. Muốn tránh luân hồi, tránh khổ thì phải giải khổ, thoát luân hồi, không mê luyến theo tam độc [tham, sân, si] để phải đắm trong thất tình, lục dục; mà phải luyện thân-tâm-ý để đạt đến đời sống có bát chánh đạo làm đuốc soi đường. Cho nên, Phật Giáo là cái nôi đưa đến hạnh viên mãn, để vô thượng chánh đẳng chánh giác, truyền thụ tâm pháp bí truyền cho nhân sinh nương theo đuốc huệ.

Tiên Giáo có Đạo Đức Kinh luận tả đạo là bản thể của càn khôn vũ trụ, vô nhất, vô vô cực tạo thành vạn tượng trong trời đất bốn bề. Sự lưu thông vận hành, sanh

biến, im bất hay sống động đó là cái thể hữu tướng của sự sống mà Đức Lão Tử nói “cường danh viết Đạo”. Ngoài ra, thiên địa vạn vật đồng nhất lý, cùng bản lai, nên hướng về diệu tánh, kiến chỗ cao thượng của bản tánh mà thực hiện phép luyện tánh ngưng đọng, nghịch chuyển tạo thánh thai, hòa đồng vạn vật càn khôn. Đó là diệu lý, màu nhiệm của Đạo Giáo.

Nền Không Học truyền thụ qua các sách Tứ Thư, Ngũ Kinh, Đại Học, Luận Ngữ... để cốt truyền tả lý chánh trung, lấy cái nhất quán làm đề tài cho nhân sinh, thực hiện phương pháp tồn tâm dưỡng tánh cho ra chí thiện, chí mỹ.

Thánh Giáo Da Tô mặc khải sự hy sinh và lòng phụng hiến cho con cái Đức Chúa Trời, vinh danh Thượng Đế để tạo phúc cho dân, tạo sự ấm no cho đồng sanh để đồng hướng về cảnh Thiên Đàng.

Hồi Giáo vẫn không đi ngoài cái lý quán định tâm tánh, hướng đời sống thanh tịnh tâm tánh, phục vụ nhân sanh. Nhưng lâu ngày, chơn giáo bị mai một, tà tâm khởi phát, biến dịch và bị chế tác thành những tư tưởng dị biệt xa chánh giáo chơn truyền.

Tất cả đều phải thuận lý thiên nhiên trời đất. Tùng lý thiên nhiên tức là tùng pháp và phù hợp với vòng bánh xe tấn hóa nhân sinh. Không chấp, không ngã, lấy tâm trung dung bình đẳng, lánh phiền não, thị phi mới mong trở về sự sống bản tâm mà thực hiện trau sửa hằng ngày đúng với pháp đạo.

“Tu trí đặng chi? Đặng đủ khôn ngoan, tu hạnh đức hay hạnh kiểm của mình, rồi mới tu ngôn ngữ của mình, tu trí đặng lập ngôn tại thế gian này, tức nhiên tu về khí đó vậy” [Thuyết Đạo ĐHP. Q. 5].

Đạo Cao Đài dụng tôn chỉ Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhất cũng thay cho “vạn giáo nhất lý” hay “Tam Giáo đồng nguyên”. Sự dị biệt hữu hình tức là Bí Pháp Thế Đạo, còn Bí Pháp Thiên Đạo vẫn là chân lý sống ở chỗ tâm thành chánh thiện, vẫn hướng đến bốn nguyên dùng diệu pháp của phép Tam Giáo mà đạt đến cơ thoát khổ, đi ngoài càn khôn, bỏ sinh tử luân hồi. Dị tướng và dị hình nhất là người ta vẫn công quả, vẫn mang chiếc áo đạo nhưng chỉ để tô thêm khôi giáp cho đẹp đẽ, quên đi cái thiệt tướng là tâm.

Thế gian là trường thi tấn hóa cho bát đẳng chơn hồn trả quả, tinh tấn và thi thố để lập ngôi vị thiêng liêng. Giữa thế gian, ít có ai biết đạo. Giữa những người biết đạo, ít có ai theo đạo thực thụ. Giữa những người thực thụ, ít có ai theo chánh kiến. Giữa những người chánh kiến, ít có ai thực hiện chánh kiến và cái Vị Giáo Chủ đã chỉ dạy. Giữa những người thực hiện theo lời Giáo Chủ, ít có ai thành tựu. Đời và Đạo vốn mắc mỏ, chèo lựa thuận thế, thuận thời mà tô công, lập đức, tạo thiện ngôn như lời Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chỉ dạy.

Tu hành đúng nghĩa vốn không khó nhưng lại rất khó. Cái khó là bị chì chiết, thao túng của phàm ngã lôi kéo để phải bỏ chánh, theo tà, bỏ quên thánh tâm theo

phàm ngã. Mục thước giáo điều đã có sẵn, duy con người chỉ vẽ những nét cọ đượm chất thiên lương, quên mình phục vụ quần linh sanh chúng, hoằng hóa giáo pháp, làm kỳ vật cho Đạo để thiên hạ hưởng là trùng thánh ý Đức Chí Tôn, Đức Hộ Pháp đã xướng giảng khi còn sanh tiền.

52. GIÁ TRỊ HỮU HÌNH VÀ GIÁ TRỊ VÔ VI

Chiếu theo bài thứ năm mươi hai trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giảng ngày 19 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy về phẩm tước và của cải phàm gian, lại dạy các Thiên tước và quyền năng, tức là giá trị hữu hình và vô vi.

Hữu hình và vô vi là hai cảnh giới hoàn toàn khác nhau. Con người sanh ra, lớn lên, đạt được danh vọng địa vị, tiền tài, vật chất rồi trở nên già nua và chết. Những bậc Thánh Nhân dạy đạo lý rồi quy Thiên, nhưng lời giáo truyền rao giảng vẫn còn đó, những môn đồ có thể nắm bắt và tin vào giáo pháp nhờ lời huấn dạy. Kỳ thực, hai thế giới ấy như khép lạng bởi một **cánh cửa bí mật** mà chỉ có người đoạt phép vĩnh sanh mới thấu đáo.

“Phẩm-tước là gì? Của cải danh-vọng là gì? Phẩm tước là sự tổng-hợp các chức tước đã bày ra để quyền rũ người hoặc ít hoặc nhiều. Những chức-tước ấy do người đời tạo ra phong-thường kẻ khác”.

Tất cả mọi sự ở cõi hữu hình gồm chức tước, phẩm vị, tiền tài, vật chất là cái giả cảnh, là quán trọ, là vô thường. Có khi ta có nó, rồi lại mất, mất xong lại trở nên có một cách dễ dàng. Tính chất của nó vốn chẳng thường tại, không thật nên mới mất. Nếu nó là thật, thì trường tồn mãi mãi. Không có gì có thể kéo dài và trường tồn mãi mãi. Tất cả sự vật, hiện tượng trong vũ trụ đều vĩnh viễn không ở yên trong một trạng thái duy nhất mà luôn biến chuyển, thay đổi liên tục.

Sự sống có giới hạn, vì vậy chúng ta cũng có quyền sống sao cho thật có ích, thật có nghĩa và có cuộc đời thật đẹp. Vì đời là vô thường, không biết được điều gì sẽ xảy đến, có người giàu lên cũng sẽ có người nghèo đi, có người sinh ra cũng có kẻ mất đi, có người hạnh phúc cũng có kẻ đau khổ... tất cả đều không biết trước được, cũng không vì điều gì mà dừng lại. Mọi sự việc thuộc thế gian tính và thuộc thế giới hữu hình.

Nếu mọi thứ thế gian là vô thường thì ta nên nhận ra nó để mỗi người chúng ta có thể cảm thấy thoải mái và an nhiên hơn. Nhất là khi phải đối mặt với sự chia ly, mất mát về tình cảm hoặc vật chất... Có đôi khi đó chính là con đường giác ngộ cho bản thân mình để tìm thấy niềm vui thật sự trong tâm hồn, có được niềm hạnh phúc chân chính. Đồng thời, biết đến luật vô thường giúp ngăn chặn những người thường mãi mê chạy theo dục vọng, tội lỗi để phục vụ cho thú vui nhất thời hoặc để níu giữ của cải, địa vị.

“Giá-trị của các chức-tước ấy ra sao? Giá-trị những chức tước ấy tùy theo mà tạo nó ra.

Việc chi do người đều phạm cả nó không bền, thường thường bị hư hỏng và tiêu tan ngay sau khi người đã được nó tặng bị cướp mất sự sống”.

Về giá trị của các phẩm tước và tài sản ở thế giới hữu hình, nó chẳng hề bền bỉ. Kiếp người trăm năm cũng trở về nắm tro tàn thì vật chất và địa vị nó cũng chỉ là hư ảo, mang một giá trị tạm thời trong lúc sanh tiền mà thôi. Để có nó, chẳng những phải mất thời gian mà phải trải qua những thử thách khổ đau và sự phấn đấu không ngừng.

Dẫu có tái kiếp, con người chưa chắc có thể nắm giữ được những phẩm vị và tài sản đã từng gây dựng nơi mặt thế. Phật Giáo còn nói tất cả các pháp thế gian đều là **bào ảnh**, hư giả, không thực, hưởng chi là các tước phẩm và tài sản. Đó cũng chỉ là bọt biển, giả hợp, vô thường, gió thổi liền tan. Kinh Kim Cang của Phật Giáo nói:

“Hết thấy pháp hữu vi, như chiêm bao, như trò dối, như bọt nước, như bóng dáng, như sương móc và như chớp nháy, nên quán xét như thế” [Kinh Kim Cang].

Như vậy, thế gian tức là hữu hình đều mang tính chất vô thường, bào ảnh, như sương tan đọng trên lá, chỉ có **Tâm** con người là bất biến. Phật Giáo thường ví Tâm như **“không”** nhưng cái không ấy chẳng sinh, chẳng hết,

chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng tăng, chẳng giảm, luôn luôn ở đó và vô hạn vĩnh cửu.

“Các con hãy tìm tước phẩm nơi cõi thiêng-liêng, tước phẩm ấy mới là vĩnh viễn. Còn tài-sản là tổng-quát các vật quý-giá của con người để thu nhặt trên thế-gian này”.

Chúng ta không nên bàn về tính tuyệt đối về các tôn giáo khác, mà với Cao Đài giáo, nên hiểu rằng Đức Chí Tôn mang tính tuyệt đối và tin lời Đức Ngài rằng phẩm tước thiêng liêng và gia sản ấy mới vĩnh viễn và trường tồn mãi mãi. Cũng vì giữa hai thế giới hữu hình và vô vi có mối liên hệ tương quan chặt chẽ, nên Đức Thượng Đế bao lần lao công, khổ nhọc vì đàn con, mở đạo, kêu gọi quay về với thực tướng, đó là cảnh hằng sống.

“Của cải ấy gồm những gì? Vàng bạc chỉ là loại kim-khí tầm thường. Hồng là một chất màu. Còn lục là chất do loài vật cấu thành ra. Các con xem của ấy là quý giá thật-sự sao?”.

Của cải thế gian chẳng thường tại, thân người lại giả hợp do ngũ hành mà ra. Chỉ có tâm người là vĩnh sanh. Chỉ vì tâm người chưa đến nơi cõi hằng sống mà được vĩnh sanh. Muốn vậy, chỉ có một con đường là “tu”.

“Xét từ nơi sản xuất các vật ấy, đều không đáng kể. Các con nên tìm sự giàu đức-tính của Trời. Chỉ có

cách đó, mới gọi là vĩnh-cửu. Của quý ấy không ai ăn cướp đặng cả”.

Trời vì giàu nhân đức, giàu lòng từ bi mới trở nên trường tồn, bất biến, mới bảo tồn cơ sanh hóa, nuôi nấng vạn linh và muốn cho chúng sanh được vĩnh sanh, giữ được tước phẩm và của cải cho mãi mãi. Của cải và phẩm tước ấy chỉ có nơi cửa thiên liêng mà thôi. Thiên tước chẳng ai lấy đặng, của cải chẳng mất đi mà vĩnh cửu.

“Danh vọng thường hay chống lại với đức hạnh. Nó rất ngăn ngại và thường thành tựu nhờ sự gian trá”.

Danh vọng hữu hình tuy nói khó nhưng cũng dễ dàng có đặng. Lịch sử các triều đại vua chúa trên thế giới cũng minh chứng cho sự đấu đá, quyền tước, danh vọng. Một vị minh quân đứng lên lo cho dân như con thì rất ít. Còn các vương đế bá quyền, tàn sát, chỉ biết địa vị, châu báu thì đầy dẫy. Đời thường gian trá, nguy quân tử hay bằng mọi thủ đoạn để đoạt được. Vì vậy, người tu thì chú trọng đức hạnh. Hễ đức hạnh thì phải nghịch thế thường là gian tham, mê mẩn mùi tục lụy.

“Danh-quyền nơi Trời là bền chắc nhưt. Và danh-quyền ấy mới chịu đựng nổi bao sự thử thách. (Trung bạch: Máy con phải làm sao mà tìm đặng phẩm-tước của cải và danh-vọng của Trời). Thầy trả lời “Tu”.

Và như thế duy chỉ có con đường tu, nương nơi đạo pháp mới há mong tìm đến của cải và thiên tước nơi cõi hư linh. Cơ sáng thế vũ trụ cũng vì Thánh ý của ngôi

Thái Cực. Khi sáng thể xong, phải có luật điều hành để đảm bảo vạn vật đi trong khuôn luật, thúc đẩy cơ tấn hóa của vạn linh. Trong đó, sự vĩnh tồn là sự hằng sống cõi thiêng liêng. Muốn vậy, duy có đạt được sự hòa hợp cùng bản nguyên của Trời, hòa quyện cùng ánh linh quang tối cao mà thôi. Con đường đi đến trạng thái ấy chính là con đường giựt tấn tu hành của mỗi chúng sanh trong càn khôn. Bởi không có chi ngoài sự sống của Đức Chí Tôn. Hữu sanh tức là có sự hiện ngự của Đức Ngài mà cơ tấn hóa từng bước sẽ hiệp lý phản phục, hồi nguyên.

“Nếu có cái Tự tín và Tha tín là cái năng lực hữu hình, mà không có Thiên tín là Huyền pháp vô vi, thì cái năng lực ấy nó sẽ cuốn lôi theo cơ tự diệt, vì vậy nên ta phải có đủ đức tin nơi Chí Tôn, phải trọng mạng sống của con người, bởi Đức Chí Tôn hóa sanh một người là một vật báu của Ngài” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1 bài 04].

Hữu hình là giả tạm, là chôn hư danh, là giả cảnh, là quán trọ mà khách trần chỉ tạm nương náo cho đến khi đủ điều kiện hội diện với cõi vô vi. Vô vi thì thanh tịnh, hư tĩnh nhưng bất biến, “không” là thể tính của cõi vô vi nhưng biến hóa và vô lượng sắc giới, vĩnh tồn và hằng sống.

Con đường của Đức Chí Tôn vạch ra cho nhơn loài là thương yêu, gầy dựng và phổ truyền chánh pháp để mọi người đồng hưởng cái vi diệu của cơ ân xá tận độ. Theo cách dạy của Đức Hộ Pháp, nếu chỉ có các tính

hữu hình mà thiếu Thiên tín, tức là thiếu đức tin nơi cơ quan cứu thế gây dựng tại nước Nam này thì tất cả cuốn trôi theo dòng nước.

53. GIÁ TRỊ CỦA TÂN LUẬT

Chiếu theo bài thứ năm mươi ba trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 20 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy cần phải có luật pháp đạo để đạo mới thành hình và khuyên mau chân tu hành.

“Chư Môn-đệ nghe! Thầy đã muốn cho hoàn toàn phải cần có luật, mà hễ có luật thì cần phải do theo đó mà hành Đạo, mới khỏi điều sơ thất đặng”.

Cõi thiêng liêng hằng sống cũng phải có Thiên Luật, nên bất kể tổ chức nào dù là tôn giáo cũng cần có luật lệ để điều hành Giáo Hội. Tôn giáo nếu không có luật lệ cũng như không có tổ chức, quy cũ nương theo mà hành đạo. Vì vậy, Đức Chí Tôn đã giao một số vị Đại Thiên Phong một trách nhiệm là lập Tân Luật cho nền Đạo và dâng lên quyền Thiêng Liêng định phê. Từ khi có sự giáng phê của quyền năng Thiêng Liêng, bộ luật ấy trở thành trọng đại, có nền tảng cho toàn thể noi theo mà hành sự.

Tân Luật là luật tu hành của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là đạo Cao Đài, đã có sự sửa đổi và bổ sung. Cựu luật vốn đã không còn bắt nhịp với thời kỳ văn minh trí thức tinh thần và do nơi Ngọc Hư Cung bác

luật, Lôi Âm Tự phá cỗ. Để đáp ứng dòng tiến hóa của Nhơn loại, cần có một bộ luật mới để phù hợp với thời Tam Kỳ Phổ độ của Đức Chí Tôn. Song, những điều căn bản của cỗ luật vẫn được duy trì.

“Thí dụ như có kẻ hỏi: Sao Thầy không dùng Cựu Luật trong Tam giáo đã có sẵn rồi, lại lập chi Tân Luật nữa, mà buộc Nhơn sanh phải yếm Cựu nghinh Tân vậy?”

Ta lại đáp rằng: Chính Thầy đã giảng cơ nói: Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cỗ; ấy vậy, Cựu Luật thì Ngọc Hư Cung đã biếm bác, còn Cổ pháp thì Lôi Âm Tự đã phá tiêu, vậy thì ngày nay, Cựu Luật và Cổ pháp chẳng còn ý vị chi hết.

Những bực tu hành mà tưởng làm phải tòng Cựu Luật hay là Cổ pháp thì trái hẳn với Thiên điều của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thể Thiên hành chánh. Bởi có ấy nên Chí Tôn đã cấm Ngũ Chi phái Ngọc dùng Cổ luật mà mê hoặc Nhơn sanh nữa.

Hễ tòng Cựu Luật tức phải tòng Thiên điều, mà hễ tòng Thiên điều thì khó lập vị mình đặng” [Trích PCT chú giải].

Luật lệ mới tuy thay đổi và bổ sung nhưng Tân Luật gồm trọn Tam Giáo, nghĩa là ba cỗ luật thành một Tân Luật Đại Đạo. Hơn nữa chúng ta phải hiểu rằng trước khi bước qua thời kỳ lập Thượng Ngươn Tứ Chuyển, Đức Chí Tôn đã cho con người ký Đệ Tam Hòa Ước, chính mình Đức Chí Tôn giảng phạm qua điều huyền tiên cơ mà lập Đạo, mở một cơ đại ân xá, cho

chúng sanh “tu nhưt kiếp, ngộ nhất thời”, bao nhiêu quả duyên oan trái đều phải nhồi nghiệp để tấn bộ, nương nơi giáo luật mới mà trở về với Đức Ngài, lẽ nào Tân Luật lại khắc khe và đau khổ hơn so với cựu luật.

Vì thế, Tân Luật để làm giảm khổ não cho con cái Người, độ rỗi sanh chúng khi các tôn giáo cổ kim đã thất sách, hết phương đưa con cái Người trở thoát biển sông mê. Đó chẳng phải là phương thức yếm cữ nghinh tân theo như thế phàm suy nghĩ.

Tân Luật gồm có Tịnh Thất Luật, Đạo Pháp Luật, Thế Luật do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ lập ra, Đức Lý giảng sửa, Đức Hộ Pháp nhận và Đức Chí Tôn phê chuẩn. Do vậy, Tân Luật là bộ luật Thiên Điều của đạo Cao Đài. Nếu có chỉnh sửa cho phù hợp với từng thời kỳ tiến hóa thì phải cầu quyền Bát Quái Đài định đoạt, phê chuẩn.

Đức Lý giảng:

“Cười... Cái giá trị của Tân Luật dường đó mà cả Hội Thánh coi rẻ rúng chẳng kể, làm cho Lão phải từ ngôi Giáo Tông đặng lấy Thiên điều khảo tội. Ôi thôi! Biết bao kẻ bị đọa lạc vào Phong đô vì đó”.

Bằng một dòng trải nghiệm thời khắc dâng bộ Tân Luật lên Đức Lý xem xét, Đức Chí Tôn phê chuẩn, chúng ta đã thấy được giá trị Tân Luật Đại Đạo đã nắm vai trò quan trọng như thế nào trong nền triết lý tân kỳ của Đức Chí Tôn. Đức Lý giảng dạy ba vị Chánh Phối Sư cầm luật phải đủ 06 bàn tay không cho hờ dưng lên

cho ba vị Đâu Su. Ba vị Đâu Su cũng làm y vậy dâng lên cho ba vị Chương Pháp. Ba vị Chương Pháp lại cũng y thế mà dâng lên cho Đức Lý. Luật ấy được dạy phải đưa qua đầu Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Khương Thái Công, Đức Chúa Jesus nữa. Người Cao Đài mỗi người sẽ cảm thấu giây phút thiêng liêng về lời dạy của Đức Chí Tôn. Luật ấy lẽ ra phải dâng qua đầu Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử vì đó là Thiên Điều.

Bộ Luật được để nơi đại điện cho Đức Lý xem xét, chỉnh sửa nội một ngày một đêm. Đức Lý cho biết Luật Thiên Điều mâu nhiệm ấy còn thiếu sót lắm.

“Lão tâu cùng Đại Từ Đại Bi xin thêm vào Luật những điều bí mật yếu trọng. Ấy vậy, chư Hiền hữu cũng phải cầu khẩn với Lão, nội hạ tuần tháng này thì khởi nguyện, dặn các Thánh Thất, các Đạo hữu phải để lòng thành khẩn, hiệp sức làm một với Lão mà nài xin Thánh Luật, nghe à!” [Đức Lý giảng cơ].

Sự bạt nhược vô minh của chúng sanh khinh thường giá trị của Thiên Điều Tân Luật làm Đức Lý khảo tội, đưa vào cõi phong đô. Như vậy, bộ Tân Luật là Thiên Điều do Hội Thánh lập thành, chuyển qua Hiệp Thiên Đài phê chuẩn rồi dâng cho Đức Lý xem xét, xin Đức Chí Tôn đưa một số Thánh Luật vào cho trọn vẹn rồi mới phê chuẩn thành Thiên Điều.

Luật trọng thì toàn thể Thánh Thể của Đức Chí Tôn trọng. Bộ Luật lập thành để làm khuôn khổ cho nền

Đạo cải thế tạo đời, hợp nhơn trí, diu dắt cả chúng sanh theo con đường bác ái và công bình. Theo thế ấy, ai coi thường, bất tuân Đạo Luật, cầu phá Đạo Luật đã hình thành thì cũng nên xem lại giáo lý và những gì Đức Chí Tôn, Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm đã truyền tả nơi Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

“Nhiều đũa nhờ công-quả chút ít mà đặng Thầy trọng dụng, là có ý để chúng nó đặng vui lòng mà bước tới, dè đâu đã chẳng trông sợ nơi linh Thầy, lại lấy ý riêng mà làm cho có lời kích bác trong Đạo”.

Đã có luật lệ buộc đẳng cấp, trách nhiệm và vai trò, cũng như những ân tứ do Đức Chí Tôn dụng từ bi mà trọng dụng trong những vai trò cần yếu. Nên lấy làm hân hoan và hết mình phụng sự cho phù hợp với đẳng cấp.

Ai cũng là con cái của Đức Chí Tôn dầu nam hay nữ, dầu cao phẩm hay bậc tín đồ, châu lễ Thầy là được trở về với lòng Người. Biết trọng đạo thì trọng luật lệ của Đạo. Giả như lấy cái chung để phụng sự cho cái riêng, dụng ý phạm mà làm cái “thánh”, tự chuyên, tự cải, chẳng sợ oai linh thiên điều thì e chẳng đặng. Phần thưởng không thấy, đến khi có hình luật Tòa Tam Giáo Thiêng Liêng định thì oán than, khổ não, **tội tình** ấy phải tự gánh lấy.

*“Trái lại, nếu mấy em không bảo trọng phận sự của thiêng liêng phú thác, để cho nó hung tàn bạo ngược như kẻ ngoài đời kia thì **tội tình** của mấy em nơi cửa*

Ngọc Hư Cung chẳng hề dung thứ” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3 bài 38].

Dầu thiên phong, dầu không chức phận, hễ là môn đệ Đức Chí Tôn thì phải có trách nhiệm. Phạm sự thiêng liêng không chỉ nơi tay các chư Thiên Mạng lập giáo, bảo thủ chơn truyền mà thôi, các môn đệ Cao Đài cũng phải có trách nhiệm bảo tồn đạo giáo, **tuân thủ luật pháp Đại Đạo** mà hành đạo phổ độ, lập công cùng cơ quan cứu thế. Bằng chẳng thế, ý thế cậy quyền, bất tuân luật đạo, làm theo phàm ý, phản thầy, bán đạo, dung túng cho phàm ngã, dựa vào áo mão cân đai, đem điều chác lợi tư riêng, làm ảnh hưởng nghiệp quả bản thân lại còn nhờ danh đạo thì tội tình nơi thiêng liêng chẳng chối đặng.

“Thầy hỏi có đáng tội chăng?”

Tự thân mỗi môn đệ đều đặng biết câu trả lời. Chúng ta hằng biết vì danh-lợi-quyền, vì vô minh, vì thánh tâm không thắng nổi phàm chất mà dẫy đầy tội lỗi. Sự phản trắc dường ấy, con đường tội lỗi trước luật Thiên điều không sao tránh đặng.

“Nếu Thầy chẳng lấy đức từ bi mà dìu-dắt các con, thì chư Thần, Thánh đã phạt mấy đũa cách nặng nề hơn nữa! Các con khá liệu mà hành Đạo!”

Trong lời thánh huấn của Đức Chí Tôn, vẫn luôn thường có hai chữ “từ bi” dành cho nhơn loại. Nếu chẳng phải lòng thương quá đỗi, Đức Ngài không phải nhọc công che chở, gánh vác tội tình vì tín đồ vô luật.

Lời giáo huấn ấy muôn đời trường tồn, phải liệu mà hành đạo. Câu văn ngắn ngủi nhưng hàm chứa mọi điều trắc trở, quyền hành thưởng-phạt nơi tay Đức Lý Giáo Tông vô vi, hễ công thưởng, tội trừng.

“Chư nhu nghe! Đạo Trời diu bước nhơn sanh, đường Thánh dẫn người phạm-tục; sanh nhằm lối may mắn, đặng gặp một Đạo chánh, nếu chẳng lo dưỡng tánh trau mình, để bước vào con đường cực-lạc, thoát đọa Tam Đò, một mai cánh rũ bông tàn, rớt cuộc lại ăn năn vô ích”.

Cánh rũ bông tàn là cảnh sầu muộn, sau khi khoe sắc hương một khoảng thời gian. Kiếp người cũng như thế, cũng thấp thoáng xuân sanh, bay nhảy giữa bầu trời tự do, lao mình vào vòng xoáy của cuộc đời. Đến khi thân tàn, ủ dột thì nhìn lại cảnh sầu bi mà ăn năn thì rất sầu muộn. Người hữu duyên gặp mối Chánh Giáo mà không chịu đem thân vào trường thi thổ của Đức Chí Tôn, chỉ nhập môn cho có lệ, chẳng biết đến tu thân, lập đức, bồi công, tô quả thì e ngày sau, sở công quả thiên đình sạch trơn, lẽ ăn năn cũng trở nên muộn màng.

Người đạo lại có khi chẳng lánh dữ, làm lành, nương nơi cửa đạo để tìm nẻo thánh giữa đời thường mà còn giữ nét trần tục, đạo cũng muốn, đời cũng chẳng bỏ, lại còn thêm những điều bất chánh, gây nhiều điều tội lỗi, thì lời Minh Thệ trước khi vào đạo há chẳng phải coi như rẻ rúng sao.

“Ta vì thương xót sanh-linh, mở Đạo Tam-Kỳ để độ người hữu phước, nếu chẳng mau chân, ngày giờ hầu cận, chư Tiên Phật hội Tam-Giáo xin bẻ lại, thì dầu ta có muốn cứu vớt thêm cũng chẳng qua số Thiên-cơ đãng”.

Người hữu duyên là gặp mối Tam Kỳ Phổ Độ. Đã hữu duyên mà chúng ta bỏ cái duyên phần ấy, chẳng lên thuyền, không nhập vào trường thánh đức, hết tâm, tận chí, thành thật nép mình nơi **Tâm Luật** để đi trên con đường cứu rỗi, e lỡ chân hối hận trong muôn màng. Đạo mở ra để đưa người Thánh, dẫn người phạm tục, dầu hóa nhân, nguyên nhân hay quý nhân nếu biết tu, Đức Chí Tôn đều khai ân, lại ban hồng ân độ rỗi.

54. NÉT VẠY TÀ LÀ CÁI NƠI THIÊN LUẬT

Chiếu theo bài thứ năm mươi bốn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 27 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn dạy khi vào đạo phải tìm kiếm, học hỏi, chỉnh nét tu thân hầu rửa phạm tục, mọi nét vạy tà là cái nơi thiên luật.

Vạy tà là những ý niệm, hành vi trái với luân thường đạo lý. Thước đo để định quy chuẩn của đạo đức và phi luân thường là do nơi lương tâm của con người vì tự mỗi người có một khiếu lương tri. Dầu tàn ác tới đâu, cũng nhận ra đó là điều bất nhân, nhưng chỉ tại vì cái “tham” của bản thân, muốn cầu được sự cho mình.

Pháp có quốc pháp, gia có gia quy. **Thiên Điều** là cơ quan mâu nhiệm thuộc chính trị cần khôn thế giới, chẳng một chúng sinh nào có thể lọt khỏi luật ấy. Sinh tử, giựt tiến, thăng đọa đều nằm trong cơ quan điều hành của Đấng Tạo Đao.

*“Lương tâm của các con là một khiếu thiêng-liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhơn đức; làm một việc phải tức là do nơi ý Trời, phạm một **nét vạy tà là cái nơi Thiên-Luật**; phải quấy Thần Thánh chính chép biên, thường phạt duy đợi ngày chung cuộc! Khá biết lấy!”*

Nếu quán xét đặc tính tồn tại và chịu lắng đọng tâm hồn, chúng ta thấy lương tâm là loại ý thức đặc trưng, ý thức đạo đức, một cảm thức nội tại về cái đúng và cái sai. Và nó là ý thức có sức mạnh bắt buộc. Chúng ta cảm thấy bị nó thúc ép. Nó ra lệnh cho chúng ta. Nếu chúng ta không vâng phục nó, chúng ta cảm thấy ăn năn hay lo sợ.

Có thể luận chứng rằng lương tâm giống nhau, coi đó như sự hồi đáp tự động đối với sức mạnh và quyền uy của Đức Chí Tôn ở bên ngoài chúng ta. Các nhà tư tưởng khác, cả thế tục lẫn tôn giáo, lại nhấn mạnh đến sự phán xét nội tại hay tiếng nói của lý trí coi đó như nhân tố quyết định trong hoạt động của lương tâm. Lương tâm là năng lực mang tính tự giác của con người, tự giám sát bản thân, tự đề ra cho mình nghĩa vụ đạo đức phải hoàn thành, tự đánh giá hành vi của mình. Nói rộng ra, lương tâm là ý thức chủ quan của cá nhân về nghĩa vụ và trách

nhiệm của mình đối với xã hội, được coi như là nghĩa vụ và trách nhiệm đối với bản thân.

Cho nên, lương tâm là một khiêu thiêng liêng của Đức Chí Tôn ban cho để giục tiến, sửa điều sai, dạy điều phải, nhận biết điều chân thật và giả dối, lòng trung thành hay sự bội ước. Trên con đường thánh đức của Ngài, chúng ta nhờ cái đó mà đăng minh diệu hơn nhờ vào sự thiện đức, nhơn từ, bác ái từ bi, hỷ xả... Chung quy, đó là điều hợp lẽ theo cơ quan tán hóa của mỗi cá thể. Chúng ta có thể đánh mất tất cả, nhưng chẳng nên đánh mất lương tâm.

Ngược lại, những nét vạy tà, tâm ý dối ngược, hành tàng bất minh, hại mình, hại người...đều nghịch lại Thiên Luật. Nếu phản nghịch lại thiên điều, trái lẽ tự nhiên thì chẳng mong chi đến con đường nhẹ nhàng, thanh thản lương tâm. Ngày mãn kiếp sanh là ngày duy có khổ. Cơ thưởng-phạt của thiêng liêng rất phân minh, chẳng phải thay trắng đổi đen, biến đen thành trắng.

“Phần nhiều trong các con chẳng để lòng thờ kính Thầy, tưởng cho đem thờ Thầy vào nhà là chủ ý cầu một việc lợi riêng chi cho gia quyến vậy thôi, chớ chẳng hiểu là một nguồn trong sạch để rửa các lỗi phạm tục của các con”.

Ánh sáng của Thái Cực Thiên Nhân vẫn bao trùm cả càn khôn và mọi con đường đi cho con cái Đức Chí Tôn giục tấn, thẳng bước đến con đường thiêng liêng hằng sống. Bí pháp siêu phàm nhập thánh của con người

là quyền năng điện lực của mỗi người, không chịu thúc phược bởi những hình trạng biểu hiệu bên ngoài nào thuộc thế gian tính, dầu đó là quyền lực nào đó cao rộng đi nữa cũng không trói buộc được tâm thức, miễn chơn thần hội tụ mọi phép tiếp diện với ánh Linh Quang thì thủ cơ đoạt pháp.

Đức Ngài mở đạo để Thế Pháp Đại Đạo cũng như Bí Pháp giải thoát nơi mặt thế, chẳng phải phụng thờ để cầu cạnh việc riêng tư. Phép tứ thời nhật tụng, thành tâm, thành chí cầu học việc đạo pháp, thông hiểu và minh mẫn trên con đường tu là phương pháp dành cho mỗi tín đồ. Sửa dữ ra hiền, bỏ ác về thiện, vô minh thành quang minh, từ chỗ đục ra chỗ trong, từ chỗ tội lỗi về với thánh chất để rửa mọi tội lỗi mà tiếp tục hành trình con đường Cao Đài. Nên, chúng ta phải ý thức được giá trị thờ phụng Đức Chí Tôn để sửa hành tàng đời sống cho hợp khuôn khổ.

“Nhiều đưa lại còn mờ-hò, đã thờ Thầy mà còn chưa chắc ý rằng thờ đặng chi, và mở Đạo có ích gì?”

Lời Thánh Giáo đó vẫn dẫn chiếu và thấy có nhiều “hiện tượng” y như ngày nay. Không hiểu nguồn cội, chẳng hiểu ích lợi và đạo có ích gì trong đời sống. Có khi chỉ mưu cầu, ý nguyện cho một việc phạm tình, thế thường; có khi chỉ thờ phượng theo thông lệ của luật đạo.

“Than ôi! Đã bước chân vào đường Đạo hạnh mà chẳng để công tìm kiếm, học hỏi cho rõ ngọn nguồn, thì

làm phận sự Môn-đệ như thế có ích chi cho nền Thánh đâu?”.

Rất rõ ràng, nếu chỉ nhập môn cầu đạo mà không tìm hiểu cội nguồn giáo pháp Đại Đạo, chẳng lấy chi hiểu rồi sống cho phù hợp với cơ phổ độ của Đức Chí Tôn. Đại Đạo sẽ là con đường chứa đựng, bao quát mọi lý-thể, một phương án trung hòa cho toàn nhơn loại, là con đường chung cho tất cả nhơn sanh, cho những ai muốn liễu **cầu đạo** pháp.

Đã là môn đệ Cao Đài, tức nhiên phải thọ lời Minh Thệ. Hữu thệ phải hữu hành, đó không phải là lời hứa suông để hợp thức hóa về mặt hình thức. Nhập môn cầu đạo hẳn không xa lạ đối với đạo Cao Đài nói riêng và các nền tôn giáo khác nói chung. Đây là một thể thức chấp nhận tín lý, triết thuyết, giáo điều để trở thành môn sinh của một nền tôn giáo, nương mình tu học các pháp môn từ thể pháp cho đến bí pháp đạo.

“Nhập” nghĩa là tham gia, đi vào. “Môn” nghĩa là cửa. “Nhập môn” hàm nghĩa theo một tín điều của một nền tôn giáo nào đó. “Cầu” nghĩa là xin. “Đạo” nghĩa là nền tôn giáo. “Nhập môn cầu đạo” nghĩa là xin gia nhập vào đoàn hội tôn giáo, thực hiện nghiêm túc mọi giới cấm, giáo luật. Việc nhập môn sẽ có các nghi lễ khác nhau tùy theo quy định của mỗi nền giáo thuyết.

Khi khai đường, mở lối, trương ngọn cờ cứu khổ nơi mặt thế, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế vẫn hằng dạy chư Thiên Phong dụng thánh tâm thương yêu,

tình hòa ái, chung vai đầu cột để mở đường Cực Lạc cho chúng sanh, tránh phân biệt màu da, sắc tộc, ngu hèn...mà phải làm sao cho sanh chúng trực ngộ chơn lý, chèo thuyền bát nhã, khơi thánh chất, tạo mọi phương sách cho sanh chúng rộng đường nhập đạo.

Theo Đạo Cao Đài, con người muốn trở thành môn đệ Đức Thượng Đế, buộc người phải thực hiện lời “minh thệ” trước Thiên Bàn Ngọc Hoàng Thượng Đế và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật để chính thức làm tín đồ Cao Đài. Lời minh thệ là phép nhập môn cầu đạo, kể từ đó, người tín đồ phải chịu theo khuôn luật đạo mà sửa tâm, thay đời sống. Lời thệ ước gồm 36 chữ:

“Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư Môn-Đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru địa lục”.

Nghĩa là người đã chính thức thọ ước duy chỉ biết nên chơn pháp Cao Đài, không xu hướng theo ngoại giáo, không được phép bội phản lời cam kết, xao xuyên đức tin nơi cửa Đạo. Biết nhìn nhận anh em đồng môn, cùng nhau gìn giữ y chơn truyền luật pháp đạo, tức là Tân Luật và Pháp Chánh Truyền do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nếu bội sự, phản bạn, gây chia rẽ, bất trung, bất nghĩa, bất chánh, cải sửa chơn truyền...làm mọi điều trái với luật đạo thì sẽ bị trời đất tru diệt.

Phương pháp cầu đạo nhập môn xét về mặt hữu hình, rất có ích cho con người vì con người hay vọng

tâm hướng ngoại, dễ thay lòng đổi dạ, bội tín, bất trung nên xét mình cho cẩn trọng, lường tính đức tin, lòng chí thành rồi mới chính thức nhập đạo Ấy cũng là phương pháp đối trị ngăn ngừa sự thất thế; dè chừng mà cố gắng trọn gìn giữ luật đạo. Đối với vô vi, lời thệ nguyện như một thiên điều trị thế. Nếu ai trọn tuân luật pháp đạo, các Đấng Thiêng Liêng gần cận, ban bố hồng ân trên con đường tu học. Khi thoát xác, cân công bình thiên đạo sẽ minh định đưa vào Thiên Tịch.

Nhứt Nguyệt vẫn xoay, chu kỳ tấn hóa của quả cầu đã qua lắm đời. Đức Chí Tôn ban ân xá kỳ ba, cho con cái Người “tu nhất kiếp, ngộ nhứt thời”, được phép thờ Thượng Đế nơi nhà nhà. Xưa kia, các vị Thiên Tử mới được phép thờ Trời mà thôi. Đó là huệ ân thiêng liêng hiếm từ ngàn xưa. Đức Phạm Hộ Pháp luận giảng cho biết ân tứ của Đức Chí Tôn đã ban rải khắp nơi:

“Buổi Chí-Tôn đến tạo Quốc-Đạo cho nòi giống Rồng Tiên này, chính Ngài cầm Cơ đi đến các Tỉnh, kêu từ nhà, gọi từ đờn con, cho không biết bao nhiêu bài khuyên dạy, tạo thành Tôn-giáo Cao Đài là Quốc Đạo” [Thuyết Đạo Q.2].

Ngó lại cổ kim đông tây, những người chơn chánh cầu học đạo pháp đã phải trải qua muôn vàn vất vả mới tìm được chơn truyền, pháp giác ngộ. Nay, chúng ta may duyên hội ngộ được nên Đạo nên phải trân quý như bảo vật mà lập thân, nương theo lời dạy Đức Chí Tôn.

“Đạo Trời khai ba lượt, người tục lỗi muôn phần, sanh đứng vào vòng thế cuộc, chưa biết mình đã lãnh một vai tuồng, đặng chờ lúc kết quả hồn quy Thiên ngoại, lánh khỏi xác phàm trở về nơi khởi-hành mà phục các điều đã thi hành giữa sân khấu là chốn trần ai khốn đốn này; phận chưa xong phận, thân chẳng nên thân, thân phận lo tính chưa rồi, còn mong moi chi dụng mình vào đường đạo-đức để cho có ích chung nữa đặng”.

Đức Chí Tôn đã bao phen cho các Đấng phục linh xuống thế, mở bao nhiêu nền đạo cho chúng sanh. Trong thời Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ, đã có Tam Giáo và Ngũ Chi Đại Đạo để con người tu chúng. Bao nhiêu lời cam hứa, chúng ta vẫn thất thế, trăm phần lỗi, vẫn còn ngụp trong biển sông mê. Thân lo chưa xong. Nay thời Tam Kỳ, Ngài mở cơ tận độ, giáng lập nền Đại Đạo để cứu vớt. Nếu chúng ta còn trễ nãi, trì trệ, còn thơ thẩn, không mong chi tìm chốn an lành đặng.

Đã cầu đạo, lập minh thế trước bửu điện có Tam Giáo, Tam Trấn chứng giám. Tất nhiên, chúng ta có thời gian tìm hiểu sự lợi ích của việc cầu đạo và nhập môn, lập thế thì ráng nương lá phước Đấng Thượng Hoàng, tòng luật pháp chơn truyền Đại Đạo, khép mình tu học và thực hiện đời sống theo triết lý cao trọng. Đừng vì sự mê muội, mà làm lỗi điều chi vạy tà, e nghịch giáo điều Thiêng Liêng mà chịu hình phạt nghiêm.

55. THI THỐ PHẬN HÈN

Chiều theo bài thứ năm mươi lăm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 08 tháng 01 năm 1927 tại Cầu Kho, Đức Chí Tôn dạy phải biết đạo, lấy trí lực ra thi thố.

*“Vây Thầy khuyên các con đũa nào có trí lực bao nhiêu khá đem ra mà **thi thố**, chớ đưng sụt-sè theo thói nữ nhi, vây cũng ủng cái điểm linh quang của Thầy ban cho các con lắm. Các con hiểu à!”*

Ban điểm nhưt điểm linh quan, ban ánh sáng Đại Đạo, Đức Chí Tôn trong mong con cái Người hội hiệp nhau, đoàn kết nhau trong tình huynh đệ, anh em ruột thịt một nhà, cùng Đấng Cha chung để lo nền đạo. Đức Ngài cũng để cơ lập đạo nơi tay con người, tức là để vị trí cho con người thi thố hầu lập công quả phi thường. Ấy hẳn nhiên phải chứa khối tình đại bi, đại ái thiêng liêng cao trọng.

Dẫu là Thiên phong, dù là tín đồ, ai cũng có phận sự bảo trọng nền đạo, chung tay tuân thủ giáo pháp, lưu truyền và phổ độ nền chơn giáo vạn đại. Vây thì phận sự ấy chẳng phải nhỏ, phải làm sao cho triết lý Đại Đạo ban rải khắp năm châu, độ rồi nhơn sanh vào trường thi thố của Đức Chí Tôn mới hưởng được cơ nhiệm màu. Nếu còn sụt sè, e ngại như thế thường, thì rất ủng công là môn đệ Đấng Cao Đài.

Lịch sử Đạo đã để lại nhiều tấm gương trung thành, phụng sự nền chơn giáo đáo đẽ. Ví như Bà Nữ

Đầu Sư Hương Hiếu, đã khắc cốt, ghi tâm, luôn luôn có niềm tin tuyệt đối mà thi thố cùng cơ đạo.

*“Tu hành gắng chí lập dày công,
Đến buổi chung qui hưởng phước hồng.
Cửa Đạo gay go trường khổ hạnh,
Đường Tiên nhàn rãi bước thong dong.
Lợi danh ví muốn cho đầy đủ,
Tội lỗi càng thêm nổi chất chồng.
Cuộc thế chẳng qua trò mộng ảo,
Ngày về nhắm mắt nắm tay không”*

[Thi Đạo của Bà Hương Hiếu cũng là bài thài tế điện].

Ngoảnh lại dòng sử khai minh nền Đạo, Bà Hương Hiếu sớm hôm hầu cận đèn thiêng liêng, chuẩn bị tươm tất các đàn lễ cho Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh cầu cơ, tiếp diễn thiêng liêng. Bà là người thuộc phái nữ duy nhất và đầu tiên đã đi từ mốc khởi đầu trong việc xây bàn, cầu cơ để khai sáng nền quốc đạo.

Khi sanh tiền, công lao cống hiến cho nền đạo đã xứng phận nữ nhi anh tài nên được Thiên Phong tột phẩm là Đầu Sư trước hơn ai hết. Năm 1971, Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh rũ màng tang trắng thăm sàu, trời rớt mưa giọt ngọc tiễn đưa Bà về nơi vĩnh hằng. Từ đây, hàng Thánh Thể Đức Chí Tôn đã mất đi một trang anh nhi nữ kiệt phụng hiến trọn cả cuộc đời cho nền chơn giáo.

Chẳng biết duyên cơ gì mà Bà vốn đã theo nhà dòng Thiên Chúa Giáo nhưng lại một lòng đeo chon Đức Chí Tôn một cách say sưa, cần mẫn, đáo để, nhọc công lo chung dọn mọi mọi thứ để Tam Vị xướng họa, đối thi cùng vô hình, cho đến khi bức màn vô hình thực sự mở toan, Đấng A, Ẫ, Ậ chính là Đấng Chủ Tể cần khôn vũ trụ, mượn cơ bút để giáo hóa, gần gũi hầu mở một nền Đại Đạo nơi miền đất Nam này; Bà lại càng tin vào quyền bính Thiêng Liêng, đem hết sở hành nằm trong hàng Thánh Thể, mở Đạo cho kỳ được. Cơ Đạo bắt đầu rẽ sang một bước ngoặt khác cho con cái Đức Chí Tôn thi thố tài năng và hiển lộ đức độ. Bà cùng Đức Cao Quỳnh Cư đã hết lòng trọn tuân lời Thầy để thực hiện sứ mạng hoằng hóa, khai đàn, cầu cơ, phát dương cơ đạo cho ra hiện tượng.

Đêm về, Bà lo viết bút, đèn nhang hương khói để các Vị cầu cơ, nghe huấn dạy của Thiêng Liêng trên sự nghiệp khai minh và xây dựng đủ đầy pháp chế nền Đại Đạo. Bà hầu như chép tay đầy đủ các bài thánh cơ mà sau này trở thành nhân tố cốt lõi để Bà hoàn thành hai quyển Đạo Sử, do Bà dùng hết tâm sức để lưu lại như một nhân chứng sống của nền Chơn Giáo.

Bao nhiêu năm sóng gió, chịu đủ mùi vị đắng cay, tủi phận, bao giọt lụy sầu để chỉ đánh đổi duy nhất là hạnh phúc của con cái Đức Chí Tôn. Bằng chẳng vậy, Bà cũng như bao người phụ nữ khác bon chen tục thế, nào có lánh danh lợi, xa nẻo vạy tà. Ngược lại, Bà hy sinh vẹn toàn cho sự nghiệp Đại Đạo. Người xưa đã

khuất bóng nhưng công nghiệp vĩ đại vẫn còn chất chứa trong lòng tín đồ, sự hiện diện của Bà vẫn còn đó để nâng đỡ bước chân phái nữ thêm trọng lại càng thêm trọng nữa để cho ra xứng phân nữ nhi anh tài.

Cả kiếp sanh Bà đã hiển dưng hình hài, trí não làm con tế vật, đem khối óc để hòa vào Thánh Thể tạo dựng mỗi chân truyền. Kiếp Bà trần mẫn nợ phiền, hồn nương theo phước thông dong cõi thọ. Bà có thể sánh bằng trang tuấn kiệt, cõi ngựa truy phong theo từng lời huân lệnh của các Đấng, hoàn thành thiên mạng với lòng kiên định bất khuất. Ngày nay, thuyền đạo cũng lắm chông chênh, chúng ta tin rằng anh linh bà dõi mắt theo mà xoay biến, ban bố nhiều ân hồng cho con cái Đức Chí Tôn, nhứt là phái nữ được vững tâm, lạc đạo, thực hiện sứ mạng đoàn hậu tấn cho nền đạo thất ức niên.

Đối với trường hợp khác là Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, với tục danh là Lâm Ngọc Thanh, Bà đã ngộ đạo và nhập môn đạo Cao Đài năm 1926, thánh danh Lâm Hương Thanh, phẩm là Giáo Sư. Chỉ vắn vẹn trên dưới 3 tháng, Bà được thiên phong lên hàng phẩm Phối Sư, sau bà lại được thăng lên Chánh Phối Sư. Khi qui thiên năm 1937, Đức Chí Tôn đặc ân lên phẩm Đầu Sư - một phẩm cao cấp nhất trong hàng ngũ nữ phái theo Pháp Chánh Truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngày nay, người tín đồ vẫn có thể chiêm ngưỡng Bà hiện diện mặt tiền Lôì Âm Cổ Đài Hiệp Thiên Đài của tổ đình Tòa Thánh Tây Ninh. Công hạnh bà đã để lại

trong trang sử Đại Đạo và lòng tôn sùng, thương kính của hậu nhân.

Theo các tài liệu sưu khảo, bà là một trong những người có tiếng tại Vĩnh Long vì sự giàu có. Dù thân thể khác thường nhưng bà không kiêu hãnh, ngược lại tấm lòng phóng khoáng, tế khó trợ nghèo, thương yêu hòa ái, thực hiện những công tác xã hội để giúp người khó khăn. Chẳng những thế, tâm hạnh vốn đã kính Phật. Nơi biệt thự của bà lại được xây một ngôi chùa Phật để sùng kính, tiện cho dân quanh vùng đến bái lễ, kinh kệ sớm hôm.

Trong cuộc đời hành đạo của bà, có lẽ ai cũng không quên những dấu ấn đậm chất của một với đức tin mãnh liệt, phụng hiến tấm thân, xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo. Ngôi chùa của bà cũng trở thành Thánh Thất để cho tín đồ nhập môn cầu đạo. Bà bỏ tiền xây cất, tu sửa, mua lễ phục cho những người thiếu túng, khó khổ.

Khi tiến hành dời ngôi chùa Gò Kén – nơi thực hiện cơ phong thánh thứ nhất do Đức Chí Tôn chấm phong, về Tây Ninh, bà đã cho Hội Thánh mượn số tiền 24 ngàn đồng để mua đất cất Tòa Thánh tạm. Dưới thời kỳ Pháp thuộc, Pháp đàn áp, bắt bớ, đóng cửa các Thánh Thất, nhờ uy tín bà hiệp cùng Hội Thánh, giải trình sách nghị tu hành chánh lý nên các nơi được mở cửa và tự do cúng kiếng. Công hạnh của bà để nêu trong cửa Đại Đạo đáng cho sử sách nêu danh, một người tượng cho tinh thần nữ trung anh liệt trong phái nữ.

Giai đoạn đạo bị chông chênh, cơn khảo đạo rất lớn. Bà vốn là chị cả dẫn dắt đàn em phái nữ, che mưa, che gió, hướng dẫn, bảo bọc để đi trên con đường thánh đức trước sự phẫn nộ của Đức Lý Giáo Tông vô vi.

Hồi tưởng hai gương hạnh của hai Đấng Chức Sắc Đại Thiên Phong nữ phái để thấy sự tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Đấng Cao Đài thi thố tài năng cho nền đạo. Môn đệ Cao Đài nên biết các bậc tiền nhân có công quả phi thường mà phấn đấu theo lời dạy Đức Chí Tôn.

“Thầy vui thấy nhơn-sanh biết hối ngộ, chẳng quản dậm dài, đến hội hiệp nhau mà để bước vào đường Đạo-Đức”.

Chung hiệp, chung trí, chung lo gánh vác nền đạo là điều làm Đức Đại Từ Phụ vui lòng. Thời lập đạo đã qua đi, thời kỳ phổ độ và bảo thủ nền chơn giáo của Đức Chí Tôn thuộc về hậu nhân, thuộc toàn thể môn đệ Cao Đài, phải chung vai nhau lo phận sự, chẳng để đạo trở nên thất kỳ truyền, lọt điếm thánh tâm mà phải chịu khổ nghiệp từ bản án Thiên Điều.

“Các con phải biết hễ là người thì phải biết Đạo; không biết Đạo không phải là người”.

Đã may duyên làm người, chịu bao nhiêu dậm dài để tấn hóa lên địa vị nhơn phẩm và lại hữu căn gặp mỗi đạo, mà không thức tỉnh thì rất uổng kiếp sanh. Chỉ quán xét coi đạo Cao Đài có phải là cứu cánh hay không, hay chỉ là “rù quên”, “dụ dỗ nhơn sanh” thì kiếp sanh đã tàn.

Con thuyền Đại Đạo đã lằm trắc trở mà nên hình, nếu đã làm môn đệ của Đức Chí Tôn, thì phải rán nâng mình lên địa vị thanh cao, noi chí tiên nhân, không nên sụt sè theo thói thường tình. Bao nhiêu dự ước, toan tính, bao nhiêu mộng ước phi thường thì nên làm, kéo ngày qua tháng lại, ngoảnh lại kiếp sanh đã già, thì còn chi **thi thố**.

“Cái chánh cái tà rồi đây sẽ phân biệt nhau. Nếu các con còn để một vài điểm mơ-hồ trong dạ thì làm sao chóng đến nơi, đến chốn đặng?”

Chánh và tà vốn là hai điểm khác nhau, trắng đen rõ rệt. Khôn thì nương theo chánh, vậy tà phải chịu trầm mình nơi khổ não. Người môn đệ Cao Đài phải biện phân rõ nét thiệt hư hai nẻo, kéo sơ cơ thất thế, để lọt thánh tâm, trần tục khảo thì uống cái công làm môn đệ Đức Cao Đài.

Lời Đức Chí Tôn có thể dạy chung cho toàn thể loài người, dầu trí lực, tinh thần bao nhiêu, cái tâm thanh sạch, cái chí nguyện có ý nghĩa cho nhơn sanh thì Thiên Điều chứng giám. Phận hèn mọn thì thi thố theo phận hèn. Kinh Niệm Hương có câu: *“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp”*, chớ chẳng nơi đâu xa. Hễ có lòng thành, có chí nguyện thì nên **thi thố phận hèn** để đóng góp vào một viên gạch nhỏ cho ngôi nhà Đại Đạo, đủ năng lực phổ độ hoàn vũ.

56. BỀN CHÍ VÀ KHỔ CÔNG

Chiếu theo bài thứ năm mươi sáu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 10 tháng 01 năm 1927, Đức Chí Tôn dạy về phận sự hành đạo, phải bền tâm, vững chí, có khổ công mới tạo dựng được nghiệp thiêng liêng.

*“Chim về cội, nước tách nguồn, từ xưa kiếp con người giữa thế, chẳng qua là khách đi đường, phận sự muốn cho hoàn toàn, cần phải có **bền chí và khổ tâm**”.*

Từ xưa, tôn giáo đã dạy đòi người như kiếp phù dung, sớm nở tối tàn, tất cả đều hư vô bào ảnh. Con người như những hành khách không tên đi giữa vô thường, trú ngụ tạm thời. Khách phải hồi cố hương như chim về cội, nước tách nguồn phải về với bản lai.

Chỉ có “tâm” mới hằng hữu, mới là cái thật, là ta đang hiện hữu và chính cái ta đó đã chịu luân trôi trong luân hồi ngàn muôn kiếp. Để cho trở nên hoàn toàn và thánh thiện, chính cái ta phải **bền chí và khổ tâm** thiết phận trong vai trò của một người tầm đạo.

“Có bền chí mới đạt phẩm vị thanh cao; có khổ tâm mới rõ tuồng đời ảm lạnh; lãng-xãng tạo-xu, mùi chung đỉnh, vẻ cân đai, rớt cuộc chẳng khác chi một giấc huyền lương mộng”.

Có duyên sanh thời đạo khai, có duyên ngộ kiếp Cao Đài, có trông mong được những ân huệ thiêng liêng, duy chỉ có đem cả tinh thần và thể xác chịu bền chí, khổ

tâm, chung chia cực nhọc cùng nền đạo, cùng san sẻ khó khăn trong cuộc đời hành đạo mới mong tìm đặng địa vị thanh cao.

Có khổ tâm bên chí thì mới rõ ý nghĩa cuộc đời mà chịu làm tô tó Đức Chí Tôn, bảo bọc sanh chúng, nương cờ cứu khổ mà thực hiện chủ nghĩa Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng của Đại Đạo. Thời gian chẳng mấy chốc, sáng nở tối tàn nhưng lãng xãng giữa đời, mãi tìm danh-lợi-quyền thì chẳng khác chí giấc mộng vô nghĩa. Tước phẩm thiêng liêng chẳng phải là một việc nhỏ thường tình. Biết cơ quan giải khổ của Đức Thượng Đế bày ra để cứu rỗi, nếu chúng ta còn chần chừ, mê say phú quý, lao xao giữa đời và đạo như thế thường, rốt lại kiếp sanh hầu mãi, để lại một giấc mộng huỳnh lương, đạo không xong, đời chẳng có, chỉ còn lại một khối nghiệp oan trái.

“Mỗi bậc phẩm đều đặng một vai tuồng của Đấng cầm quyền thế-giải ban cho; dầu thanh cao, dầu hèn hạ cũng phải gắng làm cho rồi trách nhiệm, hầu buổi chung cuộc, hồn lìa cõi trần, đặng đến nơi khởi hành mà phục hồi công cán; ai giữ trọn bậc phẩm thì đặng toà nghiệp-cảnh tương công chiếc tội, để vào địa vị cao hơn chốn Địa cầu 68 này”.

Kiếp sinh con người tùng luật nhân quả, hiện kiếp là kết quả của các chuỗi nhân quả của quá khứ. Dầu nghèo hay giàu, sang hay hèn, khổ hay sướng đều như nhau, phải tùng theo lẽ thiên lý để mãi kiếp sanh gặt quả. Dầu quả lành hay quả ác, cũng đều do tòa thiêng

liêng tương công chiết tội. Công nhiều tội ít thì được thăng lên địa vị cao hơn, tội nhiều thì phải lãnh lấy quả nghiệp oan trái.

“Ai chẳng vẹn trách nhiệm nhơn sanh, phải bị đọa vào nơi u-minh-địa, để trả cho xong tội tình căn quả cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ; bằng chẳng biết sửa mình thì luật Thiên-điều chông-chập, khổ A-Tỳ phải vương muôn muôn đời đời mà đền tội ác”.

Chẳng làm vẹn trách nhiệm làm người, tức là đã vừa không rửa tội cũ đặng mà còn gây lắm tội tình thêm thì phải đọa xa nơi thẳm khổ, tụt hậu xuống địa vị thấp hơn, cho đến khi nào phục thiện, bồi công trả quả để mới có thể phục hồi trở lại địa vị cũ. Bằng chẳng thế, khổ chông khổ, nghiệp chông nghiệp, phải chịu nơi a tỳ mãi mãi, khó mong thoát đặng.

“Bạc nhơn-sanh vì đó mà phải chịu thiên niên chìm đắm vào số luân hồi; vay trả, trả vay, căn quả chẳng bao giờ tiêu đặng”.

Vô minh, phạm ngã là điều đáng sợ nhất đối với kiếp sanh. Đã ngộ nhận, sai lầm mà không biết chúng ta đang sai. Cứ mãi gieo tội lỗi, luật vay trả chẳng sót mảy li nào. Đến khi tái sinh kiếp khổ đau thì than trời, trách đất, than thân, trách phận bạc bẽo. Dầu có kêu gào, than khóc, có sàu bi thế nào, thiêng liêng luật vẫn vậy, tác động và chi phối toàn bộ.

“Các bậc Thần Thánh nếu chẳng biết mỗi Đạo là phương châm tìm nguồn trong rửa bợn tục, thì biển khổ trần này cũng khó mong thoát đặng”.

Trần gian là cõi khổ, cũng là chốn để các bậc Thần, Thánh trau thân, lập công, hườn ngôi vị, hoặc nơi đọa các bậc có tội, là nơi cho Hóa Nhân tu tiến. Cũng nhờ mỗi đạo làm ngọn đuốc soi đường cho toàn thể các hạng tu tiến lên mãi. Nếu chẳng có nguồn đạo, các bậc Nguyên Nhân cũng có khi khó về cảnh cũ quê xưa, huống lựa là hạng Hóa Nhân còn đầy đầy bợn tục.

Đạo là ánh sáng để làm bóng đêm xa dần, là nguồn thánh rửa mạch sâu, là con thuyền đưa người từ bến mê sang bến giác, là phương châm cứu rỗi loài người tránh cửa luân hồi, hoặc giả tiến lên địa vị cao hơn hiện tại. Kiếp sống mê lầm, mê man, vô vị thì kiếp sanh khổ chồng khổ.

“Trời Nam may đặng một yển sáng của Đấng Đại-Từ-Bi dẫn khách trần bước lên ra con đường hắc ám, để tránh khỏi bến mê; dụng nâu sòng thế cân đai, mượn **khổ tâm** thay chung đỉnh, lấy hạnh đức làm nấc thang bước lên tột lưng trời, vệt ngút mây xanh, trông vào cảnh thiên-nhiên, biết rõ cơ màu nhiệm mà làm khách u-nhàn thanh nhã, núi thăm rừng xanh”.

Đức Chí Tôn đã vì lòng đại từ, đại bi, thương sót toàn thể sinh linh nên mở một nền Đại Đạo hầu đưa con nơn quần dần bước qua con đường u ám và buộc con cái Người phải **bền chí-khổ công**, bỏ đời dù du, nương

áo nâu sòng, trau tria hạnh đức để bước lên nấc thang thiêng liêng.

Có bền chí mới giữ trọn vẹn thánh chất, nương náo theo nền giáo pháp, không bỏ công trình giữa chừng. Hễ lập công thì phải cực khổ. Có cực khổ mới đạt công quả trong trường thi thánh đức. Theo Đạo Cao Đài tức là phải theo giáo pháp Tân Luật, chẳng phải ngồi gõ mõ tụng kinh không, mà phải đem hạnh phúc lại cho đời, cứu đói, trợ nghèo, thương đau, đỡ khó, nuôi đạo, gánh đời, làm cho toàn thể thiên hạ được hạnh phúc, ấy là biết thấm nhuần mùi giáo lý Đại Đạo.

Người ngộ giáo lý Cao Đài là người đã thông được chơn pháp cứu độ chúng sanh của Đức Chí Tôn. Theo chân Đức Chí Tôn thì được hưởng cảnh thanh nhàn, tự tại, chịu nhọc tâm, khổ trí nhưng thanh thoi tâm hồn, làm một vị khách tục vô tội, lấy niềm vui phụng sự làm mục tiêu sống của đời người.

Chúng sanh lâm than, bơ vơ, lạc lỏng giữa bụi trần thì làm sao có thể thiên tâm định trí tu pháp vô vi. Mục tiêu tối hậu của cơ Đại Đạo là phổ độ sanh chúng. Hễ phổ độ, chúng ta phải bền chí-khổ công cùng bạn đồng sanh. Đó là hy sinh đáng giá nhất. Con đường tu tắt là con đường phổ độ, để chúng sanh đắc đạo thì mình mới mong siêu rỗi.

“Mẹ vui được thấy các con biết lo cho chúng sanh tức là lo cho mình vậy. Mình tu cho chúng sanh, mình lập vị cho chúng sanh, tức là mình lập vị cho mình.

*Phải hiểu cho rõ, nếu chúng sanh chưa ai đắc đạo thì ta phải cầu nguyện cho người đắc đạo trước ta. Nếu mình cứ mong cho cao phẩm giá, tức là trái với Thiên ý, mình phải hằng ngày trau giồi tánh đức, lo chung cho thiên hạ, ấy là **phương pháp tu tắt đó**” [Thánh Giáo Đức Phật Mẫu].*

Thánh ý thiêng liêng là cùng lo cho chúng sanh, lo từng sự cực khổ, điều vô minh và sự tấn hóa của cả chúng sanh. Muốn đi nhanh, phải nhường người đi trước; muốn đặng khỏe thân, phải làm cho người khỏe trước; muốn lập vị cho mình, phải giúp người lập vị; muốn cho mình đắc đạo, phải giúp người đắc đạo, cầu nguyện cho họ đặng đoạt cơ vĩnh sanh. Đó là phương pháp tu tắt nhanh nhất, là hạnh yêu ái của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Có lẽ chúng ta cũng suy luận rằng, chưa có một vị Phật, Tiên, Thánh nào đắc quả vị mà không **ra công trì chí khổ tâm** lo cho chúng sanh.

Lo cho chúng sanh tức là lo cho con đường giựt tấn của mình. Muốn lập vị và tước phẩm cho mình, phải lập vị và lo cho tước phẩm cho nhơn sanh. Chỉ có con đường chúng sanh giác ngộ, giúp sanh chúng từ phạm nhập thánh là con đường nhanh nhất cho chúng ta mà Đức Phật Mẫu gọi là phương pháp tu tắt cho chính bản thân mình.

“Phủi hết muôn sự ở cõi trần vô vị này, ấy là một sự khó thi hành của khách phạm tục; mấy ai nông-nã tìm đến cảnh Thiêng-liêng mà nhiều kẻ lại tìm vào vực thăm”.

Nhiều người vẫn đam mê phương pháp tu tịnh ngộ hầu đoạt pháp. Nếu nghiệp chưa xong, quả chưa rồi, chưa lập công thì chẳng mong chi thiên tâm, định trí, hiệp nhất Tinh-Khí-Thần đặng. Hơn nữa, Đức Phật Mẫu cũng đã dạy như trên, nếu chẳng lo lập công, phổ độ, lo sự nghiệp Đại Đạo, lo cho cơ khổ của thiên hạ thì con đường ấy khó mong thành tựu.

“Đạo Trời qua bến tục, đường Thánh dẫn khách trần; nếu chẳng biết thế thời, giọt nước lành dương hết chờ khi rưới khổ đặng”.

Yết sáng đặng may duyên nơi cõi Nam Phương này là một hồng ân to lớn của Đức Chí Tôn, là con đường thánh dẫn khách trần. Nếu chẳng biết thế thời, tùy duyên, tùy thế mà nhập vào trường công quả của Ngài thì rất uổng phí một kiếp sanh ngay thời kỳ mở Đại Đạo.

Đã vào đạo, chẳng phải có sợ cầu đạo, cúng kính thường ngày là đủ, phải **bền chí-khổ công** cùng nền đạo. Đạo Cao Đài sản xuất từ chơn lý tối cao, tối trọng, đó là một Chơn Giáo rửa bợn tục, làm bớt khổi thâm sâu, giải khổ cho toàn thế gian. Chỉ có bền chí-khổ công mới mong làm tay chân cho Đức Chí Tôn lo giải khổ xác lẫn hồn, nuôi nâng, bảo bọc, nuôi đói, nuôi khát, giúp kẻ nghèo cô độc. Nếu chí bảo bọc trong Đạo không mà thôi, thì chưa đúng với Chơn Pháp của Đức Chí Tôn khi trương ngọn cờ cứu khổ Đại Đạo mà phải toàn thiên hạ mới đặng.

57. CÁCH DÂNG TÂN LUẬT

Chiếu theo bài thứ năm mươi bảy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 16 tháng 01 năm 1927, Đức Chí Tôn dạy cách dâng Tân Luật lên Bát Quái Đài.

Tân Luật là luật tu hành của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là đạo Cao Đài, đã có sự sửa đổi và bổ sung. Cựu luật vốn đã không còn bắt nhịp với thời kỳ văn minh trí thức tinh thần và do nơi Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cỗ. Để đáp ứng dòng tiến hóa của Nhơn loại, cần có một bộ luật mới để phù hợp với thời Tam Kỳ Phổ độ của Đức Chí Tôn. Song, những điều căn bản của cỗ luật vẫn được duy trì.

“Chương-Pháp, Dầu-Sư tọa vị. Phối-Sư tam Phái tới trước. Thái-Thơ-Thanh phải ôm bộ chú giải các luật, Tân-Luật của các Hiền-Hữu đến dâng cho ba vị Dầu-Sư, ba vị Dầu-Sư đồng đứng dậy bái và tiếp luật một lượt, thế nào sáu bàn tay đều có trong sáu bộ luật, ngay giữa, dạy cả ba tiếp dựng lên; Chương-Pháp cũng phải bái mà tiếp một lượt, đội dựng lên đại-điện, dạy vô đưa lên chỉ trán”.

Như vậy, ba vị Phối Sư dâng luật cho Dầu Sư và Dầu Sư phải dâng lên cho Chương Pháp mà Dầu Sư khi tiếp nhận phải đứng dậy bái và tiếp nhận, cầm bằng hai tay, sao cho đủ 06 bàn tay. Chương Pháp cũng bái và tiếp luật. Đức Lý giao cho nhị vị Chương Pháp phải xem xét luật kỹ càng nội trong một tháng phải xong.

“Nghe dạy: Lão giao luật này cho nhị vị Chương-Pháp xem xét lại nữa, trong một tháng phải rồi mà giao lại cho Hộ-Pháp cầu Lão sửa Luật. Phải làm một phòng thanh tịnh mà giả làm Hiệp-Thiên-Đài, Thập-Nhị-Thời-Quân phải có mặt, Thượng-Sanh, Thượng-Phẩm phải có mặt”.

Khi Chương Pháp đã xem xét luật xong, phải giao cho Đức Hộ Pháp cầu Đức Đức Lý sửa luật lại và chư vị Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, Thập Nhị Thời Quân phải có mặt đủ ngày ấy.

“Phải tái cầu nghe dạy: Nhị vị Chương-Pháp đem Luật để ngay tượng Lão một đêm nay...Đem Luật để lên rồi xuống tọa vị, lên điện để xuống. Chư Thiên-Phong đồng lạy Thầy”.

Tuân Luật được chỉ định Thánh Thê Đức Chí Tôn lập ra, dâng cho Đức Lý xem xét rồi giao quyền cho Đức Chí Tôn phê chuẩn. Hội Thánh phải trong vòng ba tháng hoàn tất. Dẫu phạm lập nhưng Thiêng Liêng giáng bút phê chuẩn, trở thành một bộ Thiên Luật của Đại Đạo.

“...chỉ luận về Tân Luật mà Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông đã dạy Hội Thánh khi mới khai Đạo, lập trong ba tháng phải thành tựu, trong Tân Luật con cái của Đức Chí Tôn đều ngó thấy, Bàn Đạo không cần lập đi lập lại vô ích chỉ lấy cái tinh túy của nó là trong **Tân Luật** ấy Đức Chí Tôn định cho Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Qui và trong ấy cốt yếu bảo vệ Tam Cang Ngũ Thường của toàn thể con cái của Ngài, thật ra cái Thiên

Luật của Ngài mà Ngài đã để trong tâm não con cái của Ngài. Luật chỉ có một là Thương Yêu, Quyền chỉ có một là Công Chánh” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q6, bài 09].

Nhìn lại, giáo luật này cốt để lập pháp cho nền Đạo. Có sự Thiên-Nhơn hiệp nhất, vừa thể theo Thiên Luật, vừa thể theo khả năng phù hợp với nhơn sanh, không quá dễ, cũng không quá hà khắc. Mặt khác, cách dạy của Thiêng Liêng đã cho thấy tầm quan trọng của Thiên Luật hiện diện trong giáo pháp Cao Đài. Mỗi môn đệ Cao Đài cần thấy điều yếu nhiệm cho lắm, kéo phạm đến Thiên Luật mà phải chịu khổ não.

Như Đức Hộ Pháp giảng bộ Tân Luật nhấn mạnh là **luật thương yêu** và **quyền công chánh**. Hai yếu tố quan trọng trong giáo pháp. Dẫn đi đâu, làm gì, cũng chẳng đặng ngoài khỏi luật-quyền này. Luật buộc chúng sanh phải thương yêu nhau, giữ nét công chánh. Nếu chẳng làm được hai điều ấy, thì không mong chi làm được điều gì trong cửa Đạo.

Cách dâng luật thể hiện sự cung kính, lay xá và trang nghiêm vì dầu luật còn đang soạn thảo nhưng sẽ trở thành Thiên luật cho Đạo Cao Đài.

“Thiên-Điều mâu-nhiệm của Đạo còn thiếu sót lắm. Cười...Nhưng điều ấy chư Hiền-Hữu biết đâu mà lập cho đặng”.

Dù được các vị Chương Pháp xem xét kỹ càng, nhưng bộ luật ấy vẫn còn nhiều điều thiếu sót. Vì con mang xác phàm, những điều thuộc mâu nhiệm yếu lý

chưa có. Chính lời Đức Lý đã dùng hai chữ “Thiên Điều” đối với Tân Luật. Một lần nữa, chúng ta thấy ý nghĩa và tầm quan trọng của Tân Luật.

“Hại thay! Nếu chẳng có cơ mâu-nhiệm bí mật ấy thì chẳng thành Luật, nếu chẳng thành Luật, thế nào thành Đạo? Cười...”

Luật của Đại Đạo là cơ yếu nhiệm huyền bí để chúng sanh tu tập. Muốn thành luật thì hiển nhiên phải chứa các bí nhiệm huyền vi. Mà nếu không thành luật đặng thì đạo cũng chẳng nên được.

“Lão tâu cùng Đại-Từ, Đại-Bi, xin thêm vào luật những điều bí mật yếu trọng ấy; vậy chư Hiền-Hữu cũng phải cầu khẩn với Lão, nội hạ tuần tháng này thì khởi nguyện; dặn các Thánh-Thất, các Đạo-Hữu phải để lòng thành khẩn: hiệp sức làm một với Lão mà nài xin Thánh Luật; nghe à”

Tiến trình hình thành Tân Luật trải qua đường ấy các điều quan trọng. Muốn cho thành Thiên Luật, Đức Lý phải thêm vào và cầu nơi Đức Chí Tôn cho phép thêm vào. Tất cả mọi môn đệ phải hiệp tâm cầu nguyện để cho Tân Luật hoàn chỉnh. Lúc này, Đức Lý gọi là Thánh Luật.

“Hễ Đạo trọng thì tức nhiên chư Hiền-Hữu trọng, vậy thì chư Hiền-Hữu biết mình trọng mà lo sửa vẹn người đời. Từ đây Lão hằng gìn giữ chư Hiền-Hữu hơn nữa; nếu Lão ép lòng cảm quyền thưởng phạt phân

minh, là có ý muốn giá trị của chư Hiền-Hữu thêm cao trọng nữa; vậy Lão xin đừng để dạ phiền hà nghe”.

Nhờ tính chất cứu cánh của Đạo Cao Đài nên toàn thể Thánh Thể Đức Chí Tôn mới cao trọng. Hễ chư Chức Sắc càng cao trọng, thể đạo càng trọng. Mà đạo trọng, môn đệ trọng thì phải sửa đời, trị thế, bỏ áo phồn hoa, mượn chốn nâu sòng mà làm đem thân cứu khổ nhân loại. Trước, là gây dựng nền đạo cho hoàn toàn, sau phải phụng tế như sanh vào đường đạo đức.

Quyền sửa trị, công thưởng tội trừng đã nơi tay Đức Lý mà diu đường đạo toàn thể môn đệ. Luật ấy cốt để giá trị của mọi môn đồ cao trọng lại đặng cao trọng hơn.

Chư môn đệ chúng ta ngày nay cũng vậy. Nếu biết đạo trọng thì phải sửa thân mình, biết quyền thưởng phạt phân minh do nơi thiên điều mà gắng lo sự phổ độ, truyền bá, cứu khổ chúng sanh.

Về việc lập và dâng Tân Luật cũng như những lời dạy trên đã minh chứng Tân Luật là một bộ Thiên Luật hay Thánh Luật, có bàn tay của Đức Lý thêm vào các điều bí nhiệm trong luật pháp, sau có Đức Chí Tôn phê chuẩn. Do đó, luật pháp ấy đã hoàn thành một luật pháp Đại Đạo hoàn chỉnh, có bàn tay Trời và Người hiệp đồng.

Mọi môn đệ Cao Đài ngày nay sở hữu nền đạo cũng vì những nhọc công của chư Chức Sắc Đại Thiên Phong thời kỳ khai đạo. Nếu biết thương Thầy mến đạo,

biết trọn kỹ tu thân thì càng biết giá trị của Thiên Luật mà dọn mình cho hoàn toàn, biết phận sự trong cơ quan bảo tồn chánh pháp của Đức Chí Tôn. Đạo cao trọng, ân huệ lớn lao thì cơ thưởng phạt cũng cao đường ấy. Nếu làm phân Thánh Thê, nghịch ý Thiên Điều mà toan mưu làm quấy thì làm tai sai cho quý vương.

58. ĐẠO ĐỨC THẮNG HUNG BẠO

Chiếu theo bài thứ năm mươi tám trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 17 tháng 01 năm 1927, Đức Chí Tôn dạy những việc đối trá chẳng phải do nơi Thầy, dạy đạo đức hung bạo.

Đạo đức là một từ Hán Việt, được dùng từ xa xưa để chỉ một thành tố trong tính cách và giá trị của một con người. Đạo là con đường, đức là tính tốt hoặc những công trạng tạo nên. Khi nói một người có đạo đức là ý nói người đó có sự rèn luyện thực hành các lời răn dạy về đạo đức, sống chuẩn mực và có nét đẹp trong đời sống và tâm hồn. Nghĩa rộng hơn, đạo đức trong một cộng đồng thể hiện qua những quy tắc ứng xử được áp dụng từ việc hợp với đạo lý xưa nay và phong tục của địa phương, cộng đồng đó. Tạo thành nét đẹp truyền thống văn hóa.

Quy chiếu theo tôn giáo Cao Đài, đạo đức là những quy tắc, những đạo lý sống phù hợp với chơn pháp của Đức Chí Tôn, buộc người phải thi hành, trau thân, lập chí, noi khuôn linh của Đại Đạo để làm một

con người ưu tú, tức là môn đệ của Đức Chí Tôn, vừa làm cho mình dần dần đến giá trị chân-thiện-mỹ, vừa làm bàn tay Thánh Thể để thi thố phận sự cứu rỗi của nền đạo.

Hung bạo là những hoạt động, ý nghĩ hoàn toàn trái ngược lại với quy tắc, chuẩn mực đạo đức, trái luận thường đạo lý làm người, càng trái hơn so với quy chuẩn của Đại Đạo. Đó là phạm trù của đời, hoàn toàn không phải tiêu điểm của đạo. Ai đi ngược lại với đạo đức tức là làm tay sai cho sự hung bạo. Mà hễ hung bạo, chẳng khi nào làm môn đệ Cao Đài đặng. Nếu đã nhập môn, chẳng nương nơi đạo đức, lập thân, dưỡng tánh, tu lòng, theo nét Thánh Hiền mà còn bôn chôn theo thói thường tình hung bạo, việc nhập môn cũng trở nên vô ích, lại phạm vào giới luật, nghịch lại lời minh thệ.

“Thượng-Trung-Nhứt, con là anh phải dạy lại các em một lần này là chót; Thầy vẫn đã thường nói rằng: Thầy đến lập cho các con một nền Chơn-Đạo, tức là mỗi sự chi đối trá là chẳng phải của Thầy”.

Ngài Lê Văn Trung là một trong những quan chức cao cấp thuộc vùng Nam Kỳ, nhưng quy nạp dưới chân Đức Chí Tôn, phụng sự đáo để cho nền đạo Cao Đài. Ngài được Đức Chí Tôn yêu thương, trao cho trách nhiệm dạy dỗ em út trong đạo.

Chơn Đạo là nền tôn giáo chơn thiện, đủ khả năng độ rỗi nhơn sanh đường đời, lẫn đường đạo, rước phàm

nhập thánh, có thể độ phân xác cho bớt khổ não tâm hồn, lẫn siêu rỗi linh hồn.

Mọi sự dối trá vốn là tà mị, là con đường của quỷ vương và cơ khảo đảo của luật tạo hóa. Chơn đạo vẫn mãi mãi là chơn đạo, đủ phương pháp màu nhiệm để cứu độ chúng sanh. Nếu người làm tướng giữa khổ đau và giá trị của chơn giáo thì rất sai lầm. Có nhiều người rất ngộ nhận giữa những khái niệm này mà bỏ đạo hoặc sa sút lòng tín ngưỡng.

Hễ đạo càng cao thì khảo càng nhiều, nghiệp càng nhiều, khổ càng lớn. Những quy luật tự nhiên vốn như thế. Còn Chơn Đạo vẫn là chân lý, không thể lẫn lộn, tự mình hiểu sai hoặc đánh tráo giữa các khái niệm hoặc giá trị của nó.

Vì vậy, mọi sự dối trá chẳng phải thuộc chơn pháp của Thầy. Hễ thương bao nhiêu, Thầy càng hành phạt bấy nhiêu vì Thầy muốn phẩm vị con cái Ngài đáng giá. Hơn nữa, dối trá đối nghịch với đạo đức. Hễ đạo đức thì chẳng noi theo dối trá. Đức Chí Tôn muốn con cái Ngài có đạo đức, mới xứng đáng là môn đệ Cao Đài. Nếu vào đạo, chối bỏ đạo đức, vẫn giữ hành tàng của đời là xảo trá, tà gian, vô đạo thì nhập môn chẳng có ý vị gì, ngược lại còn đeo sào chuỗi thắm.

“Thầy đến là chủ ý dạy cả nhơn-sanh đặng hòa bình, chớ chẳng phải đến giục thêm nghịch lẫn nhau”.

Công trình cực nhọc của Đức Chí Tôn cùng các Đấng Thiêng Liêng cao trọng lập giáo đặng cứu rỗi sanh

linh, tức nhiên đem lại hạnh phúc, hòa bình tương thân cùng nhau. Mỗi sự chi nghịch lại lời giáo huấn chơn thật điều là mưu kế của tà mị. Môn đệ Cao Đài luôn phải tránh xa mọi điều giục nghịch lẫn nhau. Đã là tín hữu Cao Đài, còn mãi mê trong vòng tội lỗi của tà mị thì không thể làm môn đệ Cao Đài xứng đáng đặng.

“Thầy lại thường nói rằng sự sang trọng vinh hiển của các con chẳng phải nơi thế-giải này”.

Sang trọng và vinh hiển cõi phàm như bọt nước trôi sông, như hoa phù dung, như cát đã tràn biển đông. Cõi trần là cõi tạm, hư ảo chớ chẳng phải là thiệt cảnh của con người. Thân người trăm năm cũng rã theo cát bụi thời gian, thân tứ đại có chi thật. Dầu có bỏ thân xác, cũng chẳng thể đem phú quý vinh hoa theo.

“Thầy lại đến lập trong nước các con một nền Chánh Đạo đủ tư cách độ rồi chúng sanh”.

Đức Chí Tôn thương toàn cả con cái của Ngài, nên chọn nước Việt Nam làm Thánh địa để lập giáo, một nền Chánh Đạo quy tụ toàn thể những ai biết quy hồi cựu vị và ai muốn bước qua địa vị nhơn phẩm cao trọng hơn.

*“Các con và cả dân tộc các con vì nơi Đạo mà đặng đoạt đến phẩm vị cao thượng; cái phẩm vị ấy do nơi đâu mà có? Là bởi đạo-đức của các con, **đạo-đức thẳng hung bạo** là thường tình, các con hằng thấy sự đời thường vậy”.*

Mọi môn đồ của Đức Chí tôn đạt được địa vị cao trọng, cao phẩm cũng bởi tại có công phụng hiến Chánh Pháp, chịu đồ theo phương pháp đạo đức mà Đức Ngài dạy. Đạo đức vừa là nấc thang đưa con người đến địa vị cao trỗi, vừa là phương khử tà, trừ mị, thẳng đặng hung bạo. Nên đạo đức là một vũ khí và phương châm để trở về với Đức Chí Tôn.

Đạo Đức là một trong những nhân tố hình thành một nếp sống Cao Đài theo Tân Luật của Đức Chí Tôn. Vì đạo đức là tiêu chuẩn đo lường trạng thái sống của người môn đồ, nó là thuộc tính vốn đi đôi với người theo nếp sống tâm linh đạo giáo.

Đạo đức nói lên yếu tố thị hiện trong tính cách và giá trị của con người. Có đạo đức, con người sống trong thiện lương, quy tòng chánh lý, tu sửa bản tâm làm cho cá nhân hoàn thiện, giúp gia đình an vui, xã hội công bằng, cộng đồng vì thế mà trở nên tốt đẹp, kiến tạo một trật tự bình ổn. Muốn có đạo đức và thi hành đạo đức càng phát triển, con người cần có ý chí rèn luyện, sự tinh tấn cũng như nhận thức được giá trị của chính nó đem lại cho đời sống mình.

Dẫu đạo đức là thuộc tính của tôn giáo, không thể tách rời trong hoạt động phổ độ, truyền giáo và nếp sống sinh hoạt đạo, nhưng đạo đức cần có một sự liên kết đối với triết lý Đạo Cao Đài cũng như viên dung với Luật Pháp Đại Đạo để hoàn hảo hóa đời sống, hòa hợp thực sự theo tiêu chuẩn của Đạo Cao Đài. Môn đồ Cao Đài áp dụng đạo đức theo cách tự lập có thể phiêu bạt nơi nào

chưa rõ ràng, nên cần có một Hội Thánh và Giáo Luật chỉ con đường để đạo đức đó thánh hóa đời sống đến mức thăng hoa vô tận.

Thế gian là một trường thế tấn hóa cho vạn linh nên luôn luôn có cặp đối ngẫu thiện-ác tồn tại, tốt-xấu, đạo đức-tà mị. Để làm xứng đáng môn đệ của Đấng Cao Đài, con người phải chịu bận áo nâu sòng, khổ hạnh, phải đứng vững trước những bão tố của cuộc đời, đó là nghiệp oan của con người và những cám dỗ của khối ác, cũng như những bài thi khảo của Thiên Liêng.

Nên theo luật công bình Thiên Đạo, Thiên Liêng chẳng vì ghét mà chẳng để lời khuyến nủ, khuyên lơn, tạo phúc duyên cho con người vịn níu lá phang, chẳng vì thương mà bỏ qua luật công bằng tạo đoan. Hữu hình chứa bao nhiêu khổ lụy, những cám dỗ ngọt ngon; trong tâm thì khối phàm tâm luôn chì chiết, níu kéo để xa vào con đường vô minh. Con người duy chỉ nương theo đạo đức mà bảo toàn thánh đức và lòng tín ngưỡng đối với Chơn Giáo.

“Thầy là Đấng Chí-Tôn, cầm quyền thưởng phạt, há lại không quyền hành mà làm mọi việc một mình Thầy dựng sao, lại phải sờ cậy tay phàm, chẳng qua là Đạo-Đức thiếu kém các con đó, nó làm cho các con bị phạt”.

Đấng Tự Hữu nắm quyền năng vô lượng trong tay. Đức Chí Tôn có thể làm mọi thứ, có thể tạo nên đạo một cách dễ dàng. Nhưng Đức Ngài “sờ cậy” tay phàm

cũng vì thương con cái, để cho con cái có phương lập vị cho mình, có công quả trong trường thi công đức.

Nếu làm tay chân cho Đức Ngài, ắt cao trọng nhưng hại thay, nếu chẳng phân phạm, lọc thánh, kém đạo đức thì bị mê hoặc, tức là đạo đức kém, làm cho chúng ta phải khổ, bị hành phạt.

“Từ đây phải tin tưởng một Thầy và nghe lời Thầy dạy: giữ Đạo-Đức cho bền, còn ngoại trừ sự chi nghịch với Chơn-Đạo thì là mưu chước tà quái”.

Đạo đức là chiếc áo giáp Đức Chí Tôn trao nơi tay mỗi người để bảo vệ trước những mưu chước tà quái. Hễ giữ được đạo, tín ngưỡng thành tâm thì tránh đặng con đường dối trá. Bằng chẳng vậy, đạo đức kém, trí non, đức mỏng, thiếu chánh tín, không tô bồi đức hạnh thì bạo tàn của tà gian trỗi lên, diệt lân con người cho đến mòn mỏi mà sa chơn vào tay chúa quỷ.

59. GIỚI TỬU

Chiếu theo bài thứ năm mươi chín trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 18 tháng 01 năm 1927, Đức Chí Tôn dạy về giới tửu, lý do vì sao phải không được uống rượu.

Rượu trong hóa học là một hợp chất hữu cơ chứa nhóm -OH gắn vào một nguyên tử cacbon. Cacbon lại gắn với một nguyên tử hiđrô hay cacbon khác. Trong đời sống thông thường, từ rượu được hiểu như là những đồ

uống có chứa cồn. Cấu tạo của rượu gồm: Nước, ethanol và các tạp chất khác. Phần tạp chất bao gồm rượu bậc cao, các độc tố như methanol, aldehyt, furfurool, có hại cho cơ thể con người.

Giới tửu là cấm uống rượu, một trong giới luật thuộc Ngũ Giới cấm mà tôn giáo Cao Đài quy định. Rượu là thức uống rất có hại cho lục phủ, ngũ tạng con người, ảnh hưởng con đường tu tiến của mỗi người, vì vậy đạo đã tuyệt nhiên có giới luật này.

“Vì sao mà phải giới tửu?”

Thầy đã dạy rằng: Thân thể con người là một khối chơn linh cấu kết lại; những chơn linh ấy đều là hằng sống; phải hiểu rằng: ngũ tạng lục phủ cũng là khối sanh vật mà thành ra, nhưng mà phận sự chúng nó làm, hiểu biết hay là không hiểu biết, đều do nơi lệnh Thầy mà phán dạy”.

Thân thể con người là do tứ đại giả hợp cấu thành nhưng mọi cơ quan kết nên thân xác vẫn là chất sanh, tức là khối chơn linh vẫn hằng sống và tiến hóa theo luật thiên nhiên, chớ không thể hiểu rằng do sự điều động và chi phối của chơn thần con người. Dầu sanh dầu tử, khối chơn linh ấy sẽ biến đổi theo một trạng thái sinh tồn mới, tức vẫn còn sống và luân chuyển theo một hình thái mới trong luật tân hóa của cơ tạo đon.

“Hình chất con người vẫn là thú, phải ăn uống mới nuôi sự sống, như rượu uống vào tỳ vị nó chạy vào ngũ tạng lục phủ đủ hết, thì trái tim con người chẳng

khác nào như cái máy chánh để trừ sự sống, cũng phải bị nó thâm nhập vào làm cho sự lao động quá chừng đồi thiên nhiên đã định, thôi thúc huyết mạch phải vận động một cách vô chừng mà làm cho sanh khí nơi phổi chẳng đủ ngày giờ nhuận huyết tinh sạch cho được”.

Theo Thánh Giáo, cả hình thể hữu con người theo quy luật, phải ăn mới nuôi sống thì hài mà hình hài này bao gồm một khối chơn linh quyết quả mới kết thành một sự sống của thân thể. Rượu là chất gây hại, tổn tim, tổn phổi, làm hư lục phủ ngũ tạng. Tim là cơ quan trọng yếu của cơ thể cũng vì thế mà lao nhọc rất lớn.

Các báo cáo khoa học cho biết, rượu bia ảnh hưởng đến các bệnh lý như làm tổn thương tuyến tụy, gây tiểu đường, ung thư; tác hại với gan, tác hại đến dạ dày, ảnh hưởng đến tim mạch, ảnh hưởng tới não bộ, tăng nguy cơ mắc bệnh Gout, ảnh hưởng đến khả năng tình dục và sức khỏe sinh sản, ảnh hưởng đến hệ thống miễn dịch của cơ thể.

“Trước huyết ấy thối lại cùng trong thân thể, để vật chất ô-trược vào trong sanh vật. Mỗi khối ấy ăn nhằm phải bịnh, một ngày thêm một chút, hết cường tráng, cốt chỉ lần lần phải chết thì thân thể các con phải chết theo. Nhiều kẻ bị chết nửa thân, vì rượu nên ra đến nổi”.

Chúng ta thấy người uống rượu vào quá độ, thần trí bất minh, suy nghĩ không chính chắn, hành vi loạn lạc, không minh chánh, gây ra nhiều lỗi lầm. Nhiều sự

việc tệ hại cũng từ nguyên nhân rượu, hoặc giả như chết yếu, chết non, thân tàn ma dại.

Huyết quản cũng vì thế mà không có nhuận trường tinh sạch, mà tạo ra huyết trược làm châu lưu khắp cùng thân thể nên các cơ phận phải bệnh, dần dần bị tiêu mòn.

“Thầy dạy về hại của phần hồn các con, là khí chất (le sperme évaropé) nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tim của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mỏ ác, gọi tiếng chữ là Vi-Hộ; nơi ấy Hộ-Pháp hằng đứng mà gìn -giữ chơn linh các con khi luyện thành Đạo đặng hiệp một với Khí, rồi Khí mới thấu đến Chơn-Thần hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh, thì óc là nguồn cội của Khí mà óc cũng bị huyết mạch vận động vô chừng làm cho đến nổi táng loạn đi thì chơn thần thể nào đặng an tịnh mà điều khiển; thân thể phải ra ngây dại, trở lại chất thú hình; mất phẩm nhơn-loại rồi, còn mong chi đặng phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật. Lại nữa, buổi loạn thần ấy để cửa trống cho tà mị xung đột vào, giục các con làm việc tội tình mà phải phận luân hồi muôn kiếp”.

Đôi với mặt huyền bí, thể khí con người, bao bọc xung quanh thể xác mà nơi trung tâm là não, cửa xuất nhập là mỏ ác để hiệp cùng Chơn Linh khi đắc đạo. Đoạt phép vĩnh sanh cùng chẳng là do sự hiệp nhất giữa Tinh-Khí-Thần. Rượu vào làm cho khí chất trược trược, hư các cơ quan, tổn hại đến chơn thần làm cho phách hao,

khí tôn, thân thể con người vì ấy mà ngây dại do sự thiếu sáng suốt của chơn thần.

Đã gây cản trở trên con đường tu luyện hiệp nhất, rượu lại làm cho mất nhân tính, tha hóa vào vòng tội lỗi vì sự kiểm soát vô độ của chơn thần. Cũng theo ấy mà tà mị theo đường ấy mà thâm nhập, xúi giục chúng ta làm điều xấu bậy, phi nhân, bất lý, nghịch Thiên, phản Địa. Con đường vô minh và tội lỗi triền miên, nghiệp chông nghiệp, không phương thoát khổ.

“*Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à! Thầy ban ơn cho các con. Thầy thăng*”.

Tác hại của rượu bia ảnh hưởng rất lớn đến sự thăng bằng cuộc sống, nhất là đời sống tu hành vì ảnh hưởng sự hiệp nhất chơn thần và chơn linh. Mặt cơ bản trước nhất, gây tán loạn các cơ quan trong cơ thể mà không thăng bằng đời sống đạo đức chuẩn mực. Ngược lại, làm phá vỡ trật tự và xúi giục con người đi đến các hành tàng tạo nghiệp quả. Vì thế phải vương mang vòng oan nghiệp luân hồi khổ.

60. CHUYỂN ĐÒ ĐẠI ĐẠO

Chiếu theo bài thứ sáu mươi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 18 tháng 01 năm 1927, đàn cơ tại Đình Mỹ Lộc, Đức Chí Tôn dạy ai biết đạo là hữu duyên, ai không ngộ thì bất hạnh, Đức Ngài

lại cho Ngài Thần Hoàng Bồn Cảnh giáo đạo, nhắc nhở toàn thể về cơ quan cứu khổ Đại Đạo.

Chúng ta biết, Đức Chí Tôn đã thấy sự bội ước của nhơn sanh trong hai thời kỳ trước ở Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ, nên Đức Ngài đã quyết không giao Chánh Pháp cho người phàm, chính mình Ngài xuống cứu vớt con cái Người. Đức Hộ Pháp ngăn cản Đức Chí Tôn rời Huỳnh Kim Khuyết, tình nguyện thay Đức Chí Tôn để lập nền đạo. Điều này được minh chứng chắc chắn qua cả cuộc đời hành đạo của Đức Hộ Pháp, từ khi Đức Hộ Pháp được Đức Chí Tôn thiên phong Hộ Pháp cho đến trút hơi thở cuối cùng. Trong Tam Kỳ, Đức Chí Tôn dụng huyền diệu cơ bút để lập thành nền chánh giáo có tên là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài.

Nhân loại ngày nay thiếu từ bi, bác ái nên mới tạo ra trường tranh đấu hỗn loạn, sát phạt không nương tay, dân tộc đồng bào tương tàn không thương tiếc. Mọi địa hạt trở nên một trường thảm huyết. Đức Chí Tôn mới mở nền Đại Đạo cốt yếu đem từ bi, bác ái làm tôn chỉ để hoàn cầu bảo an, làm cơ quan bảo toàn tánh mạng và đến sự an định, hòa bình. Đó là một **chuyến đò Đại Đạo buổi mạt pháp**.

“Chúng-sanh chưa rõ nền Đạo là quý trọng đường nào”.

Những cơ quan cứu thế nhân loại trong các thời kỳ trước vẫn là một giọt từ bi, cứu độ của Đức Chí Tôn

gieo rải để nhen loại thức tỉnh tu hành, hầu trở về con đường thiện cánh, thoát khổ. Thời gian qua đi, chơn truyền dần trở nên thất pháp, không siêu rồi mà ngược lại có thể trở nên hiện tượng “mua Thần, bán Thánh”, lệch lạc hệ tín ngưỡng, gieo rắc và làm lệch chơn pháp. Đó là vì chưa hiểu rõ giá trị quý trọng của Đạo đối với cuộc đời mình. Cơ quan cứu khổ của Đức Chí Tôn, cũng lắm người còn cho rằng phù phím, chẳng màng đến giá trị lợi lạc.

“Đạo cũng do nơi phạm mà phát ra, và tiếp lấy cái thiêng-liêng của Thầy hiệp đồng, mới sanh sanh, hóa hóa, thấu đáo Càn-Khôn”.

Đạo rất sâu xa và huyền bí khôn tả nhưng cũng giản dị, bình dân. Chỉ vì cái vinh hoa phú quý làm con người mất đi sự sáng suốt của thánh tâm do Đức Chí Tôn ban phát mà chẳng hiểu ngọn ngành. Đời chẳng phải là Đạo, Đạo chẳng phải là Đời, nhưng có Đời hiệp cùng cái Đạo thiêng liêng mới phát ra cơ sanh hóa mãi mãi. Nếu đời biết nương đạo thì hữu duyên, nương máy thiên cơ mà thăng tiến lên mãi.

“Người mà biết Đạo, ấy kẻ hữu phần, còn người chưa thấu đáo nền Đạo, ấy là kẻ vô duyên”.

Vì vậy, người biết Đạo là người may duyên, hữu phần, hữu căn, lần chuỗi từ bi, dưỡng hạt thánh cốt, cày bừa, cuốc xới cho hạt giống sanh sôi, đơm hoa kết kết, tiến tới dần cảnh của bậc hiền sĩ, gần đến cửa Thiêng Liêng. Kẻ vô phần thì chẳng coi nền đạo ra chi, coi đó là

một trò mộng寐, cuồn quay trong tuồng đời ảo ảnh, nương chôn phồn hoa mà xa nguồn cội đạo đức, thì bánh xe luân hồi mãi mãi quay, khổ chồng khổ, oan nghiệp chập chồng.

“Từ thuở ta vâng chiếu chỉ đến trần nhậm nơi đây, Ta một tấm lòng cho lê thứ đặng an cư lạc nghiệp, thanh vượng mùa màng; mỗi mỗi đều hằng lo lắng cho chúng sanh nơi phân trách nhậm. Nay có lệnh Ngọc-Hoàng chiếu chỉ cho phép Ta giáng cơ mẫu-nhiệm mà tỏ nền Đạo là quý trọng cho lê thứ hiền” [Thần Hoàng Bản Cảnh].

Cũng do nói nguồn đạo là quý trọng, hữu ích cho nhơn sanh nhưng con người vẫn còn mê đạo. Đại Đạo cứu vớt sanh linh giữa dòng nên Ngài Thần Hoàng Bản Cảnh mới giáng cơ theo lệnh Đức Chí Tôn hầu nêu rõ giá trị nền đạo.

“Lê thứ nghe: Kỳ hạ-nguơn hầu mãi, nhơn vật vì tai nạn mà phải tiêu tan, mười phần còn lại có một mà thôi” [Thần Hoàng Bản Cảnh].

Tự thử thượng cổ đến giờ, chúng ta hằng chịu biết bao nạn đao binh, giết chóc lẫn nhau, bao nhiêu tai trời ách nước, dịch bệnh, thiên nhiên nổi giận, mạng sống con người như khúc củi trôi sông, thái bình thanh trị thì ít. Thời kỳ hạ nguơn là cuộc thanh lọc người hiền, kẻ dữ. Ai hữu duyên ngộ đạo được lọt vào một phần, ai bất phước chấp mê bắt ngộ phải xa con thuyền Đại Đạo mà lọt vào chín phần còn lại.

Sâm Trạng Trình đã tiên tri rằng:

*“Mười phần chết bảy còn ba,
Chết hai còn **một** mới ra thái bình”*

Chúng ta thấy cụ Nguyễn Bình Khiêm là một nhà văn, nhà thơ, tự là Bạch Vân Am Cư Sĩ, một trong những nhân vật có sức ảnh hưởng lớn trong lịch sử văn hóa Việt Nam, một vị trạng nguyên có đạo đức, thơ văn dồi dào, đã tiên tri trùng với lời Ngài Thần Hoàng.

“Than ôi! Buồn thôi! Nghĩ vì Thiên-cơ đã định vậy thế nào mà cải cho đặng, duy có mở tấm lòng từ thiện ăn năn sám hối, lo việc tu hành; đồng với nhau cả quốc dân mà quỳ lạy khẩn cầu coi Trời đoái tưởng đến chăng?” [Thần Hoàng Bản Cảnh].

Thế cuộc đời hiu, quạnh khổ, đau thương cũng do nơi nghiệp quả nhơn loại, không sao tránh đặng luật Thiên điều. Mạn Đại Hội Long Hoa sắp diễn ra, con người còn có thời gian chút ít, duy chỉ biết cải sửa ăn năn, thức tỉnh tu hành, thay đổi vận nghiệp thì mau ra Thiên cơ đoái tưởng đến sự sám hối kia.

*“Biết đâu những tinh thần tàn ác tội tình, rồi ngày kia phải mang nghiệp chương, chúng ta sẽ chà xát họ như con vật, chừng đó mới biết **ăn năn sám hối** thì đã rồi” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.5 bài 23].*

Thuyền xa, bến đỗ, phút đau thương hầu kê vì những tinh thần tàn ác mà gây ra tội tình. Nếu ngày giờ còn đặng hưởng hạnh phúc mà chưa hối tỉnh, hối đầu, lo

tu hành, hướng thiện, làm lành thì đến ngày tận diệt, sự ăn ăn rất nên muợn màng.

“Bởi thế nên Ngọc-Đế và chư Phật, chư Tiên, chư Thánh mới lập hội Tam-Kỳ Phổ-Độ đặng có cứu vớt chúng sanh, đương linh đình nơi biển khổ. Nếu gặp thuyền Bát nhã mà không xuống, không theo thì chắc thế nào cũng chơi voi nơi mé biển” [Thần Hoàng Bốn Cảnh].

Đức Chí Tôn và chư Phật không bao giờ thay đổi nghiệp lực của chúng sanh, mà chỉ có thể giáo hóa chúng sanh tự mình nỗ lực sám hối ăn năn để thay đổi nghiệp lực hay vận mệnh của chính mình. Trời Phật chỉ dùng giáo pháp để dìu dắt chúng sanh tu thiện, tu phước để được trừ tai, miễn họa. Vì vậy, nói rằng do mình sám hối nên Trời Phật rộng tình tha thứ cho, điều đó là ý muốn nói trước nhứt tự bản thân chúng sanh phải biết ăn năn sám hối, tức là tự mình độ rỗi cho mình, nếu không thì làm trái với quy luật nhân quả tự nhiên.

Những người có tội sở dĩ được sự quan tâm của Đức Chí Tôn cũng vì Ngài quá thương yêu chúng sanh còn khờ dại, nên đến dạy dỗ, dìu dắt trở về nẻo chánh đường chơn, hầu sau này có thể qui hồi cựu vị. Trước những sự ưu ái của Ngài, chúng ta, những người mới cải tà qui chánh phải biết các tội tình đã sai phạm và xin nguyện ăn năn sửa đổi, chừa bỏ việc quấy, từ nay về sau không bao giờ tái phạm nữa. Như thế mới thực sự là sám hối bước trên con đường tu tập, nguyện niệm để hưởng hồng ân.

Thời kỳ chuyển luân sang Thượng Ngươn Tứ Chuyển, Đức Chí Tôn cùng các Đấng lo cơ quan cứu độ chúng sanh giữa biển khổ. Con thuyền bát nhã Đại Đạo đã đến thế gian để rước người biết ăn năn sám hối tội lỗi, hữu công tu tập, hết lòng vì giọt từ bi rơi nơi quả cầu này, hầu rửa sạch tội tình oan gia, lại lập công thi thố.

Đại Đạo như là một chuyến dò chiều, cứu vớt người hữu căn. Nếu vẫn chưa tỉnh thức, còn mê đắm chôn hồng trần, chẳng chịu thức giục lên đò cứu khổ thì chắc chắn sẽ bị trôi theo dòng nước, luân hồi khổ ải vô biên.

“Vui thay! Mừng thay! Cả nhân dân đều biết Đạo, duy còn một chút ít mà thôi. Từ đây ta hết dạ hết lòng mà lo-lắng, săn sóc chăm nom hơn khi trước nữa. Ta tỏ cho chức sắc hiểu, tại sao mà ta lo hết bổn phận. Ấy là từ đây Ngọc-Đế truyền lệnh cho ta phải theo phò chư Cao đạo-hữu, nên Ta lo lắng bội phần, hơn khi trước; mỗi khi có việc chi tai biến hay có những bệnh truyền nhiễm, thì đến đây ta sẽ dạy cho mà lánh những điều tai hại”.

Lời tỏ ngộ của Ngài Thần Hoàng cho biết, dân đã biết ngộ đạo, theo đạo và tụng đạo, cũng như theo sắc lệnh của Đức Chí Tôn mà phò tá chư Thiên Mạng lập giáo, truyền Đại Đạo và có trách nhiệm bảo hộ dân chúng.

“Còn việc tế lễ cúng, ta muốn dùng đồ chay hay là cây trái, chớ sát sanh. Ta cũng tỏ cho chư chức-sắc

hiểu rằng: Tế tự là tại sao? Phàm có lòng tin mới cúng chó, cúng là lấy có lễ đó, gọi là kính trọng; chó Thần Thánh nào ăn của ai. Bởi thế nên ai dùng vật thực mà cúng tốt hơn dùng trái cây. Ai có lòng thì tế lễ chi chi ta cũng chẳng trách đặng, vì cựu lệ bày đến ngày nay - Nay ta muốn theo Thánh-ý của Ngọc-Đế”.

Việc sát sanh hại mạng nằm trong giới cấm của Đại Đạo. Thông lệ, hễ lễ đình thì cúng tế mâm cao cỗ đầy nhưng điều do sát sanh mà bày ra sự tôn nghiêm ấy. Kỳ thật, đó là việc làm tổn đức bởi do nơi sát sanh và dâng đồ vật mặn lên các Đấng.

Cựu luật đã tạo thành một nếp sống tâm linh, thờ cúng các Đấng theo nghi thức cũ sai hoàn toàn, trái với đạo luật thiên nhiên. Sát sanh hại vật và cúng tế thức ăn mặn là trái với triết lý tôn giáo.

Chuyến dò Đại Đạo là một giọt đại ân xá, cứu độ loài người trong buổi Tam Kỳ hầu mãn, để lập lại Thương Ngươn Tứ Chuyển, chắc chắn sẽ phải có cuộc thanh lọc theo cơ tạo. Chúng ta, những người môn đệ Cao Đài phải đủ đức nơi cơ quan cứu độ của Đức Chí Tôn, kịp bước lên con thuyền từ bát nhã, kéo trể thì ăn năn rất muộn.

61. VÔ ĐẠO

Chiều theo bài thứ sáu mươi một trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 22 tháng 01

năm 1927, Đức Chí Tôn dạy cứ một lòng tin tưởng mà truyền chánh giáo, mặc cho những kẻ mê muội, vô đạo, ngày sau sẽ rõ.

Vô đạo có nghĩa là sống không theo lẽ đạo lý trời đất, buông thả phạm tâm theo dục vọng, chẳng chế lòng tà, mặc cho đời cuốn vào cuộc danh lợi thế thường mà tạo ra một đời sống phi nhân, bất nghĩa. Vô đạo còn có nghĩa là không theo một chủ thuyết tôn giáo tín ngưỡng nào.

Thụ tể nhân loài ngày nay đã minh chứng cho điều ấy. Cả toàn thể loài người đã và đang dong ruổi theo duy vật văn minh tiến tiến, bỏ lại sau lưng văn hóa cổ tục, chẳng kể Trời Đất, Phật, Tiên. Trí dục loài người sai khiến nghiên cứu những điều phản lại đạo đức tinh thần và duy tâm, phản lại cơ tạo đốn. Thế thì cái khôn ngoan ấy dẫn đến cửa tử huyệt, là trí xảo vô đạo.

*“Nơi trí mình đây, đương nhiên bây giờ, chúng ta thấy cả huyền-vi bí-mật của Tạo-Đoan, một ngày kia không khỏi trí óc của loài người có điểm quang-minh cực kỳ, họ sẽ đoạt được huyền-vi ấy, bởi trí họ quá khôn ngoan, vì vật-chất, trí ấy dục họ **vô Đạo**, phản loạn lại linh-tâm và dục tánh, phản lại Tạo-Đoan” [Trích CDTLHS, bài 7].*

Từ thượng cổ đến giờ, các bậc vua chúa, công thần trị quốc thành công là vì có đạo. Chẳng có một quốc gia, xã hội nào **vô đạo** trường tồn và trị vì thiên hạ lâu dài thành tựu. Cho nên, dầu thế chế quốc gia, dầu cá

nhân muốn thành tựu, trước tiên phải thực hiện câu “đĩ đạo vi tiên”.

“Xứ này mới tiếp Thầy lần đầu nên có nhiều đũa còn để lòng nghi hoặc”.

Dẫu cho việc thông công đã có từ lâu trong nhân loại nhưng việc Đức Chúa Trời giáng thế qua cơ bút là việc làm “nghi ngại”, chưa đủ đức tin cho lắm. Lắm người trọn tâm dạ thành, một lòng tin tưởng nơi quyền Chí Tôn cao cả cũng vì có hạnh duyên trong sự tương phùng ưu ái. Giáng thế của Đấng Thượng Đế có thể làm cho nhiều bậc trí giả lấy làm hoài nghi.

“Các con cùng Thầy vì lòng bác ái, chẳng nài khó nhọc đến truyền Chánh-Đạo; mặc tình những đũa vô lương, các con cứ một đường đi tới; sự phải sự quấy sau này chúng nó sẽ rõ”.

Con đường lập giáo Cao Đài rất gian truân, trải qua bao nhiêu phong sương, gió bụi, chịu đủ mùi, đủ cảnh, đứng trước nhiều làn tên mũi đạn, bao nhiêu thế lực chống phá, mưu toan đánh đổ nền đạo Cao Đài. Nhưng quyền năng Thiêng Liêng luôn luôn che chở. Quyền bính của Đấng Tạo Hóa có thể tạo được địa cầu thì có thể hủy diệt. Nhưng Đức Chí Tôn muốn có bàn tay con người cùng quyền sở định Thiêng Liêng để hầu tạo trường công quả cho con người thi thố thiên phận.

Cầu đạo, hiểu đạo, thi hành đạo do nơi bản tâm tinh ngộ của mỗi người. Dầu Đức Chí Tôn có huyền diệu mấy cũng chẳng ban phép để toàn thể con người

thức tỉnh. Sống thiện là bằng chân tâm, không phải bằng quyền phép cưỡng cầu. Do vậy, buổi đầu cơ bút truyền đạo của Đức Chí Tôn cùng chư Đại Thiên Phong rất vất vả.

Người vẫn bất chánh, vô lương, đa nghi, bán tín, bán nghi nhưng Đức Chí Tôn đa phần thu nhận để độ rồi sau này, vẫn cứ truyền chánh giáo và để nhơn sanh học hỏi, tự biết biệt phân nên hư, phải quấy, chọn lựa đức tin hay nghi hoặc.

“Cho phái Nữ vô Thầy dạy. Chư Ái-Nữ. Thầy vì Tam-Kỳ Phổ-Độ chẳng phân cao thấp, sang hèn, Thầy chỉ khuyên một điều là Đạo hạnh các con phải giữ hàng ngày cho nhằm phương pháp nhơn-đạo, tức là Tứ-Đức đó vậy, các con hiểu à”.

Trong cửa Tam Kỳ Phổ Độ và đứng trước quyền năng của Đức Chí Tôn, nam cũng như nữ, đều là con cái của Người, chẳng biệt phân sang giàu, nghèo hèn. Nếu ai lấy tính chất ấy ra mà phân biệt trong cửa đạo, tức là đi ngược lại tôn chỉ, nghịch lại Thánh ý Đức Chí Tôn, chưa hiểu đúng chơn lý Đại Đạo.

Cả môn đệ nam hay nữ phải biết đạo lý rõ ràng, phân biệt đúng sai, tu sửa **đức hạnh** cho hoàn toàn để hành cho trúng đạo làm người, đó là **nhơn đạo**. Có xong bề nhơn đạo mới mong tiến đến con đường thiên đạo. Riêng về nữ phái, phải lo vẹn tròn Tứ Đức.

Nữ phái theo Không Giáo phải giữ **Tam Tùng-Tứ Đức**. Tam Tùng gồm tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử.

Người con gái trong quan niệm Nho Giáo rất kín đáo, phải giữ “khuê môn bất xuất”, nghĩa là ở trong nhà thì nghe lời cha mẹ, là **tùng phụ**. Lớn lên, khi được định hôn nhân gã cưới thì phải theo chồng và lo cho chồng, là **tùng phu**. Lỡ phải chồng qua đời, phải giữ trinh tiết, hạnh đức lo nuôi con lớn khôn, không nên tái giá, ấy là **tùng tử**. **Tứ Đức** tức là công, dung, ngôn hạnh. **Công** là chăm lo, quán xuyến công việc gia đình. **Dung** là giữ thân mình trong sạch, tốt đẹp, nét na, thùy mị. **Ngôn** là biết dùng lời nói chân thật, dịu dàng, đoan chính. **Hạnh** là ngay thẳng, nhân ái, đức hạnh nghiêm trang trong mọi việc.

“Nền nhơn luân của con nhà Nam-Việt chẳng lắm, mà tại các con hay nhiễm thường tình mà hư hoại, nên chi Thầy phải nhắc lại cho các con đừng làm nữa, nghe các con!”

Từ xa xưa, tổ phụ ông bà đã hấp thụ văn minh tôn giáo hòa quyện vào một thể tính với phong hóa nhà Nam. Nên nhơn luân của Việt Nam chẳng phải lạc lắm. Văn hóa tây phương du nhập và nảy sinh ra nhiều điều rối ren, làm cho tánh nét của người phụ nữ không đoan trang, nét na theo tính chân phương và lễ giáo như cổ Nho.

“*Nam phái vào. Các con nghe cho rõ, thường ngày các con trông thấy những điều trái tai gai mắt, các con có biết vì tại sao chẳng?*

Như kẻ làm quan ý quyền ức hiếp dân lành, đũa ngu nghịch cha phân bạn, làm rối luân thường, các con có biết vì tại sao chẳng?... Tại vô Đạo”.

Từ nguyên nhân vô đạo dẫn đến những điều trái luân thường đạo lý. Bao nhiêu viễn cảnh đau thảm cũng do nơi vô đạo. Đại Đạo là một nền tôn giáo có sứ mạng đem lại ánh sáng cho nhơn loại, lấy đạo đức tinh thần để phục dựng lại những điều băng hoại của thế giới, dựng Nam Phong để làm chuẩn nho Nhơn Phong. Vì thế, với vai trò của người môn đệ Cao Đài, trước phải sửa mình cho nên phận, sau mới làm gương cho nhơn loại.

Nếu đã là môn đệ Cao Đài, không rõ đạo hạnh, chẳng biết triết lý Cao Đài, chẳng biết sửa mình, không làm gương làm sáng danh đạo mà còn nghịch thiên lý, trắng đen đảo lộn, thị phi bất phân thì chính chúng ta là người có lỗi với đạo và các Đấng Thiêng Liêng, tức là vẫn giữ nét vô đạo mặc dù đã trở thành môn đệ Cao Đài.

62. BẾN TRẦN

Chiếu theo bài thứ sáu mươi hai trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyên quyển một, giáng ngày 26 tháng 01 năm 1927, Đức Chí Tôn dạy tu hành để giải thoát kiếp luân hồi, mê muội phải chịu tội tình muôn kiếp.

Cuộc đời trần gian là cõi tạm, là quán trọ ven đường. Trần gian hay quán trọ là danh từ để chỉ nhân gian nơi chúng sinh đang sống. Người sống bất quá trăm năm hoặc hơn chút đỉnh cũng phải bỏ xác. Có người vài chục năm, có người chỉ vài tháng hoặc vài ngày. Thời gian ngắn hay dài, tất cả cũng sẽ phải tay không rời quán trọ. Đây là một chân lý, một sự thật của kiếp người.

Chúng ta đang hiện hữu với nhau, cùng tương hội ở đây là vì còn mê trần, chưa đủ khế cơ tu học, chưa đạt được trình độ cao nên phải tiếp tục rời quán trọ này sang quán trọ khác. Cũng vì con mê luyến, chưa khai ngộ, khai tâm, lẫn quần trong tình người mê muội, thù hận, đấu tranh, giận hờn, thị phi, chưa hoàn toàn làm xong phận sự tu học để hồi hương, hưởng cảnh hằng sống, thoát ly cảnh sinh tử luân hồi máy tạo.

Nếu đã thấm nhiễm ý nghĩa của cuộc đời một cách đầy đủ, có lẽ con người sẽ chung sống với nhau trong một tình liên đới, tương thân, bảo bọc, sốt ruột, sẽ bù, cùng nhau nắm tay nhau vượt qua những nhọc nhằn của kiếp sanh. Nên quán trọ chỉ là tạm bợ, không phải là nơi thật của sự sống vĩnh hằng của con người.

*“Thuyền khơi đợi gió lướt giòng ngân,
Dẫn khách Nam qua khỏi bến Trần
Nhuộm áo nâu sông về Cực-lạc
Trau gương trí-huệ phủ đai-cân.
Cơ Trời đến buổi đời thay đổi,
Đạo Thánh nhằm khi khách gọi nhuần.
Khổ hạnh dầu ai thìn một kiếp;*

Rừng tòng thoát tục sớm đưa chân”

Con thuyền Đại Đạo của Đức Chí Tôn đã đến cội trần này, chờ những luồng gió lớn mạnh phi thường để lướt dòng thoát bến khổ, về bến giác. Muốn lên thuyền, con người phải phủi cân đai, mùi trần tục mà nhuộm áo nâu, đem thân học hỏi, trau tria trí huệ, bước kịp cơ trời biến chuyển thay đổi. Chơn đạo đã mở ra, nhơn sanh phải biết tỉnh thức, gọi nhườn đạo đức, chịu khổ hạnh phụng hiến cả kiếp sanh thì mau chân thoát tục.

*“Đạo Trời khai ba lượt, khách tục lỗi muôn phần,
khách trần ai vẫn lấy sự vui vẻ vô vị chón sông mê này
mà quên trọn các điều đạo đức của các Đấng Thánh
trước Hiền xưa”.*

Các Đấng Thánh trước, Hiền xưa cũng vì thương chúng sanh, cũng vì lệnh Đức Chí Tôn mà hạ phàm, lập phương pháp cứu đời. Biết bao lần lao công, nhọc trí vì sự khổ não đau thương của sanh chúng. Ngược lại, con người vẫn mãi mê chạy theo thường tình, quên lời đạo đức, vui dập giữa chón hồng trần một cách vui vẻ.

Các bậc giác ngộ thì sợ nhân, chúng sanh sợ quả. Biết nhân đi liền với quả, người giác ngộ luôn tạo thiện phước trong giữa đời thường, gieo nhân lành, gặt quả phước. Còn người mê thì đến khi gặp quả ác rồi mới sợ và than khổ. Đây là sự khác biệt giữa người mê và người giác.

“Chung đỉnh mãng tranh giành, lợi danh thường chác buộc, kiếp phù sanh không mấy lát, đời giả dối chẳng là bao”.

Phú quý vinh hoa vẫn là mỗi nhữ con người. Vì thế, con người tự quán mình trong mỗi tơ rỗi ren, dằng tìm cái phù du ảo ảnh, của cái vật chất thế gian rồi tiến đến tranh giành, hơn thua. Có ngờ đâu, mảnh thi hài này là hư cấu, công khanh phú quý, vật chất phù ba như se cát đã tràng, kiếp sống như ngọn đèn trước gió, thấp thoáng xuyên qua, thu mãn thì cũng trả về cho tứ đại giả hợp. Rốt lại, sự hư vô vẫn là hư vô.

“Sanh đứng làm người, trót đã mang vào mình một vai tuồng đặc biệt, đã chẳng lo bước hành trình cho xong, mà đắp bồi nợ mảnh hình hài, ngọn rau tác đất, lại chác lăm điều phiền não ưu sầu, lấy Thánh-Đức gọi là chơi, mượn hành tàng vô nghĩa mà làm cho vừa lòng bất lương”.

Tân tuồng kiếp sanh chẳng phải để đùa vui trước thế cuộc thiêng liêng mà để tán hóa, thoát mùi tục lụy. Hành trình ấy mang nhiều nợ hình hài, nợ quốc gia, nợ xã hội nhưn quần. Phải thi ân, bố hóa, sống cho có ích cho bạn đồng sanh thì may ra trả được ơn ấy mà thôi. Nếu chỉ dụng lòng bất lương để thỏa chí tang bồng, phiêu bạt, say sưa giữa tuồng đời, lại lấy thánh đức cõn bọt thì ôi thôi, kiếp sanh chúng ta ra lẽ đường nào.

“Mỗi chúng ta kiếm con đường hữu ích, cái hữu ích cho bạn đồng sanh của mình, hề thấy mình ăn thì

bạn mình mất ăn; mình mặc thì bạn mình mất mặc, tức nhiên chính mình, mình cũng giành sống với họ. Xét đoán mình không có hữu ích chi đối với họ cả, mà trái ngược lại mình làm tội ác, mình làm khổ não cho họ mà thôi. Bởi vì mình giành giật cái sống họ để bảo thủ cái sống của mình, mình phải giành cái sống của họ kia kìa thành ra mình không hữu ích gì hết” [Thuyết Đạo của ĐHP, phần Bí Pháp, bài 06].

Nếu sống có ích cho mình thì thiệt cho thiên hạ. Thành thử mình sống thiệt phận là tạo hạnh phúc, nhượng cái quyền, cái hơn cho thiên hạ, ấy là hy sinh, phụng sự, sống có ích. Chỉ sống như thế mới bồi đắp bao ngàn kiếp sanh và nợ của chúng ta giữa cõi trần, bến tạm này. Chủ nghĩa của Đức Chí Tôn vẫn hằng dạy sự hy sinh, tạo an lạc, hạnh phúc cho nhơn sanh trong đường đạo, lẫn đường đời. Có như thế, chúng ta mới đượm đạo lý yêu thương, thâm mùi bác ái.

“Cái xuân kia chẳng đợi người mà bước đời càng gay trở; lần qua thổ lạng ác tà, bóng thiêu quang nhật-thúc; con đường hy vọng chẳng biết đâu là cùng mà bước đời xem đà mòn mỏi; sự thác vô tình sẽ đến mà vẽ cục sanh ly, pha màu tử biệt, làm cho sự vui vẻ giàu sang, danh vọng, đều thành ra một giấc huyền lương, rồi đây vĩnh biệt ngàn năm, tội tình muôn kiếp”.

Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng duy nhất mong muốn con người thức tỉnh, ăn năn sám hối, quay đầu hướng thiện, thực hành những lời đạo đức của các

Thánh trước, Hiền xưa trong đời sống, chớ chẳng đợi thời gian thoáng đưa.

Nếu cứ mãi xoay quanh cục tình, hoàng hôn lặng tắt, kiếp sống càng ngăn ngại, mòn hơi, sức kiệt, thì đến khi tắt hơi, hồn lìa khỏi xác, cảnh phân ly ưu sầu, bao nhiêu danh vọng vật chất trở thành vô vị. Cả kiếp sanh như một giấc mộng huỳnh lương, như bèo dạt mây trôi. Thế thì còn lại linh hồn và tội lỗi. Chúng ta phải chịu đọa đày trong khổ ải vô biên, lăn trôi luân hồi khổ, muôn trùng thăm sâu đo.

“Đài nghiệt cảnh là nơi rọi sáng các việc lỗi lầm, bước luân-hồi sẽ dẫn vào nơi u khổ cùng sâu mà đọa đày đời đời kiếp kiếp. Ấy là buổi chung qui của khách trần đó”.

Bên trần là quán trọ, thực thực, hư hư. Nếu tội tình chùng chất, say đắm thế tình, vô minh tham ái thì con đường đưa đến cửa luân hồi vì Thiên Lý luôn soi sáng, chân lý rạng ngời, thiện ác phân minh, luật Thiên điều luôn công bình thưởng-phạt. Rời quán trọ, khách trần chỉ còn lại tội và phước trước công bình thiên đạo. Mê say giữa bụi hồng thì đời đời vùi lấp trong đọa đày.

“Nguồn Tiên, Đạo, Thánh, điu bước nhơn sanh, tránh tội lỗi, lìa nẻo vạy, bước đường ngay, mà lặn vào nơi Cực-lạc an nhàn, rừng tòng suối lặng, nước thăm non xanh, để mình vào bực thanh cao, thoát khỏi chốn luân-hồi ràng buộc; ai mau bước đặng nhờ thân, ai

luyện trần cam chịu khổ. Đạo Trời màu-nhiệm, khá biết xét mình sau khỏi đều tự hồi”.

Nguồn Tiên, nẻo Thánh đó là chuyến đò Đại Đạo mà Đức Chí Tôn đã đem đến cho loài người một hồng ân để phục sinh trong thánh chất của Đức Ngài. Biết nguồn cội đặc ân, chúng ta nên tránh tội lỗi, xa vạ tà, cứ đường ngay Đại Đạo mà bước tới, định lối sống đạo mực thước vào chốn thanh cao.

Cơ trời màu nhiệm, chẳng chờ một ai. Ai nhanh chân tự hồi thì kịp chuyến đò, ai chậm chân, hứa hẹn, còn quyền luyện hồng trần, đành cam chịu trễ chuyến thuyền từ bi. Ai cho mình tự thanh cao, tự có khả năng thoát tục chẳng nhờ đạo lý Đại Đạo màu nhiệm, sau ăn năn cũng muộn. Ai tin vào huyền diệu nơi cơ chuyển đạo, tin vào Thánh Giáo như một **chân truyền** thì hữu duyên, và phải cố gắng mình vươn lên.

Bến trần là cõi khổ. Muốn thoát khổ, con người phải thọ khổ, giải khổ, mới mong thoát khổ. Muốn vậy, chính con người phải có đức tin nơi tôn giáo, tin nơi cơ cứu khổ của Đức Chí Tôn, mới mong thoát bến mê, về bến giác. Nếu cả thế gian biết được nẻo thiện đức, chắc rằng không còn những cảnh khổ. Nhân loại cũng vì văn hóa, tập quán và tâm lý mà chia phe, nghịch lẫn nhau, đến cảnh tranh đấu không ngừng. Đức Chí Tôn đem ngọn đuốc chơn lý nơi bến tục này để mỗi người thấy ánh sáng.

63. CÔNG QUẢ

Chiếu theo bài thứ sáu mươi ba trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 31 tháng 01 năm 1927, Đức Chí Tôn mừng cho toàn thể đã gắng công vun đắp nền đạo và khuyên răn công cho đến cùng tận con đường.

Công quả là cái kết quả tốt đẹp được hưởng, khi làm những việc thiện lành giúp đỡ cho đời hoặc Đạo. Theo luật tự nhiên, hễ có công thì ắt phải có quả.

Người nào giúp đỡ kẻ tàn tật, người nghèo khổ hoặc đến Chùa Thất làm công việc với lòng tự nguyện, tự giác, thì đó là công việc mang lại kết quả tốt cho mình, cho người, nên được gọi là công quả. Vì vậy, công quả thể hiện đức lòng từ bi.

Công quả trường thi Đại Đạo khai,

Thiên ân đệ tử niệm Cao Đài.

[Thơ Huệ Phong]

Tất cả những việc làm giúp người, giúp đời, phụng sự đạo pháp gọi là công quả. Ngày Đức Chí Tôn lập **trường thi công quả**, tức nhiên là nơi diễn ra một cuộc thi cử, để chấm đậu hay rớt hầu chọn lựa được người xứng đáng dựa vào công quả.

*“Ngày qua thắm thoát, nhật thúc bóng quang-âm
xuân mãn kể xuân về, nước non màu vẫn cũng như xưa,
mà tâm hạnh hơn tình biết bao thay đổi”.*

Thời gian nhật thức, bóng thiêu quang vẫn thoi đưa, bốn mùa xuân hạ thu đông vẫn xoay. Điều quan trọng nhất đối với Đức Chí Tôn là con cái Người có thay đổi hay chẳng, hay vẫn như xưa, hoặc tâm hạnh dần dần biết hồi ngộ, lánh vạy tà, tìm con về với ánh sáng Đại Đạo, hoặc giả còn đắm say mùi thế tục.

“Một xuân qua tức là Đạo một lần bước chóng; ngày này năm ngoài vẫn ra sao, mà đến ngày nay màn Chánh-Giáo đã dim-dà, xủ khuất bóng trần, gương tri-huệ rạng ngấn soi khách tục”.

Cũng vì khách tục không nhận ra bến trần khổ ải, chẳng biết con đường thoát khổ trong khi cơ chuyển pháp thời mạt hạ dần đến hồi kết thúc, Đức Chí Tôn mới mở nền Chánh Giáo. Kẻ phàm, người trí cũng vẫn mê man trong mùi trần thế. Nhờ chánh pháp Đại Đạo mở ra, thức tỉnh nhơn loại nên bóng trần gian phủ ánh sáng trí huệ do ngọn cờ đạo.

Đấng Tạo Đoan định khuôn khổ càn khôn mới tạo dựng theo luật hình của Ngài. Lập đạo Cao Đài, Ngài cũng lấy khuôn khổ ấy, lập luật pháp và quyền hành tại thế, đặt trong Thánh Thể của Ngài, tức là Hội Thánh, để đủ phương cứu khổ nhơn sanh.

*“Thầy mắng cho các con đã chịu lao tâm, tiêu tứ mà vun đắp nền Đạo, làm cho mỗi tương thân tương ái càng khăng-khít vững bền; **rán công** thêm nữa mà đi cho cùng bước đường của các con đã chịu lắm nhọc nhằn, vạch lối chông gai, dìu nhơn hậu-tấn”.*

Phương pháp lập đạo của Đức Chí Tôn là sở cậy các Đấng Thiên Mạng cầm phước chiêu hồn, rồi gồm lương sanh lập thành Thánh Thể Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn đã đến một cách lặng lẽ, bằng huyền diệu cơ bút tiên gia, Đức Ngài làm chủ mỗi Đạo. Ngài lại quy hợp phần tử thiện căn để thay Đức Ngài trong cơ quan hữu hình, lập Thánh Thể thay thế hình ảnh Ngài để thực hiện các sứ mạng cứu vớt sanh linh. Tôn Giáo Cao Đài không phải chỉ dành riêng cho dân tộc Việt, mà phải cứu độ toàn thể các sắc dân trên thế giới, không phân biệt chủng tộc, giống nòi, màu da tôn giáo trên nguyên tắc “Thiên Đạo công bình giải thoát” và một “Thế Đạo nhơn nghĩa đại đồng”.

Chức Sắc Thiên Phong là người phải có trách nhiệm cầm phước chiêu hồn, diu dắt chúng sanh thoát khổ, đem rải hồng ân của Thượng Đế khắp nơi. Chính cái hung bạo, nên Đức Chí Tôn mở Đạo để độ rồi. Nếu đòi thiện lương, chẳng hề nhọc công, nhọc lòng đến Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng nơi cửa hư linh. Vì vậy Chức Sắc Thiên Phong đã được chọn lựa để hóa chuyên con người vô minh, miệt thị, coi thường nền Đạo, chạy theo văn minh vật chất, chẳng hề chú trọng tâm linh tinh thần, mãi mê say đắm nơi chốn sông mê, đưa đời đến trường tranh đấu thảm cảnh.

Cả chư Chức Sắc Thiên Phong của Hội Thánh, đầu cơ quan Hiệp Thiên Đài, cơ quan hành chánh Cửu Trùng hay cơ quan phổ tế Phước Thiện cũng phải thực hiện bảo tồn nền chánh Giáo của Đức Chí Tôn Đạo Cao

Đài sản xuất do một chơn lý cao trọng tối thượng, nên phẩm Thiên Phong phải biết con người trông giọt nước Cam Lộ của Thiêng Liêng để giải cái thảm cảnh, khổ nạn tâm hồn như sanh. Chức Sắc Thiên Phong phải thực hiện hoàn toàn đúng giá trị của phẩm Thiên Phong để nền đạo thiết hiện, ban vui, cứu khổ cả thể xác lẫn tâm hồn.

Do vậy, từ ngày cơ bút chuyển động, con cái Đức Chí Tôn đã quy tụ, gom hợp lại thành một khối tin ngưỡng, tuyệt đối tin vào Đấng Cao Cả mà truyền giáo, ra công lập giáo. Có những người đã trọn vẹn đức tin và lòng sắc son lo cho cơ đạo mà hóa người thiên cổ. Sự lao tâm, lao lực, tổn tinh thần cho đại nghiệp thì đó là một hào sản thiêng liêng, Đấng Cao Cả sẽ ban thưởng xứng đáng. Có chư Chức Sắc Đại Thiên Phong cầm cờ, làm gương tương thân, tương ái, bảo bọc, cùng nhau quản sóc chơn giáo cho hậu nhân nên mới có mối đạo Cao Đài ngày nay.

Cơ bút của Đức Chí Tôn đã xa vắng, chư Thiên Mạng cũng đã cõi hạc quy Thiên, hoàn thành những sứ mạng lớn lao, hội hiệp nơi cửa Thiêng Liêng Hằng Sống, để lại cho thế hệ môn đệ Cao Đài hậu sinh trọng trách nối nghiệp, noi chí anh linh mà làm cho nền đạo càng đi đúng tôn chỉ, mục đích và phổ rộng ra.

Chúng ta cũng không quên lời Thánh Giáo Đức Chí Tôn, không quên được công ơn của chư Đại Thiên Phong. Vì thế, chúng ta càng khẩn khít nhau hơn trên đường đạo, giữ tình bác ái thương yêu nhau không cùng

để nổi nghiệp đạo, có trách nhiệm trước sự vinh tồn của nền Đại Đạo, nhất là bảo thủ nền chơn giáo của Đức Chí Tôn. Thứ hai, phải trọn mình phụng hiến, tức là rán **lập công** cho hoàn toàn, giữ đời, giúp đạo, trau giũa trí huệ theo mục thước Cao Đài.

64. TRÍ ĐỘ PHI PHẠM

Chiều theo bài thứ sáu mươi bốn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 31 tháng 01 năm 1927, đàn cơ tại Thánh Thất Cầu Kho, Đức Chí Tôn dạy con người cần phải rán ra khỏi vòng tục lụy, cần có trí độ phi phạm mới xứng đáng bậc làm người giữa thế.

Trí độ phi phạm là sự hiểu biết, nhận thức và khôn ngoan chẳng phải tầm thường. Phạm sống ở đời, khoảng cách giữa quân tử và tiểu nhân rất xa nhau, nhưng cũng lắm gần. Kẻ ác lương và người có trí độ và lòng từ bi rất xa, nhưng cũng có những hành vi lập lừng khó phân định thiện ác, bởi tiểu nhân cũng có trí và dụng cái trí ấy để phục vụ cho thói đời gian trá. Hơn nữa, người quân tử muốn thăng đăng khí nộ và phạm tình, phải có sự phi phạm để hoàn toàn vượt qua ngưỡng mức đến địa vị quân tử thiện lành.

*“Cơ Trời Thầy không lẽ tỏ ra đây, song các con nên biết xét mình là đứng vào địa vị tối cao hơn muôn loại, nên các con phải có **trí độ phi phạm** thì mới có đủ tư cách làm người”.*

Đức Chí Tôn không hoàn toàn hé lộ toàn bộ mật nhiệm nhưng Đức Ngài dặn dò và mong muốn môn đệ của Ngài phải đạt được điều ấy, phải xét lấy mình, cầu học và tấn hóa hơn nữa cho xứng đáng địa vị làm người. Nếu chẳng phải thế, hóa ra tư cách kia chẳng đủ xứng. Phận là người, phải luôn “trí giả tự xử” để cầu toàn, cao hơn muôn vật. Một khi nâng mình lên địa vị cao trọng, đức hạnh hoàn toàn, tức nhiên đã có trí độ phi phạm, mà có trí độ phi phạm mới mong thắng đặng những sự phạm tình.

“Các con nên biết Thầy sanh ra mỗi chủng tộc đều có đặc biệt một phần linh diệu riêng, mà cũng vì nhơn loại không chịu khó tìm tòi cho ra lẽ thiên nhiên, cứ thấy những điều cận lợi mà quên hẳn lương tâm; chẳng hay thương mà hay chém giết lẫn nhau; sanh phương tiện thông đồng không muốn, lại tìm kế sát hại lẫn nhau”.

Cả thế giới có nhiều sắc dân khác nhau, mỗi dân tộc có một đặc tính văn hóa riêng biệt, tạo thành tinh hoa tổng hợp nhiều nét đặc sắc trong một đại thể. Đức Chí Tôn đã tạo ra loài người như thế theo một đặc tính thiên nhiên nhưng vốn loài người chẳng tìm hiểu mà tạo thành trường công kích, hơn thua, chê bai, đến đối nghịch lẫn nhau.

Lương Tâm là một ánh linh quang diệu chiếu trong mọi thời gian và không gian khi đủ điều kiện. Cho nên, Đại Đạo là một “hiện tượng” bao hàm triết lý hoàn vũ, như một hiện hữu căn bản vốn có sẵn trong lòng mỗi

người trên khắp hoàn cầu, hướng đến một sự hiệp đồng, đưa dân nhơn sanh hướng thiện.

*“Bởi có cho nên họ đi kiếm cái ngã tướng của họ, biết lấy họ mà thôi, cái thuyết ấy ở bên Châu Âu ông Pythagore và các nhà Triết Học bên Âu Châu đã tìm được chơn lý ấy, tiếng Pháp gọi là: Conscience, là chỉ người tìm biết lấy ý thức **lượng tâm** người thôi. Họ thử nghĩ cái đường lối sanh sống với bạn đồng sanh của họ là một trường hợp giả dối không có cái gì thiệt trước mắt họ hết. Chính mình cái sống của họ cũng giả với họ, tức nhiên họ biết cái mảnh thân của họ dối gạt họ”* [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6 bài 1].

Bởi thiếu lương tâm mà loài người chỉ muốn tạo ra những phương tiện hại nhau, kết liễu lẫn nhau để vẽ nên một cảnh phân ly, pha màu tử biệt. Giá như con người dụng lương tâm, lấy trí thức, tinh thần, trí độ phi phạm để làm nên những sợi dây thương yêu, kết chặt tình thân ái, làm nên một bức tranh đại đồng, con người chắc chắn hưởng cảnh thái bình, hưởng khúc âu ca, lạc nghiệp, không còn vương vào nghiệp quả toàn nhơn loại.

“Ngày giờ thôi thúc mà các con còn dụ dụ giữa chừng - Nền Đạo cao thâm là mấy, trí phạm không thấu lý sâu; nếu các con chẳng ra khỏi vòng trần tục, thì các con chẳng là luống công theo Thầy kể đã đầy năm”.

Cũng bởi loài người vô minh, vô đạo, chơi vơi giữa dòng bể khổ, Đức Chí Tôn mới khai một nền Chơn Giáo Đại Đạo để cứu vớt sinh linh. Đạo vốn cao thâm

diệu vợi, quý giá như giọt nước thánh, rưới ban giữa thời khô hạn. Chúng sanh mãi còn phân vân, chần chờ, chẳng quyết đoán, chẳng có đầy đủ tín ngưỡng, chẳng thoát trí phàm lự thì chẳng thể mong chi thoát cảnh trần tục.

“Kiếp trần ai lắm nỗi vầy vò, các con ở nhàm thời đại này gặp đặng lắm cuc tân toan, nên mới để ý vào đường Đạo-Đức. Nếu chẳng vậy thì các con cũng đã như ai, đem thân vùi dập trong chốn lợi quyền, tranh tranh cạnh cạnh biết ngày nào rồi?”.

Ai biết con đường đạo đức, cố gắng nâng niu mỗi đạo, tức là sợ kiếp phù ba lắm khổ đau mới đem thân trau giồi mà mong thoát khỏi chốn đời chua nghiệt. Ai bỏ đạo thì mãi chịu những vầy vò thế tục, chịu ngàn đắng muôn cay mai sau vì như hắc ám, vô minh để thân nơi sự cạnh tranh lợi-danh-quyền, xa cội đạo đức.

Cảnh tượng của đời là hòa nhau bợ đỡ cái quyền hành cao trọng để được lợi, thấy sang thì nịnh, thấy giàu thì nâng. Đến khi người chẳng còn quyền hành, họ chẳng được lợi quyền chi, họ trở nên khi rẻ, chẳng bợ đỡ, chẳng mon men theo mà ngược lại làm một hành tàng phản trắc vô đạo.

“Ấy vậy các con phải lưu tâm mà chân hưng mỗi Đạo; ấy là kế bảo tồn quốc túy, lại là phương thoát tục”.

Nguồn đạo là dòng suối rửa mạch sâu, cứu vớt chúng sanh thoát vòng bê khổ nên phải tô vẽ nền đạo cho hoàn toàn thành tựu. Có đạo, gia đình mới được tề gia, mới có thể bảo tồn quốc hồn quốc túy, mới tới cảnh

đại đồng, bình thiên hạ. Như thế ấy, con đường thoát tục mới mong vẹn toàn.

“Nếu ta thấy được cõi Hư Linh kia, cái tình của vạn loại bị giết chóc một cách tàn nhẫn, bởi loài người kết oán thù thâm với nó, chực chờ thù ghét, vì vậy mà có vay trả luân hồi mãi mãi đọa đày, bất năng thoát tục” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Muốn tránh đặng “bất năng thoát tục”, xa lìa vay vay-trả trả, bỏ sự tàn nhẫn, kết oán thâm thù thì chỉ có trau dồi đạo đức, nương bóng từ bi, nương theo bút vẽ của Đức Chí Tôn, làm môn đệ Đức Ngài để xa bề khổ, lập trường cứu khổ đặng diệt phàm tâm, bước sanh cõi thánh.

“Nếu các con vì Đạo Thầy là Đạo gìn công-lý mà biết mấy sự đó tránh đi, và rủ nhau hiệp làm mỗi Đại-Đồng, thì chẳng những thuận lòng Trời, mà hơn-loại đặng gọi nhuần ân-huệ”.

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đã cho con cái Ngài biết là Đấng Toàn Năng do khí Hư Vô sanh ra và là chủ của Phật, Pháp Tăng. Nền Đại Đạo với chủ thuyết quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, đem bí pháp giải thoát tận độ cho các bậc Nguyên Nhân và Hóa Nhân đoạt pháp, thực hiện được Đệ Tam Hòa Ước ký giữa Trời và Người, không cho sanh chúng bội phản lời cam kết với Đức Thượng Đế, giữ chánh pháp Đạo Đạo Tam Kỳ không biến thành phàm giáo, bảo tồn nền văn minh tôn giáo cứu nhân loại trong bảy trăm ngàn năm, tương

cây cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa Đại Đồng, thực hiện **Luật Thương Yêu** và **Quyền Công Chánh**.

Nền đạo Cao Đài là mối đạo gìn giữ công lý. Con người cần hiệp tâm, chung trí, lấy **trí độ phi phạm** lập thành sự nghiệp đại đồng mới mong thuận Thiên ý, lại được ân hồng, huệ gọi nơi trần tục này. Đường trần bên tục chứa đầy khổ đau, vì thế muốn vượt qua những trắc trở, thăng đặng phạm lực, con người phải đủ tuệ minh phi phạm, tô điểm nền Đại Đạo để toàn nhơn loại hưởng đặng đặc ân của Đức Chí Tôn.

65. ƠN CỨU ĐỘ

Chiếu theo bài thứ sáu mươi lăm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 01 tháng 02 năm 1927, Đức Ngài Thượng Chương Pháp Nguyễn Văn Tương cho biết ơn cứu độ của Đức Chí Tôn và khuyên nhủ khá coi trọng Thiên vị trong nền Đại Đạo.

Cứu độ là giúp cho người khác như một con đò đưa qua sông, khoát khỏi những khổ đau, lụy phiền. Đạo Cao Đài có Thánh Thể hiện tướng, thực hiện một thiên mạng cứu độ toàn thể nhơn sanh đang khổ sở trước cảnh mạt pháp hậu kê.

Đức Chí Tôn đến thời “tam kỳ” để cứu độ chúng sanh còn chơi vui nơi biển khổ. Đức Ngài đến để gom con cái của Người lại, chọn những người ưu tú, lập Thánh Thể đại diện cho Ngài để điều hành nền tân tôn giáo.

Trong quá khứ, nhân loại đã từng ký hai hòa ước với Thượng Đế nhưng đều phản bội. Ngày nay, Đức Chí Tôn cho thực hiện đệ tam hòa ước, Trời-Người đồng ký để thực hiện chủ nghĩa Bác Ái-Công Bình trong cơ ân xá quy hiệp toàn thể tín ngưỡng Nhơn loại trong một học thuyết tân tiến nhất, phù hợp với sự đòi hỏi tiến hóa của Nhơn loại về mặt triết lý và tinh thần để dựng nập học thuyết “thế giới đại đồng”.

Rõ ràng chúng ta thấy, đã hai lần con người đã giao ước với Thượng Đế nhưng các nền tôn giáo đã theo thời gian, chánh pháp thất sách, Ngọc Hư Cung và Lôi Âm Tự đã bác cổ, tu nhiều nhưng đắc đạo chẳng bao nhiêu. Đức Chí Tôn vì lòng đại từ, đại bi, đại ái mà lập chủ nghĩa cứu độ ân xá, lập nên Đại Đạo Tam Kỳ để xá độ chư chúng sanh quy hiệp trong một con đường. Đức Ngài buộc chúng sanh phải ký bản hòa ước thứ 3 này trong thời Hạ Nguồn hầu mãi, để tiến đến cuộc điem đạo Đại Hội Long Hoa.

Theo bản hòa ước trên, Thượng Đế đã hứa với Nhơn Loại và ngược lại. Nếu chúng sanh thực hiện theo cam kết Đệ Tam Thiên-Hòa Ước thì phải vào cửa Đại Đạo, tụng Luật Pháp Tam Kỳ, lo khắc kỷ phục lễ, thực hiện cho ra chơn tướng bốn chữ Bác Ái-Công Bình. Nhơn loại tu theo Tân Luật thì phải thực thi **Luật Thương Yêu** và **Quyền Công Chánh** để phổ độ cho toàn thể chúng sanh. Lấy mặt công chánh, chẳng nghiêng chẳng lệch, phải công bình thiên đạo và phải thương yêu cả vạn linh theo khuôn khổ của Đức Chí

Tôn. Chỉ như thế, con người mới thực hiện trọn vẹn lời cam hứa cùng Đức Đại Từ Bi.

Ngược lại, khi nhơn loại thực hiện bản hòa ước này hoàn toàn, Đức Chí Tôn ân xá, chắc hẳn Đức Chí Tôn sẽ ban ân tứ, thoát khỏi luân hồi, nhập vào cửa Thiêng Liêng Hằng Sống bằng các phẩm vị thiêng liêng tương xứng với công nghiệp tu hành. Trong bản ký trên, Đức Chí Tôn vì quá thương nhơn loại nên đã cho phép con người hưởng một đặc ơn ân xá “tu nhất kiếp, ngộ nhứt thời” để trở về nước hằng sống.

“Hi chư Đạo-Hữu, chư Đạo-Muội. Mừng... Mừng... Mừng... Vui... Vui... Vui...Đại phước cho cả nhơn sanh, đại hạnh cho địa cầu số 68 này” [Ngài Thượng Chương Pháp].

Cơ bút của Ngài Chương Pháp Thượng Tương Thanh cho biết nhơn loại tại mặt địa cầu 68 này rất nên vinh hạnh vì được Đức Chí Tôn giáng lập nền Đại Đạo Tam Kỳ để thực hiện cơ **cứu độ** đại ân xá.

“Hại thay! Luật Thiên nhiên chiếu theo Kinh Luật thượng cổ để lại quan sát hẳn hoi, dỡ sách ra coi thấy thế nào, sau thế ấy, bánh xe tiến hóa vẫn đi, xây một hướng một chiều. Bản Đạo e cho loài người mãi miệt tội lỗi đó càng nguy hại cho loài người hơn nữa, nên Chí Tôn lập Đạo Cao Đài là Đền Thờ cao trọng đức tin to lớn, ngự trước thiên lương loài người mới có thể thắng cơ quan Thiên điều định trước” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1, bài 36].

Điều ấy đã minh chứng nhân loại quả địa cầu 68 này thọ ơn cứu độ, hưởng được đại hạnh của Đức Chí Tôn, Đức Ngài đã quy tụ khối đức tin to lớn, lập nên một đền thờ Cao Đài rồi đặt trước khối thiên lương loài người để loài người tỉnh thức. Chẳng bằng có cơ quan cứu thế, con người sẽ xoay quanh trong nhiều tội lỗi, mãi trong vòng tội tởn trần tục.

“Em còn phải công quả phổ-độ mới đặng vào Tam-Thập-Lục-Thiên, nhờ Đại-Từ-Phụ cứu độ em”.

Theo Thánh Giáo, Đức Chí Tôn cho biết, dưới có 72 quả địa cầu và loài người đang ở quả địa cầu 68. Trên nữa là Tam Thiên Thế Giới, cao hơn nữa là Tứ Đại Bộ Châu, mới tới Tam Thập Lục Thiên. Chót cùng là Bạch Ngọc Kinh hay cõi Niết Bàn.

Ngài Thượng Chương Pháp được Thiên phong và hành đạo trên dưới ba tháng thì quy vị. **Nhờ ân hồng cứu độ** của Đức Chí Tôn mới đặng địa vị như vậy. Đức Ngài còn phải lập công thêm đặng nữa mới đến cõi Tam Thập Lục Thiên.

Điều ấy đã minh chứng rằng luôn luôn có ơn cứu độ của Đức Chí Tôn, hằng gìn giữ lo lắng với lòng đại từ, đại bi, muốn cứu vớt con cái của Ngài. Điều nữa, gặp Tam Kỳ Phổ Độ phải lập công bồi đức, không thế này, thì thế kia thì địa vị thiên liêng mới cao trọng đặng.

“Khuyến nhủ cùng chư huynh, khá coi Thiên vị mình là trọng vì là của báu vô giá; con sut-sè đường Đạo, xin nhớ lấy danh em, cự chống cùng tà ma quỷ mị cám dỗ”.

Ở cõi trần gian, của cải, vật chất và vinh hoa phú quý, địa vị quyền uy là quý nhưng chẳng bằng cái quý của đạo đức. Đạo đức vẫn thua tín ngưỡng tôn giáo. Tín ngưỡng ấy chưa bằng đạt địa vị Thiên phong, ấy là của quý vô giá, không chi sánh bằng. Có Thiên phong mới gắng bước cho cùng đường, lập công phổ độ nhơn sanh để đắc Thiên vị.

Tất cả chúng sanh đều là con cái của Đức Chí Tôn. Muốn duy trì nền đạo, anh trước em sau đi đầu đến trước Đức Thượng Đế, buộc phải lập chánh thể đạo, nên mới có phẩm tước hữu hình để điều hành mỗi đạo. Hễ là môn đệ Cao Đài, cố gắng tuân khuôn luật Đại Đạo, lo sửa mình, tu thân, đưa mình vào con đường phụng sự chơn pháp đạo thì Đức Chí Tôn đưa tay đi đầu, ra ơn cứu độ.

“Tương đây, công cán chẳng chi mà cònặng địa vị này, hướng lựa là mấy anh độ rồi toàn cả Cửu-Nhị-Nguyên-Nhơn, thì phẩm tước sẽặng trời thêm thế nào. Xét lấy đủ vui lòng mà hành Đạo”.

Đại Đạo mở ra để cứu độ cửu nhị ức Nguyên Nhân đang con đọa lạc, trở về cựu vị, đưa chúng sanh quay về bờ thiện lương. Cho nên, sứ mạng của đạo Cao Đài rất đổi quan trọng. Toàn thể môn đệ Cao Đài cũng thế, cũng là phần tử lấy trong Chánh Thể, nên chúng ta lấy làm vinh hạnh, hội ngộ nơi cửa từ bi của Đức Chí Tôn để hưởng ơn cứu độ của Đức Ngài.

66. BAN PHÉP LÀNH

Chiếu theo bài thứ sáu mươi sáu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 01 tháng 02 năm 1927, Đức Chí Tôn giáng khen tặng chư Chức Sắc và ban phép lành cho toàn thể chúng sanh.

Trong cửa Đạo Cao Đài, “Ban Phép Lành” là một nghi thức, một bí pháp mang giá trị thiêng liêng mà Đức Chí Tôn hay Đức Phạm Hộ Pháp thực hiện, để vận chuyển điển quang thiêng liêng ban rưới cho con cái Đức Chí Tôn làm thánh hóa các điển trước, giúp cho chơn thần con người sáng suốt, nhẹ nhàng, dần bỏ những vô minh mà tầm trên con đường Đạo Lý.

Đêm giao thừa ngày 30 tháng 12 năm Bính Dần [1926] tại chùa Gò Kén, nơi thiết Lễ Khai Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn giáng cơ cho Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm và biểu giơ cơ cao lên và kêu từng người chun qua cơ để Đức Chí Tôn ban phép lành.

“Bản đạo và anh Cao Thượng Phẩm phò loan cho Đức Chí Tôn đến. Đến rồi, vừa ký tên của Ngài (ký đặc biệt) cho chúng tôi hiểu. Ngài xách hai đĩa đứng dậy hết, không biết làm gì, xô ra chính giữa, rồi viết trên không vậy, đoạn biểu cả con cái của Ngài đều chun ngang dưới cơ đó hết đặt Ngài “Ban Phép Lành”. Khi xong, hai đĩa đứng dậy, mỗi người đều chun dưới cơ vậy hết. Hễ chun qua, Ngài vẽ gì đó không biết trên đầu mỗi người. Đó là cái huyền bí của Đại Từ Phụ, mình

không hiểu gì hết. Tôi chùng ròi lại kêu: “Tắc, con coi đó đặng bắt chước Thầy nghe” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Như vậy, nghi thức ban phép lành trong thể thức Cao Đài đã ra đời mà sau này Đức Phạm Hộ Pháp cũng có nhắc lại mỗi lần Đức Ngài thuyết giảng về những yếu lý, bí pháp, ân huệ thiêng liêng của Đức Chí Tôn dành cho con cái của Người.

“Thầy ban ơn trọn cả các con, dầu không có mặt tại đây cũng vậy. Thầy giở cơ lên, các con đều chun ngang qua cho Thầy ban phép lành”.

Những ngày năm tháng đầu của nền đạo, tuy chưa hội đủ các chơn căn và chư thiên mạng trong các đàn cơ, nhưng Đức Chí Tôn luôn phủ hồng ân, ban phép lành cho toàn cả môn đệ dầu không hiện diện trong đàn thiết lễ cầu cơ. Điều đó đã chứng minh lòng yêu ái, thương yêu, chở che, hộ trì của Đức Đại Từ Phụ đối với môn đệ.

Nghi thức ban phép lành từ ấy đã trở nên phổ dụng trong nghi tiết thiên ân, phủ phước, chan rưới điển lành trong cửa đạo mà sau này, với vai trò là Hộ Pháp, Đức Ngài Phạm Hộ Pháp đã được Đức Chí Tôn mặc nhiên truyền dạy cách thực hiện và Đức Hộ Pháp đã thi hành lời dạy trong suốt cuộc đời.

“Bản Đạo vâng mạng lệnh của Đức Chí Tôn, đêm nay Bản Đạo Ban Phép Lành cho toàn cả con cái của Ngài Nam, Nữ. Cả thầy cầu nguyện Đức Chí Tôn chan rưới “Hồng Ân” Thiêng Liêng, Hồng Ân của Ngài rải khắp cho con cái Nam, Nữ” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Điều trên đã quá rõ, Đức Hộ Pháp đã trọn vẹn được giao phó sứ mạng ban phép lành cho toàn thể các môn đệ Cao Đài. Tuy nhiên, chúng ta nên hiểu một khía cạnh rất thiết yếu mà bất kể ai cũng phải nhận định rằng Đức Phạm Hộ Pháp vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn Ban Phép Lành, tức nhiên Đức Phạm Hộ Pháp đã được Đức Chí Tôn truyền bí pháp để thực hiện bí tích nhiệm màu, ban phép lành cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn được miễn huệ, tinh tấn giựt tiến trên con đường đạo.

Như vậy, bí pháp đào độn, điển lực vận chuyển theo lý “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Và chẳng, tâm không định, trí không an, huyền pháp phép lành cũng chỉ tồn tại trên mặt từ ngữ mà không tiếp đặng ân huệ thiêng liêng rưới nước ma ha, chẳng tiếp được sự vận chuyển pháp luân của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng ban cho.

“Thầy cầu cho các con đặng ngoan Đạo như Thơ vậy, sửa mình cho nên chí Thánh, vì Đạo năm nay sẽ rõ thấu hoàn-cầu”.

Đặng được Đức Chí Tôn, Đức Hộ Pháp ban phép lành thì toàn thể môn đệ chẳng thể trì hoãn trên đường đạo, phải ngoan hiền, thi hành phận sự đối với cá nhân và trách nhiệm của môn đệ đối với nền đạo. Chẳng phải nhập môn, ăn chay, làm lành là đủ mà phải theo lời dạy của Đức Đại Từ Phụ, sao cho đức hạnh trở nên chí thánh. Nền đạo sẽ truyền bá rộng hoàn vũ, nên trách nhiệm của toàn thể tín đồ cũng nặng nề chùng ấy.

“Môn-đệ tăng thêm hằng hà sa số, phận sự các con lại càng nặng nề hơn nữa, nhưng các con nhớ biết thương Thầy, mà hãy thương Thầy thì ắt thương Đạo, mà biết thương Đạo thì thương hết chúng-sanh. Các con biết Thầy là trọng thì biết trọng Đạo, mà hãy trọng Đạo thì cũng phải trọng cả chúng sanh”.

Đạo không riêng nội Nam Phương mà thôi, đạo phải phổ độ khắp hoàn cầu để cứu độ sanh chúng. Huyền diệu thiêng liêng sẽ khiến thu nhận nhiều môn đệ, tránh nhiệm gánh vác của Hội Thánh và chư Chức Sắc cũng càng tăng lên dường ấy. Nói một cách phổ quát theo cơ quan tận độ, cả chư môn đệ của Thầy, ai cũng có trách nhiệm, cũng như quyền hạn độ đời.

Dĩ chí từ Chức Sắc cao cấp tới tín đồ, hãy biết kính trọng Đức Đại Từ Phụ thì biết trọng đạo. Mà trọng đạo phải thương toàn cả chúng sanh. Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa hòa bình, hạnh phúc, an lạc, hướng đến tâm trí khoan thai, ấy là cội phúc cho cá nhân và mầm móng để khơi được đạo màu của Đức Chí Tôn cho sáng rộng.

“Trong tháng giêng này, Thái-Bạch sẽ hội Nữ-Phái đặng lập cho hoàn toàn, Thầy trông công các con lắm đó”.

Đức Lý lập nữ phái trong năm 1927. Vì vậy, tất cả môn đệ Cao Đài phải nhọc công, cố gắng độ rồi chúng sanh vào cửa đạo. Pháp Chánh Truyền Nữ Phái được

Đức Lý giảng ban vào ngày 09 tháng 01 năm Đinh Mão [1927].

Buổi đầu, Đức Chí Tôn muốn phé Pháp Chánh Truyền Nữ Phái nhưng con cũng đồng con, bao nhiêu nam thì cũng bấy nhiêu nữ. Nhưng Đức Ngài lại giao cho Đức Lý lập Pháp Chánh Truyền Nữ Phái. Do vậy, nữ phái chỉ đến phạm Đầu Sư là tối vị.

“Thầy lập Đạo năm rồi ngày này, thì môn-đệ của Thầy chỉ có 12 đĩa, mà bốn đĩa đã vào nơi tay Chúa-Quí, chỉ còn lại tám”.

Đức Chí Tôn xuống thế gõ cửa từng nhà, chặt chiu, nâng niu từng đĩa con một để lập nên Thánh Thể. Đạo khai năm 1926 và thu nhận 12 môn đệ đầu tiên, đến năm 1927 duy chỉ còn lại 08 môn đệ. Sự khảo đảo, thử thách của người tu chẳng thể nào không có, nên phải chịu mát mát, chịu đau lòng mà nhìn rơi rớt vào tay Chúa Quý.

Đức Chí Tôn hằng ban phép lành, độ rỗi luôn luôn nhưng điều đó không có nghĩa là người môn đệ chỉ dựa vào thánh ân mà trọn đạo. Ngược lại, mỗi người phải tự ý thức con đường đạo, vững tâm lèo lái con thuyền của cá nhân cho vững bền trước những phép thử của tà quyền, phải bền tâm, hùng tâm, dũng mãnh, giữ chí kiên định, trụ đầy đủ đức tin nơi quyền năng thiêng liêng thì mới có thể lướt qua bão táp phong ba, xứng đáng làm môn đệ yêu ái của Đức Đại Từ Phụ.

“Trong tám đĩa còn lại thì còn một đôi đĩa biếng nhác mà không hành Đạo, Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dầu cho một vị Phật Tiệt lớn giáng thế đi nữa, cũng chưa có phương chi mà độ hơn bốn muôn sanh linh, nhờ tay có 6 đĩa môn-đệ trong một năm cho đặng bao giờ”.

Đã mất bốn, còn lại tám nhưng còn vài người không phổ độ chúng sanh. Nên chỉ còn đôi ba môn đệ yêu ái, chấp chương quyền hành, tuân mệnh lệnh Đức Chí Tôn, chịu cúi mình thiết phận để làm bàn tay cho Đức Chí Tôn gây dựng đại nghiệp Đại Đạo.

Nhờ bàn tay của sáu môn đệ mà có thể tạo dựng được một khối đức tin Cao Đài sừng sững trước quốc thể. Ấy cũng nhờ quyền năng tối của của Đấng Chí Tôn Cao Cả mới chuyên hóa, diêu động mà độ đặng đường ấy chúng sanh vào trường Cao Đài.

“Thầy vui mừng, Thầy khen tặng hết cả bốn muôn Môn-đệ của Thầy. Thơ con đã ngoan Đạo, mà sự ngoan Đạo của con đó còn độ lắm kẻ. Thầy khen con”.

Sự ngoan đạo của tín đồ là điều cần thiết tối trọng, đóng góp vào cơ hoàng dương chánh pháp Cao Đài. Điều ấy tối quan trọng vì nếu đã trở thành môn đệ Cao Đài mà không rõ luật pháp, chống đối Hội Thánh, đi nghịch lại Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, nghịch mạng lệnh Thánh Thể Đức Chí Tôn, đó chẳng khác nào đưa tay chịu trói trước luật Thiên Điều đã chờ sẵn nơi cõi hư linh.

Đức tin trọn vẹn nơi quyền năng Đức Chí Tôn thì phải thi hành phận sự của mỗi môn đệ, khép mình vào khuôn phép Đại Đạo, làm bàn tay cho Đức Chí Tôn, trọn dâng tam thể xác thân cho Ngài tùy nghi sử dụng. Như thế ấy, phương pháp ban phép lành của Đức Đại Từ Phụ và Đức Hộ Pháp mới có thể làm chuyển hóa đời sống của mỗi tín hữu Cao Đài. Bằng không, dầu có phép mầu chí linh, cao cả thì sự phản trắc, nghịch phản là con đường dẫn vào tay của tà mị mà thôi.

67. SẮC PHỤC NỮ PHÁI

Chiếu theo bài thứ sáu mươi bảy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển một, giáng ngày 01 tháng 02 năm 1927, Đức Lý ban sắc phục nữ phái.

Sắc phục nữ phái là lập Pháp Chánh Nữ Phái Cửu Trùng Đài, do chính Đức Lý ban sắc phục. Buổi phôi thai khai đạo, Đức Hộ Pháp phải phân vân đôi đường lưỡng lự giữa sự giáo hóa của Đức Chí Tôn và Đức Lý. Đức Lý thoái vị trách nhiệm Giáo Tông và đến khi Đức Chí Tôn triệu hồi Đức Lý tái thủ quyền hành, cho Hội Thánh tổ chức thiết lễ đăng điện long trọng để Đức Lý trở lại, Đức Lý giáng ban sắc phục nữ phái. Điều đó đồng nghĩa gắn liền với tịch đạo nữ phái.

“Buổi ấy rất biến đổi, đến chùng Ngài triệu hồi Đức Lý trở lại, rồi Đức Chí Tôn không thể gì phản kháng với Ngài nữa Ngài thường nhắc cả toàn Hội Thánh Hiệp Thiên và Cửu Trùng làm lễ đăng điện cho

long trọng khi Ngài tái nhậm phận sự rồi Ngài lên ngôi vị của Ngài, Ngài cầm cơ viết: Tôi tưởng không có vị Vua Chúa nào viết được bài diễn văn như Ngài; trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có 4 câu thi của Ngài rất ngộ nghĩnh:

“Cửu tử kim triều đắc phục hườn,
Hạnh phùng Thiên mạng đạo khai nguon.
Thế trung kỳ tử hà tri tử,
Tử giả hà tôn chủ “tịch hương”
[Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3 bài 12].

Tạm diễn nghĩa rằng, nhơn loại đã chết từ lâu rồi nhưng nay chúng ta lại được phục sinh lại trong thánh chất của Đức Chí Tôn, có hữu hạnh đặng làm trách nhiệm Thiên mạng để khai nguon. Thế gian từng sợ chết nhưng chẳng hiểu chết là chi, đã chết nhưng thực ra vốn tồn tại để đặng hưởng tịch đạo nữ phái.

“Hội Thánh nghe Lão ban sắc phục cho Nữ-phái; nghe và từ đây xem sắc tốt ấy mà hành lễ theo đẳng cấp”.

Thời kỳ thứ nhất, Trời đã khai tịch đạo Thanh Hương cho toàn môn đệ nam nữ. Giai đoạn này, chính Đức Lý ban sắc phục theo Pháp Chánh Truyền Nữ Phái Cửu Trùng Đài.

“Nữ-Phái phải từng Đâu-Sư Nữ-Phái, song từng quyền của Giáo-Tông và Chưởng-Pháp”.

Theo Pháp Chánh Truyền Đại Đạo, nữ phái tối vị là phẩm Đầu Sư. Nên, toàn thể phái tùng quyền Đầu Sư nữ nhưng toàn thể Chức Sắc nữ phái phải tùng quyền Giáo Tông và Chương Pháp nam phái.

“Đầu-Sư Nữ-Phái cũng phải chịu công cử theo luật Hội-Thánh ban hành, theo luật lệ Hội-Thánh ban xử đường đời và đường Đạo”.

Nam phái hay nữ phái đều hành đạo tuân thủ theo luật lệ Hội Thánh ban hành. Luật công cử chư Chức Sắc nữ phái cũng do theo ấy mà thăng thưởng, cầu phong.

Tóm lại, sắc phái nữ phái từ đây đã có chuẩn mực dựa vào Pháp Chánh Truyền nữ phái và các quy định của Hội Thánh. Đó là một ân huệ thiêng liêng của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng cao trọng. Kiếp sanh không dễ gì ngộ nền chơn giáo của Đức Chí Tôn, nhưng may duyên chúng ta được hội ngộ nơi cửa này. Kiếp sống vốn làm cho ta nặng nề, khô não về tinh thần, vật chất những phải có trí độ phi phạm để vượt lên mọi thường tình mà thọ lãnh, nương gươm trí huệ về với ánh sáng của Đức Chí Tôn.

Phái nữ đôi phen tưởng chừng đã bị phế vì Đức Lý đã truất phế ngôi phận. Ngay cả Đức Hộ Pháp cũng không phương chi bảo trọng phái nữ, nhưng may mắn thay nhờ hồng ân của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, là một vị đại Thiên Phong nữ phái cao cấp đã biết thương giống nòi, thương phái nữ, luôn bảo trọng và chở che, bênh vực để phái nữ có thể sánh cùng nam phái.

“Bà Nữ Đầu Sư hồi còn tại thế này cũng vậy, hay về cõi Thiêng Liêng cũng vậy thương em lắm, thương phái nữ lắm, Bà binh vực bảo trọng từ khi mới mở Đạo, biết bao phen Đức Lý Giáo Tông đã phần nộ, chính mình Bàn Đạo cũng không thể binh vực được mà còn có thể ghét nữa mà chớ. Duy có một mình chị binh vực bảo trọng phái nữ còn tồn tại đến ngày nay, bằng không thì bị phé rồi, bị Đức Lý phé rồi đó” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.5 bài 11].

HẾT QUYỂN 1

MỤC LỤC

1. Mười hai môn đệ cao đài đầu tiên của đại đạo tam kỳ phổ độ	6
2. Tâm quan trọng của thủ cơ và chấp bút	10
3. Đức chí tôn gồm lương sanh và khởi sự dạy đạo.....	16
4. Cách lạy và cơ siêu phàm nhập thánh	21
5. Chánh-tà và đạo đức.....	28
6. “Đạo” chính là đức chí tôn và cơ hoằng dương phổ độ	35
7. Cơ qui nguyên và tam kỳ phổ độ.....	37
8. Cuộc thiên phong đầu tiên.....	41
9. Ngũ chi đại đạo của đức chí tôn	47
10. Cuộc thiên phong lần thứ hai	56
11. Phật giả vô ngôn	61
12. Thánh tâm của bậc nguyên nhân	64
13. Thất kỳ truyền.....	68
14. Sự sai dịch của các thánh tông đồ	75
15. Nghi tiết sắp lễ-nhạc đại đạo	83
16. Trường công đức của đức chí tôn.....	93
17. Đức chí tôn dạy trần pháp ngày khai đạo	100
18. Nữ phái trong cao đài	104

19. Thọ truyền bửu pháp và trai giới.....	108
20. Sự chết và lẽ hằng sống.....	116
21. Sự cần yếu trau dồi hạnh đức.....	125
22. Giới tà dâm.....	130
23. Sự chơn thật và giả dối.....	132
24. Phương chước tà mị và đạo đức.....	141
25. Khai tịch nam phái.....	150
26. Cơ tả đạo.....	155
27. Tước phẩm thiên đạo.....	161
28. Hạnh khiêm nhượng.....	168
29. Quả cần khôn và bảy cái ngại.....	176
30. Quốc đạo.....	184
31. Nghiệp quả và tà quyền.....	191
32. Cử chỉ người hành đạo.....	197
33. Cơ chuyển thể tận diệt.....	203
34. Lòng nhân từ của đức chí tôn trong cơ lập pháp...209	
35. Gương đạo đức trong cách ăn bận.....	215
36. Phản tiên vi hậu.....	218
37. Chánh trị đời-chánh trị đạo.....	228
38. Tội lỗi của loài người.....	237
39. Sự hy sinh.....	252

40. Thưởng-phạt thiêng liêng là lẽ công bình thiêng liêng	259
41. Huyền diệu của kiếp luân hồi	271
42. Phẩm thiên phong đại đạo	279
43. Điều giữ tâm trí	285
44. Đặc ân thiêng liêng và lời cầu nguyện	294
45. Nam nữ phân minh	301
46. Đạo đức và hồi ngộ.....	303
47. Sống khổ-thác vui.....	310
48. Thành tâm hành đạo	316
49. Tinh thần liên lạc giữa các dân tộc.....	321
50. Thiên cơ và sự cảm ứng	329
51. Chuyển kiếp và tu hành đúng nghĩa	334
52. Giá trị hữu hình và giá trị vô vi.....	344
53. Giá trị của tân luật	350
54. Nét vạ tà là cái nơi thiên luật.....	357
55. Thi thố phận hèn.....	365
56. Bền chí và khổ công.....	372
57. Cách dâng tân luật	379
58. Đạo đức thắng hung bạo.....	384
59. Giới tử.....	390

60. Chuyển đồ đại đạo.....	394
61. Vô đạo	401
62. Bền trần	406
63. Công quả.....	413
64. Trí độ phi phạm	417
65. Ôn cứu độ	422
66. Ban phép lành	427
67. Sắc phục nữ phái	433

Kỷ niệm ngày khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Đây là bản thảo, chờ chỉnh sửa, bản quyền sẽ dâng
lên Hội Thánh.

Tài liệu lưu hành nội bộ.

Khai Tâm Quách Minh Chương – 2022